BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Sơn La, tháng 12 năm 2024

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ

(Kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2023)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Đỗ Hồng Đức	Phó Hiệu trưởng, Phụ trách Trường	Chủ tịch	
2	TS. Hoàng Ngọc Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	TS. Đặng Thị Hồng Liên	Trưởng khoa KHXH	Phó Chủ tịch	
4	PGS. TS. Phạm Anh Tuân	Trưởng Bộ môn Địa lý, Khoa KHXH	Thư ký	
5	TS. Khổng Cát Cương	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
6	TS. Vũ Mạnh Cường	Trưởng phòng TC-HC, Thư ký Hội đồng Trường, Chủ tịch CĐCS	Thành viên	
7	TS. Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng KHCN&HTQT	Thành viên	
8	TS. Nguyễn Duy Hiếu	Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng BĐCL&TTPC	Thành viên	
9	ThS. Lê Thị Bích Hảo	PGĐ Trung tâm TT-TV	Thành viên	
10	TS. Dương Văn Mạnh	Trưởng phòng CTCT-QLNH	Thành viên	
11	ThS. Hà Văn Niệm	Trưởng phòng QTCSVC	Thành viên	
12	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng Bộ môn Địa lý, Khoa KHXH	Thành viên	
13	Nguyễn Thị Phương Thảo	Sinh viên lớp K64 Đại học Sư phạm Địa lý, Khoa KHXH	Thành viên	

(Danh sách gồm có 13 người)

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Phần I. KHÁI QUÁT	
1. Đặt vấn đề	1
2. Tổng quan chung	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	
Tiêu chuẩn 1	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1	13
Tiêu chí 1.2	19
Tiêu chí 1.3	27
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	34
Tiêu chuẩn 2	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 2.1	35
Tiêu chí 2.2	39
Tiêu chí 2.3	44
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	46
Tiêu chuẩn 3	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 3.1	48
Tiêu chí 3.2	54
Tiêu chí 3.3	58
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	64
Tiêu chuẩn 4	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 4.1	65
Tiêu chí 4.2	68
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	74
Tiêu chuẩn 5	76
Mở đầu	76
Tiêu chí 5.1	76
Tiêu chí 5.2	81
Tiêu chí 5.3	86
Tiêu chí 5.4	90
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	93
Tiêu chuẩn 6	94
Mở đầu	94

Tiêu chí 6.1	94
Tiêu chí 6.2	99
Tiêu chí 6.3	102
Tiêu chí 6.4	106
Tiêu chí 6.5	110
Tiêu chí 6.6	113
Tiêu chí 6.7	116
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	119
Tiêu chuẩn 7	120
Mở đầu	120
Tiêu chí 7.1	120
Tiêu chí 7.2	124
Tiêu chí 7.3	131
Tiêu chí 7.4	135
Tiêu chí 7.5	138
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	141
Tiêu chuẩn 8	143
Mở đầu	143
Tiêu chí 8.1	143
Tiêu chí 8.2	146
Tiêu chí 8.3	150
Tiêu chí 8.4	154
Tiêu chí 8.5	159
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	163
Tiêu chuẩn 9	165
Mở đầu	165
Tiêu chí 9.1	165
Tiêu chí 9.2	168
Tiêu chí 9.3	171
Tiêu chí 9.4	174
Tiêu chí 9.5	177
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	179
Tiêu chuẩn 10	181
Mở đầu	181
Tiêu chí 10.1	181
Tiêu chí 10.2	184
Tiêu chí 10.3	185
Tiêu chí 10.4	189
Tiêu chí 10.5	191

Tiêu chí 10.6	194
Kết luận về Tiêu chuẩn 10	197
Tiêu chuẩn 11	199
Mở đầu	199
Tiêu chí 11.1	199
Tiêu chí 11.2	203
Tiêu chí 11.3	206
Tiêu chí 11.4	211
Tiêu chí 11.5	214
Kết luận về Tiêu chuẩn 11	217
Phần III. KẾT LUẬN	219
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo	221
Phần IV. PHỤ LỤC	224

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ VIẾT TẮT	NỘI DUNG ĐẦY ĐỦ
1.	BCN	Ban chủ nhiệm
2.	CĐR	Chuẩn đầu ra
3.	CNTT	Công nghệ thông tin
4.	CTCT&QLNH	Công tác Chính trị và quản lý người học
5.	CTDH	Chương trình dạy học
6.	CTĐT	Chương trình đào tạo
7.	CVHT	Cố vấn học tập
8.	ĐHTB	Đại học Tây Bắc
9.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
10.	GS	Giáo sư
11.	GV	Giảng viên
12.	GVTH	Giáo viên thực hành
13.	KHCN	Khoa học Công nghệ
14.	KHXH	Khoa học Xã hội
15.	KT-TC	Kế toán - Tài chính
16.	KTX	Kí túc xá
17.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
18.	NCV	Nghiên cứu viên
19.	NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
20.	PGS	Phó Giáo sư
21.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
22.	PTH	Phòng thực hành
23.	PTN	Phòng thí nghiệm
24.	SV	Sinh viên
25.	TC	Tín chỉ
26.	THPT	Trung học phổ thông
27.	TĐTBCN	Tổng điểm trung bình cả năm
28.	ThS	Thạc sĩ
29.	TS	Tiến sĩ
30.	TT TT-TV	Trung tâm Thông tin - Thư viện
31.	SPĐL	Sư phạm Địa lý
32.	BĐCL&TTPC	Bảo đảm Chất lượng và Thanh tra pháp chế
33.	TĐG	Tự đánh giá

PHẦN 1. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Tây Bắc (ĐHTB) xác định công tác phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) là một nhiệm vụ quan trọng đặc biệt, nhằm đáp ứng chuẩn CTĐT bậc đại học (ĐH), chuẩn kiến thức và các năng lực mà người học (NH) đạt được sau khi tốt nghiệp CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) ban hành, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho các tỉnh vùng Tây Bắc và cả nước. Do đó, CTĐT ngành Sư phạm Địa lý (SPĐL) được xây dựng theo hệ thống tín chỉ, định kỳ rà soát, chỉnh sửa 02 năm 01 lần. CTĐT ngành SPĐL hiện nay được rà soát, chỉnh sửa và bổ sung vào các năm 2018, 2020 và 2022 nhằm đáp ứng yêu cầu của sự thay đổi chương trình giáo dục phổ thông (CTDGPT) môn Địa lý năm 2018 mà Bộ GD&ĐT ban hành.

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành SPĐL Trường ĐHTB

Bản báo cáo tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành SPĐL gồm 04 phần:

Phần 1. Khái quát: Mô tả ngắn gọn về cấu trúc, nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT ngành SPĐL và giải thích cách mã hóa hệ thống minh chứng; mục đích, quy trình, phương pháp và các công cụ đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan, cách thức tổ chức hoạt động quy trình TĐG CTĐT ngành SPĐL. Bên cạnh đó, phần này còn trình bày súc tích những thông tin về sự mạng, tầm nhìn, các chính sách và hoạt động bảo đảm chất lượng Trường ĐHTB và Khoa KHXH nhằm giúp người đọc hiểu được bối cảnh chung và có cái nhìn tổng thể trước khi đọc chi tiết báo cáo TĐG CTĐT ngành SPĐL.

Phần 2. Tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí: Trình bày cụ thể nội dung báo cáo TĐG CTĐT ngành SPĐL tuần tự theo 11 tiêu chuẩn (gồm 50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, cụ thể: Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT (3 tiêu chí); Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT (gồm 3 tiêu chí); Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (3 tiêu chí); Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học (3 tiêu chí); Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí); Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (7 tiêu chí); Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên (5 tiêu chí); Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học (5 tiêu chí); Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị (5 tiêu chí); Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng (6 tiêu chí); Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra (5 tiêu chí). Các tiêu chuẩn của báo cáo TĐG CTĐT ngành SPĐL đều được trình bày thống nhất theo mô típ gồm phần mở đầu tiêu chuẩn, phần đánh giá cụ thể các tiêu chí của tiêu chuẩn từ mô tả hiện trạng, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động, tự đánh giá theo các mức từ 1 đến 7 và phần kết luận chung về tiêu chuẩn.

Phần 3. Kết luận: Trình bày tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những tồn tại và những vấn đề cần cải tiến, kế hoạch và các biện pháp thực hiện cải tiến nhằm nâng cao chất lượng cùng bản tổng hợp kết quả TĐG CTĐT ngành SPĐL của Trường ĐHTB.

Phần 4. Phụ lục: Cung cấp các thông tin tổng quát về đơn vị thực hiện CTĐT ngành SPĐL; Kế hoạch triển khai công tác TĐT CTĐT; Quyết định về việc thành lập Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL trình độ đại học; Kế hoạch TĐG CTĐT ngành SPĐL trình độ đại học; Các bảng biểu tổng hợp, thống kê số liệu; Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG CTĐT ngành SPĐL của Trường ĐHTB.

Về mã hóa minh chứng và thông tin

Các minh chứng hoặc thông tin sử dụng trong TĐG CTĐT ngành SPĐL được mã hóa thống nhất bằng một chuỗi ký tự gồm 01 chữ cái, 03 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 02 chữ số có 01 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức [Hn.ab.cd.ef], trong đó:

- H: là viết tắt của "Hộp minh chứng";

- n: là số thứ tự của hộp minh chứng, được đánh số thứ tự từ 1 đến hết;

- ab: là số tự nhiên của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10);

- cd: là số tự nhiên của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10);

- ef: là số thứ tự của minh chứng của từng tiêu chí (minh chứng thứ nhất viết 01).

Ví dụ [H1.01.01.01] là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 của tiêu chuẩn 1 đặt tại hộp minh chứng số 1.

Về nguyên tắc, một minh chứng hoặc thông tin sử dụng trong TĐG CTĐT ngành SPĐL chỉ được mã hóa một lần. Minh chứng được sử dụng theo nguyên tắc minh chứng được dùng cho nhiều tiêu chí trong một tiêu chuẩn hoặc nhiều tiêu chuẩn thì mang mã minh chứng hoặc mã thông tin của tiêu chí, tiêu chuẩn được sử dụng lần đầu tiên.

1.2. Mục đích, quy trình, phương pháp, công cụ đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan và cách thức tổ chức hoạt động TĐG CTĐT ngành SPĐL

a. Về mục đích

Thực hiện các Thông tư quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, việc TĐG CTĐT ngành SPĐL giúp Trường ĐHTB và Khoa KHXH đạt được các mục đích cụ thể sau:

- Tự rà soát, xem xét và đánh giá thực trạng của CTĐT ngành SPĐL trên cơ sở sự góp ý của các bên liên quan và yêu cầu của xã hội. Đây là khâu đầu tiên quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng CTĐT giúp cho Trường ĐHTB có kế hoạch hành động cụ thể về công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT theo định kỳ.

- Xác định đúng điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi và triển khai các kế hoạch hành động nhằm rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT trong giai đoạn tiếp theo.

- TĐG CTĐT là điều kiện cần thiết để Trường ĐHTB đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức KĐCLGD.

- TĐG CTĐT thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường ĐHTB trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phù hợp với sứ mạng, mục tiêu mà Trường ĐHTB đã xác định.

b. Về quy trình

TĐG CTĐT ngành SPĐL được thực hiện theo quy định từ Điều 6 đến Điều 13 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ban hành ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Công văn số 2085/QLCT-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT. Quy trình TĐG CTĐT ngành SPĐL được thực hiện theo 6 bước cụ thể như sau:

c. Về phương pháp và công cụ TĐG CTĐT ngành SPĐL

Quá trình TĐG CTĐT ngành SPĐL của Trường ĐHTB được tiến hành trên cơ sở Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục quản lý chất lượng Bộ GD&ĐT ban hành, cụ thể:

- Công văn số 1669/QLCT-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Thực hiện công tác TĐG CTĐT, Trường ĐHTB đã ban hành Kế hoạch số 1763/KH-ĐHTB ngày 04/12/2023 về Kế hoạch triển khai công tác TĐG các CTĐT năm học 2023-2024, Quyết định số 1319/QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2023 về việc thành lập Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL trình độ đại học và Kế hoạch số 148/KH-ĐHTB ngày 29/1/2024 Kế hoạch TĐG CTĐT ngành SPĐL trình độ đại học giai đoạn 2019-2024. Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL gồm 13 thành viên và Ban Thư ký gồm 17 thành viên. Giúp việc cho Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL gồm có 06 nhóm công tác chuyên trách, mỗi nhóm gồm có 05 thành viên tham gia.

d. Về sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL của Trường ĐHTB có sự tham gia của Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường ĐHTB (Chủ tịch Hội đồng), Phó Hiệu trưởng và Trưởng Khoa KHXH (Phó Chủ tịch Hội đồng), Trưởng Bộ môn Địa lý (Thư ký Hội đồng) và các thành viên là trưởng, phó các đơn vị trong trường như phòng Đào tạo, phòng Tổ chức – Hành chính, Thư ký Hội đồng Trường, Chủ tịch Công đoàn cơ sở, phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra pháp chế, phòng Công tác chính trị - Quản lý người học, Bộ môn Lịch sử, Khoa KHXH và đại diện sinh viên chuyên ngành SPĐL của Khoa KHXH. Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL có trách nhiệm xem xét dự thảo Báo cáo TĐG và đề xuất những vấn đề, nội dung cần chỉnh sửa hoặc các minh chứng cần bổ sung và họp với các bên liên quan thảo luận và hoàn thiện nội dung Báo cáo TĐG CTĐT ngành SPĐL gửi cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục.

Ban Thư ký của Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL Trường ĐHTB bao gồm 13 thành viên là giảng viên của Bộ môn Địa lý, chuyên viên các phòng và trung tâm của Trường do Trưởng Bộ môn Địa lý làm Trưởng Ban thư ký. Ban thư ký chịu trách nhiệm giám sát hoạt động thực hiện Kế hoạch, tổng hợp các báo cáo từ các Trưởng nhóm công tác chuyên trách về các tiêu chí, tiêu chuẩn, biên tập chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Báo cáo TĐG CTĐT ngành SPĐL và có trách nhiệm gửi về Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL xem xét.

Các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng TĐG CTĐT gồm các giảng viên Địa lý, chuyên viên các phòng, trung tâm và sinh viên chuyên ngành Địa lý của khoa KHXH. Trưởng các nhóm công tác chuyên trách chịu trách nhiệm lên kế hoạch điều hành, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của nhóm tìm kiếm, sưu tầm, tập hợp, phân tích, lý giải nội hàm thông tin minh chứng, viết dự thảo đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn theo Kế hoạch số 148/KH-ĐHTB ban hành ngày 29/1/2021 và gửi về Ban Thư ký Hội đồng.

Các thành viên tham gia vào quá trình TĐG CTĐT ngành SPĐL được Trường ĐHTB tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng CTĐT và viết báo cáo TĐG, phương pháp thu thập, lưu trữ và khai thác hồ sơ minh chứng, thảo luận, trao đổi kinh nghiệm về công tác TĐG CTĐT. Các phòng, ban, khoa, trung tâm và các tổ chức của Nhà trường có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ các thành viên của Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách trong quá trình thực hiện TĐG CTĐT ngành SPĐL.

e. Về cách thức tổ chức hoạt động TĐG

Hội đồng TĐT CTĐT, Ban Thư ký và Các nhóm công tác chuyên trách thực hiện trên cơ sở quyết định, kế hoạch, hướng dẫn của Trường ĐHTB phục vụ công tác đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT, cụ thể: Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL do Phó Hiệu trưởng phụ trách làm Chủ tịch, Phó Hiệu trưởng và Trưởng khoa

KHXH làm Phó Chủ tịch cùng các thành viên là Trưởng Bộ môn Địa lý và Trưởng, Phó các phòng ban, trung tâm, đại diện sinh viên; Ban Thư ký của Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL do Trưởng Bộ môn Địa lý làm Trưởng ban và giảng viên, chuyên viên các phòng ban làm thành viên; Các nhóm công tác chuyên trách gồm các giảng viên Bộ môn Địa lý, chuyên viên các phòng ban, trung tâm và đại diện sinh viên ngành SPĐL. Các nhóm công tác chuyên trách thực hiện công tác thu thập, phân tích các minh chứng và đánh giá các tiêu chí của các tiêu chuẩn gửi Ban Thư ký viết dự thảo Báo cáo trình Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPĐL xem xét, chỉnh sửa và hoàn thiện nộp cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng Trường ĐHTB.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu chung về Trường ĐHTB

Trường ĐHTB có một bề dày lịch sử với những thành tựu đáng tự hào. Tiền thân của Trường ĐHTB là Trường Sư phạm cấp II liên tỉnh đặt ở Khu Tự trị Thái-Mèo được thành lập theo Quyết định số 267 ngày 30/6/1960 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyên và do Khu tự trị quản lý với nhiệm vụ đào tạo giáo viên trình độ trung học sư phạm hệ 7+2 và hệ 7+3 cung cấp nguồn nhân lực cho ngành giáo dục các tỉnh vùng Tây Bắc. Đến năm 1962, Quốc hội ra Nghị quyết đổi tên Khu tự trị Thái-Mèo thành Khu Tự trị Tây Bắc, Trường cũng được đổi tên thành Trường Sư phạm cấp II Khu tự trị Tây Bắc. Đến năm 1972, Bộ Giáo dục ra quyết định công nhận Trường Sư phạm cấp II Khu tự trị Tây Bắc là Trường Sư phạm cấp II (10+3) Khu tự trị Tây Bắc. Đến năm 1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TW ngày 20/9/1975 quyết định về việc giải thể Khu tự trị Tây Bắc thành lập các tỉnh trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị hành chính vùng Tây Bắc. Trên cơ sở đó, Bộ trưởng Bộ giáo dục đã ký ban hành Quyết định số 836/QĐ đổi tên gọi của Trường thành Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc và trực thuộc Bộ giáo dục. Trải qua 21 năm xây dựng và phát triển, đến năm 1981, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 146/CP ngày 06/4/1981 do Phó Thủ tướng Tố Hữu ký về việc công nhận Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc là Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc và giao cho Bộ Giáo dục quản lý.

Đến năm 2001, trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc, Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm đã ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 thành lập Trường ĐHTB với nhiệm vụ đào tạo nhân lực có trình độ đại học và cao đẳng, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ công chức, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, triển khai các dịch vụ kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của vùng Tây Bắc. Trải qua 64 năm xây dựng và phát triển (1960 – 2024), từ một trường sư phạm với nhiệm vụ trọng tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp giáo dục cho các tỉnh Tây Bắc, Trường ĐHTB đã vươn lên trở thành một trường đại học mang tính vùng và đa ngành đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ phục vụ cho khu vực và cả nước mà còn đào tạo

nguồn nhân lực các ngành nghề cho nước bạn Lào. Ghi nhận sự đóng góp của Trường ĐHTB với sự nghiệp cách mạng chung của cả nước, Đảng và Chính phủ đã trao tặng Nhà trường các phần thưởng cao quý như Huân chương Lao động hạng Ba (1980), Huân chương Lao động hạng Nhì (1999), Huân chương Lao động hạng Nhất (2010) và Huân chương Độc lập hạng Ba (2010). Đến năm 2021, Trường ĐHTB đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục của Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam ra Quyết định số 139/QĐ- KĐCLGD ngày 24/5/2021 và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục công nhận Trường ĐHTB đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo các điều kiện tại Điều 6, Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về cơ cấu tổ chức, nhằm đảm bảo sự phát triển, đáp ứng yêu cầu xã hội, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi cũng như chiến lược phát triển trong giai đoạn mới, Trường ĐHTB đã sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo hướng giảm đầu mối, tinh gọn và hiệu quả. Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường như sau:

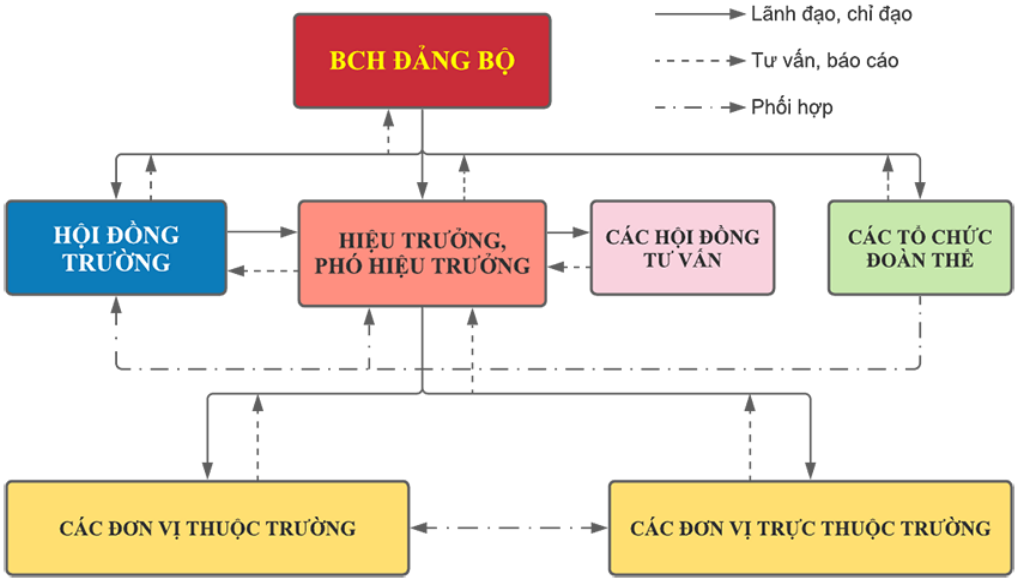

Các đơn vị thuộc Trường gồm 19 phòng, ban, khoa và trung tâm, cụ thể là: Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Đào tạo; Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra pháp chế; Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác chính trị - Quản lý người học; Phòng Kế toán – Tài chính; Phòng Quản trị cơ sở vật chất; Ban Quản lý Khu nội trú; Khoa Khoa học Tự nhiên – Công nghệ; Khoa Khoa học Xã hội; Khoa Cơ sở; Khoa Kinh tế; Khoa Nông – Lâm; Khoa Tiểu học – Mầm non; Khoa Khoa học sức khỏe; Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm; Trung tâm Nghiên cứu văn hóa các dân tộc Tây Bắc; Trạm Y tế.

Các đơn vị trực thuộc Trường gồm 10 đơn vị, cụ thể là: Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An; Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ; Trung tâm Giáo

dục quốc phòng và An ninh; Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ; Trung tâm Nghiên cứu đa dạng sinh học và Môi trường; Trung tâm Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ; Trung tâm thúc đẩy khởi sự, khởi nghiệp kinh doanh và thu hút đầu tư vùng dân tộc thiểu số; Trung tâm Đào tạo và Dịch vụ kinh tế; Trung tâm Nông nghiệp bền vững; Trung tâm Phát triển du lịch Tây Bắc.

Về đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức và người lao động, tính đến tháng 7 năm 2024, tổng số giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức và người lao động của Trường ĐHTB là 405 người, trong đó có 05 sĩ quan biệt phái và 01 biên chế được Tỉnh ủy giao. Về trình độ chuyên môn, Trường ĐHTB hiện có 04 Phó Giáo sư, 86 Tiến sĩ, 213 Thạc sĩ, 57 người trình độ đại học, 10 người trình độ cao đẳng và 17 người có các trình độ khác.

Về công tác đào tạo, tính đến tháng 7 năm 2024, Trường ĐHTB đang thực hiện 25 chương trình đào tạo trình độ đại học và chương trình đào tạo thạc sĩ. Đồng thời, Trường ĐHTB còn tham gia đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp hệ vừa làm vừa học.

Từ năm 2001 đến năm 2020, Nhà trường đã đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy cho 5.973 sinh viên; công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 17.331 sinh viên; công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ vừa làm vừa học cho 2.368 học viên; công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học cho 15.402 học viên; đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sỹ cho 322 học viên; liên kết với các trường đại học lớn trong nước đào tạo và cấp bằng thạc sỹ một số ngành học mà các tỉnh Tây Bắc có nhu cầu được 1.638 học viên. Hầu hết người học của Trường ĐHTB sau khi ra trường đều tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế, Trường ĐHTB có quan hệ hợp tác chặt chẽ với các tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và thỏa thuận hợp tác với một số trường đại học, viện nghiên cứu trong nước. Nhà trường thực hiện thỏa thuận hợp tác với 09 tỉnh Bắc Lào về công tác đào tạo trình độ đại học, sau đại học, thực hiện một số chương trình, dự án, hoạt động hợp tác với các tổ chức của Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc. Thực hiện thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Southern Cross, Trường Đại học Công nghệ Queensland và Trường Đại học Sunshine Coast của Úc. Trường ĐHTB cũng đã mời một số tình nguyện viên của Úc, Nhật Bản và Hoa Kỳ tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Trường.

Về các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục, theo Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và các quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHTB nhận thức rõ tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục. Năm 2018, Trường ĐHTB đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục theo các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày

19/5/2017. Quá trình tự đánh giá cho thấy, Nhà trường cần phải xác lập lại hệ thống BĐCL nội bộ, có kế hoạch chiến lược BĐCL giai đoạn 2018-2023 và quy định về công tác BĐCL nội bộ để kết nối toàn bộ hệ thống thực hiện BĐCL, bám sát các mục tiêu chiến lược và các tiêu chuẩn BĐCL, khắc phục những hạn chế theo khuyến cáo của Hội đồng tự đánh giá để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng và chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết thực hiện phân tầng, xếp hạng trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Đến năm 2020, Hiệu trưởng Trường ĐHTB đã ký Quyết định số 56/QĐ-ĐHTB ngày 20/1/2020 thành lập Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra pháp chế trên cơ sở hợp nhất Phòng Khảo thí và Phòng Bảo đảm chất lượng.

Đến năm 2021, Trường ĐHTB đã hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục của Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam ra Quyết định số 139/QĐ- KĐCLGD ngày 24/5/2021 và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo các tiêu chuẩn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đây là cơ sở quan trọng để Trường ĐHTB tiếp tục tiến hành quy trình tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với các CTĐT trình độ đại học theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT

Về sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục và các giá trị cốt lõi, Trường ĐHTB tuyên bố về sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường tại Nghị quyết số 39/NQ-HĐTĐHTB ngày 02/8/2022 và được thể hiện rõ trong "Chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2023 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045" (Kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐTĐHTB ngày 09/4/2023 về việc quyết định Chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2023 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045). Điều này được thể hiện rõ như sau:

Các giá trị cốt lõi của Trường ĐHTB được xác định là "Đoàn kết – Trách nhiệm – Sáng tạo – Hiệu quả" với những nội hàm cụ thể như sau:

Về mục tiêu chiến lược của Trường ĐHTB được quy định cụ thể trong Quyết định số 747/QĐ-ĐHTB ngày 20/8/2018 về Chiến lượng phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến 2030. Đến năm 2023, mục tiêu tổng quát của Trường ĐHTB được điều chỉnh bổ sung bằng Nghị quyết số 32/NQ-HĐTĐHTB ngày 09/4/2023 về Chiến lượng phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2023-2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Điều này thể hiện rõ như sau:

Bảng 1. So sánh tuyên bố mục tiêu chiến lược Trường ĐHTB

Mục tiêu	**Giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn đến 2030**	**Giai đoạn 2023-2030 và tầm nhìn đến năm 2045**

chiến lược của Trường ĐHTB	Đạt chất lượng và hiệu quả cao trong các lĩnh vực: tổ chức quản lý, xây dựng đội ngũ, đào tạo và bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường nguồn tài chính, mở rộng quan hệ hợp tác, hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng; trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng.	Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực; góp phần nâng cao chất lượng và năng suất lao động, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, tăng cường năng lực cạnh tranh cho khu vực Tây Bắc và đất nước.

2.2. Khoa Khoa học Xã hội và Bộ môn Địa lý

2.2.1. Về Khoa Khoa học Xã hội

Lịch sử phát triển của Khoa Khoa học Xã hội (KHXH) gắn liền với lịch sử của Trường ĐHTB với các tiền thân là Ban KHXH, Khoa Xã hội (1960 – 1980), Khoa Văn – Sử (1981 – 2001). Năm 2001, Trường ĐHTB được thành lập trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc. Đến ngày 21 tháng 10 năm 2002, Hiệu trưởng Trường ĐHTB ra Quyết định 140/QĐ-ĐHTB thành lập Khoa Sử - Địa đồng thời ra Quyết định số 141/QĐ-TCCB về việc điều chuyển cán bộ đối với các giảng viên chuyên ngành Địa lý ở Khoa Sinh – Hóa về khoa Sử - Địa. Khoa Văn – Sử được Nhà trường đổi thành Khoa Ngữ văn. Từ đó, Khoa Sử - Địa và Khoa Ngữ văn tiếp tục kế thừa những thành tựu đã đạt được của các thế hệ giảng viên đi trước, xây dựng và phát triển hai Khoa ngày càng vững mạnh.

Đến ngày 8 tháng 8 năm 2019, Hiệu trưởng Trường ĐHTB đã ký Quyết định số 597/QĐ-ĐHTB về việc thành lập Khoa KHXH trên cơ sở sáp nhập hai khoa là Khoa Ngữ văn và Khoa Sử - Địa. Đội ngũ giảng viên của Khoa KHXH cũng được tổ chức lại: Bộ môn Ngữ văn được thành lập theo Quyết định số 786/QĐ-ĐHTB, ngày 4/9/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB; Bộ môn Địa lý được thành lập theo Quyết định số 786/QĐ-ĐHTB, ngày 4/9/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB.

Về chức năng, Khoa KHXH là đơn vị quản lý đào tạo, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, quản lý hành chính cấp cơ sở của Trường. Khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo kế hoạch năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt và thực hiện các nhiệm vụ do Nhà trường giao khi cần thiết. Khoa có nhiệm vụ thường xuyên nắm bắt nhu cầu xã hội và thông tin quốc tế, không ngừng cải tiến nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo, đảm bảo cho sinh viên ra trường có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Về nhiệm vụ, Khoa KHXH thực hiện công tác tổ chức quản lý chung các hoạt động đào tạo, quản lý đội ngũ cán bộ, giảng viên và người học của toàn Khoa; Thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo đáp ứng tốt nhiệm vụ giảng dạy và

nghiên cứu; Chỉ đạo, lãnh đạo toàn đơn vị về công tác văn, thể, mỹ cũng như các hoạt động kết nối cộng đồng. Trong đó, các Bộ môn chịu trách nhiệm triển khai thực hiện trực tiếp các hoạt động liên quan đến công tác đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ cũng như công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Về cơ cấu tổ chức, Khoa KHXH có cơ cấu tổ chức gồm Chi bộ Khoa KHXH; Ban Chủ nhiệm Khoa gồm 01 Trưởng khoa và 02 Phó Trưởng khoa, Hội đồng Khoa KHXH gồm 01 Chủ tịch và 08 Ủy viên; 03 Bộ môn là Bộ môn Ngữ Văn, Bộ môn Lịch sử, Bộ môn Địa lý; Công đoàn Bộ phận Khoa; Liên chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khoa KHXH.

Về đội ngũ, tính đến tháng 7 năm 2024, Khoa KHXH có 28 giảng viên cơ hữu (gồm 02 Giảng viên cao cấp, 14 Giảng viên chính và 12 giảng viên) đều có trình độ cao, cụ thể: 02 Phó Giáo sư, 15 Tiến sĩ, 10 Thạc sĩ và 01 Nghiên cứu sinh đang làm luận án tiến sĩ tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Khoa KHXH còn có 06 giảng viên kiêm nhiệm (05 Tiến sĩ và 01 Thạc sĩ) tham gia công tác giảng dạy các học phần chuyên ngành SPLS, SP Ngữ văn và SP Địa lý.

Về đào tạo, tính đến tháng 7 năm 2024, các ngành đào tạo của Khoa gồm có 03 chuyên ngành đào tạo sư phạm trình độ đại học hệ chính quy là: Sư phạm Địa lý (Mã ngành: 7140218), Sư phạm Ngữ văn (Mã ngành:7140213), Sư phạm Địa lý (Mã ngành: 7140219), 01 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam (Mã ngành: 7140219). Bên cạnh đó, Khoa KHXH còn thực hiện các chương trình đào tạo liên thông đại học, cao đẳng hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học, đào tạo Tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào của toàn Trường và tham gia giảng dạy các môn Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý cho Trường TH, THCS&THPT Chu Văn An của Trường ĐHTB. Hiện nay, Khoa KHXH đang xúc tiến xây dựng đề án mở ngành đào tạo sư phạm trình độ đại học chuyên ngành Lịch sử - Địa lý và đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ Sư phạm Địa lý.

Trải qua bề dày 64 năm xây dựng và phát triển, đặc biệt 23 năm thực hiện đào tạo cử nhân trình độ đại học (từ tiền thân Khoa Ngữ văn và Khoa Lịch sử - Địa lý), đến nay, Khoa KHXH đã cung cấp hàng nghìn cử nhân sư phạm trình độ đại học cho khu vực Tây Bắc và cả nước.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, đội ngũ các giảng viên của Khoa KHXH đã triển khai nhiều đề tài cấp cơ sở, cấp tỉnh và cấp Bộ, biên soạn hàng chục đầu giáo trình nội bộ, xuất bản hàng chục đầu giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Chỉ tính riêng năm học 2023 - 2024, các giảng viên của Khoa KHXH đã và đang thực hiện 02 đề tài khoa học cấp Bộ, 02 đề tài khoa học cấp Tỉnh và 06 đề tài khoa học cấp cơ sở. Đặc biệt, các giảng viên còn nghiên cứu và công bố hàng trăm bài báo khoa học trên tạp chí khoa học của Trường ĐHTB và các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước, tham gia viết bài cho các hội thảo quốc gia và quốc tế.

Về hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng, Khoa KHXH là một trong những khoa đi đầu của Trường ĐHTB thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Khoa đều cử giảng viên tham gia hỗ trợ, bồi dưỡng kiến thức cho giáo viên phổ thông trên địa bàn tỉnh Sơn La, kết nối và hỗ trợ Bảo tàng tỉnh Sơn La trong các hoạt động quảng bá, trải nghiệm thực tế.

2.2.1. Về Bộ môn Địa lý

Bộ môn Địa lý của Khoa KHXH được thành lập theo Quyết định số 786/QĐ-ĐHTB, ngày 4/9/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB. Hiện nay, Bộ môn Địa lý có tổng số 10 giảng viên 70% có trình độ tiến sỹ.

Bảng 2. Số lượng, trình độ của giảng viên Bộ môn Địa lý

STT	Họ và tên	Số năm công tác
1.	PGS.TS. Phạm Anh Tuân	19
2.	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	19
3.	TS. Đặng Thị Nhuần	
4.	TS. Lê Thị Thu Hòa	
5.	TS. Hoàng Thị Thanh Giang	18
6.	TS. Trần Thị Thanh Hà	16
7.	TS. Đào Thị Bích Ngọc	
8.	ThS. Nguyễn Thị Huệ	
9.	ThS. Tòng Thị Quỳnh Hương	
10.	ThS. Bùi Thị Hoa Mận	

Về công tác đào tạo, dưới sự chỉ đạo của Nhà trường và Khoa, các giảng viên của Bộ môn Địa lý đã tiến hành xây dựng, rà soát chỉnh lý các chương trình đào tạo như: ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học, ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý trình độ đại học, Sư phạm Sử - Địa trình độ cao đẳng ngay từ sau khi thành. Với sự nỗ lực đó, ngay trong năm học 2004 – 2005, khóa sinh viên đại học đầu tiên là K45 Sư phạm Địa lý được tuyển sinh và đào tạo. Bên cạnh các lớp đại học Sư phạm Địa lý, bộ môn Địa lý còn tham gia đào tạo các lớp Sư phạm Sử - Địa trình độ đại học, cao đẳng và các lớp dự bị đại học. Bên cạnh công tác đào tạo đại học hệ chính quy tập trung, các giảng viên của Bộ môn Địa lý còn tham gia giảng dạy các lớp đại học Sư phạm Địa lý hệ vừa làm vừa cho giáo viên các tỉnh như Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái,… Tính đến tháng 7 năm 2024, Bộ môn Địa lý đã đào tạo hơn 1000 sinh viên chuyên ngành Sư phạm Địa lý, Sư phạm Sử - Địa, trình độ đại học và Sư phạm Sử - Địa trình độ cao đẳng phục vụ cho khu vực Tây Bắc

và cả nước. Nhiều cựu sinh viên của Bộ môn sau khi ra trường đã trưởng thành và trở thành giảng viên của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, lãnh đạo các trường THCS và THPT cũng như các sở, ban ngành của các địa phương.

Về công tác nghiên cứu khoa học, Bộ môn Địa lý là một trong những Bộ môn tiêu biểu của Trường ĐHTB trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Các giảng viên của Bộ môn Địa lý đã nghiên cứu và công bố hơn 200 bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành, chủ nhiệm và thành viên của hàng chục đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp Tỉnh và cấp Bộ. Bộ môn cũng đẩy mạnh công tác nghiên cứu biên soạn các giáo trình nội bộ, sách chuyên khảo và tham khảo phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy trực tiếp các học phần của Địa lý Việt Nam, Địa lý thế giới và Phương pháp dạy học Địa lý ở trường phổ thông. Hàng năm, các giảng viên của Bộ môn còn trực tiếp tham gia hướng dẫn sinh viên chuyên ngành nghiên cứu các đề tài khoa học cấp Khoa, cấp Trường và khóa luận tốt nghiệp bảo vệ thành công. Từ hoạt động nghiên cứu khoa học, nhiều sinh viên đã công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí và hội thảo quốc gia.

Về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, cùng với Khoa và Trường ĐHTB, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Bộ môn Địa lý được tiến hành thường xuyên hàng năm. Bên cạnh các hoạt động quảng bá tuyển sinh, giới thiệu về chương trình đào tạo và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, các giảng viên của Bộ môn còn trực tiếp tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Địa lý cho các trường THPT trên địa bàn tỉnh Sơn La. Bộ môn chú trọng tạo điều kiện và tổ chức cho sinh viên tham dự các buổi triển lãm, tham quan các di tích lịch sử văn hóa gắn liền với chương trình đào tạo.

Có thể nói, các thế hệ giảng viên có trình độ và năng lực nghiên cứu khoa học cao, Bộ môn Địa lý với đã góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của Nhà trường và vùng Tây Bắc trong hơn 60 năm qua. Những thành tựu mà Bộ môn đạt được là nền tảng vững chắc và những kinh nghiệm quý báu trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT (CTĐT) ngành Sư phạm Địa lý được xây dựng trên cơ sở những quy định chung tại Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định, thông tư hướng dẫn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cũng như các văn bản hướng dẫn của Trường ĐHTB. Các mục tiêu của CTĐT được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường. CĐR của CTĐT cũng được thiết kế rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt liên quan tới kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. CĐR cũng được xây dựng, chỉnh sửa, rà soát vào năm 2018, 2021 và 2022, có sự đóng góp của các bên liên quan và công bố công khai trên các kênh thông tin khác nhau.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Địa lý được xác định rõ ràng: CTĐT đã xác định rõ ràng mục tiêu, thể hiện qua các văn bản và minh chứng cụ thể [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Các mục tiêu này được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý vững chắc, bao gồm Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg) và Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc này đảm bảo tính hợp pháp và sự tuân thủ các quy định hiện hành của CTĐT. Mục tiêu chung của CTĐT (ban hành theo Quyết định số 989/QĐ-ĐHTB) hướng đến đào tạo ngành Sư phạm Địa lý có đầy đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, và trách nhiệm xã hội, đáp ứng yêu cầu của các cơ sở giáo dục, nghiên cứu, và doanh nghiệp. Mục tiêu này cũng nhấn mạnh tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời, phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện đại.

CTĐT cụ thể hóa mục tiêu chung thành các mục tiêu cụ thể (PO1, PO2, PO3, PO4) bao quát các khía cạnh về kiến thức (khoa học chính trị, tự nhiên, xã hội, Địa lý, giáo dục), năng lực (giáo dục, dạy học, nghiên cứu), kỹ năng (kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, truyền cảm hứng) và phẩm chất (đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng, khởi nghiệp). Các mục tiêu cụ thể này được diễn đạt rõ ràng, có thể đo lường được, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên đạt được phẩm chất và năng lực khi tốt nghiệp bao gồm:

Về phẩm chất chính trị và đạo đức: CTĐT đặc biệt chú trọng đến việc hình thành phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên. Điều này được thể hiện rõ qua các quy định về việc khảo sát ý kiến phản hồi từ nhiều phía, đặc biệt là từ nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên đang theo học và giảng viên. Các phiếu khảo sát này không chỉ là công cụ đánh giá mà còn là minh chứng cho thấy đạo đức nghề nghiệp là một tiêu chí quan trọng, được quan tâm và đánh giá cao. Những phản hồi như "Yêu nghề, tận tụy với nghề" và "Có đạo đức nghề nghiệp, lối sống lành mạnh" càng khẳng định giá trị cốt lõi này trong mục tiêu đào tạo [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Về năng lực chuyên môn: Nâng cao năng lực chuyên môn là một trong những mục tiêu trọng tâm của chương trình. Điều này được thể hiện rõ qua việc các tài liệu liên quan đều nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc rà soát, đánh giá và nâng cao chất lượng CTĐT. Các cuộc khảo sát được thực hiện với mục đích đánh giá mức độ phù hợp của chương trình với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và nhu cầu thực tế của xã hội. Hơn nữa, ma trận chuẩn đầu ra cung cấp thông tin chi tiết về các học phần, thể hiện rõ mục tiêu về kiến thức và kỹ năng chuyên môn mà sinh viên cần đạt được [H1.01.01.04].

Về trách nhiệm xã hội: CTĐT thể hiện trách nhiệm xã hội thông qua việc chủ động thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, bao gồm người học, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Mục đích của việc này là để cập nhật và điều chỉnh CTĐT, đảm bảo rằng chương trình đáp ứng tốt nhất nhu cầu của xã hội tạo. Thêm vào đó, mục tiêu của CTĐT cũng nhấn mạnh việc đánh giá mức độ phù hợp của chương trình với nhu cầu xã hội, thể hiện cam kết của chương trình trong việc đóng góp vào sự phát triển chung [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Về tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời: Mặc dù không được đề cập một cách trực tiếp, tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời vẫn là một phần quan trọng trong mục tiêu đào tạo. Việc chương trình hướng đến đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp cho thấy sinh viên được trang bị những kỹ năng cần thiết để thích ứng và phát triển trong môi trường làm việc, bao gồm cả khả năng tự tạo việc làm.

CTĐT ngành Sư phạm Địa lý được xây dựng dựa trên nguyên tắc liên kết chặt chẽ giữa các cấp độ mục tiêu, tạo thành một thể thống nhất. Mối liên kết này thể hiện ở tính thứ bậc và hướng đích, trong đó mục tiêu chung định hướng cho các mục tiêu cụ thể, và các mục tiêu cụ thể lại được hiện thực hóa thông qua mục tiêu của từng học phần. Các học phần được sắp xếp một cách logic và có hệ thống, tạo thành chuỗi phát triển liên tục, học phần trước làm nền tảng cho học phần sau. Ví dụ, kiến thức nền tảng từ "Cơ sở Địa lý Kinh tế - Xã hội" là tiền đề cho việc tiếp thu kỹ năng giảng dạy trong "Phương pháp dạy học Địa lý ở trường phổ thông". Nhờ sự liên kết này, chương trình không chỉ đảm bảo sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn Địa lý mà còn phát triển kỹ năng sư phạm và hình thành

phẩm chất đạo đức, tạo ra sự phát triển toàn diện - ba trụ cột quan trọng để đào tạo nên một giáo viên Địa lý giỏi. CTĐT cũng cho thấy sự chủ động trong việc cập nhật và điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu xã hội và yêu cầu của nhà tuyển dụng, thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

CTĐT ngành Sư phạm Địa lý được định hình bởi một hệ thống mục tiêu đa tầng, bao quát và được xác định rõ ràng. Hệ thống này không chỉ dừng lại ở mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của toàn chương trình mà còn mở rộng đến mục tiêu chi tiết của từng học phần. Mục tiêu tổng quát của chương trình là đào tạo đội ngũ giáo viên Địa lý chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của các trường trung học phổ thông, trường chuyên nghiệp và dạy nghề. Để đạt được điều này, chương trình tập trung trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức chuyên môn sâu rộng về Địa lý (bao gồm cả các khía cạnh tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường và phát triển bền vững), kỹ năng sư phạm thành thạo, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp vững vàng, cùng năng lực tự chủ và tinh thần trách nhiệm cao [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Cụ thể, chương trình hướng đến mục tiêu trang bị toàn diện cho sinh viên, bao gồm: kiến thức chuyên môn sâu rộng về Địa lý, giúp họ hiểu rõ mối quan hệ tương hỗ giữa tự nhiên, kinh tế, xã hội, con người và môi trường trong bối cảnh phát triển bền vững; kỹ năng sư phạm vững vàng, cho phép sinh viên ứng dụng linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học hiện đại; kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu như thiết kế bài giảng, phân tích dữ liệu (bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê), ứng dụng công nghệ thông tin và tổ chức hoạt động thực tế; phẩm chất đạo đức nhà giáo mẫu mực, thể hiện qua tác phong sư phạm và thái độ ứng xử đúng đắn; và cuối cùng là năng lực cá nhân vượt trội, bao gồm khả năng tự chủ, làm việc độc lập, hợp tác, tự đánh giá nhu cầu học tập và chủ động xây dựng kế hoạch phát triển bản thân [H4.04.02.01], [H5.05.05.02], [H6.06.02.05], [H1.01.02.08].

CTĐT ngành Sư phạm Địa lý tại Trường ĐHTB không chỉ xác định mục tiêu một cách rõ ràng, đa chiều và cụ thể, từ tổng quát đến chi tiết ở từng học phần, mà còn thể hiện sự linh hoạt trong việc điều chỉnh để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của ngành giáo dục và xã hội. Mục tiêu của chương trình toàn diện, thực tiễn, rõ ràng, khả thi, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường và tuân thủ Luật Giáo dục Đại học. Điều này tạo nên một nền tảng vững chắc cho việc xây dựng một chương trình đào tạo chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội và hỗ trợ sinh viên phát triển toàn diện của người học [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Địa lý phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của của Trường ĐHTB: CTĐT ngành Sư phạm Địa lý của Trường ĐHTB được xây dựng dựa trên nền tảng vững chắc là sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của nhà trường, thể hiện rõ trong Nghị quyết 39/NQ-HĐTĐHTB [H1.01.01.01]. Nghị quyết

39/NQ-HĐTĐHTB nêu rõ Trường ĐHTB xác định sứ mạng của mình là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, phục vụ sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội của khu vực Tây Bắc và cả nước, hướng tới hội nhập quốc tế. Với tầm nhìn trở thành một trường đại học đa ngành, uy tín và chất lượng cao, trường hướng tới đạt tiêu chuẩn của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á vào năm 2030 và đạt tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến quốc tế vào năm 2045. Triết lý giáo dục của trường là "Nâng tầm giá trị - Kiến tạo tương lai", tập trung vào việc phát triển toàn diện sinh viên cả về kiến thức, kỹ năng và đạo đức, để họ có thể tự tạo dựng một tương lai tốt đẹp và đóng góp tích cực cho xã hội. Giá trị cốt lõi của trường là "Đoàn kết - Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả", nhấn mạnh tinh thần đồng lòng, trách nhiệm cá nhân và tập thể, khuyến khích sự đổi mới và luôn hướng tới hiệu quả cao trong mọi hoạt động và Nghị quyết 32/NQ-HĐTĐHTB [H1.01.01.01]. Chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2045, tập trung vào các mục tiêu chủ yếu như hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao năng lực đội ngũ, đảm bảo chất lượng giáo dục đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Chiến lược cũng hướng đến đổi mới công tác đào tạo, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, mở rộng hợp tác trong và ngoài nước, tăng cường kết nối và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, đa dạng hóa nguồn tài chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tất cả các mục tiêu này đều hướng đến mục tiêu chung là đưa Trường ĐHTB trở thành một trường đại học uy tín, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực Tây Bắc và đất nước, đồng thời đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế vào năm 2045 [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Mục tiêu đào tạo của chương trình (POs) hoàn toàn phù hợp và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu chiến lược của trường. PO1 tập trung vào việc cung cấp kiến thức toàn diện về khoa học tự nhiên, xã hội, địa lý và giáo dục, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao cho khu vực và đất nước. PO2 nhấn mạnh việc nâng cao năng lực giáo dục, dạy học và nghiên cứu khoa học, góp phần vào sự nghiệp giáo dục và phát triển khoa học của đất nước. PO3 và PO4 hướng tới phát triển kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, phẩm chất đạo đức và tinh thần khởi nghiệp, đóng góp vào sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế của khu vực và đất nước [H1.01.01.02].

Các POs này không chỉ phù hợp với sứ mạng đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của trường, mà còn thể hiện rõ tầm nhìn trở thành trường đại học đa ngành, uy tín, chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Triết lý giáo dục "Nâng tầm giá trị - Kiến tạo tương lai" được thể hiện rõ nét trong việc trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và phẩm chất để không ngừng nâng cao giá trị bản thân, từ đó kiến tạo tương lai cho mình và đóng góp tích cực cho xã hội. Giá trị cốt lõi "Đoàn kết - Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả" được lồng ghép xuyên suốt trong quá trình

đào tạo, giúp sinh viên rèn luyện tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và hiệu quả trong công việc [H1.01.01.01], [H1.01.01.03].

Chương trình đào tạo NSPĐL còn đóng góp tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu cụ thể trong Nghị quyết 32/NQ-HĐTĐHTB. Việc nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và chất lượng đội ngũ giảng viên trực tiếp hỗ trợ cho việc thực hiện PO2 và PO4. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu đạt chuẩn khu vực và quốc tế là cơ sở để thực hiện PO1 và PO2. Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng đa dạng hóa, hiện đại hóa và tăng cường tính thực tiễn liên quan trực tiếp đến PO1 và PO3. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp là cơ hội để sinh viên rèn luyện và phát triển PO2 và PO4. Mở rộng hợp tác quốc tế và trong nước giúp sinh viên tiếp cận kiến thức và phương pháp mới, phát triển PO1 và PO3 [H1.01.01.01], [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Địa lý phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học: CTĐT ngành Sư phạm Địa lý được xây dựng dựa trên mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học năm 2012 và Luật Giáo dục năm 2019. Mục tiêu chung của giáo dục đại học được quy định tại Điều 5 của Luật Giáo dục Đại học năm 2012 là: Đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân [H1.01.01.01], [H1.01.01.03].

Mục tiêu này cũng được kế thừa và quy định trong Luật Giáo dục năm 2019, tại Điều 2, như sau: Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế [H1.01.01.03].

Mục tiêu đào tạo của chương trình NSPĐL thể hiện rõ sự phù hợp với những mục tiêu chung của giáo dục đại học. PO1 (Kiến thức toàn diện): Trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện, có hệ thống về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức chuyên sâu về địa lý và các nguyên lý, phương pháp sư phạm nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững vàng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước

[H1.01.01.03]. PO2 (Năng lực chuyên môn): Nâng cao năng lực thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; năng lực nghiên cứu khoa học, sáng tạo và ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào hoạt động nghề nghiệp; năng lực tự học và khả năng thích ứng cao với sự phát triển của xã hội [H1.01.01.03]. PO3 và PO4 (Kỹ năng mềm và Phát triển toàn diện): Phát triển ở sinh viên các kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề; có đạo đức nghề nghiệp, ý thức cộng đồng, trách nhiệm xã hội và có sức khỏe tốt để tự tin, sáng tạo và thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống [H1.01.01.03], [H1.01.01.04].

Mục tiêu của CTĐT NSPĐL của ĐHTB không chỉ phù hợp mà còn là cơ sở để thực hiện mục tiêu của giáo dục đại học. Việc đào tạo sinh viên có kiến thức toàn diện, năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm sẽ góp phần vào việc nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Đồng thời, việc chú trọng đến rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức cho sinh viên thể hiện sự tuân thủ mục tiêu giáo dục toàn diện của Luật Giáo dục Đại học [H1.01.01.03], [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT bảo đảm tính toàn diện: Chương trình hướng đến mục tiêu đào tạo toàn diện, bao gồm cả kiến thức chuyên môn (PO1, PO2, PLO1, PLO2), kỹ năng sư phạm (PO2, PLO3, PLO4), kỹ năng mềm (PO3, PLO7, PLO8), kỹ năng công nghệ (PLO5), và phẩm chất đạo đức (PO4, PLO9).

Mục tiêu của CTĐT bảo đảm tính thực tiễn: Chương trình nhấn mạnh việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống (PI 1.2, PI 2.1, PI 7.2, PI 7.3). Các PLO và PI đều hướng đến khả năng ứng dụng của kiến thức, kỹ năng.

Mục tiêu của CTĐT bảo đảm tính hướng đến phát triển năng lực: Các PLO được thiết kế theo hướng phát triển năng lực, đặc biệt là trong các hoạt động giáo dục và dạy học (PLO3), nghiên cứu (PLO4), sử dụng công nghệ (PLO5), tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (PLO7).

3. Điểm tồn tại

Một số PLO và PI còn chung chung, thiếu tiêu chí đo lường rõ ràng (ví dụ: PLO1, PLO2, PI 1.1, PI 2.1, PI 4.1, PI 7.1). Điều này gây khó khăn cho việc đánh giá.

Kỹ năng thời đại số chưa nhấn mạnh: Mặc dù có PLO5 về công nghệ thông tin, nhưng chưa đề cập cụ thể đến các kỹ năng số nâng cao, kỹ năng tìm kiếm, xử lý thông tin, làm việc trong môi trường đa văn hóa – những kỹ năng rất quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

Chưa làm rõ "tinh thần khởi nghiệp": PO có đề cập đến "tinh thần khởi nghiệp", nhưng PLO9 chỉ dừng lại ở "hình thành ý tưởng khởi nghiệp" (PI 9.3). Cần cụ thể hóa hơn

về các kỹ năng, kiến thức liên quan đến khởi nghiệp để sinh viên có thể thực sự phát triển theo hướng này.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
1. Tập huấn về thiết kế bài giảng theo hướng phát triển năng lực toàn diện.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
2. Tăng cường hoạt động trải nghiệm, thực tế.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
3. Xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu mở.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
Khắc phục hạn chế		
1. Rà soát, chỉnh sửa PLO/PI: cụ thể, đo lường được (dùng thang đo Bloom, rubrics).	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
2. Bổ sung PLO/PI về kỹ năng thời đại số.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
3. Cụ thể hóa "tinh thần khởi nghiệp", thêm học phần/hoạt động liên quan.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5,5/7

Tiêu chí 1.2. CĐR của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

CĐR CTĐT ngành Sư phạm Địa lý được xác định rõ ràng: CĐR của CTĐT là cam kết của Nhà trường về năng lực và chất lượng đào tạo để xã hội giám sát, công khai để người học biết được các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành và tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động. CĐR là cơ sở để xác định vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của người học. CĐR của CTĐT được ban hành theo quyết định số Số 376/QĐ-ĐHTB, ngày 19/5/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB. Đây là quy định của Trường về phẩm chất và năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp các ngành đào tạo tương ứng. CĐR của CTĐT NSPĐL được mô tả rõ ràng trong CTĐT ban hành năm 2022, thể hiện tính rõ ràng và sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07].

CĐR của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý được xác định rõ ràng, cụ thể và chi tiết thông qua 09 PLOs và các PI cụ thể. Mỗi PLO đại diện cho một nhóm năng lực hoặc kết quả học tập mà sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình. Ví dụ, PLO1 tập trung vào việc vận dụng kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, tự nhiên và xã hội, trong khi PLO3 tập trung vào khả năng tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học địa lý. Các PI đóng vai trò là các chỉ số cụ thể để đo lường mức độ đạt được của từng PLO. Ví dụ, PI 1.1 yêu cầu sinh viên "Vận dụng được kiến thức về khoa học chính trị, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong nghề nghiệp và đời sống", trong khi PI 3.2 yêu cầu sinh viên "Xây dựng được kế hoạch dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực". Việc chia nhỏ các PLO thành các PI cụ thể giúp cho việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên trở nên khách quan và chính xác hơn. Đồng thời, nó cũng giúp sinh viên hiểu rõ hơn về những yêu cầu cụ thể của chương trình và từ đó có thể tự đánh giá và điều chỉnh quá trình học tập của mình [H1.01.02.01], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.02].

Ngoài ra, chuẩn đầu ra của chương trình còn bao gồm các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Điều này giúp đảm bảo rằng sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực để đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp và đóng góp tích cực cho xã hội [H1.01.02.04].

Bảng 1.1. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs

POs	PLOs	PIs
PO1: Có kiến thức về khoa học chính trị, tự nhiên, xã hội; khoa học Địa lý, giáo dục phục vụ nghề nghiệp và học tập suốt đời	PLO1: Vận dụng được kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, tự nhiên, xã hội phục vụ nghề nghiệp và đời sống.	PI 1.1: Vận dụng được kiến thức về khoa học chính trị, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong nghề nghiệp và đời sống. PI 1.2: Tích hợp được kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội vào dạy học và nghiên cứu Địa lý và thực tiễn đời sống.
	PLO2: Vận dụng được kiến thức Địa lý và khoa học giáo dục vào hoạt động nghề nghiệp.	PI 2.1: Vận dụng được kiến thức địa lý vào hoạt động nghề nghiệp và đời sống. PI 2.2: Vận dụng được kiến thức về khoa học giáo dục vào dạy học Địa lý và đời sống.
PO2: Có năng lực dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lý.	PLO3: Tổ chức được hoạt động giáo dục và dạy học Địa lý theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.	PI 3.1: Đánh giá được đặc điểm chương trình môn địa lý và người học. PI 3.2: Xây dựng được kế hoạch dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực. PI3.3: Thực hiện được hoạt động dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực. PI3.4: Đánh giá được kết quả giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.
	PLO4: Phát triển được kỹ năng đặc thù phục vụ dạy học và nghiên cứu địa lý.	PI 4.1: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lý. PI 4.2: Sử dụng được các phương tiện dạy học và nghiên cứu địa lý. PI 4.3: Triển khai được các hoạt động học tập và nghiên cứu ngoài thực địa.

	PLO5: Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học và nghiên cứu Địa lý.	PI 5.1: Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT. PI 5.2: Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả, đạt năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
	PLO6: Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.	PI 6.1: Giải quyết được tình huống sư phạm trong dạy học và giáo dục. PI 6.2: Tư vấn được tâm lý và học tập, quản lý được hành vi của học sinh. PI 6.3: Xây dựng được kế hoạch phối hợp các lực lượng trong dạy học và giáo dục.
PO3: Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và khả năng truyền cảm hứng.	PLO7: Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp.	PI 7.1: Phản biện được các vấn đề địa lý một cách logic, độc lập. PI 7.2: Giải quyết được các nhiệm vụ trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng địa lý mang tính liên môn, liên ngành. PI 7.3: Đề xuất được ý tưởng, giải pháp để giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.
	PLO8: Phát triển được kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.	PI 8.1: Thuyết trình rõ ràng, mạch lạc, cuốn hút người nghe. PI 8.2: Trình bày báo cáo khoa học theo đúng quy định. PI 8.3: Tổ chức, phối hợp làm việc nhóm hiệu quả.
PO4: Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; ý thức phục vụ cộng	PLO9: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham gia	PI 9.1: Rèn luyện phẩm chất, đạo đức và thể hiện tác phong nhà giáo. PI 9.2: Tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

đồng và tinh thần khởi nghiệp.	phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.	PI 9.3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp.

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs cho thấy sự liên kết chặt chẽ và logic giữa các mục tiêu đào tạo của chương trình ngành Sư phạm Địa lý. Mỗi PO (Program Objectives) được thiết kế để đạt được một hoặc nhiều PLO (Program Learning Outcomes) cụ thể, và mỗi PLO lại được đo lường bằng một hoặc nhiều PI (Performance Indicators) chi tiết.

Ví dụ, PO1 (Có kiến thức về khoa học chính trị, tự nhiên, xã hội; khoa học Địa lý, giáo dục phục vụ nghề nghiệp và học tập suốt đời) liên kết với PLO1 (Vận dụng được kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, tự nhiên, xã hội phục vụ nghề nghiệp và đời sống) và PLO2 (Vận dụng được kiến thức Địa lý và khoa học giáo dục vào hoạt động nghề nghiệp). Điều này có nghĩa là để đạt được mục tiêu PO1, sinh viên cần phải có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống (PLO1, PLO2) [H1.01.02.01], [H1.01.02.04].

Tương tự, PO2 (Có năng lực dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lý) liên kết với PLO3 (Tổ chức được hoạt động giáo dục và dạy học Địa lý theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực), PLO4 (Phát triển được kỹ năng đặc thù phục vụ dạy học và nghiên cứu địa lý), PLO5 (Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học và nghiên cứu Địa lý) và PLO6 (Xây dựng môi trường giáo dục tích cực). Điều này cho thấy PO2 không chỉ yêu cầu sinh viên có kiến thức chuyên môn mà còn phải có kỹ năng sư phạm, kỹ năng nghiên cứu và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và nghiên cứu [H1.01.02.01], [H1.01.02.04].

Các PO khác cũng được liên kết với các PLO và PI tương ứng, tạo thành một ma trận chặt chẽ và logic. Điều này đảm bảo rằng mục tiêu của chương trình đào tạo được cụ thể hóa thành các kết quả học tập và các chỉ số đo lường cụ thể, giúp cho việc đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn.

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Địa lý đã nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai: CĐR của CTĐT được ban hành theo quyết định số Số 376/QĐ-ĐHTB, ngày 19/5/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB [H1.01.02.01], [H1.01.02.04].

PLO1: CTĐT ngành Sư phạm Địa lý trang bị cho sinh viên kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật, tự nhiên và xã hội để phục vụ nghề nghiệp và đời sống. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng vận dụng kiến thức về khoa học chính trị, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước vào nghề nghiệp và đời sống. Ngoài ra, họ còn có thể tích

hợp kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội vào giảng dạy và nghiên cứu địa lý cũng như trong thực tiễn đời sống. Điều này được thể hiện qua việc tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV" năm học 2023-2024 nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của sinh viên về các vấn đề này [H1.01.02.01], [H1.01.02.04].

PLO2: Chương trình cũng trang bị cho sinh viên kiến thức địa lý và khoa học giáo dục để áp dụng vào hoạt động nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng vận dụng kiến thức địa lý vào hoạt động nghề nghiệp và đời sống, đồng thời vận dụng kiến thức khoa học giáo dục vào giảng dạy địa lý và đời sống. Điều này được thể hiện qua việc tổ chức các đoàn thực tập sư phạm, chẳng hạn như "Đoàn thực tế chuyên môn các lớp K59, K60, K61 Đại học Sư phạm Địa lý hệ chính quy, năm học 2021-2022", nhằm giúp sinh viên trải nghiệm thực tế và áp dụng kiến thức vào thực tiễn [H1.01.02.01], [H1.01.02.04].

PLO3: Chương trình chú trọng đến việc giúp sinh viên có khả năng tổ chức hoạt động giáo dục và giảng dạy địa lý theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực. Sinh viên tốt nghiệp có thể đánh giá đặc điểm của chương trình môn địa lý và người học, xây dựng kế hoạch giảng dạy, thực hiện hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực. Điều này được thể hiện qua các báo cáo tổng kết công tác thực tập sư phạm, chẳng hạn như "Báo cáo tổng kết công tác thực tập sư phạm 1 hệ chính quy năm học 2023-2024", trong đó nêu rõ kết quả đánh giá thực tập giảng dạy và thực tập chủ nhiệm của sinh viên [H1.01.02.01], [H1.01.02.04.

PLO4: CTĐT ngành Sư phạm Địa lý trang bị cho sinh viên các kỹ năng đặc thù phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu địa lý. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực địa lý, sử dụng các phương tiện giảng dạy và nghiên cứu địa lý, và triển khai các hoạt động học tập và nghiên cứu ngoài thực địa. Minh chứng rõ nhất cho việc trang bị những kỹ năng này là các quyết định thành lập đoàn thực tế chuyên môn cho sinh viên năm 3, 4 như "Quyết định thành lập Đoàn thực tế chuyên môn lớp K62 Đại học Sư phạm Địa lý hệ chính quy năm học 2023-2024" [H1.01.02.01], [H1.01.02.04].

PLO5: Chương trình cũng trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và nghiên cứu địa lý. Sinh viên tốt nghiệp có thể sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn và sử dụng ngoại ngữ hiệu quả, đạt năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. "Quyết định về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai ứng dụng CNTT Trường ĐHTB" cho thấy nhà trường chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin [H9.09.04.05], [H9.09.01.03] và "Báo cáo tình hình thực hiện việc dạy và học ngoại ngữ năm 2020" chỉ ra rằng trường đã có những hoạt động cụ thể để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên, bao gồm việc tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh và thay đổi phương pháp đánh giá để khuyến khích sinh

viên học tập. Sinh viên tốt nghiệp có thể sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn và sử dụng ngoại ngữ hiệu quả được thể hiện qua "Quyết định về việc công nhận kết quả thi ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam" [H1.01.02.01], [H1.01.02.04].

PLO6: Chương trình chú trọng đến việc giúp sinh viên xây dựng môi trường giáo dục tích cực. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm trong giảng dạy và giáo dục, tư vấn tâm lý và học tập, quản lý hành vi của học sinh, và xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng trong giảng dạy và giáo dục. Điều này được thể hiện qua việc tổ chức các tuần sinh hoạt công dân - học sinh, sinh viên (HSSV), như trong "Kế hoạch tổ chức Tuần sinh hoạt công dân-HSSV năm học 2022-2023", nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về các quy định pháp luật, kỹ năng sống, và định hướng nghề nghiệp [H1.01.02.01], [H1.01.02.04].

PLO7: CTĐT ngành Sư phạm Địa lý cũng chú trọng đến việc giúp sinh viên rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo, tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng thể hiện tư duy phản biện, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo và logic. "Kế hoạch tổ chức Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” năm học 2023-2024" là một minh chứng cho việc nhà trường khuyến khích sinh viên phát triển tư duy sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề [H5.05.02.04], đồng thời "Quyết định về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động các Câu lạc bộ tại Trường ĐHTB" tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa, từ đó phát triển các kỹ năng mềm và khả năng làm việc nhóm [H1.01.02.01], [H1.01.02.04].

PLO8: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng giao tiếp, thuyết trình rõ ràng, mạch lạc và trình bày báo cáo một cách chuyên nghiệp. CTĐT chú trọng phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giúp sinh viên có thể cộng tác hiệu quả trong môi trường làm việc [H1.01.02.01], [H1.01.02.04], [H1.01.01.04].

PLO9: CTĐT ngành Sư phạm Địa lý cũng chú trọng đến việc giúp sinh viên rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo, tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng thể hiện tư duy phản biện, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo và logic. "Kế hoạch hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp năm học 2021-2022 của trường ĐHTB" là một minh chứng cho việc nhà trường khuyến khích sinh viên phát triển tư duy sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề [H1.01.02.01], [H1.01.02.04].

2. Điểm mạnh

CĐR của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý thể hiện sự toàn diện khi bao quát nhiều khía cạnh, từ kiến thức chuyên môn (PLO1, PLO2), kỹ năng sư phạm (PLO3, PLO4) đến kỹ năng mềm (PLO8), kỹ năng công nghệ thông tin (PLO5) và đạo đức nghề

nghiệp (PLO9), đảm bảo sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương lai. Chương trình cũng thể hiện tính thực tiễn cao khi nhấn mạnh việc vận dụng kiến thức vào thực tế nghề nghiệp và đời sống (PI 1.1, PI 2.1), đặc biệt là trong hoạt động dạy học và nghiên cứu địa lý (PI 1.2, PI 4). Điều này giúp sinh viên không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn có khả năng áp dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Ngoài ra, chương trình còn hướng đến sự phát triển toàn diện của sinh viên, không chỉ tập trung vào kiến thức và kỹ năng chuyên môn mà còn chú trọng phát triển phẩm chất, đạo đức nhà giáo (PLO9), kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm (PLO8), tư duy phản biện và sáng tạo (PLO7). Điều này giúp sinh viên phát triển toàn diện về cả kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục Đại học về đào tạo người học có phẩm chất, đạo đức, kiến thức và kỹ năng.

3. Điểm tồn tại

CĐR của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý còn tồn tại một số điểm yếu cần được xem xét và cải thiện.

Thứ nhất, một số PLOs và PIs còn khá chung chung, chưa nêu rõ mức độ yêu cầu cụ thể đối với sinh viên. Ví dụ, PLO1 chỉ nêu "Vận dụng được kiến thức..." mà không chỉ rõ mức độ vận dụng (hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo). Điều này có thể gây khó khăn cho việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên và xác định mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình.

Thứ hai, chương trình chưa đề cập đến một số kỹ năng quan trọng trong thời đại số như kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa. Đây là những kỹ năng cần thiết đối với giáo viên địa lý trong bối cảnh hiện nay, khi công nghệ thông tin và toàn cầu hóa đang ngày càng phát triển.

Thứ ba, một số PI chưa được cập nhật để phù hợp với những thay đổi trong Luật Giáo dục Đại học sửa đổi năm 2018. Ví dụ, PI 5.1 vẫn đề cập đến Thông tư 03/2014/TT-BTTTT trong khi Luật đã có những quy định mới về chuẩn công nghệ thông tin. Điều này có thể dẫn đến sự không thống nhất giữa chuẩn đầu ra của chương trình và quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
1. Tăng cường hoạt động trải nghiệm, dự án thực tế.	Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
2. Chia sẻ bài giảng, tài liệu về thực tiễn, đạo đức nghề.	Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
3. Duy trì hoạt động ngoại khóa về kỹ năng.	Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
Khắc phục tồn tại		
1. Rà soát, chỉnh sửa PLO/PI	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
2. Bổ sung kỹ năng thời đại số vào PLO/PI.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
3. Cập nhật PI theo văn bản pháp luật mới.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần

5. Tự đánh giá: Đạt 6/7

Tiêu chí 1.3. CĐR của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Địa lý phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan; có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng: Trường ĐHTB đã chủ động thu thập ý kiến từ các bên liên quan như giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng

và cựu sinh viên thông qua các phiếu khảo sát và báo cáo để đánh giá và điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý.

Trường ĐHTB đã xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cơ quan, doanh nghiệp, chuyên gia trong các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024 [H1.01.03.04], [H1.01.01.05]. Mục tiêu chung của các kế hoạch này là thu thập thông tin từ các nhà tuyển dụng, cơ quan, doanh nghiệp và chuyên gia để đánh giá chất lượng đào tạo của trường, từ đó có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội và góp phần nâng cao "văn hóa chất lượng" trong nhà trường. Trường ĐHTB đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cựu người học về tình hình việc làm và nhu cầu học bậc cao hơn trong các năm 2019, 2020, 2021, 2022 [H1.01.01.06]. Mục tiêu chung của các kế hoạch này là thu thập thông tin phản hồi từ cựu sinh viên về tình hình việc làm và nhu cầu học lên cao, từ đó đánh giá chất lượng đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp. Trường ĐHTB đã xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người học về chất lượng các sản phẩm và dịch vụ của các phòng ban, trung tâm và thư viện [H5.05.03.10]. Mục đích của kế hoạch này là: Nâng cao hiệu quả quản lý công tác thư viện; Bổ sung kịp thời các điều kiện cần thiết để đáp ứng nhu cầu của người dùng; Tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cán bộ thư viện trong quá trình lấy ý kiến và đánh giá khách quan, công bằng, trung thực về chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Kết quả khảo sát: Về kiến thức: Sinh viên: Hầu hết sinh viên đều đồng ý với các chuẩn đầu ra về kiến thức, đặc biệt là kiến thức chuyên ngành địa lý. Một số sinh viên đề xuất bổ sung thêm kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành và kiến thức thực tế; Giảng viên/cán bộ quản lý: Nhìn chung, giảng viên/cán bộ quản lý đánh giá cao các chuẩn đầu ra về kiến thức và cho rằng chúng cần thiết cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Một số ý kiến đề xuất bổ sung thêm kiến thức về công nghệ thông tin, kiến thức liên quan đến các môn học khác và kiến thức thực tế; Nhà tuyển dụng/cựu sinh viên: Các nhà tuyển dụng/cựu sinh viên cũng đồng tình với các chuẩn đầu ra về kiến thức, đặc biệt là kiến thức chuyên môn và kiến thức sư phạm. Họ cũng mong muốn sinh viên có thêm kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ. Về kỹ năng: Sinh viên: Sinh viên cho rằng các kỹ năng như kỹ năng dạy học, sử dụng công nghệ thông tin, làm việc nhóm và kỹ năng mềm là rất cần thiết. Một số ý kiến đề xuất bổ sung thêm các kỹ năng khác như kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và giải quyết vấn đề; Giảng viên/cán bộ quản lý: Giảng viên/cán bộ quản lý nhất trí với các kỹ năng được đề xuất trong dự thảo và nhấn mạnh tầm quan trọng của kỹ năng sư phạm, kỹ năng nghiên cứu khoa học và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Nhà tuyển dụng/cựu sinh viên: Các nhà tuyển dụng/cựu sinh viên đặc biệt quan tâm đến kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tự học của sinh viên. Về phẩm chất đạo đức: Cả ba nhóm đều đánh giá rất cao các chuẩn đầu ra về phẩm chất đạo đức và cho rằng

chúng rất cần thiết đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Địa lý. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cả ba nhóm đều đồng ý rằng chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm là rất cần thiết. Sinh viên tốt nghiệp cần có khả năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu và chịu trách nhiệm về công việc của mình [H1.01.03.04], [H1.01.01.05]. Bên cạnh đó, trường cũng thành lập Ban Kết nối và Phục vụ cộng đồng để tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo. Ban này có nhiệm vụ kết nối nhà trường với các bên liên quan như doanh nghiệp, cựu sinh viên và cộng đồng địa phương để thu thập ý kiến phản hồi và đóng góp cho việc xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo. [H4.04.02.05]**.** Trường cũng đã tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng nhằm tăng cường sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo. [H6.06.02.09].

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Địa lý được định kỳ rà soát, điều chỉnh ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của nhà trường: Trường ĐHTB đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và bài bản cho việc điều chỉnh, cập nhật và bổ sung chuẩn đầu ra của CTĐT. Quy trình rà soát và cập nhật CTĐT và CĐR của ngành Sư phạm Địa lý tại Trường ĐHTB được thực hiện một cách bài bản, có hệ thống và tuân thủ theo quy định, thể hiện qua các giai đoạn chính sau đây, được minh chứng bằng các văn bản cụ thể [H1.01.03.07], [H1.01.03.08], [H1.01.03.09].

Giai đoạn 1: Khởi động và xây dựng kế hoạch:

Mỗi chu kỳ rà soát, cập nhật CTĐT và CĐR được bắt đầu bằng việc Trường ĐHTB ban hành các kế hoạch chi tiết. Các kế hoạch này đóng vai trò như kim chỉ nam, định hướng cho toàn bộ quá trình. Cụ thể, Kế hoạch số 304/KH-ĐHTB (ngày 17/04/2020) tập trung vào việc rà soát, điều chỉnh CĐR ở trình độ đại học, nhấn mạnh mục tiêu chuẩn hóa và công bố công khai CĐR, đồng thời yêu cầu việc lấy ý kiến các bên liên quan và lưu trữ hồ sơ minh chứng. Kế hoạch số 307/KH-ĐHTB (ngày 2/4/2021) mở rộng phạm vi ra toàn bộ CTĐT ở cả bậc đại học và cao đẳng, bao gồm việc sửa đổi đề cương chi tiết học phần và bổ sung học phần mới. Kế hoạch số 235/KH-ĐHTB (ngày 15/03/2022) đi vào chi tiết hơn, mô tả cụ thể các bước thực hiện như thành lập tiểu ban, thu thập ý kiến và tổ chức hội thảo. Các kế hoạch này không chỉ xác định mục tiêu, phạm vi, quy trình mà còn phân công trách nhiệm rõ ràng, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong suốt quá trình [H1.01.03.08].

Giai đoạn 2: Nâng cao năng lực cho đội ngũ thực hiện:

Trường ĐHTB đặc biệt chú trọng đến việc phát triển năng lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia vào quá trình xây dựng và phát triển CTĐT. Điều này được thể hiện qua việc tổ chức các buổi tập huấn chuyên môn. Kế hoạch số 558/KH-ĐHTB (ngày 02/07/2020) đã tổ chức tập huấn với chủ đề "Xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển chương

trình đào tạo". Mục tiêu của buổi tập huấn là trang bị cho cán bộ, giảng viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết, đặc biệt là về xây dựng và đánh giá CĐR, giúp họ đóng góp hiệu quả vào quá trình này [H1.01.03.08].

Giai đoạn 3: Thiết lập cơ sở pháp lý và tổ chức thực hiện:

Để đảm bảo tính pháp lý và thống nhất, Trường ĐHTB ban hành quy định cụ thể về việc sửa đổi, cập nhật CTĐT. Quyết định số 133/QĐ-ĐHTB (ngày 8/3/2018) đã thiết lập một hành lang pháp lý vững chắc, cung cấp các hướng dẫn chi tiết về căn cứ pháp lý, quan điểm chỉ đạo, quy định cụ thể và các bước thực hiện. Đồng thời, để đảm bảo tính chuyên môn, khách quan và đa chiều, trường thành lập các hội đồng và tiểu ban chuyên trách. Các quyết định thành lập như Quyết định số 91/QĐ-ĐHTB (ngày 7/2/2018), Quyết định số 237/QĐ-ĐHTB (ngày 7/4/2021), Quyết định số 180/QĐ-ĐHTB (ngày 10/3/2022) và các quyết định về hội đồng thẩm định (Số 819/QĐ-ĐHTB ngày 26/7/2022, Số 376/QĐ-ĐHTB ngày 19/5/2022) cho thấy sự tham gia của đại diện từ nhiều khoa, phòng ban, đảm bảo tính toàn diện và chuyên sâu trong quá trình rà soát [H1.01.03.08].

Giai đoạn 4: Ban hành và cập nhật CĐR:

Sau mỗi chu kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh và hoàn thiện, các quyết định ban hành CĐR của ngành Sư phạm Địa lý được công bố, đánh dấu một bước tiến mới trong quá trình phát triển CTĐT. Quyết định số 596/QĐ-ĐHTB (ngày 27/7/2018) ban hành CĐR năm 2018, tập trung vào kiến thức và kỹ năng cơ bản. Quyết định số 08/QĐ-ĐHTB (ngày 6/1/2021) ban hành CĐR năm 2021, bổ sung thêm các chuẩn về kỹ năng mềm và phẩm chất đạo đức. Quyết định số 376/QĐ-ĐHTB (ngày 23/03/2023) ban hành CĐR năm 2022, tiếp tục mở rộng và chi tiết hóa các chuẩn, đặc biệt về kiến thức chuyên sâu và kỹ năng nghề nghiệp. Qua mỗi lần ban hành, CĐR không ngừng được hoàn thiện, phản ánh sự thay đổi trong yêu cầu của xã hội đối với giáo viên Địa lý, từ kiến thức cơ bản, kỹ năng sư phạm đến kỹ năng mềm, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên sâu, sử dụng công cụ chuyên ngành, thiết kế và thực hiện hoạt động dạy học trải nghiệm [H1.01.03.08].

CĐR ngành Sư phạm Địa lý năm 2018: Năm 2018, chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Địa lý tập trung vào 5 khía cạnh: kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm, và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp [H1.01.03.08]. Về kiến thức, sinh viên cần có kiến thức nền tảng về khoa học địa lý, kiến thức chuyên sâu về một số lĩnh vực cụ thể, và kiến thức về lý luận dạy học, phương pháp dạy học và các kiến thức bổ trợ. Về kỹ năng, sinh viên cần có kỹ năng chung như sử dụng tiếng Anh và công nghệ thông tin, cũng như kỹ năng chuyên môn như vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tham gia phát triển chương trình giáo dục phổ thông, và sử dụng bản đồ, thiết bị đo đạc chuyên dụng. Về phẩm chất đạo đức, sinh viên cần có phẩm chất của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm, sinh viên cần có khả năng tự định hướng, thích

nghi với môi trường làm việc khác nhau và tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm giáo viên tại các trường đại học, cao đẳng, trường dạy nghề, trường THPT, THCS và tiểu học [H1.01.03.07], [H1.01.03.08], [H1.01.03.09].

CĐR ngành Sư phạm Địa lý năm 2021: Năm 2021, chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Địa lý vẫn giữ nguyên 5 khía cạnh như năm 2018, nhưng có sự mở rộng và cập nhật về nội dung. Về kiến thức chuyên môn, ngoài kiến thức nền tảng và chuyên sâu về địa lý, sinh viên còn cần hiểu biết về công nghệ thông tin và ngoại ngữ để áp dụng vào dạy học và nghiên cứu. Về kỹ năng chuyên môn, sinh viên cần thành thạo trong việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học, trải nghiệm địa lý ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực, sử dụng thành thạo bản đồ và một số phần mềm hệ thống thông tin địa lý (GIS). Về vị trí việc làm sau tốt nghiệp, ngoài làm giáo viên, sinh viên có thể làm việc tại các cơ quan, đơn vị liên quan đến tài nguyên và môi trường, các tổ chức, công ty liên quan đến tài nguyên và môi trường và tổ chức lãnh thổ, ngành du lịch, hoặc tiếp tục học lên bậc học cao hơn [H1.01.03.08].

CĐR ngành Sư phạm Địa lý năm 2022: Năm 2022, chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Địa lý được tinh chỉnh và cập nhật thêm một số nội dung mới [H1.01.03.08]. CĐR này được chia thành 10 mục tiêu (PLO) và các chỉ số đánh giá (PI) tương ứng. Về kiến thức, sinh viên cần vận dụng được kiến thức về địa lý nhân văn vào đánh giá tình hình phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Về kỹ năng, sinh viên cần sử dụng ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam trong dạy học và nghiên cứu. Về phẩm chất đạo đức, sinh viên cần giải quyết được các tình huống ứng xử sư phạm và phối hợp được các bên liên quan trong hoạt động dạy học và giáo dục. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm, sinh viên cần có khả năng tự học, tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03].

CĐR ngành Sư phạm Địa lý của trường ĐHTB đã có sự cải tiến, cập nhật và phát triển đáng kể qua các năm 2018, 2021 và 2022. Năm 2018, chuẩn đầu ra tập trung vào kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm cơ bản, chú trọng vào việc trang bị cho sinh viên kiến thức địa lý toàn diện và kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu. Năm 2021, chuẩn đầu ra đã được mở rộng hơn, bao gồm cả các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và sử dụng công nghệ thông tin. Sự bổ sung này cho thấy sự quan tâm của nhà trường đến việc phát triển toàn diện cho sinh viên, không chỉ về kiến thức chuyên môn mà còn về các kỹ năng cần thiết cho công việc và cuộc sống. Năm 2022, chuẩn đầu ra tiếp tục được cập nhật và phát triển mạnh mẽ hơn, đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng thực hành của sinh viên. Sinh viên được yêu cầu phải có khả năng thiết kế và thực hiện các hoạt động dạy học, sử dụng thành thạo các công cụ và phần mềm chuyên ngành, có khả năng nghiên cứu khoa học và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Sự

cải tiến và phát triển này cho thấy sự nỗ lực của trường ĐHTB trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội đối với giáo viên địa lý. CĐR mới không chỉ trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng chuyên môn vững vàng mà còn giúp họ phát triển các kỹ năng mềm và khả năng thích ứng, sáng tạo, từ đó có thể tự tin và thành công trong sự nghiệp giảng dạy và nghiên cứu địa lý [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03].

Sau khi được hội đồng chuyên môn cấp khoa, cấp trường nghiệm thu và được Trường ĐHTB phê chuẩn, ra quyết định thực hiện, CĐR của CTĐT mới nhất, vừa được cập nhật bổ sung vào năm 2022 đã được công bố công khai và rộng rãi trên website Nhà trường và Khoa [H1.01.03.02], [H1.01.03.03].

2. Điểm mạnh

Chú trọng phát triển năng lực toàn diện cho sinh viên: CĐR của chương trình không chỉ tập trung vào kiến thức chuyên môn địa lý mà còn chú trọng phát triển các kỹ năng mềm như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, giao tiếp và ứng xử. Điều này giúp sinh viên ra trường có đủ năng lực để thích ứng với môi trường làm việc đa dạng và phức tạp.

Gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn: CĐR yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức địa lý và các kiến thức liên ngành vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống. Điều này thể hiện qua các chỉ số PI như PI 1.2, PI 2.1, PI 7.2, PI 7.3. Việc này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ý nghĩa và ứng dụng của kiến thức đã học, từ đó nâng cao hiệu quả học tập và làm việc.

Định hướng phát triển nghề nghiệp rõ ràng: CĐR PLO9 tập trung vào việc hình thành ý thức nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo cho sinh viên. Các chỉ số PI 9.1, 9.2 và 9.3 hướng tới việc rèn luyện phẩm chất, tác phong nhà giáo, tham gia hoạt động cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp. Điều này giúp sinh viên có định hướng rõ ràng về con đường sự nghiệp sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Thiếu chỉ số đo lường cụ thể: Một số chỉ số PI chưa có tiêu chí đo lường cụ thể, ví dụ như PI 1.1, PI 2.1, PI 4.1, PI 6.1, PI 7.1. Điều này gây khó khăn cho việc đánh giá mức độ đạt chuẩn của sinh viên và hiệu quả của chương trình đào tạo.

Chưa cập nhật các xu hướng mới trong giáo dục: CĐR chưa đề cập đến các xu hướng mới trong giáo dục như giáo dục STEM, giáo dục phát triển bền vững, giáo dục cá nhân hóa. Việc cập nhật các xu hướng này vào chương trình đào tạo sẽ giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Chưa chú trọng đến việc phát triển năng lực nghiên cứu độc lập: Mặc dù có chỉ số PI 4.1 về nghiên cứu khoa học, nhưng chuẩn đầu ra chưa có các chỉ số cụ thể về việc phát triển năng lực nghiên cứu độc lập cho sinh viên. Điều này có thể hạn chế khả năng sáng tạo và đóng góp của sinh viên trong lĩnh vực nghiên cứu địa lý.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
1. Tổ chức hoạt động, dự án rèn kỹ năng mềm, ứng dụng thực tiễn.	Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
2. Mời chuyên gia chia sẻ về nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
3. Cải tiến liên tục học phần, hoạt động thực hành.	Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
Khắc phục tồn tại		
1. Xây dựng tiêu chí đo lường cho các PI.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
2. Tập huấn về xu hướng mới trong giáo dục.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
3. Bổ sung nội dung, hoạt động phát triển năng lực nghiên cứu.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

CTĐT đã xác định mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHTB, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục Đại học. Mục tiêu chung hướng đến đào tạo ngành SPĐL có phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, trách nhiệm xã hội, tinh thần khởi nghiệp và khả năng học tập suốt đời. Các mục tiêu cụ thể (PO1-PO4) bao quát đầy đủ các khía cạnh về kiến thức, năng lực, kỹ năng và phẩm chất, được diễn đạt rõ ràng và có thể đo lường được. CTĐT thể hiện sự phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại, chú trọng phát triển toàn diện cho sinh viên, và có sự liên kết chặt chẽ giữa các cấp độ mục tiêu (mục tiêu chung - mục tiêu cụ thể - mục tiêu học phần). Điểm mạnh nổi bật là tính toàn diện, thực tiễn, và hướng đến phát triển năng lực. Tuy nhiên, CTĐT cần cải thiện mức độ cụ thể của một số POs/PIs, bổ sung các kỹ năng thời đại số, và làm rõ hơn nội dung về "tinh thần khởi nghiệp".

Về chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs): CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, chi tiết thông qua 9 PLOs và các chỉ số đánh giá năng lực (PIs) cụ thể. CĐR bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. CĐR được công bố công khai và được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên ý kiến của các bên liên quan. Điểm mạnh là sự toàn diện, tính thực tiễn, và định hướng phát triển năng lực. Tuy nhiên, một số PI còn thiếu tiêu chí đo lường cụ thể, chưa cập nhật đầy đủ các xu hướng mới trong giáo dục và chưa chú trọng đúng mức đến năng lực nghiên cứu độc lập. Cần rà soát, chỉnh sửa để PLO/PI rõ ràng hơn (sử dụng thang đo Bloom), bổ sung kỹ năng thời đại số, và cập nhật theo văn bản pháp luật mới.

Về quy trình và tính công khai: Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật CTĐT, CĐR được thực hiện bài bản, có sự tham gia của các bên liên quan. Thông tin về CTĐT và ĐCCTHP được công bố công khai, dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, cần tăng cường truyền thông đến các trường phổ thông và có tài liệu quảng bá bằng tiếng Anh.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 5,5
+ Số tiêu chí đạt: 3/3

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT NSPĐL là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về CTĐT NSPĐL cho người học và người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lý, học sinh trong hoạt động tuyển sinh, các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT NSPĐL được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Trường ĐHTB gồm đầy đủ các thông tin: mã ngành, loại hình đào tạo, thời gian đào tạo, khung quy định khối lượng kiến thức tích lũy, tiêu chí tuyển sinh, mục tiêu đào tạo, cấu trúc CTĐT, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng môn học cụ thể, mô tả vắn tắt các môn học. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CĐR, tạo điều kiện cho người học và người dạy cũng như các nhà quản lý dễ dàng triển khai thực hiện cũng như cải tiến CTĐT.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành sư phạm địa lý có đủ các nội dung: CTĐT (CTĐT) ngành Sư phạm Địa lý của trường ĐHTB (ĐHTB) được xây dựng và ban hành theo Quyết định số 989/QĐ-ĐHTB ngày 12/9/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB [H2.02.01.01]. Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Địa lý của trường ĐHTB đã được xây dựng đầy đủ, chi tiết và cập nhật, đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về "Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học". Trường ĐHTB đã xây dựng một bản mô tả chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý khá đầy đủ và chi tiết, đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05] [H2.02.01.06], [H2.02.01.07]. Cụ thể, bản mô tả chương trình đào tạo này đã trình bày đầy đủ các nội dung sau:

Thông tin tổng quan: Bản mô tả cung cấp đầy đủ thông tin về tên ngành, mã ngành, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo, số tín chỉ, đối tượng tuyển sinh, điều kiện tốt nghiệp, cơ hội việc làm, khả năng học tập sau đại học và các thông tin khác liên quan đến chương trình đào tạo. Triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng: Chương trình thể hiện rõ triết lý giáo dục "Toàn diện - Khai tâm - Hội nhập," tầm nhìn trở thành trường đại học đa ngành có uy tín và đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, cùng sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Mục tiêu và chuẩn đầu ra: Chương trình xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, đồng thời đưa ra 9 chuẩn đầu ra chi tiết, bao gồm kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Cấu trúc chương trình đào tạo: Chương trình được chia thành các khối kiến thức rõ ràng, bao gồm kiến thức chung, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức chuyên ngành và các học phần tự chọn, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về chương trình học. Mô tả chi tiết các học phần: Mỗi học phần đều được mô tả chi tiết về mục tiêu, nội dung, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo và các thông tin khác, giúp sinh viên hiểu rõ yêu cầu và nội dung của từng môn học. Quy trình đào tạo và đánh giá: Chương trình trình bày rõ quy trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, cách thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên, bao gồm cả đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ. Đề cương chi tiết học phần: Mỗi học phần đều có đề cương chi tiết riêng, bao gồm thông tin về giảng viên, điều kiện tham gia học phần, mô tả học phần, mục tiêu, chuẩn đầu ra, phương pháp đánh giá, kế hoạch giảng dạy chi tiết và tài liệu tham khảo. Hướng dẫn thực hiện và đánh giá chương trình: Chương trình cung cấp hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện chương trình đào tạo theo hình thức tín chỉ, cũng như quy trình đánh giá và cập nhật chương trình định kỳ. Tóm lại, bản mô tả CTĐT NSPĐL của trường ĐHTB đã trình bày đầy đủ và chi tiết các nội dung theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy, học tập và đánh giá chất lượng đào tạo của ngành [H2.02.01.01].

Bản mô tả CTĐT NSPĐL của trường ĐHTB năm 2022 đã được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan, được thể hiện ở những điểm sau:

Cập nhật khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: Theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Địa lý của trường ĐHTB năm 2022 cũng đã cập nhật chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên sau khi tốt nghiệp là bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Tăng cường các hoạt động thực hành, thực tập: CTĐT NSPĐL của trường ĐHTB năm 2022 chú trọng tăng cường các hoạt động thực hành, thực tập cho sinh viên, đặc biệt là hoạt động thực tập sư phạm nhằm giúp sinh viên làm quen với môi trường làm việc thực tế và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Bổ sung các học phần mới: CTĐT NSPĐL của trường ĐHTB năm 2022 đã bổ sung một số học phần mới như "Công nghệ số trong địa lý" nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin địa lý, đáp ứng yêu cầu của thời đại công nghệ số. Cập nhật nội dung các học phần: Nội dung các học phần của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý của trường ĐHTB năm 2022 đã được cập nhật và cải tiến để phù hợp với yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới. Ví dụ, học phần "Địa lý tự nhiên Việt Nam" đã được cập nhật các nội dung về biến đổi khí hậu, thiên tai và các vấn đề môi trường. Cụ thể hóa chuẩn đầu ra bằng các chỉ tiêu đánh giá năng lực: CTĐT NSPĐL của trường ĐHTB năm 2022 đã cụ thể hóa các CĐR bằng các chỉ tiêu đánh giá năng lực có tính đo lường được, giúp cho việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên trở nên khách quan và chính xác hơn. Tăng cường các hoạt động khởi nghiệp: CTĐT

ngành Sư phạm Địa lý của trường ĐHTB năm 2022 đã bổ sung nội dung về khởi nghiệp vào chương trình đào tạo, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để khởi nghiệp trong lĩnh vực địa lý [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05] [H2.02.01.06], [H2.02.01.07]. Có thể thấy, chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý của trường ĐHTB được xây dựng và cập nhật dựa trên cơ sở kế thừa những điểm mạnh của chương trình đào tạo của các trường đại học khác và bám sát các văn bản pháp luật của Bộ GD&ĐT.

2. Điểm mạnh

Định lượng hóa CĐR: CTĐT năm 2022 đã có bước tiến vượt bậc so với các phiên bản trước đó bằng việc cụ thể hóa các Mục tiêu Học tập của Chương trình (Program Learning Outcomes - PLO) thành các Chỉ số Đánh giá (Performance Indicators - PI) có thể đo lường được. Thay vì chỉ mô tả chung chung các năng lực cần đạt, CTĐT năm 2022 đã xác định rõ các tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ đạt được của từng PLO. Điều này mang lại sự minh bạch, khách quan trong quá trình đánh giá năng lực sinh viên, đồng thời giúp giảng viên và sinh viên có định hướng rõ ràng trong quá trình dạy và học. Đây là một cải tiến quan trọng, phù hợp với xu hướng đánh giá chất lượng đào tạo dựa trên năng lực (competency-based assessment) hiện nay.

Bắt kịp Xu thế với "Tư duy Sáng tạo và Tinh thần Khởi nghiệp": Một điểm mạnh đáng chú ý khác của CTĐT năm 2022 là việc bổ sung yếu tố "tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp" vào CĐR. Sự bổ sung này thể hiện tầm nhìn chiến lược của nhà trường trong việc trang bị cho sinh viên những năng lực cần thiết để không chỉ thành công trong vai trò giáo viên mà còn có thể thích ứng và đóng góp trong nhiều lĩnh vực khác của nền kinh tế. Việc tích hợp tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp vào chương trình đào tạo giáo viên cho thấy sự nhạy bén trong việc đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển chung của xã hội, nơi mà sự đổi mới và khả năng tạo ra giá trị mới ngày càng được coi trọng.

Tăng cường Khối lượng Kiến thức và Kỹ năng: CTĐT năm 2022 đã tăng tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu lên 136 tín chỉ. Sự điều chỉnh này cho thấy chương trình đã được mở rộng và tăng cường về khối lượng kiến thức, kỹ năng cung cấp cho sinh viên. Việc tăng số tín chỉ, đặc biệt là ở các khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, phản ánh cam kết của nhà trường trong việc cung cấp cho sinh viên một nền tảng kiến thức vững chắc và kỹ năng chuyên môn sâu rộng, giúp họ tự tin bước vào nghề nghiệp và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của công việc giảng dạy Địa lý trong bối cảnh hiện nay.

3. Điểm tồn tại

Tính khả thi trong đo lường các chỉ tiêu đánh giá năng lực: CTĐT năm 2022 đã có bước tiến quan trọng khi cụ thể hóa các Mục tiêu Học tập của Chương trình (Program Learning Outcomes - PLO) bằng các Chỉ số Đánh giá (Performance Indicators - PI). Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là liệu các PI này có thực sự khả thi trong việc đo lường và đánh giá trên thực tế hay không. Cần phải xem xét liệu các PI có đủ rõ ràng, cụ thể và phù hợp để đánh giá một cách khách quan và chính xác năng lực của sinh viên trong suốt quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp hay không. Việc đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của các công cụ đánh giá là rất quan trọng để đảm bảo chất lượng của CTĐT.

Tính minh bạch trong quy trình thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi: Mặc dù CTĐT năm 2022 có đề cập đến việc rà soát và cập nhật dựa trên ý kiến phản hồi, những thông tin chi tiết về quy trình này còn hạn chế. Cần phải làm rõ cách thức Trường ĐHTB thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng), tần suất thu thập, phương pháp phân tích và quan trọng nhất là cách thức những ý kiến này được sử dụng để điều chỉnh và cải tiến CTĐT. Việc minh bạch hóa quy trình này không chỉ tăng cường tính trách nhiệm giải trình mà còn giúp đảm bảo CTĐT thực sự đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Mức độ bao quát của các kỹ năng mềm trong chuẩn đầu ra: CTĐT năm 2022 đã bổ sung "tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp" vào CĐR, thể hiện sự bắt kịp xu thế. Tuy nhiên, cần xem xét liệu các kỹ năng mềm khác đã được tích hợp đầy đủ và thể hiện rõ ràng trong các PLO và PI hay chưa. Các kỹ năng như ngoại ngữ, giải quyết vấn đề phức tạp, làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả, lãnh đạo,.. có thể đã được đề cập trong các học phần, nhưng cần được nhấn mạnh và cụ thể hóa hơn trong CĐR để đảm bảo sinh viên nhận thức được tầm quan trọng và có định hướng phát triển các kỹ năng này. Việc rà soát và bổ sung (nếu cần thiết) các kỹ năng mềm quan trọng sẽ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của sinh viên trên thị trường lao động.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
1. Tập huấn về xây dựng và đánh giá CĐR dựa trên PI.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm

2. Phát triển hoạt động ngoại khóa về sáng tạo, khởi nghiệp.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
3. Rà soát, tăng cường nội dung, phương pháp giảng dạy.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
Khắc phục hạn chế		
1. Đánh giá, điều chỉnh PI và công cụ đánh giá.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
2. Xây dựng quy trình minh bạch về thu thập, xử lý phản hồi.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
3. Rà soát, bổ sung kỹ năng mềm trong CĐR.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

100% đề cương các môn học/học phần trong CTĐT phải đầy đủ thông tin: Trường ĐHTB đã xây dựng đầy đủ đề cương chi tiết học phần cho tất cả các học phần thuộc chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý năm 2022 [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], [H2.02.02.07]. Đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo mẫu của Bộ GD&ĐT, bao gồm các nội dung sau:

Thông tin chung về học phần: Tên học phần, tên tiếng Anh, mã học phần, số tín chỉ, phân bổ thời gian cho các hoạt động, giảng viên phụ trách, điều kiện tham gia học phần,

loại học phần, khối kiến thức. Mô tả tóm tắt học phần: Giới thiệu nội dung chính của học phần. Mục tiêu học phần: Mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của học phần. CĐR của học phần: Liệt kê các chuẩn đầu ra của học phần, thể hiện bằng các hành động cụ thể, có thể đo lường được. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs): Thể hiện bằng ma trận minh họa mối liên hệ giữa các CLOs và PLOs. Đánh giá học phần: Gồm các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá, tiêu chí, thang điểm, trọng số của từng thành phần, điều kiện dự thi kết thúc học phần. Nhiệm vụ của sinh viên: Yêu cầu sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động của học phần, hoàn thành các bài tập, bài kiểm tra, bài thi. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần: Trình bày chi tiết kế hoạch giảng dạy của từng tuần, từng buổi học, bao gồm nội dung bài học, số tiết, hoạt động dạy và học, bài đánh giá, chuẩn đầu ra, phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập. Học liệu: Bao gồm sách giáo trình, tài liệu tham khảo và danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], [H2.02.02.07].

Đề cương các học phần cập nhật theo các kế hoạch của trường ĐHTB: Tiến trình rà soát và cập nhật đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) ngành Sư phạm Địa lý (SPĐL) tại Trường ĐHTB từ năm 2018 đến 2022 được thực hiện qua nhiều giai đoạn, thể hiện qua một loạt các văn bản, quyết định và kế hoạch. Quá trình này bắt đầu từ năm 2018 với các quyết định về việc thành lập hội đồng và ban hành quy định sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo (số 91/QĐ-ĐHTB và 133/QĐ-ĐHTB). CĐR (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành SPĐL năm 2018 được ban hành (số 596/QĐ-ĐHTB). Tiếp theo, các kế hoạch rà soát và điều chỉnh CĐR được triển khai vào năm 2020 và 2021 (số 304/KH-ĐHTB, 558/KH-ĐHTB, 307/KH-ĐHTB). Song song đó, Ban chỉ đạo và các tiểu ban được thành lập để thực hiện việc rà soát, sửa đổi và cập nhật CTĐT (số 237/QĐ-ĐHTB). CĐR CTĐT ngành SPĐL năm 2021 được ban hành (Số 08/QĐ-ĐHTB). Đến năm 2022, quá trình này tiếp tục với các kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT (số 235/KH-ĐHTB), các tiểu ban xây dựng CĐR, và hội đồng thẩm định được thành lập (Số 180/QD/DHTB, 819/QĐ-ĐHTB, 376/QĐ-ĐHTB). Cuối cùng, CĐR CTĐT ngành SPĐL năm 2022 được ban hành, cùng với mẫu ĐCCTHP mới (số 376/QĐ-ĐHTB, kèm theo QĐ số 376/QĐ-ĐHTB, CV số 288/CV-ĐHTB). Như vậy có thể thấy từ 2018 đến 2022 trường đã có một lộ trình và hệ thống các văn bản để thực hiện việc cập nhật, rà soát này [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], [H2.02.02.07].

Quá trình rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo, đặc biệt là đề cương chi tiết học phần, ngành Sư phạm Địa lý tại Trường ĐHTB từ 2018-2022, không chỉ dựa trên các văn bản và quyết định nội bộ mà còn chú trọng đến việc lấy ý kiến đóng góp từ các bên liên quan. Mặc dù trong danh sách văn bản cung cấp không chỉ rõ *từng* văn bản cụ thể về việc lấy ý kiến, nhưng một số văn bản và hoạt động gián tiếp cho thấy điều này. Thứ nhất,

kế hoạch tổ chức tập huấn "Xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển chương trình đào tạo" (số 558/KH-ĐHTB) cho thấy sự tham gia, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từ các chuyên gia, giảng viên. Thứ hai, việc thành lập các hội đồng thẩm định (như Quyết định số 376/QĐ-ĐHTB) bao gồm các thành viên có chuyên môn, có thể bao gồm cả giảng viên trong và ngoài trường, nhà khoa học, đại diện các trường phổ thông, cho thấy sự tham vấn từ các bên liên quan về mặt chuyên môn. Thứ ba, các báo cáo khảo sát (chưa được liệt kê chi tiết) về nhà tuyển dụng cho thấy trường có thu thập thông tin từ phía người sử dụng lao động. Tóm lại, quá trình rà soát và cập nhật chương trình đào tạo ngành SPĐL tại ĐHTB có sự tham gia và đóng góp ý kiến, dù trực tiếp hay gián tiếp, từ nhiều phía, bao gồm các chuyên gia, giảng viên, và có thể cả nhà tuyển dụng, nhằm đảm bảo chất lượng và tính phù hợp của chương trình. Để có thông tin cụ thể, chi tiết hơn, cần tìm hiểu thêm các biên bản họp hội đồng, báo cáo khảo sát, và các tài liệu liên quan khác [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03 [H2.02.02.06].

Năm 2018: CTĐT ngành Sư phạm Địa lý có 66 học phần, năm 2022: CTĐT ngành Sư phạm Địa lý có 56 học phần. Về nội dung học phần: Năm 2018: Đề cương chi tiết học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Tên học phần, số tín chỉ, thông tin về học phần (điều kiện tiên quyết, loại học phần), phân bố thời gian, mục tiêu học phần, mô tả vắn tắt học phần, thông tin giảng viên, nhiệm vụ sinh viên, tiêu chuẩn đánh giá sinh viên, điều kiện dự thi kết thúc học phần, hình thức thi và thang điểm, tài liệu tham khảo, nội dung chi tiết học phần. Năm 2022: Đề cương chi tiết học phần bao gồm các nội dung cơ bản sau: Thông tin chung về học phần (tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, phân bố thời gian, các giảng viên phụ trách học phần, điều kiện tham gia học phần, loại học phần, thuộc khối kiến thức), mô tả tóm tắt học phần, mục tiêu học phần (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể), chuẩn đầu ra của học phần, mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs), đánh giá học phần, học liệu, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03].

Đề cương học phần năm 2022 có sự thay đổi so với năm 2018, cụ thể là bổ sung thêm phần chuẩn đầu ra của học phần, mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đề cương chi tiết học phần năm 2022 được trình bày ngắn gọn, cô đọng và đầy đủ hơn so với năm 2018. Việc bổ sung thêm phần chuẩn đầu ra của học phần, mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo giúp sinh viên nắm rõ được mục tiêu, yêu cầu của học phần, cũng như năng lực mà sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành học phần [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03].

So sánh đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) giữa hai giai đoạn 2018 và 2022 cho thấy những điểm cải tiến nổi bật. Trước hết, chuẩn đầu ra (PLO) của chương trình được xác định rõ ràng và cụ thể hơn. Các mục tiêu của từng học phần trong ĐCCTHP 2022 được

liên kết chặt chẽ với PLO, đảm bảo rằng nội dung giảng dạy và phương pháp đánh giá đều hướng tới việc giúp sinh viên đạt được những năng lực cần thiết sau khi tốt nghiệp. Về nội dung, ĐCCTHP 2022 thể hiện rõ sự cập nhật kiến thức mới, mang tính liên ngành và phản ánh sự phát triển của khoa học, giáo dục. Danh mục tài liệu tham khảo cũng được bổ sung đáng kể, với nhiều giáo trình và sách xuất bản gần đây. Phương pháp giảng dạy và đánh giá cũng có những thay đổi tích cực. ĐCCTHP 2022 khuyến khích sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm như: thuyết trình, thảo luận nhóm, làm việc nhóm, và giải quyết vấn đề. Hình thức đánh giá cũng đa dạng hơn, bao gồm cả đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, nhằm đánh giá toàn diện năng lực của sinh viên [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04].

CTĐT mới cũng chú trọng phát triển toàn diện năng lực cho sinh viên, không chỉ về kiến thức chuyên môn mà còn về kỹ năng mềm, thái độ, năng lực tự chủ, tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giảng dạy và học tập cũng được đẩy mạnh, đặc biệt trong các học phần phương pháp dạy học và chuyên ngành. Cuối cùng, các học phần liên quan đến phương pháp dạy học Địa lý trong chương trình 2022 đã có sự điều chỉnh để phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, thể hiện sự bắt nhịp với những thay đổi trong hệ thống giáo dục quốc dân [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06], [H2.02.02.07].

2. Điểm mạnh

Liên kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra (PLO): Điểm mạnh đầu tiên và quan trọng nhất là sự liên kết rõ ràng giữa mục tiêu của từng học phần với chuẩn đầu ra (PLO) của toàn chương trình. ĐCCTHP 2022 đã cụ thể hóa các mục tiêu học phần, đảm bảo rằng nội dung và phương pháp giảng dạy được thiết kế một cách có chủ đích để trực tiếp góp phần vào việc hình thành các năng lực cần thiết cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Điều này không chỉ giúp sinh viên hiểu rõ mục tiêu của từng môn học mà còn giúp giảng viên định hướng quá trình giảng dạy, đảm bảo sinh viên phát triển toàn diện theo đúng chuẩn đầu ra đã đề ra.

Nội dung và tài liệu học tập cập nhật: ĐCCTHP 2022 cho thấy sự cập nhật đáng kể về nội dung kiến thức và tài liệu học tập. So với phiên bản 2018, chương trình mới đã bổ sung nhiều giáo trình, sách tham khảo xuất bản gần đây, phản ánh những tiến bộ mới nhất trong lĩnh vực Địa lý và khoa học giáo dục. Việc cập nhật này đảm bảo sinh viên được tiếp cận với kiến thức thời sự, phù hợp với bối cảnh hiện tại, và tăng cường sự liên kết giữa các chuyên ngành trong lĩnh vực Địa lý.

Phương pháp giảng dạy và đánh giá tích cực, hướng đến phát triển năng lực: Điểm mạnh thứ ba là sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy và đánh giá. ĐCCTHP 2022 mô tả chi tiết và khuyến khích áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, lấy người học làm

trung tâm như thuyết trình, thảo luận nhóm, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, và các phương pháp trực quan. Hình thức đánh giá cũng được đa dạng hóa, kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, nhằm đánh giá toàn diện năng lực của sinh viên, không chỉ về kiến thức mà còn về kỹ năng, thái độ và năng lực tự chủ. Đặc biệt, chương trình mới còn chú trọng phát triển tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Mức độ chi tiết trong mô tả phương pháp đánh giá: Dù ĐCCTHP 2022 đã thể hiện sự đa dạng hóa trong phương pháp đánh giá, mức độ chi tiết về cách thức các phương pháp này đo lường mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra (PLO) có thể vẫn cần được làm rõ hơn. Việc thiếu các tiêu chí đánh giá (rubrics) cụ thể hoặc sự liên kết chưa chặt chẽ giữa các hoạt động đánh giá với mục tiêu học tập có thể gây khó khăn cho cả giảng viên và sinh viên. Giảng viên có thể gặp khó khăn trong việc đánh giá chính xác năng lực sinh viên, còn sinh viên có thể không hiểu rõ yêu cầu để đạt kết quả tốt nhất.

Sự thể hiện rõ ràng của việc tích hợp phản hồi: Trường ĐHTB có quy trình thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, nhưng việc thể hiện rõ ràng cách thức những phản hồi này được tích hợp vào nội dung và hoạt động của từng học phần trong ĐCCTHP 2022 có thể chưa đầy đủ. Có thể có khoảng cách giữa việc thu thập ý kiến và việc thực sự thay đổi, điều chỉnh nội dung giảng dạy, học tập. Việc làm rõ quy trình này, đảm bảo những phản hồi giá trị được phản ánh cụ thể trong đề cương, sẽ góp phần nâng cao chất lượng chương trình.

Tính nhất quán và mức độ chi tiết giữa các đề cương: Do số lượng học phần lớn, có thể vẫn tồn tại sự khác biệt về cấu trúc, mức độ chi tiết và tính rõ ràng giữa các ĐCCTHP khác nhau trong chương trình đào tạo năm 2022. Một số đề cương có thể rất chi tiết, trong khi số khác có thể thiếu thông tin cụ thể ở một số mục quan trọng (ví dụ: hướng dẫn tự học, tiêu chí đánh giá). Sự thiếu nhất quán này có thể gây khó khăn cho sinh viên trong việc tiếp cận và hiểu rõ yêu cầu của từng học phần, cũng như ảnh hưởng đến việc đảm bảo chất lượng đồng đều giữa các môn học.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
1. Tập huấn giảng viên về liên kết mục tiêu học phần - chuẩn đầu ra (PLO) và phương pháp đánh giá theo năng lực.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội	Hàng năm

	Bộ môn Địa lý	
2. Xây dựng và duy trì thư viện tài liệu học tập mở, cập nhật liên tục.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
3. Khuyến khích giảng viên chia sẻ kinh nghiệm, bài giảng, tài liệu trên nền tảng trực tuyến.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
Khắc phục hạn chế		
1. Xây dựng rubrics đánh giá chi tiết cho từng phương pháp; rà soát và chỉnh sửa ĐCCTHP.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
2. Thiết lập quy trình rõ ràng về việc thu thập, xử lý và phản hồi ý kiến từ các bên liên quan.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
3. Xây dựng biểu mẫu ĐCCTHP thống nhất, có hướng dẫn chi tiết; tổ chức họp trao đổi giữa các giảng viên.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần CTĐT NSPĐL được ban hành theo Quyết định thứ nhất, số 739/QĐ-ĐHTB, được ban hành vào ngày 20/8/2018, về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2018. Quyết định thứ hai, số 989/QĐ-ĐHTB, ban hành ngày 12/9/2022, về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2022 [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04]. Bản mô tả CTĐT cùng với đề cương chi tiết các học phần sau khi phê duyệt được công bố công khai cho người học và các bên liên

quan bằng nhiều hình thức khác nhau: tư vấn tuyển sinh trực tuyến, công bố công khai trên website của Nhà trường, website của Khoa Khoa học Xã hội, giới thiệu cho các SV vào đầu khóa học, vv CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được giới thiệu với các bên liên quan thông qua các tài liệu như cẩm nang học sinh, sinh viên; thông báo cho của Nhà trường. 100% đề cương các môn học/học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau như trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04].

Theo quy định của Nhà trường, đề cương chi tiết của học phần phải được GV cung cấp và giới thiệu cụ thể cho SV vào các buổi dạy đầu tiên của học phần, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CĐR và nội dung của hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần mà mình cần đạt [H3.03.01.04].

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần cũng được giới thiệu đến các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, các nhà khoa học, vv. dưới dạng tài liệu quảng bá, các bản tin, website của khoa, vv. thông qua khảo sát điều tra. Bằng nhiều hình thức như vậy các bên liên quan trong và ngoài Nhà trường có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần một cách dễ dàng. Cũng bằng các hình thức này, Nhà trường có thể tiếp cận một cách thuận tiện cho việc lấy góp ý phản hồi về CTĐT nhằm đáp ứng thực tiễn giảng dạy, yêu cầu của xã hội và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng đào tạo, Trung tâm ĐBCL, trưởng các Khoa, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết các học phần đều được công khai, cho phép người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Trong các hình thức công bố công khai trên, hình thức đưa thông tin lên website giúp các bên liên quan tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng. Các ý kiến phản hồi đều được ghi nhận và tiếp thu.

3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các trường phổ thông – nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành SPĐL còn chưa hiệu quả. Tài liệu quảng bá về CTĐT chưa có bản bằng tiếng Anh.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
1. Duy trì, cập nhật CTĐT và ĐCCTHP trên website.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
2. Đa dạng hình thức công khai.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
3. GV cung cấp, giới thiệu ĐCCTHP cho SV.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
Khắc phục hạn chế		
1. Tăng cường truyền thông CTĐT đến trường phổ thông.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
2. Xây dựng tài liệu quảng bá CTĐT bằng tiếng Anh.	Ban Giám hiệu Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần

5. Tự đánh giá: Đạt 4.5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Tiêu chuẩn 2 về Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT) và Đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) của ngành Sư phạm Địa lý (SPĐL) tại Trường ĐHTB đã được đánh giá một cách toàn diện, dựa trên các tiêu chí về tính đầy đủ, cập nhật, công khai và khả năng tiếp cận của các tài liệu này.

Về bản mô tả CTĐT: Bản mô tả CTĐT ngành SPĐL được xây dựng đầy đủ, chi tiết và cập nhật, tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bản mô tả cung cấp thông tin tổng quan về ngành, mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, mô tả các học phần, quy trình đào tạo, và hướng dẫn thực hiện. CTĐT 2022 đã có những cập nhật quan trọng, bao gồm: chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo khung năng lực 6 bậc, tăng cường thực hành/thực tập, bổ sung học phần mới ("Công nghệ số trong địa lý"), cập nhật nội dung học phần, cụ thể hóa chuẩn đầu ra bằng các chỉ số đánh giá năng lực, và bổ sung nội dung về khởi nghiệp. Các điểm mạnh nổi bật là: định lượng hóa chuẩn đầu ra, bắt kịp xu thế với "tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp," và tăng cường khối lượng kiến thức, kỹ năng. Tuy nhiên, CTĐT cần cải thiện tính khả thi trong đo lường các chỉ số đánh giá, tăng cường tính minh bạch trong quy trình thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi, và đảm bảo mức độ bao quát của các kỹ năng mềm.

Về đề cương chi tiết học phần: 100% các học phần trong CTĐT đều có ĐCCTHP, được xây dựng theo mẫu quy định, bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết. ĐCCTHP được cập nhật thường xuyên, có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan. So sánh ĐCCTHP 2018 và 2022 cho thấy những cải tiến rõ rệt: liên kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra (PLO), cập nhật nội dung và tài liệu, đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá theo hướng phát triển năng lực. Các điểm mạnh chính là: sự liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu học phần và PLO, nội dung và tài liệu cập nhật, và phương pháp giảng dạy/đánh giá tích cực. Tuy nhiên, cần cải thiện mức độ chi tiết trong mô tả phương pháp đánh giá, thể hiện rõ ràng hơn việc tích hợp phản hồi, và đảm bảo tính nhất quán giữa các đề cương.

Về tính công khai và khả năng tiếp cận: Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được công bố công khai bằng nhiều hình thức, đảm bảo người học, người dạy, các bộ phận hỗ trợ và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, cần tăng cường truyền thông đến các trường phổ thông và xây dựng tài liệu quảng bá bằng tiếng Anh.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,83

+ Số tiêu chí đạt: 3/3

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH NSPĐL ban hành và áp dụng tại Trường ĐHTB từ năm 2022, được xây dựng dựa vào CĐR của CTĐT ngành NSPĐL, thiết kế đảm bảo các khối kiến thức, các nội dung đào tạo và phương pháp đánh giá, số tín chỉ cho từng học phần phù hợp với CĐR. Mỗi học phần trong CTDH NSPĐL đều thể hiện được các yêu cầu của CĐR rất rõ ràng, đóng góp trong việc đạt CĐR. CTDH được xây dựng theo cấu trúc hợp lý, nhất quán, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTĐT của ngành NSPĐL liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích ứng và cập nhật ở từng học phần cụ thể theo yêu cầu đổi mới trong giáo dục và với CTDH tổng thể.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Thiết kế chương trình dạy học là một trong những hoạt động bảo đảm chất lượng đầu vào, có kế hoạch rõ ràng, được toàn thể GV của Chương trình đào tạo tiếp nhận, hiểu rõ và trực tiếp tham gia triển khai. CTDH NSPĐL được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. CTDH NSPĐL được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT ngành sư phạm Địa lý [H3.03.01.01] đồng thời tuân thủ quy trình thiết kế đã được hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, yêu cầu của mục tiêu đào tạo quy định tại Luật Giáo dục đại học, phù hợp và đáp ứng nhu cầu xã hội và yêu cầu của nhà tuyển dụng [H3.03.01.06].

Mục tiêu chung của CTDH NSPĐL ban hành các năm 2018 và 2022 [H3.03.01.01] là đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lí có phẩm chất chính trị, đạo đức, có năng lực chuyên môn và trách nhiệm xã hội để giảng dạy, làm việc tại các cơ sở giáo dục, đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp, có tinh thần khởi nghiệp và học tập suốt đời. Với các mục tiêu cụ thể:

PO1: Có kiến thức khoa học chính trị, tự nhiên, xã hội; khoa học Địa lí, giáo dục phục vụ nghề nghiệp và học tập suốt đời.

PO2: Có năng lực giáo dục, dạy học, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Địa lí.

PO3: Có kĩ năng mềm, tư duy sáng tạo và khả năng truyền cảm hứng.

PO4: Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo, ý thức phục vụ cộng đồng và khởi nghiệp.

Trong CTDH có kế hoạch phân bố các học phần theo từng kỳ học, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với trình độ đại học, thời gian đào tạo là 4 năm, 8 học kì. Trong mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể.

CTDH NSPĐL được thiết kế bao gồm 136 TC (Chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, giáo dục QP-AN) gồm 2 khối kiến thức:

(1) Khối kiến thức chung (28 TC, chiếm 20,6%);

(2) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (108 TC, chiếm 79,4%), trong đó bao gồm: Khối kiến thức cơ sở ngành (11TC), khối kiến thức chuyên ngành (79 TC), khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực tập nghề nghiệp (11TC) và khối kiến thức khóa luận hoặc học phần tương đương (7TC).

Các học phần ở các khối kiến thức này đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kiến thức của CĐR, được thể hiện cụ thể ở Bảng 3.1.1. Bảng này cho thấy cấu trúc các học phần trong CTDH có thể hiện tỷ lệ cân đối, logic với cấu phần của CĐR (CĐR chung, CĐR chuyên ngành, kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, thái độ, tự chủ và nghề nghiệp).

Bảng 3.1.1. Học phần trong CTDH tương ứng yêu cầu kiến thức CĐR

CĐR (CĐR)	Học phần liên quan (trong CTDH)
C1: Hiểu và vận dụng kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng, Pháp luật, Quốc phòng an ninh, Giáo dục thể chất.	- Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất 1, 2.
C2: Hiểu và vận dụng kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học, Quản lý hành chính, Quản lý ngành GD&ĐT, Văn hóa Việt Nam.	- Tâm lý học, Giáo dục học, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT, Giao tiếp sư phạm, Phương pháp nghiên cứu khoa học, (có thể thêm) Cơ sở văn hoá Việt Nam, văn hoá Tây Bắc.
C3: Hiểu kiến thức nền tảng về các lĩnh vực của khoa học Địa lý và vận dụng vào giảng dạy.	- Nhóm kiến thức chung của ngành (37TC): Bản đồ địa lý, Kỹ năng mềm Địa lý, Nhập môn Khoa học Địa lý, Cơ sở địa lý tự nhiên 1-2-3, Địa lý tự nhiên Việt Nam, Cơ sở địa lý kinh tế - xã hội 1-2, Phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lý,…
C4: Hiểu kiến thức chuyên sâu ở một số lĩnh vực đặc biệt của Địa lý và vận dụng vào nghiên cứu.	- Nhóm kiến thức chuyên sâu của ngành (42TC): (một số học phần) Lý luận dạy học Địa lý, Địa lý kinh tế - xã hội 1-2, Địa lý châu Á, Địa lý châu Âu, Địa lý châu Mỹ, Phi, Úc, …

C5: Hiểu và vận dụng kiến thức về lý luận dạy học, phương pháp dạy học, nghiệp vụ sư phạm.	- Lý luận dạy học Địa lý, Phương pháp dạy học địa lý 1-2, Rèn luyện NVSP 1-2, Thực tập sư phạm 1-2,… (và các học phần liên quan đến phương pháp, thực hành, thực tập).
C6: Đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 (tương đương A2 CEFR).	- Ngoại ngữ (Tiếng Anh 1, 2, 3, 4).
C7: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.	- Tin học cơ sở, (có thể thêm) Tin học nâng cao, Công nghệ số trong Địa lý.
Các CĐR khác (nếu có): (ví dụ: kỹ năng mềm, thái độ...)	(Liệt kê các học phần liên quan).

Đặc biệt, khối kiến thức chuyên ngành, chuyên sâu về khoa học Địa lý không chỉ đáp ứng các CĐR mà còn tạo điều kiện tiền để để người học có thể tiếp tục học lên các bậc học cao hơn với nhiều lựa chọn chuyên ngành đào tạo. Thêm vào đó, những kiến thức này cũng là kiến thức nền tảng giúp người học đảm bảo được CĐR phù hợp, tổ chức được các hoạt động giáo dục môn Lịch sử và Địa lý ở cấp THCS.

Những học phần trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chuyên ngành địa lý ngoài đáp ứng CĐR về kiến thức, còn chú trọng đáp ứng *yêu cầu kĩ năng của CĐR* đó là:

C11 - Vận dụng thành thạo các phương pháp dạy học bộ môn Địa lý, liên môn và phương pháp giáo dục học sinh theo định hướng phát triển năng lực.

C12 - Thực hiện thành thạo các phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra đánh giá kết quả và sự tiến bộ của học sinh trong học tập môn Địa lý và rèn luyện ở trường phổ thông.

C13 - Thành thạo trong việc thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học, trải nghiệm Địa lý ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực.

C14 - Sử dụng thành thạo bản đồ và một số phần mềm hệ thống thông tin địa lý (GIS).

Thêm vào đó, CTDH NSPĐL còn đáp ứng yêu cầu mức tự chủ, trách nhiệm theo yêu cầu của bậc 6 (bậc đại học) trong khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ phê duyệt ngày 18 tháng 10 năm 2016 theo quyết định số 1982/QĐ-TTg [H3.03.01.08]. Cụ thể là các yêu cầu của CĐR sau:

C18 - Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

C19 - Biết làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, biết chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.

C20 - Nhận thức được nhu cầu và xây dựng kế hoạch học tập suốt đời.

Qua việc học tập, thảo luận, kiểm tra đánh giá ở các học phần trong CTDH, đặc biệt là học phần Phương pháp NCKH Địa lý và các học phần chuyên ngành Địa lý, người học sẽ có năng lực làm việc độc lập; làm việc nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; tự đánh giá kết quả thực hiện; bảo vệ được quan điểm cá nhân và lập kế hoạch thực hiện hoạt động – là các yêu cầu về mức tự chủ, trách nhiệm theo yêu cầu bậc đại học [H3.03.01.01].

- Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành sư phạm Địa lý, các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể bao gồm: (1) Chiến lược dạy học trực tiếp gồm các phương pháp thuyết trình, thực hành, trình diễn; (2) chiến lược dạy học gián tiếp với các phương pháp giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình; (3) chiến lược học trải nghiệm gồm các phương pháp mô phỏng, trò chơi, tham quan, khảo sát thực địa, trải nghiệm thực tế, đóng vai, dạy học tình huống; (4) chiến lược dạy học tương tác thực hiện các phương pháp đóng vai, tranh luận, thảo luận nhóm, vấn đáp,… (5) chiến lược học tập độc lập thực hiện các phương pháp tự học, dạy học dự án, kỹ thuật 5W1H, sơ đồ tư duy,… Các chiến lược và phương pháp dạy học trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 3.1.2. Mối quan hệ giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra

Chiến lược và phương pháp dạy - học		**CĐR CTĐT (PLOs)**								
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**
1	Dạy học trực tiếp	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Dạy học gián tiếp	x	x	x		x	x	x	x	
3	Dạy học tương tác	x	x	x			x		x	x
4	Chiến lược học tập trải nghiệm		x	x	x		x			x
5	Học tập độc lập		x	x	x		x	x	x	

- Thêm vào đó, để đảm bảo đánh giá kết quả học tập của người học đạt CĐR, mỗi đề cương chi tiết học phần và kế hoạch dạy học của học phần đều đã quy định rõ về quy

trình kiểm tra, đánh giá với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong học phần mà SV đã được học [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.04]. Mỗi học phần được đánh giá căn cứ vào tính chất của học phần, điểm tổng hợp được tính căn cứ vào một học phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần. Đề thi kết thúc học phần thường áp dụng các hình thức đa dạng như: thi tự luận, thi trắc nghiệm hoặc làm thu hoạch tài liệu chuyên môn, thực hành dạy học, ... tùy theo mục tiêu của môn học [H3.03.01.03], [H3.03.01.05], [H3.03.01.06]. Các điều kiện tiên quyết đối với người học, việc xác định tổ hợp các PPGD, kiểm tra đánh giá đều đảm bảo đạt CĐR và có sự tương thích giữa PPGD và hình thức kiểm tra đánh giá.

2. Điểm mạnh

CTDH SPĐL được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CĐR, có mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, đảm bảo tính hệ thống. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kĩ năng, tự chủ và trách nhiệm của CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR. Các học phần đề đóng góp vào CĐR, được xác định bằng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT [H3.03.01.01]. Giảng viên có nhiều lựa chọn chiến lược, phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc điểm của từng học phần, góp phần đạt CĐR.

Nhà trường ban hành quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra đánh giá, đặc biệt là ban hành các quyết định về Kế hoạch đào tạo toàn khoá, phê duyệt các học phần được thực hiện và kế hoạch thi kết thúc học phần ở mỗi học kỳ cho các khoá học. Việc tổ chức các hoạt

động dạy - học, kiểm tra đánh giá cũng được chú ý đến đáp ứng CĐR và thể hiện cụ thể trong Kế hoạch năm học, kế hoạch tổ chức các hoạt động của Nhà trường, của Khoa Khoa học xã hội và bộ môn Địa lý [H3.03.01.02]. Trên cơ sở đó, các đơn vị có liên quan trong toàn Trường huy động mọi nguồn lực để đảm bảo chất lượng và tiến độ của CTĐT.

Chương trình được rà soát, cập nhật định kỳ theo quy định và có sự gắn kết với giảng viên, sinh viên và bám sát yêu cầu của các nhà tuyển dụng [H3.03.01.06], từ đó thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Do CTDH mới được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực nên sự phân nhiệm giữa một vài học phần để đáp ứng CĐR còn chưa hợp lý; việc đánh giá khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR của các học phần còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
1. Tiếp tục rà soát, cập nhật CTĐT định kỳ theo quy định, tăng cường sự tham gia của giảng viên, sinh viên và nhà tuyển dụng trong quá trình rà soát.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
2. Tăng cường áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp với từng học phần, bảo đảm đạt CĐR.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
3. Củng cố và cập nhật thường xuyên ma trận học phần – CĐR nhằm đảm bảo tính hệ thống và khoa học.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
4. Phát huy vai trò của kế hoạch đào tạo toàn khóa, kế hoạch năm học trong việc tổ chức thực hiện chương trình hiệu quả.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
Khắc phục hạn chế		
1. Rà soát lại sự phân nhiệm giữa các học phần, đảm bảo tính liên kết, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót trong việc đạt CĐR.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Học kỳ I hàng năm
2. Thiết lập quy trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) về CĐR các học phần.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội	Học kỳ II hàng năm

	Bộ môn Địa lý	
3. Tổ chức tập huấn về thiết kế chương trình học phần gắn với CĐR và đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra.	Ban Giám hiệu Phòng đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần của CTĐT NSPĐL đều có đề cương chi tiết do các giảng viên trong bộ môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, đảm bảo sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Mỗi học phần đều có CĐR tương ứng với chiến lược dạy - học và phương pháp KTĐG như mô tả trong đề cương chi tiết [H3.03.02.01], [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

Toàn bộ CTĐT gồm 136 tín chỉ đáp ứng hết 20 CĐR, việc đạt 1 CĐR sẽ do nhiều học phần đảm nhận và được thể hiện qua ma trận quan hệ học phần và CĐR, ma trận kỹ năng được mô tả đầy đủ trong CTĐT. Khi xây dựng CTĐT ngành SPĐL, GV đã mô tả, xác định rõ học phần đó có đóng góp gì về kiến thức, kĩ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân người học để đạt CĐR. Hầu hết các học phần đều góp phần giúp rèn luyện năng lực học tập, năng lực giao tiếp, năng lực thích ứng với môi trường cho SV từ đó giúp hình thành nhóm năng lực phát triển cá nhân tạo nền tảng cho việc học tập suốt đời và xây dựng bản sắc cá nhân theo CĐR. Sự đóng góp của mỗi học phần cho các nhóm năng lực nghề theo CĐR có sự khác nhau, có những học phần có đóng góp lớn cho phát triển nhóm năng lực sư phạm, có những học phần lại có đóng góp lớn cho phát triển nhóm năng lực NCKH hay nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội [H3.03.02.01].

Những học phần khối kiến thức chuyên ngành Địa lý như học phần: Bản đồ học; Kỹ năng mềm Địa lý; Cơ sở Địa lý tự nhiên 1,2,3; Địa lý tự nhiên Việt Nam; Cơ sở địa lý kinh tế - xã hội 1,2; Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1,2; Địa lý châu Âu; Địa lý châu Á; Địa lý Châu Mỹ, Phi, Úc;… Thực địa Địa lý tự nhiên; Thực địa Địa lý kinh tế - xã hội; Tiếng Anh Địa lý; và các học phần tự chọn trong phần kiến thức chuyên ngành Địa lý đóng góp lớn cho rèn luyện năng lực năng lực tự học, năng lực chuyên ngành, năng lực NCKH và năng lực phát triển nghề [H3.03.02.01].

Với mục tiêu *"Có kiến thức về khoa học nền tảng; khoa học giáo dục; khoa học địa lý phục vụ nghề nghiệp",* các môn học như Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm, Lý luận dạy học Địa lý, Phương pháp dạy học Địa lý 1 và Phương pháp dạy học Địa lý 2…. đáp ứng phù hợp với chuẩn đầu ra là *Vận dụng được kiến thức cơ bản khoa học giáo dục, tâm lý học vào hoạt động nghề nghiệp* (Áp dụng kiến thức về khoa học giáo dục vào giảng dạy môn Địa lý của mình; góp phần lớn trong việc rèn luyện các năng lực thuộc nhóm năng lực sư phạm (như năng lực chuyên ngành, năng lực định hướng phát triển của học sinh, năng lực dạy học và giáo dục) và các năng lực thuộc nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội. Học phần Phương pháp NCKH Địa lý sẽ góp phần lớn cho phát triển năng lực NCKH cho người học [H3.03.02.01].

Đề cương chi tiết mỗi học phần trong CTĐT đều được trình bày theo mẫu chung [H3.03.02.01]. Ngoài phần thông tin chung về học phần và mô tả tóm tắt học phần, trên cơ sở xác định mục tiêu (COs) và CĐR (CLOs) của học phần, xây dựng được ma trận thể hiện mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs). Mối liên hệ giữa nội dung của học phần với chuẩn đầu ra của học phần cũng được xác định cụ thể trong đề cương chi tiết, mục kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần.

Thêm vào đó, mỗi học phần cũng đáp ứng một hay nhiều chuẩn đầu ra khác nhau tùy đặc thì từng học phần cụ thể. Ví dụ: đối với môn Địa lý tự nhiên Việt Nam, mục tiêu chung là đào tạo ra con người mới tình yêu Tổ quốc, có kiến thức và kỹ năng về Địa lý tự nhiên Việt Nam để giảng dạy, làm việc tại các cơ sở giáo dục, đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp. Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO trong môn Địa lý tự nhiên Việt Nam được xác định như sau:

Cụ thể: Môn Địa lý tự nhiên Việt Nam đáp ứng chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra (CĐR HP (CLOs)	**CĐR chương trình đào tạo (PLOs)**																		
	PLO1		**PLO2**		**PLO3**	**PLO4**			**PLO5**	**PLO6**	**PLO7**			**PLO8**			**PLO9**		
	PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2		PI4.1	PI4.2	PI4.3			PI7.1	PI7.2	PI7.3	PI8.1	PI8.2	PI8.3	PI9.1	PI9.2	PI9.3
CLO1.			**MA**																
CLO2.			**MA**																
CLO3.			**MA**																
CLO4.			**MA**														**I**		
CLO5.			**MA**								**I**	**I**							
CLO6.							**RA**				**I**								
CLO7.														**RA**		**R**			
CLO8.																	**I**		

- Vận dụng được kiến thức Địa lý và khoa học giáo dục vào hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt là vận dụng được kiến thức địa lý vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống (CLO1 -> CLO5);

- Phát triển được kỹ năng đặc thù phục vụ dạy học và nghiên cứu Địa lý, đặc biệt là sử dụng được các phương tiện dạy học và nghiên cứu địa lý (CLO6);

- Thể hiện được tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp, đặc biệt là phản biện được các vấn đề địa lý một cách logic, độc lập và giải quyết được các nhiệm vụ trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng địa lý mang tính liên môn, liên ngành (CLO5, CLO6);

- Phát triển được kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, đặc biệt là thuyết trình rõ ràng, mạch lạc, cuốn hút người nghe và tổ chức, phối hợp làm việc nhóm hiệu quả (CLO7);

- Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, đặc biệt là rèn luyện phẩm chất, đạo đức, thể hiện tác phong nhà giáo (CLO4, CLO8).

Như vậy, có thể nói sự phối hợp của tất cả các học phần trong CTDH sẽ giúp SV hình thành được các năng lực cần thiết cho định hướng nghề dạy học Địa lý theo CĐR. Không chỉ tương thích về nội dung, tất cả các học phần trong CTDH NSPĐL đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Quá trình kiểm tra, đánh giá với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong học phần và yêu cầu của CĐR [H3.03.02.01, H3.03.02.03, H3.03.02.04].

Nội dung các học phần trong CTĐT thể hiện việc đạt CĐR và đáp ứng yêu cầu đạt được của CĐR. Trường ĐHTB đã xây dựng Quy định và ban hành các kế hoạch về khảo sát CTĐT, về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Định kỳ hàng năm, bộ môn Địa lý tiến hành lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lý, SV, cựu SV, giáo viên giảng dạy Địa lý ở trường phổ thông về nội dung các học phần trong CTDH, để từ đó có cơ sở chỉnh sửa CTDH ở mỗi học phần cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế [H3.03.02.05, H3.03.02.06, H3.03.02.07]. Chương trình được cập nhật, điều chỉnh và cải tiến dựa trên CTĐT Sư phạm Địa lý ban hành năm 2018 trên cơ sở đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong nước và trên thế giới, tham khảo ý kiến các bên liên quan bao gồm sinh viên và cựu sinh viên, giảng viên và chuyên gia từ các trường đại học, nhà tuyển dụng, cán bộ quản lý giáo dục phổ thông [H3.03.02.01, H3.03.02.08]. Từ khóa tuyển sinh đầu tiên vào năm 2000 đến nay, CTĐT Sư phạm Địa lý luôn được điều chỉnh và cải tiến theo hướng ngày càng phù hợp với nhu cầu xã hội và năng lực đào tạo của Nhà trường.

Để đánh giá chất lượng cũng như sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CĐR của CTĐT NSPĐL, sau khi kết thúc học kì, Nhà trường đã tiến hành thực hiện khảo sát phản hồi của sinh viên. Trong hoạt động khảo sát, theo báo cáo tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H3.03.02.05], qua

bảng số liệu thống kê kết quả đánh giá (với 21 tiêu chuẩn), giảng viên khoa Khoa học xã hội nói chung và giảng viên bộ môn Địa lý nói riêng có ý kiến phản hồi tốt nhất (theo báo cáo 1432/BC-ĐHTB ngày 18/11/2021), các tiêu chuẩn giảng viên đạt được tương đối đều (báo cáo ngày 2/7/2024). Kết quả này phản ánh chất lượng dạy - học và góp phần đảm bảo tốt các nguồn lực, hỗ trợ sinh viên đáp ứng CĐR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

CTĐT được phân bố hợp lý, có sự gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau. Các học phần bắt buộc và tự chọn được sắp xếp, phân bố hợp lý và đảm bảo tính logic, từ các học phần đại cương đến các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và cuối cùng là các học phần liên quan đến phương pháp, vận dụng kiến thức vào giảng dạy, nâng cao năng lực sư phạm… Tất cả các học phần trong CTDH NSPĐL đều có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CĐR. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở tất cả học phần đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

Nội dung CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và điều chỉnh kịp thời phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Do việc triển khai chương trình dạy học tiếp cận năng lực chưa được đồng bộ, cập nhật Chương trình giáo dục phổ thông chưa kịp thời và đồng bộ ở tất cả các học phần nên việc xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV trong một số học phần thuộc CTDH chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	**Thực hiện**	**Thời gian**
Phát huy điểm mạnh		
1. Tăng cường hoạt động trải nghiệm, dự án thực tế.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
2. Chia sẻ bài giảng, tài liệu về thực tiễn, đạo đức nghề.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm
3. Duy trì hoạt động ngoại khóa về kỹ năng.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm

Khắc phục tồn tại		
1. Rà soát, chỉnh sửa PLO/PI.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
2. Bổ sung kỹ năng thời đại số vào PLO/PI.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
3. Cập nhật PI theo văn bản pháp luật mới.	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	2 năm/lần

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học ngành Sư phạm Địa lý được xây dựng trên khung quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Trường Đại học Tây Bắc đảm bảo sự cân bằng giữa khối kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành được thực hiện trong 8 kì (4 năm học). Các học phần trong CTDH NSPĐL gồm 136 TC, được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, liền mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm và khối kiến thức chuyên ngành địa lý, giúp CTDH trở thành một khối thống nhất [H3.03.03.01]. CTDH NSPĐL được thiết kế theo trật tự logic, các học phần được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng dành cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện trong 4 năm học).

Cụ thể, CTDH dành thời lượng 28 TC cho Khối kiến thức giáo dục đại cương chung của ngành sư phạm, các học phần này được dạy trong 3 kì đầu tiên nhằm trang bị kiến thức nền tảng cho người học, từ đó người học có thể phát triển các các kỹ năng chuyên biệt vào các kì học tiếp theo. Đặc biệt, trong khối kiến thức này có một số học phần như Cơ sở văn hóa Việt Nam, Văn hoá Tây Bắc, là công cụ cần thiết, bổ trợ lẫn nhau giúp người học đủ khả năng tổng hợp và giải quyết các vấn đề liên ngành trong khoa học xã hội, có năng lực chung (năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, tự phát triển bản thân),… để triển khai giảng dạy các nội dung liên môn ở THCS &THPT.

CTDH NSPĐL được thiết kế bao gồm 79 tín chỉ cho khối kiến thức chuyên ngành Địa lý [H3.03.01.03]. Đây là khối kiến thức quan trọng nền tảng của sinh viên Địa lý nên

được phân bổ với tỉ trọng lớn nhất, chiếm hơn một nửa (58,1%) trong toàn bộ tổng số TC của chương trình. Khối kiến thức này tập trung vào những kiến thức Địa lý cốt lõi và những ứng dụng thực tiễn trong đời sống, đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, tính lý thuyết và thực hành. Nội dung các học phần được tích hợp trong những lĩnh vực của Địa lý như: Địa lý tự nhiên (Trái Đất và Thạch quyển; Khí quyển và Thuỷ quyển; Thổ nhưỡng, Sinh quyển và Các quy luật Địa lý chung của Trái Đất; Địa lý tự nhiên của các lục địa Á, Âu, Mĩ, Phi, Úc và Nam Cực; Địa lý tự nhiên của Việt Nam – đặc điểm chung và các đơn vị phân vùng tự nhiên); Địa lý Kinh tế xã hội (Cơ sở Địa lý kinh tế xã hội 1,2; Địa lý kinh tế xã hội châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, Úc; Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam bao gồm các nguồn lực tự nhiên, kinh tế xã hội và các ngành kinh tế); Bản đồ địa lý và Phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lý, công nghệ số trong dạy học Địa lý. Các kiến thức Địa lý được xây dựng đáp ứng nội dung dạy học tích hợp và phân hóa ở phổ thông. Hầu hết các học phần thuộc khối kiến thức này đều có phần thực hành và thực địa giúp tăng cường kỹ năng thực hành và NCKH cho giáo viên môn Địa lý khi ra trường.

Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm có 29 TC gồm các học phần giúp rèn luyện các kỹ năng, năng lực sư phạm cần thiết theo cách thức nâng cao dần kiến thức và năng lực. Từ việc cung cấp kiến thức cơ bản của giáo dục (trong học phần Giáo dục học), những kỹ năng giao tiếp (học phần Giao tiếp sư phạm), kỹ năng thấu hiểu tâm lý học sinh (học phần Tâm lý học) đến các kiến thức, kĩ năng, năng lực đối với giảng dạy Địa lý (học phần Lý luận dạy học môn Địa lý, Phương pháp dạy học địa lý 1,2; Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1,2; Thiết kế bài giảng địa lý…). Sau khi trang bị kiến thức, kĩ năng, năng lực tại trường Đại học, SV được trực tiếp thực hành NVSP thường xuyên, thực tập sư phạm để chuẩn bị đầy đủ năng lực và tâm thế trở thành người giáo viên khi ra trường [H3.03.03.01]. Đặc biệt, so với Chương trình dạy học năm 2018, Chương trình dạy học 2022 có sự điều chỉnh về thời gian học của một số học phần phương pháp, tăng cường nội dung thực hành, rèn nghề để sinh viên được tiếp cận với phương pháp dạy học sớm, hỗ trợ tốt hơn cho công tác kiến tập, thực tập ở trường phổ thông, chất lượng dạy và học được cải thiện.

Tất cả các học phần trong CTDH NSPĐL được bố trí hợp lý về học phần điều kiện tiên quyết, thời lượng mỗi học phần và thời điểm thực hiện. Trình tự các học phần được sắp xếp hợp lý theo từng học kỳ đều nêu rõ trong đề cương chi tiết của từng học phần [H3.03.03.01]. Việc sắp xếp thời khóa biểu và phân công cán bộ giảng dạy của Khoa được thực hiện khoa học, đáp ứng chặt chẽ CTDH [H3.03.03.03]. Cụ thể: các học phần thuộc khối kiến thức chung (như Ngoại ngữ, Tin học, Giáo dục quốc phòng, Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin) được học ở những học kỳ đầu của khóa học để tạo nền tảng kiến thức chung. Tiếp theo đó là các học phần thuộc khối kiến thức chung rèn luyện năng lực sư phạm và nhóm học phần về kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên

ngành Địa lý, rồi đến các học phần Thực hành sư phạm. Trong khối kiến thức chuyên ngành Địa lý, các học phần cũng được sắp xếp theo logic phức tạp dần, học phần Địa lý cơ sở sẽ là nền tảng cho các học phần Địa lý chuyên môn sâu hơn. Những học phần tiên quyết là những học phần tạo kiến thức nền cho học phần tiếp theo. Ví dụ: điều kiện tiên quyết để học học phần Địa lý tự nhiên Việt Nam 1, 2 và Địa lý tự nhiên các châu lục là SV phải học học phần Cơ sở Địa lý tự nhiên 1, 2, 3.

Các học phần trong CTĐT cũng được phân bố thời lượng hợp lý, phù hợp với quy định và dung lượng kiến thức trong mỗi học phần. Tuỳ đặc thù mỗi học phần, tỷ lệ giữa số giờ lý thuyết, thực hành, tự học, tự nghiên cứu cũng có sự điều chỉnh, đảm bảo tính cân đối, đồng thời chú trọng thúc đẩy hoạt động tự học của người học [H3.03.03.01]. Thời lượng các học phần cũng được đánh giá trong quá trình xây dựng chương trình dạy học. Các học phần quan trọng quyết định đến việc đạt CĐR CTĐT có thời lượng cao hơn các học phần còn lại. Mặt khác, kế hoạch và thời điểm học các học phần cũng được Nhà trường ban hành, Khoa và bộ môn thực hiện khoa học và rõ ràng, được thông báo đến các bên liên quan. Sự phân công giảng dạy các học phần dựa trên trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên, được kiểm tra định kỳ để đảm bảo tính kỉ luật và chặt chẽ. [H3.03.03.03]

CTDH NSPĐL được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và hướng dẫn của Trường Đại học Tây Bắc với mục tiêu ngày càng phù hợp với nhu cầu xã hội, năng lực đào tạo của Nhà trường. Để nâng cao chất lượng của CTDH, Bộ môn Địa lý Khoa Khoa học xã hội định kỳ tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến góp ý của người học, cựu SV, giáo viên địa lý, GV, cán bộ tuyển dụng về CTDH, từ đó có những chỉnh sửa, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế [H3.03.03.04].

CTĐT Sư phạm Địa lý của các khóa 2013 và 2018 đã được điều chỉnh và cải tiến theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua việc giảm thời lượng các học phần lý thuyết, tăng cường thời lượng các học phần thực hành trong khối kiến thức chuyên ngành, giảm tải các học phần của khối kiến thức chung không phù hợp. Ngoài ra, năng lực Tiếng Anh và Tin học của sinh viên tốt nghiệp được cụ thể hóa bằng yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra Tin học và Tiếng Anh trình độ B1 của Bộ GD&ĐT. Khối lượng kiến thức đại cương tiếp tục được giảm tải xuống còn 29 TC đối với khóa tuyển sinh 2018 theo chủ trương của Nhà trường; trong khi đó, khối lượng kiến thức cơ sở và chuyên ngành tăng lên 106 TC. Nội dung và một số HP mới được cập nhật đảm bảo tính cập nhật kiến thức và liên kết giữa các ngành đào tạo của Địa lý.

Năm 2022, căn cứ vào kế hoạch của Trường ĐHTB, CTĐT Sư phạm Địa lý khóa tuyển sinh 2022 tiếp tục được rà soát và cập nhật. Điểm mạnh của CTĐT SPĐL 2022 là việc cụ thể hóa các PLO bằng các chỉ tiêu đánh giá năng lực có tính đo lường được. So với các CTĐT trước đó, tổng số TC tích lũy tối thiểu đáp ứng yêu cầu hoàn thành CTĐT SPĐL

của khóa tuyển sinh 2022 cũng được tăng lên 136 TC; nội dung và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của các HP cũng được cập nhật và cải tiến để giúp SV có thể đạt được các PLO đã được công bố. Đặc biệt hình thành "tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp" của sinh viên đã được bổ sung vào CĐR của CTĐT SPĐL 2022; đây là sự cải tiến dựa trên xu thế phát triển của xã hội và mong muốn của người học.

Nếu như so với năm 2013, chương trình 2018 và 2022 có thay đổi lớn về số tín chỉ giữa các khối kiến thức, thì sự thay đổi lớn nhất giữa CTDH ban hành năm 2022 so với CTDH năm 2018 là thay đổi về số lượng, số tín chỉ và nội dung các học phần trong CTDH. Theo đó, một số môn học bị thay thế nhằm mở rộng thêm các kiến thức khoa học, nội dung bao trùm và cập nhật hơn (Bản đồ học và phương pháp sử dụng bản đồ được thay bằng Bản đồ địa lý, Lịch sử phát triển khoa học Địa lý thay bằng Nhập môn khoa học Địa lý); một số học phần bị loại bỏ do tính chất không phù hợp, kiến thức môn học này lồng ghép, tích hợp vào một số học phần có nội dung tương ứng, giảm sự trùng lặp kiến thức (Địa chất học; Hệ thống thông tin địa lý GIS; Dân số - Tài nguyên – Môi trường; Tìm hiểu thiên tai trên Trái Đất; Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam; Địa lý biển Đông; Giải bài tập Địa lý kinh tế - xã hội; …); một số học phần mới được bổ sung nhằm mở rộng kiến thức, cập nhật và tăng khả năng tích hợp cho sinh viên như học phần Địa lý đô thị, Một số vấn đề khu vực Đông Nam Á, Kĩ năng mềm Địa lý, Tri thức địa phương, Phát triển bền vững, Bồi dưỡng học sinh giỏi Địa lý.... Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cũng được tăng thêm số TC với mục đích nhấn mạnh hơn nữa kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên khi ra trường (13 tín chỉ lên 15 tín chỉ), đặc biệt số tín chỉ một số học phần tăng thêm như Phương pháp dạy học Địa lý ở trường THPT (3TC) tách thành 2 học phần: Phương pháp dạy học Địa lý 1 và Phương pháp dạy học Địa lý 2 với tổng tín chỉ là 7 (tăng 4TC); Lý luận dạy học địa lý 5 TC (tăng 1 TC so với trước), Công nghệ số trong địa lý thay cho học phần Ứng dụng CNTT&TT, số tín chỉ cũng tăng từ 2 lên 3 TC,... [H3.03.03.05].

Để có những điều chỉnh trên, Bộ môn Địa lý đã bám sát các tài liệu, hướng dẫn việc xây dựng CTDH của Thủ tướng chính phủ, Bộ GD&ĐT… [H3.03.03.10] tham khảo một số CTDH của các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới như Liên bang Nga, Trung Quốc, Đài Loan và một số CTDH của một số trường ĐHSP uy tín ở Việt Nam như ĐHSP Hà Nội, ĐH Vinh, ĐH Đà Nẵng…, lấy ý kiến của các bên liên quan [H3.03.03.05] thực hiện các kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTDH của nhà trường,… từ đó điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Khoa và Bộ môn. Dựa vào các CTDH tham khảo được, Bộ môn Địa lý đã tham khảo nội dung một số môn học khối kiến thức chuyên ngành Địa lý về cấu trúc của chương trình và nội dung một số học phần chuyên ngành Địa lý như học phần Địa lý thổ nhưỡng, Địa lý sinh vật, Địa lý dân cư, Địa lý kinh tế, vv. Các học phần được rà soát, chỉnh sửa nghiêm túc của tiểu ban xây dựng chương trình, hội đồng thẩm định được thành lập để đánh giá một cách đầy đủ, chi tiết, đặc biệt lưu ý đến một số vấn đề: sự phù hợp về

mục tiêu - nội dung – phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, nội dung các học phần được rà soát nghiêm túc, tránh sự chồng chéo về nội dung giữa các học phần, tích hợp và tiếp cận với đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đáp ứng CĐR của chương trình đào tạo [H3.03.03.07], [H3.03.03.08], [H3.03.03.09]. So với các phiên bản CTĐT trước đây, chương trình dạy học hiện hành đã có những thay đổi phù hợp, như thay thế hoặc bổ sung mới một số học phần, tăng giảm tín chỉ các học phần, thay đổi học phần bắt buộc - học phần tự chọn, để giúp người học đạt được CĐR về kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

3. Điểm mạnh

CTDH NSPĐL có cấu trúc, trình tự logic đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; tất cả các học phần đều được bố trí hợp lý. Hơn nữa, CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo CTDH của một số nước tiên tiến, một số trường Đại học có uy tín trong nước, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

CTDH NSPĐL đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định trong CĐR của CTDH ngành sư phạm Địa lý.

4. Điểm tồn tại

Hiện tại CTDH được triển khai đồng thời giữa CTDH được xây dựng năm 2018 và 2022 cho các khóa đào tạo. Chính vì vậy khi thực hiện CTDH còn có những phân định chưa rõ ràng về tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV trong một số học phần. Trong quá trình thực hiện chương trình, giảng viên chưa có nhiều cơ hội, thời gian để thảo luận về nội dung giảng dạy cần phải chỉnh sửa với nhau, nên việc thực hiện chương trình giữa các nhóm cùng học phần đôi lúc không đồng đều, còn có sự chồng chéo.

5. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022 - 2023, ngành sư phạm Địa lý tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng thảo luận nội dung giảng dạy các học phần để có sự thống nhất trong giảng dạy và phát hiện những bất cập về nội dung, từ đó có những điều chỉnh phù hợp; tiếp tục rà soát nội dung CTDH và so sánh với CĐR khi CTDH được áp dụng vào thực tế giảng dạy, điều chỉnh về nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá để phù hợp với CĐR đối với các học phần phương pháp, thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Cụ thể:

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		

1. Tổ chức rà soát, cập nhật CTĐH định kỳ theo hướng tích hợp, linh hoạt, đảm bảo tính thực tiễn và hội nhập.	Ban giám hiệu Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Hàng năm
2. Duy trì cấu trúc logic của CTĐH: đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành khi điều chỉnh chương trình.	Ban giám hiệu Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Hàng năm
3. Tổ chức hội thảo học thuật tham khảo CTĐH các trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước.	Ban giám hiệu Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	2 năm/lần
Khắc phục hạn chế		
1. Rà soát, phân định rõ các nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá giữa hai CTĐH (2018 và 2022), tránh chồng chéo.	Ban giám hiệu Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Học kỳ I năm học 2025–2026
2. Xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai giảng dạy phù hợp theo từng phiên bản CTĐH, hỗ trợ giảng viên dạy đúng nội dung, đúng phương pháp.	Ban giám hiệu Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Năm học 2025–2026
3. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ giữa các nhóm giảng viên cùng phụ trách học phần để thống nhất nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá.	Ban giám hiệu Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Mỗi học kỳ
4. Thiết lập cơ chế phản hồi nhanh giữa giảng viên và điều phối viên học phần để điều chỉnh kịp thời khi có chênh lệch về nội dung và cách triển khai.	Ban giám hiệu Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Học kỳ II năm học 2025–2026 trở đi

5. *Tự đánh giá: Đạt 4,5/7*

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH NSPĐL được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CĐR. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kĩ năng, tự chủ và trách nhiệm của CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH NSPĐL đều có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CĐR. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở tất cả học phần đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Hơn nữa, CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành sư phạm địa lý trong khu vực và trên thế giới. Các học phần được thiết kế đều đề cao tính ứng dụng, giúp sinh viên lĩnh hội sâu sắc và đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Tuy nhiên, do CTDH mới được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực nên sự phân nhiệm giữa một vài học phần để đáp ứng CĐR còn chưa tối ưu. Thêm nữa, hiện. tại CTDH được triển khai đồng thời giữa CTDH được xây dựng năm 2018 và 2022 cho các khóa đào tạo, nên khi thực hiện còn có những phân định chưa rõ ràng về tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV trong một số học phần.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,33

+ Số tiêu chí đạt: 3/3

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy học quyết định chất lượng giáo dục và cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục, tác động trực tiếp đến mức độ đạt CĐR của người học. Tiếp cận dạy học nội dung sẽ hướng tới yêu cầu về nội dung nên định hướng đào tạo thường nặng về lý thuyết, mang tính "hàn lâm", đây là xu hướng tiếp cận trước đây. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học hiện nay của Trường ĐH Tây Bắc nói chung và Bộ môn Địa lý, Khoa Khoa học xã hội nói riêng là phương pháp tiếp cận theo chuẩn đầu ra là năng lực và phẩm chất. Đây là hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu của đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Tiếp cận CĐR theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực sẽ quy định việc thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp, quy định các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học được quy định và công bố trong triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, và kế hoạch năm học của Khoa.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của Trường ĐH Tây Bắc thống nhất với phương pháp tiếp cận trong dạy và học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Triết lý giáo dục của Nhà trường cần được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan, đặc biệt là giảng viên và người học - đối tượng trực tiếp thực hiện. Nhà trường đã nhất quán triển khai phương pháp tiếp cận này đến tất cả các khoa, các đơn vị đào tạo trong đó có khoa KHXH, bộ môn Địa lý. Phương pháp tiếp cận này là định hướng xuyên suốt toàn bộ hoạt động đào tạo của khoa từ xây dựng chương trình, tổ chức các hoạt động dạy học cho đến kiểm tra đánh giá và các hoạt động hỗ trợ khác, hỗ trợ người học đạt CĐR, học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục của Nhà trường được thể hiện thông qua hệ thống các văn bản quản lý của Trường qua các giai đoạn [H4.04.01.01]. Trải qua gần 60 năm xây dựng và trưởng thành, Trường đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng của các tỉnh Tây Bắc. Năm 2005, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2006 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 đã được xây dựng và ban hành. Sau đó, năm 2011 kế hoạch này được bổ sung điều chỉnh và thay thế bằng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Từ đó đến nay, Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường luôn đóng vai trò là kim chỉ nam cho mọi hoạt động, đã phát huy hiệu quả, đưa Nhà trường phát triển mạnh mẽ, toàn diện lên một tầm cao mới.

Tuy nhiên, tình hình trong nước và quốc tế, thực tiễn giáo dục đại học và của Nhà trường xuất hiện những đặc điểm, nhân tố mới đòi hỏi phải xem xét, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHTB nhằm bảo đảm kế hoạch trở nên phù hợp hơn, thực sự là phương hướng hoạt động của cán bộ, giảng viên, sinh viên, đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường trong giai đoạn mới. Vì vậy, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được tiến hành chỉnh sửa thành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2018 - 2023 và tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.01]. Triết lý giáo dục của Nhà trường giai đoạn này là "Vững lý thuyết, Giỏi thực hành, Nhanh vào thực tiễn", Trường đã xác định đào tạo phải mang tính thực tiễn; xây dựng lại chương trình, giáo trình, phương pháp tổ chức đào tạo, tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá sinh viên. Hình thức đào tạo theo tín chỉ đã được xem xét kỹ lưỡng và triển khai một cách bài bản, linh hoạt. Từ hình thức này, việc đào tạo liên thông ngang, liên thông dọc, đào tạo song hành được thực hiện hiệu quả, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cho khu vực.

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐH Tây Bắc được tuyên bố rõ ràng trong Chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [theo nghị quyết 39/NQ-HĐTĐHTB ngày 02/8/2022]. Sau khi ban hành kế hoạch chiến lược, Nhà trường tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý cho chiến lược phát triển của nhà trường và chính thức Ban hành Nghị Quyết của Hội đồng Trường về việc quyết định sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045, khẳng định Triết lý giáo dục của Nhà trường là: Nâng tầm giá trị - Kiến tạo tương lai. Giải nghĩa: Giáo dục hình thành và phát huy các giá trị đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ để kiến tạo tương lai hạnh phúc. Triết lý giáo dục được công bố trên website chính thức của nhà trường với mong muốn toàn thể sinh viên, nhân viên người lao động của nhà trường cũng như các cá nhân, tập thể bên ngoài nhà trường đều có cơ hội được tiếp cận và biết đến triết lý giáo dục của nhà trường.

Triết lý giáo dục của Trường được phổ biến tới các bên liên quan như phổ biến cho các cán bộ, GV của Nhà trường trong các Hội nghị của Trường, hội nghị của các khoa. Cán bộ, giảng viên trong khoa được tiếp cận triết lý giáo dục của Nhà trường thông qua các cuộc họp, Hội nghị CNVC hàng năm; việc thực hiện Triết lý, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được thể hiện rõ trong Kế hoạch năm học và báo cáo kết quả thực hiện năm hoạch hàng năm của Khoa [H4.04.01.03], [H4.04.01.04]. Để phổ biến rộng rãi đến toàn bộ cán bộ nhà giáo người lao động và sinh viên trong toàn khoa, toàn trường, tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý giáo dục… được đăng tải trực tiếp trên trang web của Trường [H4.04.01.02]. Triết lý giáo dục được phổ biến cho SV học tập tại Trường ĐH Tây Bắc, được giới thiệu, cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu giáo dục cũng như CTĐT ngay từ khi nhập học. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân – HSSV" để giới thiệu,

phổ biến cho SV về mục tiêu đào tạo cũng như các kỹ năng cần thiết cho người học hiểu rõ và thực hiện. Đặc biệt, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cơ quan doanh nghiệp, chuyên gia định kỳ mỗi năm 01 lần, trong đó có nội dung khảo sát lấy ý kiến về tầm nhìn, sứ mạng và triết lý/ mục tiêu giáo dục của Nhà trường [H4.04.01.03] và kế hoạch tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý cho Chiến lược phát triển của Nhà trường [H4.04.01.04]. Đây là một phương pháp nhằm tuyên bố và phổ biến Triết lý giáo dục của Nhà trường đến các bên liên quan. Đồng thời, thông qua quá trình khảo sát lấy ý kiến, triết lý giáo dục của trường ĐH Tây Bắc được tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên hiểu rõ và thực hiện.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến tới các bên liên quan, được CB-GV, NH hiểu rõ và thực hiện. Mục tiêu, CĐR, nội dung của CTĐT phù hợp với triết lý giáo dục; Triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT NSPĐL. Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

Mục tiêu giáo dục trong CTĐT NSPĐL phù hợp với mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Nhà trường. CTĐT cử nhân sư phạm Địa lý [H4.04.01.08] có các mục tiêu sau: Đào tạo cử nhân sư phạm Địa lý đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra của Trường ĐH Tây Bắc về phẩm chất và năng lực của người học; Đào tạo giáo viên môn Địa lý đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lý 2018 nói riêng; Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, bao gồm: Có khả năng dạy học môn Địa lý ở trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, đặc biệt là dạy học môn Địa lý ở các trường trung học phổ thông chuyên; có khả năng dạy học môn Địa lý ở các trường Đại học; có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu đào tạo chưa được chú trọng phổ biến thường xuyên tới các các nhà tuyển dụng và xã hội, việc khảo sát mới dừng lại ở việc khảo sát chung nhiều nội dung, minh chứng và báo cáo góp ý của các bên liên quan chưa đầy đủ.

4. *Kế hoạch hành động*

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		

1. Duy trì việc phổ biến triết lý giáo dục của Nhà trường trong các hoạt động đào tạo, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn và đầu năm học.	Ban Giám hiệu Khoa KHXH Phòng CTCT-HSSV	Hàng năm
2. Tổ chức chuyên đề gắn kết triết lý giáo dục với phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá trong CTĐT NSPĐL.	Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Học kỳ I hàng năm
3. Rà soát và cập nhật định kỳ sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT, CĐR và triết lý giáo dục để đảm bảo tính thống nhất.	Phòng Đào tạo Khoa KHXH	Hàng năm
Khắc phục hạn chế		
1. Tổ chức hoạt động phổ biến mục tiêu CTĐT đến các bên liên quan ngoài trường (nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, đối tác giáo dục địa phương...) qua hội nghị, hội thảo kết nối.	Phòng Đào tạo Khoa KHXH	Mỗi năm một lần
2. Thiết kế bộ công cụ khảo sát riêng về mục tiêu đào tạo đối với từng nhóm đối tượng: giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên.	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD Phòng Đào tạo	Học kỳ I năm học 2025–2026
3. Thu thập, phân tích và tổng hợp phản hồi từ các bên liên quan để điều chỉnh mục tiêu, nội dung và định hướng CTĐT khi cần thiết.	Khoa KHXH Phòng Đào tạo	Học kỳ II hàng năm
4. Tạo chuyên mục "Mục tiêu CTĐT & Triết lý giáo dục" trên website Nhà trường/khoa để cập nhật thông tin và kết nối với xã hội.	Phòng Đào tạo	Năm học 2025–2026

5. *Tự đánh giá*: *Đạt 5/7*

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Để đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT, các hoạt động dạy học cần được thiết kế linh hoạt, phù hợp để đạt chuẩn đầu ra. Hàng năm, bộ môn Địa lý và mỗi GV đều xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR.

Nhà trường chỉ đạo nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu nhằm phát huy tính tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu

và làm việc theo nhóm của SV như cho SV làm bài tập môn học, tham gia NCKH,... Các phương pháp dạy học thường được các bộ môn sử dụng trong dạy học cho SV là: dạy học trải nghiệm, dạy học tình huống, dạy học nhóm, dạy học dự án, dạy học vi mô, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác,… SV được hướng dẫn các phương pháp tự học, thảo luận nhóm, NCKH,… Trong CTĐT NSPĐL (từ năm 2018) đã xác định các nhóm năng lực bao gồm: năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lý; năng lực Sư phạm; năng lực NCKH; năng lực sử dụng ngoại ngữ trong chuyên môn, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn. Trong đó, các phương pháp dạy học góp phần phát triển các năng lực khác nhau, ví dụ, dạy học thực hành góp phần phát triển năng lực sư phạm, năng lực NCKH, năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội.

Ví dụ học phần thực hành: Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2 (02 tín chỉ), phương pháp giảng dạy và học tập 2 chủ đề đầu tiên trong học phần được thể hiện như sau:

<table>
<tr><th>Nội dung chính</th><th>Phương pháp dạy</th><th>Phương pháp học</th></tr>
<tr><td colspan="3">Chương 1. Phương pháp hình thành và rèn luyện kĩ năng tổ chức hoạt động ngoại khóa Địa lý</td></tr>
<tr><td>1.1. Ý nghĩa kĩ năng</td><td rowspan="2">Đàm thoại gợi mở</td><td rowspan="2">Học tập cá nhân, trả lời vấn đáp</td></tr>
<tr><td>1.2. Yêu cầu kĩ năng</td></tr>
<tr><td>1.3 Phương pháp hình thành và rèn luyện</td><td>Thuyết trình + thảo luận nhóm</td><td>Thảo luận nhóm, báo cáo theo từng cặp nội dung</td></tr>
<tr><td>1.4. Thực hành thiết kế hoạt động ngoại khóa ngoài trời cho học sinh</td><td>Tổ chức các hoạt động vận dụng kiến thức về thiết kế kế hoạch dạy học vào bài học cụ thể</td><td>Học tập cá nhân, tự thực hành</td></tr>
<tr><td colspan="3">Chương 2. Phương pháp hình thành và rèn luyện kĩ năng trình bày bài giảng Địa lý</td></tr>
<tr><td>2.1. Ý nghĩa kĩ năng</td><td rowspan="2">Đàm thoại gợi mở</td><td rowspan="2">Học tập cá nhân – cặp, báo cáo theo cặp</td></tr>
<tr><td>2.2. Yêu cầu kĩ năng</td></tr>
<tr><td>2.3 Phương pháp hình thành và rèn luyện</td><td>Thuyết trình</td><td>Thực hành – báo cáo</td></tr>
</table>

2.4 Thực hành tập trình bày bài giảng địa lí	Hướng dẫn, giảng mẫu Dạy học tình huống, giải quyết vấn đề	SV tập giảng, tự quay video Nhận xét, góp ý

Ví dụ khi dạy học thực hành "tập trình bày bài giảng địa lý" bằng phương pháp dạy học tình huống, giải quyết vấn đề:

- Soạn giáo án: SV lựa chọn nội dung và các kỹ năng cần rèn luyện, sau đó thiết kế được một bài học cụ thể theo một trình tự hợp lý mà có thể thể hiện được tối đa các thành phần của một năng lực nào đó.

- Giảng dạy: SV tiến hành tiến trình bài học theo kế hoạch đã chuẩn bị trước. Giờ học diễn ra có sự tham dự của GV (GV) hướng dẫn và các SV khác, các SV này đóng vai trò vừa là người dự và vừa là người học. Quá trình này được ghi hình lại.

- Đánh giá – Phản hồi: GV hướng dẫn cho tất cả SV xem lại hoạt động dạy trên băng ghi hình (với số lần cần thiết), sau đó tiến hành phân tích, thảo luận, đánh giá ưu điểm và hạn chế, nhằm rút ra kết luận và cách ứng xử phù hợp, dạy học có hiệu quả hơn.

Như vậy thông qua quá trình trải nghiệm các tình huống thực tế, SV phát triển được năng lực trình bày bài giảng, xử lý được các tình huống phát sinh, từ đó nâng cao năng lực trình bày bài giảng địa lý cụ thể. Có thể thấy rằng, Mỗi học phần trong CTĐT đều được thiết kế nhằm đạt được những CĐR cụ thể. Ví dụ, ở học phần Lý luận dạy học Địa lý, bộ môn xây dựng sử dụng các phương pháp dạy học như dạy học giải quyết vấn đề, dạy học dự án, bản đồ-biểu đồ, hình thành mối quan hệ Địa lý, phát triển tư duy không gian, nhằm phát triển năng lực sư phạm, năng lực NCKH, năng lực bộ môn Địa lý,... [H4.04.02.01].

Hàng năm, CVHT và các GV bộ môn thường hướng dẫn SV các hoạt động học tập như hoạt động tự học, tìm kiếm tài liệu, thảo luận nhóm, làm powerpoint, làm các bài thực hành, vv. thông qua các buổi họp giữa cố vấn với SV và trong các giờ học đầu năm của mỗi học phần, từ đó giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Kết quả là hầu hết SV sư phạm Địa lý có khả năng tự học tốt, chủ động với việc học tập ở lớp cũng như ở nhà, thực hiện các bài tập lớn đúng tiến độ và đạt kết quả cao, vv. [H4.04.02.01, H4.04.02.03]

Để đáp ứng nhu cầu dạy và học, các cổng thông tin học tập trực tuyến được thành lập nhằm hướng dẫn người học mở rộng phương pháp học tập, nghiên cứu và tra cứu thông tin đa dạng từ các nền tảng số từ đó giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Hiện nay nhà trường đang duy trì một số cổng thông tin học tập trực tuyến hoạt động thường xuyên [H4.04.02.02]; ngoài ra người học có thể tham khảo rất nhiều nguồn tài liệu số do đội ngũ giảng viên cung cấp nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu

học tập mạnh mẽ của người học. Trong tất cả các học phần đều thiết kế những nội dung dành cho sinh viên tự học, thúc đẩy khả năng tự tìm tòi sáng tạo của người học.

Để nâng cao chất lượng dạy học, hàng năm, các bộ môn tổ chức họp và seminar thảo luận về phương pháp dạy học các nội dung dạy học, tổ chức dự giờ và rút kinh nghiệm giờ giảng nhằm lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp cho từng nội dung, học phần trong CTĐT. Phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra, các hoạt động học tập của sinh viên cũng vì thế mà được được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Tuỳ thuộc vào đặc điểm, yêu cầu của từng môn học mà phương pháp học tập cũng được lựa chọn phù hợp, linh hoạt; có thể kết hợp với các hoạt động thực tập, thực hành, thực tế, học tập rèn nghề. Các GV hướng dẫn SV chủ động tự học, tự nghiên cứu, tự lựa chọn phương pháp học tập phù hợp với nhu cầu và năng lực của bản thân người học và phù hợp đáp ứng CĐR. Từ đó, SV tự học, tự thiết kế các sản phẩm học tập như các powerpoint, các bài thực hành, thiết kế và thực hiện các dự án, thực địa, khảo sát điều tra,... [H4.04.02.01, H4.04.02.05].

Thông qua các báo cáo khảo sát SV định kỳ hàng năm và SV năm cuối sắp tốt nghiệp cho thấy hầu hết GV và người học hài lòng với các phương pháp dạy học được sử dụng trong CTĐT cử nhân Sư phạm. Kết quả khảo sát SV cuối khóa định kỳ hàng năm về CTĐT, trong đó có khảo sát việc có hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT qua các năm cho kết quả hầu hết SV hài lòng với các phương pháp dạy học trong CTĐT NSPĐL. Cụ thể, trong thời gian từ năm 2018 đến nay, theo kết quả khảo sát trên SV về CTĐT, trong đó có nội dung đổi mới phương pháp dạy học, tích cực hóa người học [H4.04.02.04].

Bên cạnh các hoạt động dạy và học, các hoạt động dự giờ, kiểm tra đánh giá giờ dạy cũng được tăng cường [H4.04.02.05]. Qua các biên bản dự giờ rút kinh nghiệm giờ đã thể hiện sự hài lòng của cá đồng nghiệp với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong trong các học phần.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Còn một số sinh viên còn tiếp cận chậm với phương pháp dạy học tích cực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng câu lạc bộ sinh viên về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức seminar cho GV và SV, duy trì việc dạy mẫu và dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy	Ban Giám hiệu Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt 4,5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Trong CTĐT đã xác định rõ các CĐR, trong đó, đối với SV NSPĐL, bên cạnh năng lực dạy học, một số các kĩ năng quan trọng cần đạt được như kĩ năng tự học, kỹ năng NCKH, giải quyết vấn đề, kỹ năng thực hành, vv. Các đề cương chi tiết các học phần đều được xây dựng hướng tới các năng lực và kỹ năng này.

100% đề cương chi tiết các môn học/học phần trong CTĐT 2022 mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy/học tập. Tổ hợp các phương pháp dạy học trong các học phần của CTĐT được các GV xây dựng và thực hiện thành thạo rất đa dạng, bao gồm: phương pháp trực quan (sử dụng bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, mô hình, video), dạy học thực hành (đo đạc, thu thập số liệu, khảo sát điều tra), dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề, seminar, dạy học hợp tác,... Các hoạt động dạy học trong CTĐT đảm bảo cho SV rèn luyện được các kĩ năng như kĩ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng NCKH,... [H4.04.03.03], H4.04.03.04] Ngoài ra, hàng năm, Khoa tổ chức cho SV năm thứ 2, 3 đi thực địa [H4.04.03.01].

Về kỹ năng dạy học và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, trong CTĐT từ năm 2016 có 8 TC về phương pháp dạy học và phần thực tập sư phạm vào năm thứ 3, thứ 4, đến nay CTĐT có 22 TC và phát triển cho SV các kĩ năng này [H4.04.03.01]. Ngoài ra, mỗi năm Trường và Khoa tổ chức tuần lễ NVSP vào dịp 20/11 nhằm rèn luyện cho SV kỹ năng nghề nghiệp, ở Tuần lễ này Trường và Khoa thường tổ chức các buổi nói chuyện với SV

về NVSP, tổ chức thi các kỹ năng viết bảng, biểu diễn thí nghiệm, sáng chế đồ dùng dạy học, thi tình huống sư phạm, thi thiết kế video, thi giảng, vv. [H4.04.03.07].

100% các học phần trong CTĐT đều nhấn mạnh đến hoạt động tự học, mỗi tiết dạy học lý thuyết tương ứng sẽ có 2 tiết tự học, tự nghiên cứu của SV. Thông qua các hoạt động tự học (đọc tài liệu, làm thực hành, quan sát tranh ảnh, mô hình khám phá kiến thức…), tự thiết kế sản phẩm dự án, sản phẩm NCKH, tự lập kế hoạch học tập và rèn luyện, SV được rèn luyện kĩ năng tự học và nâng cao khả năng tự học suốt đời [H4.04.02.01].

GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Thông qua việc yêu cầu HS thực hiện các bài tập lớn, các dự án học tập. Qua các hoạt động học tập đó, SV được rèn luyện và phát triển năng lực tự học cũng như các năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sư phạm, vv. [H4.04.02.04]. Sinh viên cũng được khuyến khích làm NCKH, và các em có học lực với điểm trung bình các năm học đạt loại khá trở lên sẽ được xem xét để cho phép làm khóa luận tốt nghiệp, qua đó rèn luyện cho các em năng lực tự học suốt đời. Kết quả khảo sát SV cuối khóa định kỳ hàng năm về CTĐT, trong đó có khả năng rèn luyện các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học cho kết quả hầu hết SV hài lòng với các phương pháp dạy học trong CTĐT [H4.04.03.03].

2. Điểm mạnh

Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Hệ thống đào tạo trực tuyến được Nhà trường quan tâm phát triển và áp dụng vào giảng dạy thực tế đặc biệt khi khi dịch covid xảy ra nặng nề làm ảnh hưởng nhiều đến việc lên lớp của thầy và trò.

3. Điểm tồn tại

Ở một số môn chung, kiến thức chủ yếu là lý thuyết và dạy học lớp học đông nên chưa thể hiện được việc sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học mà giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan. Hệ thống các bài giảng điện tử còn chưa phong phú để hỗ trợ người học.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
1. Tiếp tục duy trì và mở rộng việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong các học phần, đặc biệt là học phần chuyên ngành.	Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Hàng năm

2. Khuyến khích giảng viên lồng ghép các hoạt động phát triển kỹ năng tự học và học tập suốt đời vào kế hoạch bài giảng.	Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Mỗi học kỳ
3. Nâng cấp hạ tầng và chức năng hệ thống LMS (hệ thống học tập trực tuyến) để hỗ trợ hiệu quả các hình thức học tập linh hoạt.	Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Năm học 2025–2026
Khắc phục hạn chế		
1. Tổ chức các buổi tập huấn cho giảng viên các môn chung về phương pháp dạy học tích cực áp dụng được trong lớp học đông (dạy học nhóm, tình huống, dự án nhỏ...).	Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Học kỳ I năm học 2025–2026
2. Thiết kế bộ hướng dẫn sử dụng đa phương tiện và phương pháp giảng dạy linh hoạt cho giảng viên các môn chung.	Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Năm học 2025–2026
3. Phát triển thêm hệ thống bài giảng điện tử (video, bài giảng tương tác, tài nguyên mở) ở các học phần chung để hỗ trợ người học ngoài giờ học chính khóa.	Phòng Đào tạo Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Bắt đầu từ Học kỳ II năm học 2025–2026
4. Tổ chức khảo sát ý kiến sinh viên về mức độ hiệu quả và nhu cầu học liệu trực tuyến để có kế hoạch bổ sung tài nguyên phù hợp.	Phòng Khảo thí & ĐBCL	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Trường có văn bản tuyên bố về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Trường; Mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT NSPĐL. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CĐR. Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tuy nhiên, việc tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường chưa được thực hiện thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà

tuyển dụng và với xã hội. Chương trình còn bắt buộc SV lên lớp vẫn còn nhiều, chưa xây dựng các nội dung dạy học online.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,83
+ Số tiêu chí đạt: 3/3

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Trong CTĐT, việc đánh giá kết quả học tập của người học có ý nghĩa quan trọng, góp phần đánh giá mức độ đạt được của SV so với các tiêu chí, yêu cầu của CĐR. Đây là cơ sở để các bên có liên quan (giảng viên, các phòng, khoa, ban) đưa ra các biện pháp, lộ trình học tập phù hợp với trình độ của người học, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Mặt khác, Nhà trường cũng đưa ra các quy định cụ thể, rõ ràng về việc đánh giá kết quả của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cách thức phản hồi thông tin và các nội dung có liên quan…) giúp người đọc nắm rõ các quy định, thực hiện đúng, tránh sai sót. Các thông tin, quy định này được Nhà trường cung cấp thông qua các buổi sinh hoạt chính trị đầu năm học giúp người học dễ dàng tiếp cận. Trong quá trình thực hiện kiểm tra đánh giá, hệ thống các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ chính xác, tin cậy và công bằng; các kết quả đánh giá đều được phản hồi kịp thời tới người học giúp người học dễ dàng nắm bắt thông tin, chủ động xây dựng kế hoạch để cải thiện việc học tập trong các môn học, kỳ học tiếp theo. Bên cạnh đó, người học cũng dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của cá nhân, góp phần hạn chế hoặc xử lý kịp thời, thỏa đáng những thắc mắc của người học. Với 5 tiêu chí cụ thể của quá trình đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo người học chủ động trong học tập, có sự kết nối với các bên liên quan để đảm bảo quá trình học tập phù hợp với khả năng của bản thân, kết quả học tập đánh giá chính xác, khách quan, chi tiết.

Tiêu chuẩn 5 gồm có 5 tiêu chí, cụ thể như sau:

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

(1) Quá trình đào tạo cử nhân sư phạm địa lý đã xác định kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học cụ thể và rõ ràng.

Quy trình đánh giá đầu vào của người học được thể hiện trong đề án tuyển sinh hàng năm của với các thông tin cụ thể, đầy đủ về đối tượng, điều kiện tuyển sinh; phạm vi tuyển sinh; phương thức tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh theo Ngành, nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo [H5.05.01.01 – Đề án tuyển sinh]. Đề án tuyển sinh, Quy chế tuyển sinh và kết quả tuyển sinh hàng năm được đăng tải công khai trên trang thông tin tuyển sinh của Trường [H5.05.01.01 – Web thông tin tuyển sinh 2024].

(2) Các quy trình/kế hoạch về việc đánh giá kết quả của người học đều được thể hiện cụ thể trong Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 do Bộ GD&ĐT ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (*Chương 3:*

Kiểm tra và thi học phần; Chương 4: Xét và công nhận tốt nghiệp) [H5.05.01.01 – Quy chế đào tạo ĐH, CĐ theo hệ thống tín chỉ] và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế 43 nói trên. Nội dung này cũng được thể hiện thông qua Quyết định số 296/QĐ ĐHTB của Trường về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ (*Chương 3: Đánh giá học phần, tổ chức thi kết thúc học phần*) [H5.05.01.01 – Quy chế đào tạo ĐH, CĐ theo hệ thống tín chỉ]. Theo quyết định số 989/QĐ-ĐHTB ngày 12/9/2022 về việc ban hành CTĐT trình độ đại học, cao đẳng năm 2022 nội dung phần *D. Quy trình đào tạo và cách thức, công cụ đánh giá* đã thể hiện rõ các quy trình đào tạo theo tín chỉ, cách thức đánh giá, công cụ đánh giá học phần và các phương pháp đánh giá, rubic đánh giá phù hợp với từng ngành, từng học phần [H5.05.01.01 – CTĐT 2022].

Các quy định về quy chế đào tạo, tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần được thông báo cho người học ngay từ đầu khóa học trong các buổi sinh hoạt tập thể đặc biệt là tuần sinh hoạt HSSV.

(3) Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR.

Cụ thể như sau:

- Trong CTĐT chuyên ngành Địa lý ban hành năm 2018 và CTĐT chỉnh sửa năm 2021: tiêu chuẩn đánh giá sinh viên thông qua hệ thống điểm học phần gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần với tỷ lệ 50: 50; người học cũng cần đảm bảo các điều kiện cơ bản mới được tham gia dự thi kết thúc học phần; năm 2022, khi ban hành CTĐT trình độ ĐH, CĐ, nội dung đánh giá học phần thông qua điểm đánh giá quá trình học tập và điểm kiểm tra giữa và cuối học phần tùy vào đặc điểm từng học phần; sinh viên cũng cần đáp ứng các yêu cầu mới được tham gia thi kết thúc học phần. CTĐT ban hành năm 2022 đã bổ sung PP đánh giá học phần: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập/thuyết trình/vấn đáp /làm việc nhóm/tiểu luận/sản phẩm/TTSP và khóa luận. Ngoài ra, GV cũng xây dựng và sử dụng các rubic để áp dụng vào khâu kiểm tra đánh giá người học theo 4 mức độ trọng số 100% - 75% - 50% - 0% [H5.05.01.01].

- Việc đánh giá chính xác kết quả của người học so với CĐR của CTĐT đã được quy định cụ thể trong các Quyết định số 1168 (6/11/2019) và số 359 (17/5/2021) – Quyết định về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHTB [H5.05.01.04]. Theo đó, các thông tin cụ thể liên quan đến người học như đánh giá kết quả học tập (điều 3), đánh giá học phần (điều 4), điểm đánh giá quá trình (điều 5), thông tin về thi kết thúc học phần, số lần được dự thi, điều kiện dự thi (điều 6), cách tính điểm đánh giá (điều 7), hoãn thi, phúc khảo bài thi, thi lại (điều 9), trách nhiệm của thí sinh (điều 16), xử lý thí sinh vi phạm quy chế thi (điều 21),

hình thức vi phạm và khung xử lý kỷ luật thí sinh vi phạm (điều 22) được thể hiện cụ thể, rõ ràng. Ngoài ra, Trường ĐHTB còn ban hành Quyết định số 653 (5/8/2020) về việc ban hành Quy định về tổ chức thi trên máy tính [H5.05.01.04], điều 6 quy định về quy trình làm bài thi trên máy tính giúp người học hình dung được quy trình thi; đồng thời điều 7 của Quyết định này quy định rõ việc thực hiện quy chế thi, kiểm tra của thí sinh. Những quy định này được thực hiện khá hiệu quả trong giai đoạn covid.

- Đối với từng môn học cụ thể, các quy định về đánh giá điểm học phần: số lượng đầu điểm; thang điểm; tỷ lệ điểm đánh giá quá trình và điểm học phần được quy định trong Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.01]. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần [H5.05.01.01] và được thông báo cho người học ngay từ khi bắt đầu môn học. Trong đó, kết quả học tập của người học được đánh giá bằng các điểm thành phần như điểm đánh giá quá trình, điểm đánh giá giữa kỳ, điểm đánh giá cuối kỳ và các hoạt động đánh giá khác tùy từng môn học với tỷ lệ các điểm tương ứng là 30% - 20 % - 50% [H5.05.01.01]. Tùy đặc thù của từng môn học, các Khoa và bộ môn sẽ xây dựng các hình thức, phương pháp đánh giá từng đầu điểm thành phần theo các tiêu chí cụ thể của từng Rubic như điểm đánh giá quá trình gồm điểm chuyên cần, hoạt động trên lớp (quan sát, đánh giá tại lớp – tiêu chí của rubic 1) + điểm đánh giá bài tập cá nhân (kết quả làm bài tập trên lớp và ở nhà – tiêu chí của rubic 2) + điểm đánh giá thuyết trình theo nhóm (thuyết trình trực tiếp tại lớp – tiêu chí của rubic 5); đánh giá giữa kỳ (bài trắc nghiệm – tiêu chí của rubic 9); đánh giá cuối kỳ (tự luận – tiêu chí của rubic 8) [H5.05.01.01]. Các hình thức, phương pháp và tiêu chí đánh giá có thể được bộ môn rà soát, điều chỉnh (nếu cần) khi có kế hoạch của Nhà trường.

- Giảng viên của bộ môn Địa lý thực hiện công tác biên soạn đề thi, đề kiểm tra, chấm thi, quy trình chấm thi, quản lý kết quả học tập… theo Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường [H5.05.01.01] (được nêu rõ trong chương 2 (điều 10), chương 4 (điều 19, 20) của quyết định). Đồng thời, tiêu chí chấm thi các học phần lý thuyết, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận hay khóa luận tốt nghiệp đều đáp ứng yêu cầu của CĐR và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của rubic đánh giá đã được cụ thể trong CTCT của ngành [H5.05.01.01]. Việc kiểm tra, đánh giá được bộ môn thực hiện nghiêm túc, chủ động và đảm bảo đúng thời gian, tiến độ (cách thức ra đề thi, hình thức đề thi theo mẫu của trường [H5.05.01.01] – phần phụ lục, nội dung đề thi phải nằm trong khối lượng kiến thức kĩ năng đã giảng dạy, phù hợp với nội dung đã quy định trong CTĐT, đảm bảo phân loại được khả năng học tập của người học dựa trên kết quả học tập…). Việc kết hợp thực hiện đa dạng, linh hoạt các phương pháp kiểm tra như trên đảm bảo định lượng, đo lường được mức độ đạt CĐR của người học đối với từng môn học nói riêng và ngành Địa lý nói chung.

Đối với các bài kiểm tra giữa kì, giảng viên giảng dạy các học phần đều kết hợp các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau để đạt được yêu cầu về CĐR. Trong các học phần của bộ môn Địa lý (Địa lý tự nhiên, Địa lý kinh tế - xã hội, Phương pháp giảng dạy Địa lý), SV được thực hiện các nhiệm vụ như thuyết trình, vấn đáp, bài tập nhóm, trắc nghiệm… Các hình thức này đảm bảo đánh giá mức độ đạt được CĐR của môn học, đồng thời phát triển ở SV các năng lực chung và năng lực địa lý đặc thù [H5.05.01.02].

Đối với các bài kiểm tra cuối kì, chủ yếu là hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận, tự luận, tiểu luận. Với hình thức thi trắc nghiệm 30% + tự luận 70% hoặc tự luận 100%, đề thi kiểm tra cả kiến thức và kĩ năng của học phần. Các yêu cầu đều ở mức độ nhận thức nội dung học một cách sâu sắc, đánh giá năng lực thực hành và vận dụng của SV, do đó, hình thức này phù hợp với mục tiêu của học phần và có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR [H5.05.01.01]. Đối với 1 số học phần, trong quá trình giảng dạy cũng đã xây dựng, sử dụng ngân hàng đề thi [H5.05.01.14], trong đó, dữ liệu đề thi và ngân hàng đề đảm bảo nội dung kiến thức, kỹ năng cơ bản, cốt lõi của học phần đòi hỏi người học cần đạt và có thể thực hiện được bằng cả hình thức thi viết hoặc thi trên máy [H5.05.03.03].

Đối với hình thức làm bài tiểu luận, bộ môn Địa lý thực hiện theo Thông báo hướng dẫn sinh viên viết tiểu luận kết thúc học phần bậc Đại học, cao đẳng [H5.05.02.02]. Theo hướng dẫn này, giảng viên và SV sẽ đảm bảo thực hiện về thời gian, yêu cầu (yêu cầu chung, yêu cầu về nội dung, yêu cầu thể thức trình bày, trích dẫn tài liệu tham khảo), cách thức nộp bài và chấm tiểu luận kết thúc môn học. Giảng viên phân công chấm tiểu luận sẽ thực hiện phiếu chấm tiểu luận theo đúng mẫu trong phụ lục của thông báo hướng dẫn. Riêng đối với sinh viên địa lý, với các học phần thực địa, cần thực hiện viết báo cáo thực địa với các yêu cầu cụ thể giống như hình thức 1 bài tiểu luận.

Trong giai đoạn covid, bộ môn cũng thực hiện hoạt động giảng dạy trực tuyến theo quy định của Nhà trường [H5.05.02.01]; ngoài việc đảm bảo về thời lượng, cấu trúc nội dung giảng dạy, phương thức tương tác… việc đánh giá kết quả học tập cũng có sự khác biệt. Hầu hết, các môn học khi thực hiện giảng dạy trực tuyến đều được lưu lại trên tài khoản gmail trong ứng dụng google classroom [H5.05.02.01], việc kiểm tra đánh giá cũng được thực hiện ngay trên trang của lớp học.

Trước, trong thời gian thi và sau khi nhận được kết quả đánh giá môn học trên hệ thống đào tạo của từng cá nhân, người học nếu có vấn đề liên quan đến điểm đánh giá quá trình, hoãn thi, thi lại, thi bổ sung… thì thực hiện theo mẫu văn bản quy định của Nhà trường [H5.05.02.01].

Đối với khóa luận tốt nghiệp, giảng viên và SV thực hiện theo quy định riêng về chấm khóa luận tốt nghiệp, nội dung này được cụ thể hóa trong điều 24, 25 thuộc chương IV của QĐ số 878/QĐ-ĐHTB về Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ

thống tín chỉ năm 2018 hoặc điều 20, 21 thuộc chương V của QĐ số 296 về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ năm 2021 [H5.05.01.01]. Theo đó, đúng thời gian quy định thực hiện khóa luận tốt nghiệp đối với SV năm cuối Nhà trường sẽ lần lượt ban hành các quyết định phê duyệt danh sách SV làm khóa luận, cử GV chấm khóa luận cho SV theo đúng yêu cầu. Đối với, mỗi khóa luận được chấm đều phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các mẫu phiếu chấm, mẫu biên bản, mẫu xác nhận chỉnh sửa và mẫu xác nhận đồng ý nộp khóa luận [H5.05.02.02]. Riêng với khóa luận tốt nghiệp, năng lực hướng đến là các năng lực khoa học, năng lực tự học dưới góc độ tự nghiên cứu, do đó, các phương pháp kiểm tra đánh giá mang tính đặc thù. SV sẽ thực hiện đề tài nghiên cứu của mình gắn với một chuyên ngành đào tạo dưới sự hướng dẫn của một GV. Sau khi hoàn thành, SV bảo vệ khóa luận trước các thành viên chấm khóa luận [H5.05.02.02].

- Đối với hoạt động NCKH, quy trình được thực hiện theo các bước cụ thể, theo đó, sau khi sinh viên hoàn thành xong đề tài nghiên cứu sẽ tiến hành bảo vệ trước các thành viên của hội đồng, các thành viên của hội đồng sẽ hoàn thành mẫu phiếu đánh giá đề tài NCKH của SV dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá cụ thể (bao gồm 7 tiêu chí: tổng quan tình hình nghiên cứu, lý do chọn đề tài; mục tiêu đề tài; phương pháp nghiên cứu; nội dung khoa học; đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng; hình thức trình bày báo cáo tổng kết đề tài; điểm thưởng) và cho điểm, đồng thời xếp loại đề tài ở các mức độ xuất sắc (>90 điểm) – tốt (80 – 90 điểm) – đạt (70 - <80 điểm) – không đạt (<70 điểm) [H5.05.01.03].

- Đối với hoạt động thực tập sư phạm của SV, hàng năm Nhà trường sẽ đã ban hành Kế hoạch tổ chức thực tập sư phạm cho SV CĐ, ĐH các khóa trong đó quy định rõ các yêu cầu đối với SV thực tập, GV hướng dẫn, Ban chỉ đạo thực tập tại các trường; số lượng, thời gian, nội dung thực tập; các nội dung đánh giá thực tập (kèm theo các mẫu phiếu đánh giá các hoạt động SV thực hiện trong thời gian thực tập) [H5.05.01.03]. SV ngành sư phạm Địa lý thực tập tại các trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Sơn La tại trường phổ thông là 3 tuần (thực tập sư phạm 1) và 7 tuần (thực tập sư phạm 2). Mỗi đợt thực tập có yêu cầu khác nhau về thực hiện nhiệm vụ thực tập giáo dục và giảng dạy. Kết quả thực tập của SV được đánh giá theo tiêu chí, có phiếu tổng hợp sau mỗi đợt và Phòng Đào tạo thực hiện công tác tổng hợp và xây dựng báo cáo kết quả thực tập sư phạm theo khoa, theo khối lớp [H5.05.01.03].

Theo kết quả Khảo sát ý kiến của SV về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá trong năm học 2021-2022 với 203 SV về tiêu chí Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để có khả năng đo được các kiến thức và kĩ năng, kết quả cho thấy tỷ lệ đối tượng khảo sát đồng ý và hoàn toàn đồng ý, tương ứng là 46,3% và 49,8%.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy định của khoa và nhà trường, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng; các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá khá đa dạng, linh hoạt phù hợp với đối tượng và đặc thù của từng môn học chuyên ngành, trên cơ sở đó GV có thể đánh giá được mức độ đạt được CĐR của người học theo CTĐT đã xây dựng.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện khảo sát ý kiến của SV về mức độ đồng ý trong quá trình tổ chức thi, kiểm tra đánh giá đối với từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát ý kiến của SV sau khi hoàn thành việc giảng dạy các học phần	Phòng BĐCL&TTPC Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Từ năm học 2024 -2025
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện đúng quy trình; thiết kế các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với người học và đáp ứng được mức độ đạt CĐR của CTĐT.	Phòng BĐCL&TTPC Khoa Khoa học Xã hội Bộ môn Địa lý	Từ năm học 2024 -2025

Tự đánh giá: *Đạt 5/7*

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan được thể hiện rõ ràng, cụ thể, chi tiết trong Quyết định số 989/QĐ-ĐHTB về việc ban hành CTĐT trình độ ĐH, CĐ năm 2018 và năm 2022; trong CTCT từng học phần [H5.05.01.01] và được thông báo công khai tới người học của Trường đã quy định rõ việc đánh giá học phần tổ chức thi kết thúc học phần [H5.05.01.04]. Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Trường (QĐ số 878 và 296 ban hành năm 2018, năm 2021) đã quy định việc việc đánh

giá kết quả học tập và học lực, xếp hạng năm đào tạo; cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; đánh giá học phần; tổ chức kì thi kết thúc học phần; thực tập cuối khóa, làm khóa luận tốt nghiệp; công nhận kết quả học tập; điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp; cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập [H5.05.01.01]. Ngoài ra, Trường còn ban hành QĐ số 241/QĐ-ĐHTB và QĐ số 359/QĐ-ĐHTB quy định rõ Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tin chỉ tại Trường [H5.05.02.14].

(1) Các văn bản, tài liệu hướng dẫn như quy chế đào tạo theo tín chỉ của Trường nói chung, CTĐT và CTCT của ngành ĐHSP Địa lý nói riêng đã xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học.

Về đánh giá kết quả học tập của người học phải đảm bảo nguyên tắc, yêu cầu nghiêm túc, khách quan, tin cậy, trung thực và công bằng; công bằng đối với tất cả SV trong lớp; giữa các lớp; các khóa học và các hình thức đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập phải dựa trên CĐR của học phần, chú trọng đánh giá quá trình nhằm kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của SV.

Cụ thể như sau:

- Về tổ chức kỳ thi: cuối mỗi học kì, Trường tổ chức 1 kỳ thi kết thúc học phần gồm 2 đợt (đợt 1 và đợt 2); trong đó, đợt 1 là kỳ thi chính, bắt buộc; đợt 2 là kì thi phụ, được tổ chức vào các ngày cuối tuần sau khi kết thúc kỳ thi chính ít nhất 2 tuần, dành cho đối tượng SV được hoãn thi ở đợt 1 hoặc SV thi lại hoặc SV muốn thi cải thiện điểm. Kế hoạch tổ chức thi kết thúc học phần được ban hành và công khai trên Cổng thông tin đào tạo của Trường ít nhất 5 tuần đối với kì thi chính, ít nhất 2 tuần với kì thi phụ và học kỳ phụ [H5.05.01.04]. Các thông tin về lịch thi, ngày thi, môn thi của cả trường hoặc từng cá nhân SV có thể kiểm tra ở tài khoản của mình trên Cổng thông tin đào tạo (daotao.utb.edu.vn). Để tăng cường ứng dụng CNTT trong đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học, Nhà trường còn ban hành Quy định tổ chức thi trên máy tinh đối với các học phần phù hợp [H5.05.01.04]. Trong giai đoạn dịch bệnh covid 19, phòng BĐCL & TTPC chịu trách nhiệm xây dựng phương án, quy trình, hướng dẫn, kế hoạch thi, ban ra đề, coi thi, chấm thi; xây dựng công cụ hỗ trợ tổ chức thi trực tuyến; kế hoạch tập huấn công tác thi trực tuyến cho GV và SV… Trường đã ban hành hướng dẫn số 799/ĐHTB-BĐCL về hướng dẫn thi kết thúc học phần trực tuyến; tiến hành tập huấn kỹ thuật tổ chức thi và tham gia thi kết thúc học phần trực tuyến cho 266 GV; 788 SV (có danh sách cụ thể) https://deqa.utb.edu.vn/, [H5.05.01.04].

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận (điểm đánh giá quá trình của học phần nhân với trọng số tương ứng và làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó chuyển thành điểm chữ. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết

và thực hành, điểm học phần là trung bình theo trọng số giữa điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần, tỷ lệ là 50% - 50%. Đối với học phần thực hành, điểm được tính là trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kì đó [H5.05.01.04]. Đối với các học phần của ngành Địa lý, điểm học phần được tính là 30% điểm đánh giá quá trình + 20% điểm đánh giá giữa kỳ + 50% điểm đánh giá cuối kỳ. Số lượng các bài đánh giá, phương pháp đánh giá, số lần, tiêu chí đánh giá cũng như trọng số bài đánh giá, trọng số từng thành phần được quy định trong CTCT từng học phần và được GV giảng dạy học phần đó thông báo cho SV ngay khi bắt đầu học phần [H5.05.01.01].

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần là: SV phải tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp thực tế quy định cho từng học phần; điểm thành phần thứ nhất (điểm đánh giá quá trình + điểm đánh giá giữa kỳ) của học phần không dưới 4,0 điểm. Sau khi GV hoàn thành giảng dạy học phần cần lập danh sách SV không đủ điều kiện thi về cho khoa và trước kì thi 1 tuần khoa sẽ lập danh sách cấm thi về cho phòng BĐCL&TTPC tổng hợp và SV có thể kiểm tra theo tài khoản cá nhân trên Cổng thông tin đào tạo [H5.05.02.05]. SV không đủ điều kiện thi học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó (nếu là học phần bắt buộc); học lại hoặc có thể đăng ký đổi sang học phần khác (nếu là học phần tự chọn).

- Cách tính điểm học phần, điểm TBC học kỳ, điểm TBC tích lũy được quy định trong Quy chế đào tạo, CTCT và Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo của ngành đào tạo. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ (A: 8,5 – 10 điểm; B: 7,0 – 8,4 điểm; C: 5,5 – 6,9 điểm; D: 4,0 – 5,4 điểm; F: <4,0 điểm) [H5.05.01.01]. Điểm TBC học kỳ là điểm trung bình có trọng số (là số tín chỉ tương ứng) của các học phần mà SV đăng kí học trong học kì (gồm cả học phần học lần đầu và học từ lần thứ 2 trở đi); điểm TBC tích lũy là điểm TB có trọng số của các học phần mà SV đã tích lũy được (có điểm chữ là A, B, C hoặc D) tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét [H5.05.01.01].

- Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), thi trắc nghiệm trên máy tính; vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn hoặc kết hợp giữa các hình thức trên). Các hình thức thi của từng học phần được Hiệu trưởng phê duyệt trong CTCT của từng học phần và SV đều được GV thông báo khi bắt đầu môn học. Mặt khác, trước khi bắt đầu kì thi chính thức, phòng BĐCL&TTPC đều gửi về khoa các file rà soát hình thức thi của các học phần, đảm bảo tính chính xác trước khi bắt đầu tổ chức thi.

- Trước, sau khi kì thi diễn ra, SV nếu có nguyện vọng xin hoãn thi, thi lại, thi bổ sung, phúc khảo bài thi đều thực hiện theo các mẫu đơn quy định của Nhà trường và được Khoa, các phòng ban tiếp nhận xử lý https://deqa.utb.edu.vn/bieu-mau-hoat-dong-khao-thi-kem-theo-qd-so-359-qd-dhtb-ngay-17-05-2021/ [H5.05.01.03].

(2) Thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể và công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Người học được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập.

Cụ thể: Các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả của người học đã được quy định rõ ràng và công bố công khai cho SV thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu năm do Phòng CTCT&QLNH thực hiện. Bên cạnh đó, Khoa, Bộ môn và các CVHT cũng có trách nhiệm thông báo, kịp thời cập nhật, bổ sung và giải đáp các thắc mắc trong quá trình học tập của SV. Do đó, đảm bảo SV ngay từ khi bắt đầu CTĐT đã hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của mình.

Trong quá trình học tập, SV đều được cung cấp về cách thức và công cụ đánh giá kết quả học tập phù hợp với từng môn học. Đối với việc đánh giá học phần bao gồm đánh giá chuyên cần, hoạt động trên lớp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm hoặc các bài tập về nhà, GV tự lựa chọn hình thức đánh giá theo các rubic mà bộ môn xây dựng và sẽ thông tin tới SV ngay khi bắt đầu học phần giảng dạy. SV sẽ biết, hiểu và thực hiện các nội dung học tập mà GV yêu cầu theo các tiêu chí của rubic đánh giá. Việc tổ chức kiểm tra giữa kì là do GV chủ động về thời gian, nội dung, tiêu chí đánh giá; còn việc tổ chức thi, ra đề, coi chấm thi, công bố điểm thi, phúc khảo và lưu giữ bài thi sẽ thực hiện theo Quy định của nhà trường [H5.05.01.01].

SV có thể xem lịch thi chính thức hoặc lịch thi lại bao gồm thông tin như học kì thi, mã hoặc tên môn thi, ngày thi cần xem, khoa cần xem trên Cổng thông tin đào tạo bằng tài khoản cá nhân [H5.05.02.05].

Việc thông báo kết quả SV đăng ký môn học và các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, lịch thi, điểm thi (điểm trung bình học kỳ hệ 10/100, hệ 4; điểm trung bình tích lũy, hệ 4; số tín chỉ đạt và số tín chỉ tích lũy) của SV được cập nhật tại Cổng thông tin đào tạo theo địa chỉ: https://daotao.utb.edu.vn/. SV có thể chủ động kiểm tra lại thông tin theo tài khoản cá nhân [H5.05.02.05]. Phòng BĐCL & TTPC chịu trách nhiệm nhập và đăng tải dữ liệu điểm đánh giá kết quả học tập của SV lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của trường; công bố công khai trên cổng thông tin đào tạo. Tuy nhiên, đôi khi hệ thống bị rơi vào tình trạng quá tải khi tại cùng 1 thời điểm SV các khóa vào đăng kí môn học đòi hỏi hệ thống quản lý trang phân chia các khung thời gian cho phù hợp để tránh tình trạng lỗi trang.

Đối với SV năm cuối việc theo dõi kết quả điểm trên hệ thống sẽ giúp người học kiểm tra điều kiện cần và đủ để có thể lựa chọn thực hiện làm khóa luận hay thi các môn thay thế tốt nghiệp. Theo đó, để đủ điều kiện làm khóa luận SV cần đảm bảo tích lũy tối thiểu 100 tín chỉ và điểm trung bình chung tích lũy đạt >2,0 [H5.05.01.01], đồng thời, thực hiện đúng từng bước theo quy chế khóa luận mà nhà trường đã ban hành [H5.05.02.02].

Sau mỗi học kì, Hội đồng xét tiến độ học tập của SV họp xét công nhận hạng học lực, số SV bị cảnh báo học tập và bị buộc thôi học. Nhà trường sẽ ra quyết định công nhận kết quả học tập cho SV trong đó nêu rõ điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình tích lũy, số tín chỉ tích lũy, học lực và có ai thuộc diện cảnh báo hay không. Các quyết định này sẽ được gửi về khoa và thông báo cho SV được biết [H5.05.04.02].

Theo kết quả Khảo sát ý kiến của SV về Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá trong năm học 2021 - 2022 với 203 SV về tiêu chí Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rõ ràng, kết quả cho thấy tỷ lệ đối tượng khảo sát chủ yếu là đồng ý và hoàn toàn đồng ý (93,6%) [H5.05.02.01].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được đưa vào Quy chế đào tạo, CTĐT, CTCT ngành Địa lý và các văn bản liên quan tới kế hoạch đào tạo đầy đủ và rõ ràng giúp người học lĩnh hội ngay từ đầu khóa học. Nhà trường có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học và được đa dạng hóa bằng nhiều phương pháp đánh giá phù hợp, linh hoạt, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR từng học phần và CTĐT. Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

- Hệ thống Cổng thông tin đào tạo thường bị quá tải trong trường hợp SV đồng loạt thực hiện đăng ký môn học.

- Chưa thực hiện khảo sát ý kiến của SV về tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của người học.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
1. Tiếp tục công khai, phổ biến quy định về đánh giá kết quả học tập đến người học qua các buổi sinh hoạt đầu khóa, website, LMS.	Phòng Đào tạo Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Đầu mỗi năm học

2. Đa dạng hóa phương pháp đánh giá phù hợp với từng học phần, đảm bảo tính công bằng và khách quan.	Bộ môn Địa lý	Mỗi học kỳ
Khắc phục hạn chế		
1. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật hoặc phân luồng đăng ký học phần để giảm tải cho cổng thông tin đào tạo.	Phòng Đào tạo	Trước kỳ đăng ký học phần
2. Thiết kế và triển khai khảo sát ý kiến sinh viên về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.	Phòng Khảo thí & ĐBCL	Học kỳ II hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

(1) GV sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá kết quả học tập

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được GV xây dựng trong CTĐT của ngành [H5.05.01.01], Đề cương chi tiết của từng học phần [H5.05.01.02]. Nhìn chung, GV sử dụng các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học rất đa dạng, thể hiện ở tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá trong từng giai đoạn của học phần.

Về cơ bản, các học phần đều thực hiện theo Quyết định số 1168/QĐ-ĐHTB (năm 2019); số 359/QĐ-ĐHTB (năm 2021) về Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHTB [H5.05.01.01]. Trong đó, hình thức thi kết thúc học phần khá đa dạng, có thể là viết (trắc nghiệm 100% hoặc trắc nghiệm + tự luận); thi trắc nghiệm trên máy tính; vấn đáp; viết tiểu luận; làm bài tập lớn hoặc kết hợp các hình thức trên. Tùy theo yêu cầu, đặc thù của từng học phần GV khi xây dựng đề cương chi tiết đều đã lựa chọn các hình thức và phương pháp đánh giá phù hợp đảm bảo phát huy năng lực, phẩm chất của người học; đồng thời đáp ứng được các yêu cầu CĐR của CTĐT ngành ĐHSP Địa lý.

Từ thực tế triển khai ở bộ môn Địa lý, trong tổng số 32 học phần (tính cả tự chọn) thuộc chuyên ngành Địa lý hình thức đánh giá cuối kỳ được lựa chọn nhiều nhất là tự luận (15/32 học phần); hình thức tiểu luận là 9/32 học phần; còn lại 8 học phần lựa chọn hình thức bài tập lớn, thuyết trình trực tiếp tại lớp, trắc nghiệm.Trong khi đó, hình thức làm bài cá nhân hoặc nhóm thực hiện thuyết trình trực tiếp tại lớp được sử dụng chủ yếu để đánh

giá bài giữa kì cho SV (24/32 học phần); còn 8 học phần lựa chọn hình thức làm bài tập cá nhân, trắc nghiệm, tự luận, tiểu luận, đánh giá hoạt động ngoài thực địa (đối với 2 học phần thực địa).

Như vậy, để đánh giá chính xác, tin cậy và công bằng năng lực, phẩm chất của SV, GV đã sử dụng đa dạng các hình thức và phương pháp khác nhau; đảm bảo cá nhân SV phát huy được khả năng, sở trường của bản thân trong quá trình học tập và rèn luyện.

(2) Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị) đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Các quy định về thi, kiểm tra/đánh giá đã được Nhà trường quy định rõ trong Quyết định số 1168/QĐ-ĐHTB (năm 2019); số 359/QĐ-ĐHTB (năm 2021) [H5.05.01.04]. Để tổ chức các kỳ thi học phần, Nhà trường sẽ ban hành kế hoạch tổ chức thi kết thúc học phần, ra quyết định thành lập các Hội đồng thi và Ban thư ký; Ban ra đề với nhiệm vụ cụ thể đã được quy định theo Quyết định số 359/QĐ-ĐHTB (ngày 17/5/2021) https://deqa.utb.edu.vn/category/khao-thi/ke-hoach-thi-ket-thuc-hoc-phan/, [H5.05.03.07].

Việc ra đề, duyệt đề thực hiện đúng quy trình. Trên cơ sở phân công GV ra đề cho các học phần giảng dạy, GV có trách nhiệm soạn 03 đề thi/học phần đảm bảo các yêu cầu theo quy định của QĐ 359/QĐ-ĐHTB trong đó việc ra đề thực hiện mẫu đề thi, đáp án và hướng dẫn chấm đã có. Đề thi được Trưởng hoặc phó trưởng bộ môn ký duyệt đảm bảo các yêu cầu về nội dung, hình thức theo quy định; đề thi, đáp án và hướng dẫn chấm được nộp về phòng BĐCL&TTPC đúng thời gian quy định và có ký nhận giao nộp. Nội dung đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung của học phần, đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã quy định trong đề cương chi tiết của học phần. Đề thi sau khi nộp về phòng BĐCL&TTPC sẽ được Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo lựa chọn, ký duyệt cho phép sử dụng đề thi chính thức đối với tất cả các học phần trong CTĐT. Đề thi chính thức, đề thi dự bị, đáp án và hướng dẫn chấm đảm bảo quy định bảo mật đề thi. Phòng BĐCL&TTPC chịu trách nhiệm các khâu duyệt đề, in, sao đề thi, bảo quản đề thi.

Công tác chấm thi của GV phải thực hiện nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và đúng quy trình chấm thi kết thúc học phần đã được quy định. Cán bộ chấm thi phải chấm bài thi theo đúng thang điểm và đáp án chính thức được phê duyệt. Việc chấm bài thi tự luận, tiểu luận, bài tập lớn do 2 GV thực hiện. Sau khi thực hiện chấm, GV ghi điểm vào phiếu chấm và nộp cho cán bộ phòng BĐCL&TTPC; sau đó nhận phách, danh sách điểm thi kết thúc học phần có chữ ký nộp bài của SV và thực hiện ghép phách, vào điểm cho SV rồi ký nhận sổ nộp bảng điểm cho cán bộ phụ trách. Phòng BĐCL&TTPC nhập dữ liệu điểm đánh giá kết quả học tập của SV lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của

trường và công khai cho SV trên Cổng thông tin đào tạo. Nếu có sai sót do SV phản hồi, phòng chức năng sẽ có nhiệm vụ xem xét, giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho SV [H5.05.03.07].

Mô tả trên cho thấy quy trình tổ chức ra đề, duyệt đề, chấm thi rất chặt chẽ và mỗi khâu có cán bộ phòng chức năng chịu trách nhiệm. Việc giám sát, kiểm tra được thực hiện ở khâu cuối cùng, do đồng thời cả SV, GV, cán bộ phòng ban giám sát; do đó, đảm bảo tính khách quan, công bằng.

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần/CTĐT khá hiệu quả. Điều này được thể hiện thông qua 3 tiêu chí của phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV: (1) GV chấm điểm kiểm tra đánh giá quá trình có đầy đủ các nội dung đánh giá bộ phận quy định trong đề cương chi tiết của học phần; (2) Việc kiểm tra đánh giá quá trình của GV nghiêm túc, công bằng, khách quan, phản ánh đúng năng lực của người học; (3) GV thường xuyên thể hiện rõ quan điểm không dung túng cho những biểu hiện gian lận, tiêu cực trong học tập, thi cử.

Cụ thể, theo kết quả Khảo sát ý kiến phản hồi của SV về công tác giảng dạy của giảng viên trong học kì 2, năm học 2020 – 2021 (1.907 SV đã thực hiện khảo sát) thì các tiêu chí 5.1, 5.2, 5.3 của phiếu khảo sát đã đề cập đến quan điểm, phương pháp, cách thức chấm điểm của GV đối với SV. Phần lớn SV đồng ý với các tiêu chí đề ra và cho rằng GV chấm kiểm tra đầy đủ các mục, quá trình này thực hiện công bằng, nghiêm túc. Tỉ lệ SV chọn mức độ 4 và 5 chiếm trên 80% cho thấy hiệu quả thực hiện hệ thống các phương pháp kiểm tra của GV đối với SV trong từng học phần [H5.05.04.03].

Bảng 5.3.1 Khảo sát ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy

Tiêu chí	**1 (Hoàn toàn không đồng ý)**	**2 (Không đồng ý)**	**3 (Có thể chấp nhận)**	**4 (Đồng ý)**	**5 (Hoàn toàn đồng ý)**
1. GV chấm điểm kiểm tra đánh giá quá trình có đầy đủ các nội dung đánh giá bộ phận quy định trong đề cương chi tiết của học phần	67 (1,3%)	41 (0,8%)	250 (5%)	1.823 (36,5%)	219 (56,4%)
2. Việc kiểm tra đánh giá quá trình của GV nghiêm túc, công bằng, khách quan, phản ánh đúng năng lực của người học	65 (1,3%)	52 (1%)	275 (5,5%)	1.813 (36,3%)	2.795 (55,9%)
3. GV thường xuyên thể hiện rõ quan điểm không dung túng cho những biểu hiện gian lận, tiêu cực trong học tập, thi cử	64 (1,3%)	84 (1,7%)	280 (5,6%)	1.756 (34,8%)	2.861 (56,6%)

Nhìn chung, việc kiểm tra, đánh giá đảm bảo thực hiện đúng quy trình, do đó, theo thông tin của phòng BĐCL&TTPC trong thời gian qua nhà trường chưa nhận được đơn từ xin phúc khảo bài thi, phần lớn đơn mà phòng chức năng nhận được là đơn xin thi lại, thi bổ sung và đã được giải quyết [H5.05.05.04]. Sau mỗi kì học kì, Nhà trường đều thực hiện các báo cáo phân tích dữ liệu điểm đánh giá kết quả học tập của SV: số lượng học phần, tổng số dữ liệu điểm, số lượng SV, điểm trung bình và đề ra phương hướng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo cho người học [H5.05.03.07]. Đồng thời, Nhà trường cũng ban hành kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học và giảng viên về CTĐT, trong đó, đối với người học cuối khóa, nội dung khảo sát tập trung vào việc CTĐT đã đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, CĐR, nội dung kiến thức, hình thức kiểm tra đánh giá và tài liệu học tập. Đối với GV nội dung tập trung chủ yếu và mức độ phù hợp, tính khoa học của hình thức tổ chức dạy học, tính chính xác, khách quan, công bằng trong phương pháp kiểm tra đánh giá của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của SV đã được các GV của bộ môn Địa lý thực hiện đúng theo quy định Nhà trường. Trong đó, các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng và phù hợp với đặc thù từng môn học; đảm bảo đáp ứng CĐR của CTĐT ngành ĐHSP Địa lý. Quy trình tổ chức thi, kiểm tra đảm bảo khách quan, chính xác, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng. Các GV thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, SV nhất trí với cách thức kiểm tra, đánh giá của GV.

3. Điểm tồn tại

Các môn học chủ yếu đánh giá dựa trên đánh giá của GV, việc kết hợp đánh giá và tự đánh giá đối với SV chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn và tổ chức cho SV thực hiện tự đánh giá.	Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường trao đổi giữa các bộ môn để sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng hơn, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ tin cậy, công bằng và phù hợp CĐR của CTĐT.	Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành các Quy chế và quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần, đồng thời xác định việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với quy định về kiểm tra, đánh giá của Bộ GD&ĐT [H5.05.04.01]. Hệ thống các quy định này được cung cấp công khai đến SV trong buổi sinh hoạt tuần HSSV đầu năm, đặc biệt trong buổi học đầu tiên của các học phần, GV có trách nhiệm thông báo, trao đổi cẩn thận giúp SV nắm bắt được nội dung kiểm tra đánh giá cũng như kiến thức cần học tập của bộ môn.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công khai, kịp thời đến GV và SV, cụ thể là hệ thống các bảng điểm học kì, quyết định xét tiến độ học tập…

Về điểm quá trình được GV đánh giá thông qua việc thực hiện kiểm tra dưới nhiều hình thức khác nhau, thông báo cho SV, nếu không có vấn đề thắc mắc nào thì GV sẽ nộp lại bảng điểm về cho khoa để khoa nộp cho cán bộ phòng BĐCL&TTPC.

Về điểm các học phần, GV chấm bài và nhập bảng điểm gửi lại cho phòng BĐCL&TTPC thực hiện việc cập nhật điểm lên hệ thống; cá nhân SV chủ động theo dõi kết quả học tập và có ý kiến phản hồi (nếu có). SV sử dụng tài khoản riêng để đăng nhập và tự tra điểm. Quá trình này được thực hiện theo đúng kế hoạch nên việc quản lý kết quả học tập của SV chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ SV tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng. Việc kiểm soát điểm, số tín chỉ tích lũy, số điểm tích lũy qua từng học kỳ, từng năm học giúp SV chủ động thực hiện việc thi lại, thi nâng điểm, lựa chọn làm khóa luận hay thi các môn thay thế tốt nghiệp [H5.05.04.04].

Cố vấn học tập (CVHT) của các lớp cũng sử dụng tài khoản cá nhân để quản lý SV của lớp mình, đồng thời có thể vào tài khoản của SV mà GV đó quản lý để theo dõi, tư vấn và hỗ trợ SV kịp thời khi có kết quả học tập. Các thông báo của Nhà trường về công tác thi cử, thời gian, lịch thi… đều được CVHT kịp thời nhắc nhở và gửi thông tin qua nhóm zalo của lớp. Việc giải đáp thắc mắc, khó khăn và giải thích những băn khoăn của SV có thể thực hiện trong nhóm zalo chung hoặc với một số đối tượng SV cần chú ý nhiều hơn [H5.05.04.04].

Sau mỗi kì học, Nhà trường đều ra Quyết định công nhận kết quả học tập của SV các khóa và gửi về các khoa để CVHT thông tin tới SV lớp mình cố vấn; SV cũng nhận được các thông tin trong quyết định trên hệ thống tài khoản cá nhân. Các thông tin giúp SV nắm bắt được tiến trình học tập, học lực, nguy cơ có bị cảnh báo hay không. Đây là cơ

sở giúp SV có thể đề xuất các ý kiến phản hồi (nếu có) đồng thời với việc thông báo cụ thể về điểm số, học lực, số tín chỉ tích lũy… sẽ giúp SV có những định hướng cụ thể để cải thiện việc học trong các kì học sau được tốt hơn [H5.05.04.02].

Theo kết quả Khảo sát ý kiến của SV về Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá trong năm học 2021-2022 với 203 SV về tiêu chí Người học được phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá, kết quả cho thấy tỷ lệ đối tượng khảo sát đồng ý về cơ bản và hoàn toàn đồng ý 94,6% [H5.05.02.01].

2. Điểm mạnh

Hệ thống quản lý kết quả học của SV từ các khoa, phòng BĐCL&TTPC và Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định, thống nhất, khoa học và chặt chẽ.. Phần mềm quản lý đào tạo EduSoft giúp người học có thể kịp thời phản ánh về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi từ đó có biện pháp để cải thiện việc học tập.

3. *Điểm tồn tại*

Đôi khi hệ thống bị quá tải hoặc điểm đánh giá chưa được cập nhật đúng thời hạn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật điểm đánh giá đúng thời hạn và đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.	Phòng BĐCL&TTPC	Thường xuyên
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy trình tổ chức thi, chấm điểm và công bố kết quả đánh giá. Sử dụng phần mềm Edusoft để phản hồi kết quả đánh giá kịp thời tới NH.	Phòng BĐCL&TTPC	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

SV được phổ biến đầy đủ các quy định cũng như quy trình về khiếu nại kết quả học tập ngày từ khi tham gia tuần sinh hoạt HSSV, đồng thời trước mỗi học kỳ và khi bắt đầu học phần CVHT và GV giảng dạy học phần đó cũng đã chia sẻ, làm rõ thông tin cho SV.

Các quy định về khiếu nại kết quả học tập đã được nêu rõ trong Quyết định 359/QĐ-ĐHTB ngày 17/5/2021 về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập [H5.05.02.01]. Theo đó, SV không nhất trí với kết quả thi kết thúc học phần được quyền xin phúc khảo bài thi. Những SV có nhu cầu phúc khảo thì phải nộp đơn xin phúc khảo theo mẫu [H5.05.01.03] về phòng BĐCL&TTPC trong thời gian 01 tuần. Ban phúc khảo sẽ tổ chức chấm phúc khảo bài thi theo từng học phần dưới sự điều hành trực tiếp của Trưởng ban phúc khảo. Điểm chính thức của các bài thi sau phúc khảo được Trưởng ban phúc khảo trình Chủ tịch Hội đồng kì thi ký duyệt và công bố lại cho SV. Tuy nhiên, trong thời gian qua, bộ môn Địa lý cũng chưa nhận được đơn phúc khảo hay đơn khiếu nại nào của SV và các đơn từ chủ yếu liên quan đến công tác tổ chức thi kỳ thi chính, kỳ thi phụ và các đơn này đã được phòng chức năng giải quyết kịp thời [H5.05.05.04].

Như vậy, SV muốn khiếu nại hoặc phúc khảo bài thi đều có thể tiếp cận thông tin về thời gian, quy trình, thủ tục khiếu nại, phúc khảo kết quả bài thi trên cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý học tập của Nhà trường.

Theo kết quả Khảo sát ý kiến của SV về Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá trong năm học 2021-2022 với 203 SV về tiêu chí Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập, kết quả cho thấy tỷ lệ đối tượng khảo sát đồng ý về cơ bản và hoàn toàn đồng ý 92,1% [H5.05.04.01].

2. Điểm mạnh: Quy trình khiếu nại kiểm tra đánh giá được quy định cụ thể và phổ biến công khai kịp thời đến tất cả SV.

3. Điểm tồn tại: Khoa và Bộ môn chưa thường xuyên phân tích dữ liệu về các ý kiến phản hồi của SV.

4 Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Phân tích dữ liệu sau khi nhận được ý kiến phản hồi của SV để từ đó có biện pháp thay đổi kịp thời	Phòng BĐCL&TTPC Bộ môn Địa lý	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	GV bộ môn, CVHT duy trì việc phổ biến quy trình khiếu nại kết quả đánh giá tới người học một cách thường xuyên, kịp thời.	Phòng BĐCL&TTPC Bộ môn Địa lý	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả của người học trong CTĐT trình độ đại học ngành SPĐL được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định, quy trình, kế hoạch về việc đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường xây dựng cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai tới SV ngay từ đầu năm thứ nhất qua các đợt sinh hoạt tập thể và trên Cổng thông tin đào tạo của SV.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Việc đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, tổ chức thi cử nghiêm minh đã tạo ra được nề nếp dạy và học tích cực. Phần mềm quản lý đào tạo EduSoft cập nhật nhanh chóng các thông tin về học tập, rèn luyện của SV do đó, SV được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi. Từ đó, SV có thể điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Phương pháp đánh giá kết quả học tập được sử dụng đa dạng như: trắc nghiệm, tự luận, thực hành, bài tập lớn, vv. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập thể hiện trong CTĐT đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung học phần cũng như toàn bộ CTĐT về kiến thức, kỹ năng đạt được.

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Các mốc thời gian về chấm bài, nộp điểm, nhận đơn phúc khảo được khoa, bộ môn thực hiện nghiêm túc theo quy định kiểm tra đánh giá của trường. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời trên Cổng thông tin đào tạo nên SV có thể chủ động theo dõi và đưa ra quyết định cải thiện việc học tập. Khi có bất cứ khiếu nại gì về kết quả đánh giá, người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua hướng dẫn cụ thể theo các bước rõ ràng được quy định bằng văn bản. người học có thể tự đọc hiểu văn bản hoặc có thể yêu cầu sự trợ giúp từ trợ lý khoa và CVHT.

Tuy nhiên, quá trình đánh giá kết quả của người học đôi khi gặp sự cố về phần công nghệ, lỗi hệ thống do nhiều người học truy cập cùng một lúc, gây khó khăn cho SV đăng ký học và xem kết quả học tập. Khoa và bộ môn cần tiếp tục chủ động theo dõi, cập nhật và phân tích kết quả đánh giá của SV về các nội dung thi, kiểm tra, đánh giá cả về phương pháp, hình thức và mức độ hiệu quả.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 5,0
+ Số tiêu chí đạt: 5/5

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ GV, NCV là những yếu tố then chốt, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng và thực hiện CTĐT nói chung, của ngành Địa lý nói riêng. Việc phân tích, đánh giá, xem xét lại quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ GV, NCV cũng như những kết quả đã đạt được là yêu cầu vô cùng cấp thiết. Điều này giúp nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

Với vai trò quan trọng như vậy nên việc thống kê số lượng, đánh giá chất lượng đội ngũ GV, NCV sẽ góp phần xác định điểm mạnh, điểm yếu của đội ngũ, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chiến lược, mục tiêu đào tạo của ngành, của trường. Mặt khác, trong xu thế hiện nay, xã hội ngày càng đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng thích ứng, nhạy bén với những thay đổi của thị trường lao động nói chung và các bước tiến trong giáo dục nói riêng nên việc đánh giá, xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ giúp đảm bảo tính hiệu quả, thực tiễn của CTĐT đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Phát triển đội ngũ GV, NCV không chỉ là góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo mà còn đáp ứng chiến lược phát triển của Nhà trường trong xu thế mới, hoàn thành sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các trường đại học cần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học để cạnh tranh với các trường đại học trên thế giới. Bởi vậy, việc đánh giá, xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển đội ngũ giúp đảm bảo chất lượng đội ngũ GV, NCV tiếp cận với những tiêu chuẩn giáo dục cấp cao, góp phần nâng cao vị thế của Nhà trường trong mạng lưới các trường Đại học trên cả nước.

Đội ngũ GV của ngành Địa lý được Khoa và Trường xác định là lực lượng quan trọng trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ giáo dục cả nước, đặc biệt là giáo dục của khu vực miền núi phía Bắc. Đội ngũ GV phục vụ cho CTĐT là lực lượng có trình độ cao, có năng lực chuyên môn, NVSP, ngoại ngữ, tin học và có ý thức phấn đấu, bồi dưỡng, hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu của CTĐT.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

(1) Trường ĐHTB và Khoa KHXH đã xây dựng và ban hành các kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp

nhận, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trong giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn đến năm 2045, Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản bao gồm các quyết định, nghị quyết chiến lược trọng tâm tập trung vào các mục tiêu trọng điểm trong đó nhấn mạnh tới việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức và xây dựng đội ngũ, bảo đảm chất lượng giáo dục [H6.06.01.01], [H6.06.01.02]. Trường đã ban hành kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, hoàn thiện tổ chức bộ máy biên chế giai đoạn 2018 – 2023 cùng với các kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV có trình độ cao, đồng thời có những chính sách thu hút nhân lực, trọng dụng nhân tài [H6.06.01.02]. Theo Kế hoạch hoạch chiến lược về công tác tổ chức và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018 – 2023 và tầm nhìn đến năm 2030 kèm theo quyết định 1279/QĐ ĐHTB, mục tiêu về trình độ chuyên môn của GV đến năm 2030 phấn đấu đạt "30 – 40 GV đạt chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư (chiếm 9 - 11%); 140 - 150 Tiến sĩ (40 - 43%) còn lại là Thạc sỹ; về trình độ ngoại ngữ: 100% cán bộ quản lý, ít nhất 80% GV và giáo viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ; về tình độ tin học: 100% CBVC, lao động sử dụng thành thạo phương tiện công nghệ thông tin phục vụ công việc [H6.06.01.02]. Giai đoạn 2019-2025, Nhà trường định hướng "Đảm bảo cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu, tỷ lệ sinh viên/giảng viên theo từng khối ngành; Đội ngũ giảng viên phát triển cân đối về độ tuổi, thâm niên, kinh nghiệm công tác và giới". Cũng trong giai đoạn này, Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ phù hợp với định hướng phát triển chung, với các chỉ tiêu cụ thể: "số giảng viên, giáo viên cán bộ, viên chức có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư khoảng 3 - 4,5%"; "phấn đấu 100% có trình độ Thạc sĩ hoặc tương đương trở lên, trong đó có ít nhất 35% có trình độ Tiến sĩ", "Mỗi năm học thu hút khoảng 1% trở lên các nhà khoa học, người có trình độ Tiến sĩ đang công tác tại nước ngoài hoặc đang làm việc trong nước, ngoài Trường đến làm việc tại Trường" [H6.06.01.01].

Các định hướng và chỉ tiêu đặt ra căn cứ vào các phân tích bối cảnh, thực trạng, và các đánh giá mang tính dự báo về xu hướng phát triển, về nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng hiện có của Nhà trường [H6.06.01.01].

Từ định hướng chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường đã cụ thể hóa và thực hiện các điều chỉnh phù hợp trong các kế hoạch trung hạn theo từng giai đoạn như QĐ 1277/QĐ-ĐHTB ban hành kế hoạch chiến lược về công tác đào tạo giai đoạn 2018 – 2023; QĐ 1279/QĐ-ĐHTB tập trung vào kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2018 – 2023, KH 258/KH-ĐHTB về thực hiện công tác tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV có trình độ cao; KH 1710/KH-ĐHTB tập trung xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2025 – 2030 [H6.06.01.02]. Các văn bản tập trung vào mục tiêu nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ, đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định, đảm bảo nâng cao hiệu

quả công tác; đồng thời phát triển đội ngũ theo định hướng phát triển các chuyên ngành đào tạo.

Thực hiện chỉ đạo từ định hướng phát triển đội ngũ chung của Nhà trường theo từng giai đoạn, đơn vị khoa KHXH đã xây dựng, ban hành kế hoạch cụ thể cho từng năm học [H6.06.01.02]. Trong đó, trên cơ sở phân tích tình hình đơn vị, khoa đã chỉ rõ các chỉ tiêu chính về công tác tổ chức cán bộ bao gồm các hoạt động kiện toàn nhân sự khoa; tuyển dụng thêm GV cho các ngành còn thiếu; động viên, khuyến khích và hỗ trợ các GV có nhu cầu học tập nâng cao trình độ.

(2) Kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV, được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng:

Để hiện thực hóa các quyết định chiến lược phát triển Trường ĐHTB và bảo đảm chất lượng giáo dục, Nhà trường và Khoa đã có nhiều hoạt động cụ thể nhằm tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển chất lượng đội ngũ GV:

Nhà trường đã có các văn bản chỉ đạo cho công tác tổ chức cán bộ với các định hướng: nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý thông qua việc phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của GV trong từng năm; xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ; xây dựng và thực hiện đề án vị trí việc làm; tiến hành công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá năng lực viên chức theo các tiêu chuẩn hiện hành [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H6.06.01.04], [H6.06.01.05], [H6.06.01.06], [H6.06.01.07]; thực hiện chuẩn hóa giảng viên, chuyên viên và cán bộ quản lý theo các vị trí phù hợp [H6.06.01.08]; tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn, ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục [H6.06.01.04]… Các văn bản quy định cần thiết cho công tác quy hoạch đội ngũ đã được triển khai xây dựng và ban hành tập trung vào các chính sách nhân sự như Quyết định 1099/QĐ-ĐHTB quy định về chế độ làm việc của GV trường ĐHTB; Quyết định 1164/QĐ-ĐHTB quy định quản lý cán bộ, GV được cử đi đào tạo sau đại học; Quyết định 456/QĐ-ĐHTB về quản lý NCS; Quyết định 589/QĐ-ĐHTB về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các cán bộ viên chức quản lý cấp trường, khoa và cấp bộ môn [H6.06.01.06]…

Giai đoạn 2021 – 2024, Nhà trường đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-HĐTĐHTB (7/4/2021); số 31/NQ-HĐTĐHTB (7/4/2023); số 15/NQ-HĐTĐHTB (29/3/2024) trong đó chỉ rõ Danh mục vị trí việc làm, đề án vị trí việc làm và bản mô tả chi tiết, cụ thể từng vị trí dành cho cán bộ viên chức, người lao động [H6.06.01.07]. Đây là cơ sở để Nhà trường tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động của trường ĐHTB.

Để thực hiện các đề án vị trí việc làm đã ban hành thì công tác tuyển dụng đội ngũ GV, NCV là một nội dung trọng tâm trong kế hoạch công tác năm học của Nhà trường, của các khoa, các trung tâm [H6.06.01.08]. Định kỳ hằng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tiễn và đề xuất tuyển dụng GV trong kế hoạch của từng đơn vị, Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch và ban hành các thông báo tuyển dụng viên chức trong đó chỉ rõ số lượng và vị trí việc làm cần tuyển; điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển; hồ sơ dự tuyển; quy trình tuyển dụng cụ thể [H6.06.01.02], [H6.06.01.06], [H6.06.01.08]; ban hành các chính sách về thu hút người có học hàm, học vị cao trong lĩnh vực giáo dục; tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV có trình độ cao [H6.06.01.02]. Thực hiện kế hoạch tuyển dụng, Nhà trường triển khai thành lập Hội đồng tuyển dụng và các ban liên quan, thông báo công khai chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức thi tuyển, thử việc và tuyển dụng chính thức [H6.06.01.08]. Các đơn vị có trách nhiệm rà soát, xây dựng kế hoạch bổ sung nhân sự cho đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của đơn vị mình.

Song hành với tuyển dụng viên chức, Nhà trường và Khoa cũng đã triển khai nhiều hoạt động khác để thực hiện xây dựng đội ngũ theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, như: cử các GV, NCV đi đào tạo nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước [H6.06.01.04], [H6.06.01.05]; cử giảng viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho giảng viên; xét và bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư [H6.06.01.08]; thu hút thêm đội ngũ có trình độ cao chuyển về tham gia giảng dạy và nghiên cứu [H6.06.01.02],…

Trong 5 năm gần đây, đội ngũ GV của Khoa đã có sự phát triển mạnh về chất lượng, đáp ứng được các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tính tới tháng 4/2024, về số lượng GV là 29 người (nam 2 người, nữ 27 người); về trình độ chuyên môn, có 3 PGS.TS; 14 TS; 12 Thạc sĩ; về chức danh, có 3 GVCC, PGS; 14 GVC; còn lại 12 GV [H6.06.01.03]. Đội ngũ GV của Khoa cũng ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu về NCKH. Tổng số giờ NCKH thực hiện hàng năm học của Khoa đều vượt định mức, với các nghiên cứu đa dạng như: đề tài cấp Bộ, đề tài cấp cơ sở và đề tài ưu tiên cấp cơ sở, sách chuyên khảo, giáo trình, bài báo khoa học,... [H6.06.02.08]. Ngoài công tác giảng dạy và NCKH, đội ngũ GV Khoa còn tham gia và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao khác như: đào tạo tại chức, bồi dưỡng giáo viên phổ thông, tham gia phát triển chương trình, sách giáo khoa phổ thông [H6.06.01.02].

Hiện nay, chỉ tính riêng bộ môn Địa lý có 08 GV Địa lý, trong đó: PGS: 01, Tiến sĩ: 06, Thạc sĩ 02. Ngoài ra có 01 tiến sĩ và 01 thạc sĩ là cán bộ của các phòng ban đang trực tiếp tham gia giảng dạy tại bộ môn. Đây là kết quả của công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ đặc biệt là đội ngũ GV của Khoa. Trước yêu cầu tinh giản biên chế, đồng thời

nâng cao chất lượng GV để có thể đảm nhận cả giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Khoa đã quyết tâm xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tiến tới trên 70% GV có trình độ học vị TS [H6.06.01.02]. Đồng thời, các TS tiếp tục tích lũy kinh nghiệm giảng dạy và công trình NCKH để được thi chuyển ngạch từ GV lên GVC và tiếp tục được công nhận và bổ nhiệm học hàm PGS, GVCC. Thông tin về đội ngũ GV của Khoa nói chung, của bộ môn Địa lý nói riêng được công khai trên website của Trường, Khoa [H6.06.01.03].

Độ tuổi trung bình của cán bộ GV trong Khoa là 41 tuổi. Số lượng cán bộ GV giữa các lứa tuổi gần xấp xỉ bằng nhau. Điều này đảm bảo sự kế thừa không bị hụt hẫng cán bộ trong tương lai. Đội ngũ cán bộ của Bộ môn đa số là trẻ, năng động, nhiệt huyết. Tuy nhiên còn thiếu các cán bộ giàu kinh nghiệm để chủ trì các đề tài NCKH có tính liên ngành quy mô lớn trong lĩnh vực khoa học giáo dục cũng như khoa học cơ bản, ứng dụng [H6.06.02.08], [H6.06.02.09]. Nhà trường và Khoa đang tìm các chính sách để thu hút cán bộ có trình độ, đặc biệt cán bộ được đào tạo từ nước ngoài về tham gia vào đội ngũ đào tạo và nghiên cứu tại Khoa [H6.06.01.02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT của trường nói chung và của ngành sư phạm Địa lý đều đảm bảo yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm tốt, được quy hoạch theo kế hoạch và chiến lược phát triển của Trường, của Khoa, đáp ứng tốt yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Quy trình, tiêu chí để thu hút tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ viên chức của Nhà trường, cũng như công tác bố trí việc làm rõ ràng, minh bạch, được công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Chưa có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ nước nước ngoài về Khoa, Bộ môn để mở rộng hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế có hiệu quả và chưa có chính sách đãi ngộ để tạo động lực cho cán bộ gắn bó lâu dài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, nâng cao năng lực đội ngũ GV. - Thông qua các Hội thảo chuyên ngành, liên ngành quảng bá vai trò, tầm ảnh hưởng của	Phòng BĐCL& TTPC Khoa KHXH	2024	Hàng năm

		Ngành Sư phạm Địa lý, của Khoa KHXH nhằm thu hút các nhà khoa học, nhà sư phạm đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường	Bộ môn Địa lý		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các GV có học vị Tiến sĩ tiếp tục phấn đấu đạt danh hiệu Phó Giáo sư.	Phòng TC-HC Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	2024	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 6.2. Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

(1) Tỉ lệ GV/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành

Căn cứ theo thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ GD&ĐT về Quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên, trình độ đại học, ThS, TS, tỷ lệ GV/NH của CTĐT ngành cử nhân sư phạm Địa lý (nhóm ngành I) quy định tối đa 20 SV/1GV. Điều này được thể hiện rõ trong đề án tuyển sinh của trường [H5.05.01.01], [H6.06.02.06]. Số lượng SV tuyển sinh và số lượng GV tương ứng trong các năm học từ 2019-2021 đến 2021-2024 được thể hiện trong bảng 6.2.1 dưới đây:

Bảng 6.2.1 Tỉ lệ GV/SV sau quy đổi ngành CNSP Địa lý giai đoạn 2019-2024

Năm học	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**	**2023-024**
Tổng số sinh viên	60	39	47	53	66
Tổng số GV	11	10	10	10	10
Tổng số GV quy đổi	12	11	11	11	11

Tỉ lệ GV/SV	5	4	4	5	6

Qua bảng này cho thấy tỷ lệ SV trên GV dao động từ 04 đến 06. Điều này cho thấy tiềm lực đội ngũ cán bộ GV của ngành sư phạm Địa lý có thể đáp ứng quy mô đào tạo lớn hơn nhiều so với thực tế hiện nay.

(2) Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện. Nhà trường có ban hành Quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, NCV.

Trong QĐ số 1099/QĐ-ĐHTB (23/10/2019), số 199/QĐ-ĐHTB (22/3/2022) đã quy định đầy đủ chế độ làm việc đối với GV, giáo viên Trường ĐHTB. Văn bản này đã chỉ rõ nhiệm vụ của các GV tùy theo chức danh nghề nghiệp; quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác của GV. Theo QĐ này, về định mức giờ chuẩn giảng dạy, GVCC, GVC cần thực hiện 270 giờ chuẩn/năm; GV: 270 giờ chuẩn/năm; về định mức giờ chuẩn NCKH, GVCC, GVC thực hiện 250 giờ chuẩn/năm; GV: 200 giờ chuẩn/năm; về hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng, GVCC, GVC cần thực hiện 66 giờ chuẩn/năm; GV: 116 giờ chuẩn/năm [H6.06.01.06], [H6.06.02.10]. Theo đó, hàng năm mỗi GV cần thực hiện đăng ký trên hệ thống của nhà trường nhiệm vụ trong năm học về mặt giảng dạy, NCKH và kết nối phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào trình độ giảng dạy theo chuyên ngành hẹp của GV, các GV được phân công giảng dạy các học phần phù hợp; đồng thời đảm bảo cân đối về số tiết dạy giữa các GV trong cùng bộ môn. Đối với bộ môn Địa lý, việc phân công giảng dạy được Trưởng, Phó bộ môn thống nhất phương án phân công; sau đó các thành viên trong bộ môn thực hiện việc đóng góp ý kiến và bộ môn sẽ chốt gửi bản phân công cho Khoa. Phòng Đào tạo là đơn vị chức năng tiếp nhận văn bản phân công giảng dạy để sắp xếp thời khóa biểu cho từng GV [H6.06.02.13]. Về hoạt động NCKH, ngoài số giờ NCKH đã được quy định thì mỗi GV có thể thực hiện các sản phẩm NCKH các cấp theo đúng năng lực, sở trường của bản thân. Kết quả NCKH sẽ được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành [H6.06.02.08], [H6.06.02.09]. Đơn vị chuyên trách là phòng Khoa học công nghệ và Quan hệ quốc tế đảm nhận việc thống kê, giám sát, lưu trữ các sản phẩm NCKH của các GV và có báo cáo thống kê hàng năm [H6.06.02.08]. Ví dụ, theo thống kê của phòng KHCN&HTQT trong năm học 2023 – 2024, các GV của bộ môn đã thực hiện các nhiệm vụ NCKH cụ thể: 01 đề tài NCKH, 15 bài báo trong nước và quốc tế, 01 giải thưởng KHKT dành cho HSSC, hướng dẫn 03 đề tài NCKH của SV, 02 sách tham khảo [H6.06.02.08]. Trong lĩnh vực kết nối và phục vụ cộng đồng đã được Nhà trường, Khoa và các GV cụ thể

trong nhiều kế hoạch hỗ trợ sinh viên, hỗ trợ các nhà trường, doanh nghiệp… đạt được kết quả đáng kể; góp phần khẳng định vai trò của các GV trong trường, đồng thời tạo sự kết nối giữa người học và người sử dụng lao động. Bộ môn Địa lý đã thực hiện hỗ trợ LHS Lào, kết nối, chia sẻ trong lĩnh vực chuyên môn của ngành tại các trường THPT, Trường Nội trú huyện Vân Hồ, Quỳnh Nhai, Sông Mã.

(2) Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Dữ liệu về mức độ hoàn thành khối lượng công việc của GV, dữ liệu về tỷ lệ GV/SV hàng năm được lưu trữ đầy đủ và theo dõi bởi cả các phòng chức năng và Khoa KHXH [H6.06.02.08], H6.06.02.09], [H6.06.02.11], [H6.06.02.13]. Các số liệu được thống công khai, minh bạch. Các bộ môn và cá nhân GV cũng tham gia vào quá trình rà soát cuối năm học; kết quả thống kê, giám sát được sử dụng làm căn cứ để các cá nhân có thể tự điều chỉnh, hoàn thiện [H6.06.02.11]; Nhà trường, Khoa, Bộ môn xác định phương hướng cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.02.03], [H6.06.02.12], [H6.06.01.09]. Ngoài ra, đây còn là cơ sở để nhà trường ghi nhận kết quả hoạt động, xếp loại đánh giá GV, phân loại đơn vị và thực hiện thanh toán thừa giờ đối với các GV thực hiện vượt định mức [H6.06.02.11], [H6.06.02.12]. Tuy nhiên, do đặc thù chuyên môn, khối lượng công việc phải đảm nhận hàng năm giữa các GV chưa đồng đều [H6.06.02.12], [H6.06.02.14]. Số giờ giảng dạy trung bình của mỗi GV Chương trình Sư phạm Địa lý hàng năm dao động trong khoảng từ 280-350 giờ. Trong các năm học từ 2019 - 2023, 100% GV của CTĐT ngành sư phạm Địa lý đều đủ hoặc thừa giờ dạy và NCKH theo quy định [H6.06.02.09], [H6.06.02.10], [H6.06.02.09], [H6.06.02.11] [H6.06.02.12]. Năm học 2020 – 2021: 9.286,6 giờ; 2021 – 2022: 6.573,7 giờ; 2022 – 2023: 4.228,7 giờ; 2023 – 2024: 5.100,9 giờ [H6.06.02.12].

Trên cơ sở thống kê khối lượng công việc các GV thực hiện, Nhà trường đã ban hành các quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng theo năm học dành cho các GV hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H6.06.02.12]. Trường ĐHTB đã sớm xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó định rõ về định mức nghĩa vụ về khối lượng công việc của đội ngũ GV [H6.06.02.15]. Quy chế chi tiêu nội bộ đã xác lập rõ định mức và phương thức đo lường khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên theo đơn vị giờ chuẩn và căn cứ chủ yếu mức độ hoàn thành hai nhiệm vụ chính: giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H6.06.02.15]; vì thế, Nhà trường cũng có những quy định chế độ khen thưởng riêng đối với các hoạt động NCKH của GV, thực hiện thanh toán thừa giờ và ban hành các quyết định bảo lưu số giờ chuẩn còn dư sang năm học kế tiếp [H6.06.02.14]. Ngoài ra, các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng được sử dụng để tính toán khối lượng công việc thông qua các phương thức quy đổi tương ứng thành giờ chuẩn, như: một tiết

giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu thao trường, bài tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, một tiết giảng môn học giáo dục thể chất được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy; mỗi tiết dạy ở trường phổ thông được tính bằng 0,8 giờ chuẩn; ... [H6.06.01.06], [H6.06.02.09]. Năm 2022, Nhà trường đã triển khai xây dựng Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, với những điều chỉnh theo hướng cụ thể, hợp lý hơn và cập nhật quy định mới của các cơ quan quản lý cấp trên [H6.06.01.06], [H6.06.02.10].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ GV trên SV hiện đến thời điểm đánh giá đã đáp ứng được yêu cầu và đảm bảo đủ GV chất lượng cao cho đào tạo ngành sư phạm Địa lý. Khối lượng công việc của GV được đo lường và đảm bảo có sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ Bộ môn, Khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường đảm bảo chất lượng theo yêu cầu trong hoạt động giảng dạy, NCKH và kết nối phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Phân bổ khối lượng công việc hàng năm giữa các GV chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu giải pháp quy đổi hợp lý khối lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng về cùng một đơn vị đo.	P. TC-HC	2023	2023
2	Phát huy điểm mạnh	Phân bổ hợp lý khối lượng công việc hàng năm giữa các GV.	Khoa	2023	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

(1) Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định bằng hệ thống các văn bản, tài liệu quy định rõ về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển.

Hệ thống văn bản, tài liệu quy định về tiêu chí tuyển dụng của trường đảm bảo yêu cầu thực hiện công tác này. Năm 2021, trường đã thông qua Nghị quyết ban hành Quy định tuyển dụng viên chức của trường với hệ thống quy định gồm 06 chương, 21 điều [H6.06.03.01]. Năm 2024, Trường ĐHTB đã ban hành Nghị quyết về việc Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức và người lao động được áp dụng thống nhất cho tất cả các đối tượng trong tuyển dụng viên chức [H6.06.03.01], có sự sửa đổi so với các quy định ban hành năm 2021. Điều 6 Chương II của văn bản này quy định về Tiêu chuẩn dự tuyển vào vị trí việc làm giảng viên và giáo viên trong đó nhấn mạnh các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp; về trình độ và chuyên môn, nghiệp vụ; về sức khỏe; về trình độ tin học, ngoại ngữ và các tiêu chuẩn khác. Quy định nêu rõ hình thức, nội dung, thời gian thi tuyển, xét tuyển, cách tính điểm và xác định kết quả trúng tuyển... đồng thời, Quy định cũng đề cập đầy đủ tới các trường hợp có tính đặc thù trong quá trình tuyển dụng như ưu tiên, xét tuyển đặc cách, ... [H6.06.03.01].

Nhà trường cũng đã ban hành *Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức quản lý của Trường ĐHTB* [H6.06.03.02].Đối với mỗi chức danh, Quy định nêu rõ các tiêu chuẩn về: (1) Các tiêu chuẩn chung (gồm: phẩm chất, năng lực, hiểu biết, trình độ) và các tiêu chuẩn riêng theo quy định của Luật giáo dục đại học, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường, các văn bản quy định của Đảng và Nhà nước [H6.06.03.02].

Thực hiện chiến lược phát triển tổng thể của trường, Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm. Từng đơn vị trong trường tiến hành rà soát nhu cầu trong năm và định hướng phát triển trong giai đoạn 5 năm, tổ chức trao đổi trong nội bộ, để xác định chỉ tiêu tuyển dụng của đơn vị, đồng thời dự kiến chỉ tiêu tuyển dụng trong 5 năm tiếp theo. Dự kiến chỉ tiêu tuyển dụng của các đơn vị thể hiện rõ ràng số lượng, vị trí tuyển dụng, mô tả công việc, yêu cầu, … theo từng năm [H6.06.01.08], [H6.06.03.02]. Trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các đơn vị, Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường tổ chức họp rà soát, thống nhất số lượng nhân sự cần tuyển dụng và các tiêu chí tương ứng [H6.06.01.08], [H6.06.03.01], đồng thời có những điều chỉnh chỉ tiêu tuyển dụng (nếu có). Các yêu cầu về nhân sự cần tuyển dụng thể hiện rõ các tiêu chuẩn chung (Quốc tịch, địa chỉ thường trú, phẩm chất đạo đức, độ tuổi, lý lịch, sức khỏe, …) và tiêu chuẩn cụ thể về chuyên môn nghiệp vụ cho từng vị trí tuyển dụng, cho trường hợp tuyển dụng thông thường và trường [H6.06.03.01], [H6.06.03.03].

Trong công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các vị trí quản lý cấp phòng, ban, khoa, bộ môn, năm 2019 Nhà trường đã ban hành Quyết định số 589 về Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý của Trường ĐHTB dành cho các đối tượng là trưởng, phó đơn vị của trường;

trưởng, phó bộ môn. Quy định đã chỉ rõ các yếu tố quan trọng cần đảm bảo khi thực hiện các quá trình trên bao gồm độ tuổi, thời gian giữ chức vụ, đánh giá viên chức, lấy phiếu giới thiệu, phiếu lấy ý kiến… kèm theo các tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm [H6.06.03.01].

(2) Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai:

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển GV được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên trong Trường và được công khai qua 02 hình thức cơ bản: qua trang thông tin điện tử của Nhà trường, gửi email nội bộ.

Bảng 6.3.1. Các phương thức phổ biến về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV

Phương thức	**Nội dung phổ biến**	**Thời điểm**
(1) Trang thông tin điện tử	Các văn bản của Quốc hội, Chính phủ, … liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển viên chức, như: + Luật Viên chức; + Nghị định 29/2012/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; + Nghị định 161/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; …	Thường xuyên
	Các văn bản của Trường ĐHTB liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển viên chức, như: + Quy chế tổ chức và hoạt động; + Quy định về tuyển dụng viên chức; + Quy định quản lý việc chấp hành kỷ luật lao động của công chức, viên chức, nhân viên phục vụ khối hành chính; + Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý và điều động, biệt phái, người lao động làm việc tại Trường ĐHTB; … [H6.06.03.01], [H6.06.03.03], [H6.06.03.07].	Thường xuyên

	Toàn văn thông báo tuyển dụng viên chức hàng năm [H6.06.03.01]	Theo kế hoạch tuyển dụng hàng năm
(2) Email	Các văn bản của Trường ĐHTB liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển viên chức, như: + Quy chế tổ chức và hoạt động; + Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; + Quy định quản lý việc chấp hành kỷ luật lao động của công chức, viên chức, nhân viên phục vụ khối hành chính; + Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý và điều động, biệt phái VC, người lao động làm việc tại Trường ĐHTB; ...	Khi văn bản được ban hành
	Toàn văn thông báo tuyển dụng viên chức hàng năm [H6.06.03.01]	Theo kế hoạch tuyển dụng hàng năm

Trong giai đoạn 2019-2024, Khoa KHXH cũng như Bộ môn Địa lý không tiến hành việc tuyển dụng mới hay ký kết Hợp đồng lao động do tỷ lệ SV/GV đảm bảo. Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường được bổ nhiệm theo quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đã đề ra, đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với thực tế của đơn vị và Nhà trường, Khoa KHXH đã thực hiện đúng theo quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý [H6.06.01.08], [H6.06.03.02], [H6.06.03.07].

Việc bổ nhiệm cán bộ của Khoa KHXH được thực hiện công khai minh bạch theo đúng quy định của Nhà trường. Trong giai đoạn 2019 – 2024, Khoa tiến hành bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại các vị trí: PGS.TS Phạm Anh Tuân (Trưởng Bộ môn Địa lý), TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Phó Trưởng Bộ môn Địa lý). Điều chuyển công tác trong giai đoạn 2019 - 2023: TS. Nguyễn Văn Minh - Bộ môn Địa lý chuyển công tác về Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2; TS. Đào Bích Ngọc - Bộ môn Địa lý về Phòng BĐCL&TTPC, ThS. Bùi Thị Hoa Mận về Phòng KHCN&HTQT. Bổ nhiệm chức danh PGS đối với Trưởng Bộ môn TS. Phạm Anh Tuân.

2. Điểm mạnh

Công tác tổ chức tuyển dụng và bổ nhiệm được thực hiện đúng quy trình, công khai, minh bạch trên nhiều hệ thống của Nhà trường. Đội ngũ GV, NCV được tuyển dụng, bổ nhiệm đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đúng quy định.

3. Điểm tồn tại

Quy định về tuyển dụng viên chức đối với ngạch GV chưa được rà soát, điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với Kế hoạch chiến lược giai đoạn mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, điều chỉnh Quy định về tuyển dụng viên chức đối với ngạch GV ngay sau khi ban hành Kế hoạch chiến lược mới.	P. TC-HC	2025	2027
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, điều chỉnh các tiêu chuẩn cho ngạch GV đảm bảo chi tiết, rõ ràng và đầy đủ, gắn với các phẩm chất và năng lực đặc thù của GV	P. TC-HC	2025	2027

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

(1) Năng lực của đội ngũ GV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành

Trường ĐHTB có đầy đủ văn bản quy định, hướng dẫn về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí để đánh giá năng lực của đội ngũ GV [H6.06.04.01].

Hiện tại, Nhà trường đang quy định sử dụng 02 phương thức cơ bản để đánh giá năng lực đội ngũ GV:

* Bình xét xếp loại lao động hàng tháng: Vào tuần cuối hàng tháng, trưởng đơn vị và chủ tịch công đoàn bộ phận thực hiện đánh giá viên chức bằng điểm số dựa trên ba tiêu chí: (1) Kết quả công tác, (2) Chấp hành pháp luật, chính sách, nội quy, quy chế của Nhà

nước và Nhà trường, (3) Tư cách, đạo đức và lối sống. Căn cứ điểm đánh giá, viên chức sẽ được xếp vào một trong bốn loại: A, B, C, D.

Tiêu chuẩn xếp loại cụ thể áp dụng cho GV được đề cập đến trong các quyết định ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị và cá nhân [H6.06.04.01].

Bảng 6.4.1. Tiêu chuẩn xếp loại lao động hàng tháng áp dụng cho đội ngũ GV

Loại	**Tiêu chuẩn**
A	Hoàn thành nhiệm vụ được giao và không vi phạm các quy định dưới đây: + Chấp hành đúng giờ giấc lên lớp không vào muộn ra sớm; + Chấp hành đúng kế hoạch giảng dạy và lịch trình giảng dạy; + Thực hiện tác phong sư phạm, gương mẫu; + Giảng dạy đúng chương trình, giáo trình; + Quản lý lớp đúng quy chế hiện hành' + Tham gia họp và sinh hoạt đơn vị đầy đủ, đúng giờ; + Chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường
B	Hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng có 01 vi phạm các quy định nêu trên
C	Hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng có 02 vi phạm các quy định nêu trên
D	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc có trên 03 vi phạm các quy định nêu trên

* Đánh giá và phân loại viên chức, người lao động hàng năm: Cuối năm học, theo quy định của Nhà trường, toàn thể đội ngũ GV được đánh giá phân loại theo Luật Viên chức, Nghị định của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá tuân thủ đúng quy định của Chính phủ. Mỗi viên chức được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể, riêng tiêu chí đánh giá viên chức quản lý có thêm các tiêu chí đặc thù cho năng lực quản lý. Kết quả đánh giá mỗi viên chức được phân loại theo một trong 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ. Hoạt động đánh giá được thực hiện theo quy trình 3 bước: cá nhân tự đánh giá đồng nghiệp đánh giá cấp trên đánh giá (bao gồm cả chính quyền và Đảng) [H6.06.04.01].

Bảng 6.4.2. Tiêu chí đánh giá và phân loại viên chức cuối năm

Nội dung đánh giá	Loại viên chức	
	Quản lý	Khác
1. Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết	x	x
2. Việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp	x	x
3. Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức	x	x
4. Việc thực hiện các nghĩa vụ khác của viên chức	x	x
5. Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ	x	
6. Kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách	x	

Quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí để đánh giá năng lực của đội ngũ GV, NCV sớm được Trường ĐHTB cụ thể hóa và đang tiếp tục được điều chỉnh, hoàn thiện. Nhà trường đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ và năng lực cần có của viên chức đảm nhận đối với từng vị trí công việc để làm căn cứ thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [H6.06.01.07], [H6.06.02.07]. Đề án đã xác định rõ các nhiệm vụ và năng lực cần có của viên chức đảm nhận đối với từng vị trí công việc để làm căn cứ thực hiện tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức [H6.06.04.03]. Phụ lục 5 minh họa cho các năng lực cần có của đội ngũ GV thuộc quản lý của Khoa (bao gồm cả các GV kiêm nhiệm công tác quản lý) [H6.06.04.03]. Năm 2018, phòng TCHC làm đầu mối để triển khai xây dựng Hệ thống tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của viên chức. Hệ thống này xác lập các tiêu chí đánh giá riêng cho nhóm đối tượng hỗ trợ đào tạo dựa trên: (1) Tính chuyên nghiệp, (2) Hiệu quả, (3) Tính trung thực, (4) Tính hợp tác, (5) Thái độ tích cực. Dự thảo hệ thống tiêu chí đã được xây dựng, được điều chỉnh dựa trên tham góp của các cá nhân, đơn vị trong Trường.

(2) Năng lực của đội ngũ GV, NCV được đánh giá:

Các phương thức đánh giá đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa triển khai nghiêm túc, đầy đủ, theo đúng quy định.

Hàng tuần, Phòng BĐCL&TTPC và Phòng Đào tạo được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện nề nếp giảng dạy, nề nếp làm việc của GV.

Hàng tháng, Khoa KHXH và các đơn vị thực hiện đào tạo của Trường dựa vào mức độ hoàn thành công việc để đánh giá xếp loại GV theo các mức A, B, C, D [H6.06.04.01]. Kết quả đánh giá, xếp loại được chuyển tới Phòng Tài chính - Kế toán trước ngày 26 hàng tháng, được sử dụng làm cơ sở chi trả tiền thu nhập tăng thêm hàng tháng cho các viên chức.

Cuối mỗi năm học, kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính (giảng dạy và NCKH) của toàn thể giảng viên trong Nhà trường được thống kê và đánh giá [H6.06.04.06]. Đồng thời, Phòng TCHC cũng triển khai để các đơn vị trong Trường thực hiện đánh giá, phân loại toàn thể viên chức, trong đó có đội ngũ GV [H6.06.04.01]. Các viên chức tự đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân; tự đánh giá ưu, nhược điểm và xếp loại bản thân. Sau khi hoàn thành tự đánh giá, viên chức trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả công tác tại cuộc họp của đơn vị để tập thể nơi viên chức công tác đóng góp ý kiến Các ý kiến được ghi vào biên bản và thông qua tại cuộc họp. Lãnh đạo trực tiếp quản lý viên chức tham khảo ý kiến của tập thể viên chức đơn vị, quyết định đánh giá, phân loại viên chức (bao gồm cả cấp phó đơn vị). Đối với trưởng đơn vị, lãnh đạo Trường quyết định đánh giá phân loại trên cơ sở tham khảo ý kiến của tập thể và cấp ủy đảng cùng cấp. Kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm được sử dụng làm căn cứ để bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm của cá nhân và các đơn vị trong Nhà trường [H6.06.04.07].

Bên cạnh các đánh giá chính thức, Nhà trường cũng triển khai các đánh giá phi chính thức đối với các hoạt động của đội ngũ GV thông qua nhiều hình thức khác để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp, như đánh giá online từ SV, hiệu trưởng tiếp xúc với người học, trưởng khoa làm việc với đại diện các lớp, cố vấn học tập nắm bắt tâm tư, ý kiến trao đổi từ SV lớp phụ trách.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định theo đúng tiêu chuẩn quy định; đồng thời đối với GV, NCV trường ĐHTB cũng đã được đánh giá qua nhiều kênh khác nhau để nhà trường kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, trình độ, năng lực của GV; tự cá nhân GV nhận thức được những thiếu sót để nâng cao tinh thần tự học đáp ứng nhu cầu từ người học.

3. Điểm tồn tại

Kết quả phản hồi hàng kỳ từ phía người học về hoạt động giảng dạy của GV chưa được phản hồi kịp thời tới GV và còn thiếu các báo cáo đánh giá tổng quát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến quy trình triển khai thu thập ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV để kịp thời cung cấp thông tin phản hồi tới GV.	PhòngKT& ĐBCLGD	2024	2027
2	Phát huy điểm mạnh	Nghiên cứu và triển khai giải pháp sử dụng thông tin tích hợp từ các kênh khác nhau trong đánh giá năng lực đội ngũ GV hàng năm.	P. TC-HC	2024	định kỳ hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

(1) Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định: Dựa trên phân tích, đánh giá bối cảnh và thực trạng của Nhà trường, Trường ĐHTB đã xác định được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H6.06.01.01], [H6.06.05.02], [H6.06.01.04]. Giai đoạn 2017-2022, với định hướng "Đảm bảo cơ cấu đội ngũ giảng viên cơ hữu, tỷ lệ sinh viên/giảng viên theo từng khối ngành; Đội ngũ giảng viên phát triển cân đối về độ tuổi, thâm niên, kinh nghiệm công tác và giới", bên cạnh "phát triển các chính sách và quy trình minh bạch, hiệu quả để có thể tuyển chọn được nhân sự có năng lực, trình độ", Nhà trường chủ trương "cung cấp các cơ hội bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ" [H6.06.01.01] với các chỉ tiêu cụ thể, rõ ràng và tập trung trọng tâm vào công tác bồi dưỡng.

Bảng 6.5.1 Chỉ tiêu chính về đào tạo, bồi dưỡng GV, NCV

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu chính (đến năm 2030)
Bảo đảm tỷ lệ phù hợp giữa khối thực hiện nhiệm vụ học thuật, chuyên môn và khối còn lại	Số GV, giáo viên, cán bộ nghiên cứu khoa học: # 70%
Số GV, giáo viên, GVCB, viên chức có học hàm giáo sư, phó giáo sư	# 6 – 8 % trở lên
Trình độ giảng viên	Ít nhất 40% GV có trình độ tiến sĩ.
Số GV được đào tạo trình độ tiến sĩ toàn thời gian ở nước ngoài	Ít nhất 70% trong tổng số GV đạt học vị tiến sĩ giai đoạn 2021 - 2030
Thu hút các nhà khoa học, người có trình độ tiến sĩ đang công tác tại nước ngoài hoặc đang làm việc trong nước, ngoài trường đến làm việc tại trường	2%/năm so với tổng số GV của trường

Thực hiện kế hoạch tổng thể về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, hàng năm Nhà trường triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức và người lao động tuyển dụng GV, NCV [H6.06.05.01], [H6.06.05.03]. Theo đó, Nhà trường thường xuyên cử các cán bộ đi tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng cả về trình độ, chuyên môn hay lý luận chính trị do Bộ GD&ĐT, do các đơn vị tổ chức [H6.06.05.02].

Căn cứ vào nhu cầu của đội ngũ và yêu cầu thực tiễn của đơn vị, Khoa, Bộ môn Địa lý cùng các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hàng năm của đơn vị mình [H6.06.05.03]. Bên cạnh đó, khi xây dựng các chương trình bồi dưỡng cụ thể cho giảng viên, các đơn vị phụ trách xây dựng chương trình cũng chủ động thực hiện các khảo sát, đánh giá về nhu cầu của giảng viên để xác định các nội dung bồi dưỡng phù hợp.

(2) Các hoạt động được triển khai để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV:

Trong những năm gần đây, Trường và Khoa đã tích cực triển khai nhiều hoạt động để đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Về đào tạo, từ năm 2011 đến năm 2020, Nhà trường đã cử nhiều lượt giảng viên Khoa đi học tập nâng cao trình độ dài hạn và ngắn hạn (gồm đi học thạc sĩ và nghiên cứu sinh) [H6.06.05.05], [H6.06.05.06], [H6.06.05.02]. Nhà trường và Khoa đã tổ chức các đợt bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho toàn thể GV, về cả ba khía cạnh: đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H6.06.05.03]. Cùng với đó, nhiều hình thức đa dạng khác nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho GV cũng đã được tổ chức, như: Tổ chức các hội thảo khoa học quốc gia [H6.06.05.04]. Tạo điều kiện để GV tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước, cử GV đi tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.05.04]. Dự giờ và thảo luận về giờ dạy tốt, Seminar chuyên môn, cử GV xuống trường phổ thông,.. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá hằng năm để từ đó kịp thời xác định và triển khai các hoạt động mới nhằm thúc đẩy hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ [H6.06.05.11].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động phát triển chuyên môn về giảng dạy, bồi dưỡng cho đội ngũ GV được triển khai thường xuyên và đa dạng.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phát triển năng lực NCKH cho đội ngũ GV, NCV còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng năng lực NCKH cho đội ngũ GV	P. KHCN&HTQT; Khoa	2023	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Triển khai thu thập phản hồi từ đội ngũ GV về hiệu quả hoạt động bồi dưỡng chuyên môn và về nhu cầu bồi dưỡng của GV để cải tiến công tác bồi	TTKT&ĐBCLGD; P. TCHC; Khoa	2023	Hàng năm

		dưỡng chuyên môn đáp ứng nhu cầu của đội ngũ GV.			

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Song hành với thực hiện quản trị theo quy trình, Trường ĐH Tây Bắc đã triển khai phương pháp quản trị theo kết quả trong công tác quản lý nói chung và quản lý đội ngũ GV nói riêng, theo quy trình 5 bước: Lập kế hoạch - Tổ chức thực hiện - Giám sát thực hiện - Đánh giá kết quả - Xem xét lại kết quả.

(1) Đơn vị có kế hoạch công tác cụ thể, hàng năm đối với GV, NCV.

Nhà trường đã xây dựng quy hoạch/kế hoạch phát triển tổng thể Trường cho từng giai đoạn, trong đó xác định rõ mục tiêu của giai đoạn với những kết quả mong đợi cụ thể [H6.06.01.02]. Cuối năm học, Nhà trường triển khai cho các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch công tác năm học tới của đơn vị, phối hợp xây dựng kế hoạch công tác năm học của Trường với định hướng các hoạt động được xác lập bám sát vào kế hoạch phát triển tổng thể [H6.06.01.01].

Kế hoạch công tác năm học của Trường, kế hoạch công tác năm học của đơn vị là căn cứ để triển khai các hoạt động trong năm học về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cho đội ngũ GV của Khoa cũng như Bộ môn Địa lý [H6.06.06.01]. Đối với công tác giảng dạy, do tính chất đặc thù của hoạt động này, đầu mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với phòng Đào tạo để xây dựng kế hoạch và phân công giảng viên đảm nhiệm giảng dạy cho các học phần, các khối sinh viên [H6.06.06.01].

Lãnh đạo Nhà trường, Khoa, Bộ môn Địa lý đã chỉ đạo, tổ chức cho các đơn vị, bộ phận trong Trường, các cá nhân trong Khoa thực hiện các hoạt động nhằm đạt được kết quả mong đợi đã xác định trong kế hoạch. Đảng ủy đã ra Nghị quyết quán triệt sứ mạng, tầm nhìn, hoạch chiến lược và các nhiệm vụ trọng tâm theo từng giai đoạn, từng năm học, từng tháng. Kế hoạch chiến lược, kế hoạch công tác năm học được phổ biến tới toàn thể viên chức trong Trường qua bản in, email, hội nghị và website Trường, Khoa. Đại diện cấp ủy và cấp quản lý các đơn vị tổ chức họp giao ban để xác định nhiệm vụ tiếp theo cần triển khai trong tháng. Lịch công tác từng tuần cụ thể hóa Kế hoạch công tác tháng, được công bố công khai tới từng viên chức. Nhà trường dựa trên những hướng dẫn của văn bản Nhà

nước liên quan ban hành hệ thống văn bản số thể hiện rõ nhiệm vụ và yêu cầu kết quả công việc đối với giảng viên, nghiên cứu viên (về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác) [H6.06.01.06]... từng bước chuẩn hóa hệ thống quản trị kết quả công việc của viên chức thông qua việc xây dựng và hoàn thiện Hệ thống tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của viên chức, Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên. Hệ thống các văn bản quy định về nhiệm vụ và yêu cầu kết quả công việc đối với giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả các quy định của Trường và các quy định chung của Bộ GD&ĐT) đều được phổ biến đầy đủ tới giảng viên, NCV qua nhiều hình thức như: công bố trên website Trường, qua hệ thống quản lý văn bản.

Kết quả công việc của GV, NCV được giám sát thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đối với việc thực hiện giảng dạy của giảng viên, Nhà trường thực hiện giám sát thường xuyên để nhắc nhở chấn chỉnh kịp thời hoạt động của GV [H6.06.06.10]. Hàng tháng, tất cả các viên chức (bao gồm cả GV và NCV) được đánh giá, xếp loại theo hiệu quả công tác với các mức A, B, C, D. Kết quả xếp loại được sử dụng làm căn cứ tính thu nhập tăng thêm hàng tháng. Sau mỗi học kì, Phòng ĐBCL&TTPC triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV để Đơn vị và GV kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến trong hoạt động giảng dạy. Cuối năm học, kết quả giảng dạy và nghiên cứu khoa học của từng GV, NCV và của cả đơn vị được kê khai, thống kê đầy đủ, minh bạch [H6.06.02.11], được đánh giá lại để từ đó các cá nhân có thể tự điều chỉnh, hoàn thiện, Nhà trường và Khoa, Bộ môn xác định phương hướng cải tiến nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản trị nhân lực của Trường và của Khoa [H6.06.02.11].

Kết quả đánh giá đảm bảo tính công bằng, minh bạch, không để xảy ra các khiếu kiện, khiếu nại, thắc mắc. Việc đánh giá, thi đua khen thưởng và công nhận đã mang lại hiệu quả tích cực thúc đẩy GV, NCV thi đua, phấn đấu. Hàng năm, các GV, NCV của Khoa KHXH và Bộ môn Địa lý đều được đánh giá có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có năng lực chuyên môn và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhiều cá nhân đã đạt các danh hiệu thi đua và khen thưởng các cấp [H6.06.04.06] [H6.06.06.07].

Bảng 6.5.3. Kết quả đánh giá, thi đua khen thưởng của Bộ môn Địa lý

STT	Danh hiệu	Năm học				
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023- 2024
1	Lao động tiên tiến	6	6	6	5	5

2	Chiến sĩ thi đua cơ sở	3	3	3	2	2
3	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	0	1	1	1	1
4	Cá nhân được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng	3	3	3	3	3
5	Cá nhân được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo tặng Bằng khen	1	1	1	1	1
6	Kỉ niệm chương vì Sự nghiệp Giáo dục	2	0	0	0	0
7	Đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1				

2. Điểm mạnh

Kết quả công việc của GV được đánh giá, xếp loại hàng tháng theo các tiêu chí rõ ràng, chi tiết, minh bạch và công khai. Đây là cơ sở để Nhà trường ban hành các quyết định công nhận mà còn thúc đẩy chất lượng của các hoạt động giảng dạy, NCKH và kết nối phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của GV đang ở giai đoạn triển khai thử, chưa được ban hành chính thức; đòi hỏi tính liên tục.

4. Kế hoạch hành động

TT	**Mục tiêu**	**Nội dung**	**Đơn vị thực hiện**	**Thời gian thực hiện**	
				Bắt đầu	**Kết thúc**
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, hoàn thiện và ban hành chính thức Hệ thống tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của GV.	P. TCHC	2024	2027

2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, điều chỉnh hệ thống tiêu chí đánh giá xếp loại GV hàng tháng để đảm bảo tính gắn kết chặt chẽ với các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc cả năm.	P. TCHC	Định kỳ 2 năm một lần

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

(1) Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và NCV phải thực hiện đã được đề cập đến qua từng loại văn bản cụ thể.

Để phù hợp với tình hình mới, nhà trường đã ban hành quyết định 260 ban hành ngày 2/4/2024 về quy định hoạt động khoa học công nghệ của trường ĐHTB [H6.06.07.01]. Theo đó hoạt động nghiên cứu Khoa học gồm 8 nội dung sau: 1. Xây dựng định hướng phát triển khoa học và công nghệ cho từng giai đoạn, kế hoạch khoa học và công nghệ năm năm, hàng năm. 2. Đề xuất, tham nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; 3. Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quyết định hiện hành; 4. Xây dựng, tổ chức và quản lý nhóm nghiên cứu; 5. Triển khai các hoạt động thông tin, thống kê về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; 6. Triển khai hoạt động sáng kiến, hội thảo khoa học; 7. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý, giảng viên về nghiên cứu khoa học; 8. Thanh tra, kiểm tra, tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của trường. Giảng viên khoa KHXH đã tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, góp phần tích cực vào sự phát triển NCKH trong các lĩnh vực khoa học xã hội. Có 3/5 hoạt động mạnh mẽ nhất của khoa đã thực hiện là: Đề xuất, tham nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; Xây dựng, tổ chức và quản lý nhóm nghiên cứu; Triển khai hoạt động sáng kiến, hội thảo khoa học, đóng góp tích cực và hoạt động NCKH của nhà trường. Tuy nhiên có 5/8 lĩnh vực còn lại do những điều kiện chủ quan và khách quan nên giảng viên của khoa còn chưa tham gia được. Giai đoạn sắp tới, việc thực hiện các lĩnh vực nghiên cứu cần được thực hiện toàn diện hơn.

Nhà trường đã quy định giờ chuẩn NCKH hàng năm đối với từng chức danh, học vị của cán bộ, giảng viên và số lượng giờ quy đổi đối với từng loại hình. Giáo viên phải dành 1/3 tổng thời gian làm việc trong năm để nghiên cứu khoa học. Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp

hoặc công việc đang đảm nhiệm. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học đối với giảng viên trong một năm học cụ thể là GVCC: 250 giờ; GVC: 225 giờ; GV: 200 giờ; GV tập sự: 100 giờ.

Để xác định đúng khối lượng công việc của giảng viên và nghiên cứu viên nhà trường và khoa đã thực hiện quy đổi giờ NCKH từ đề tài, bài báo và các hoạt động khoa học khác, từ đó tạo động lực và thúc đẩy cán bộ làm việc. Quy định về quy đổi này được quy định trong các quyết định số 818 ngày 9/9/2020 và được cải tiến trong quyết định 199 ngày 22/3/2022, quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ĐHTB [H6.06.01.06].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV và NCV đã được giám sát. Đầu năm học các giảng viên và NCV cần đăng ký nhiệm vụ năm học, trong đó chỉ rõ các hoạt động khoa học cụ thể thực hiện trong năm học. Số giờ nghiên cứu của mỗi giảng viên cần đảm bảo đúng như quy định. Nhà trường và khoa đặc biệt chú ý đến rà soát tiến độ thực hiện đề tài các cấp nhằm kịp thời điều chỉnh để giúp GV và NCV thực hiện đúng tiến độ các đề tài. Chính vì vậy, định kỳ luôn có các đợt kiểm tra tiến độ đề tài các cấp [H6.06.07.01]. Sau đó, cuối năm học cần kê khai kèm minh chứng để khoa và nhà trường lấy đây là căn cứ xếp loại hoàn thành nhiệm vụ năm học của mỗi giảng viên cũng như được báo cáo tổng kết cuối năm ở cấp khoa [H6.06.07.04]. Nhà trường sẽ tổng hợp và có tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học ở cấp trường [H6.06.07.04]. Để điều chỉnh các hoạt động NCKH, nhà trường đưa ra bảng đối sánh kết quả hoạt động khoa học công nghệ theo giai đoạn và phương hướng hoạt động khoa học công nghệ nhằm kịp thời khắc phục những hạn chế, đưa hoạt động nghiên cứu của nhà trường đúng hướng và hiệu quả nhất [H6.06.02.08].

Trong 4 năm qua Lãnh đạo, giảng viên của Khoa KHXH đã tích cực kết nối, tham gia các hội thảo khoa học của tỉnh Sơn La, tham gia các Hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học cấp tỉnh, sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh… với tư cách chuyên gia, khẳng định được uy tín về chuyên môn đối với các đơn vị ngoài trường. Bên cạnh đó GV và NCV của khoa đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài các cấp

Bảng 6.7.1 Số lượng đề tài do giảng viên khoa Khoa học Xã hội

STT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài			
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021 -2022	2022-2023
1	Cấp Nhà nước	0	0	1	1
2	Cấp Bộ	4	2	5	1

3	Cấp Tỉnh	0	0	0	2
4	Cấp trường	8	4	7	7

Về hội thảo và hội nghị khoa đã Tổ chức thành công 2 hội thảo lớn cấp quốc gia: (1) Quản lý tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững vùng Tây Bắc Việt Nam vào năm 2020; (2) Quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam – Lào; những giá trị kết tinh và phát triển năm 2022 [H6.06.07.04].

Bảng 6.7.2 Số lượng bài báo và sách Khoa Khoa học Xã hội

Năm học	Bài báo quốc tế	Bài báo đăng ở tạp chí trong nước	Bài báo đăng trên tạp chí ĐH Tây Bắc	Sách tham khảo và chuyên khảo
2019 - 2020	0	21	5	2
2020 - 2021	1	14	2	0
2021 - 2022	7	25	7	2
2022 - 2023	7	25	7	2
Tổng	***15***	***85***	***21***	***6***

Nghiên cứu đề tài các cấp và công bố bài báo trong nước và quốc tế cũng là một thế mạnh nổi bật của khoa góp phần nâng cao vị thế của nhà trường. Mặc dù là một khoa xã hội nhưng giảng viên trong khoa đã có nhiều thành tích trong công bố quốc tế, được nhà trường khen thưởng qua các năm [H6.06.07.04].

Với việc đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học. hàng năm đội ngũ GV, NCV của khoa đã đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, bằng khen các cấp [H6.06.07.04].

2. Điểm mạnh:

Số lượng và chất lượng giảng viên của Khoa mạnh, tham gia nhiều đề tài và có nhiều công bố trong và ngoài nước ngày càng tăng.

3. Điểm tồn tại:

Hoạt động khoa học vẫn dựa trên thế mạnh truyền thống nên số lượng các nghiên cứu mới chỉ tham gia 3/8 hoạt động so với quy định của trường, Chế độ khen thưởng và khuyến khích cho giảng viên còn chưa thực sự được chú trọng, kinh phí còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tích cực thực hiện nhiều hơn các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học Kết hợp với các đơn vị trong và ngoài tỉnh để các nghiên cứu có tình liên ngành và phong phú hơn	Bộ môn; P. Khoa học	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường thực hiện các đề tài dự án, các cấp; Công bố các nghiên cứu trong nước và quốc tế; Tổ chức các hội thảo phát triển các vấn để của miền núi và vùng Tây Bắc	Khoa, P. Khoa học	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Những điểm mạnh nổi bật:

Các quy hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về đội ngũ GV, NCV được thực hiện đầy đủ, nằm trong quy hoạch tổng thể chung của Trường. Phương thức đo lường khối lượng thực hiện hai nhiệm vụ chính (giảng dạy và NCKH) của đội ngũ GV được thực hiện với đơn vị đo thống nhất. Các tiêu chuẩn cho ngạch GV chi tiết, rõ ràng và đầy đủ cho các trường hợp trình độ đại học, ThS hoặc TS, tốt nghiệp trong nước hoặc nước ngoài, có cả yêu cầu về chuyên môn, yêu cầu về hình thức, và yêu cầu đặc thù cho người đã từng dự tuyển. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được đánh giá qua nhiều kênh khác nhau. Các hoạt động phát triển chuyên môn về giảng dạy, bồi dưỡng cho đội ngũ GV được triển khai thường xuyên và đa dạng. Kết quả công việc của GV, NCV được đánh giá, xếp loại hàng tháng theo các tiêu chí rõ ràng. Công tác giám sát hoạt động NCKH của GV và NCV đã được thực hiện đều giữa các năm học và theo hướng cải tiến theo hướng đẩy mạnh tin học hóa.

Những điểm tồn tại cơ bản:

Các công tác dự báo về những biến động trong nhu cầu đội ngũ GV, NCV chưa được thực hiện bài bản, khoa học. Phân bổ khối lượng công việc hàng năm giữa các GV chưa đồng đều. Quy định về tuyển dụng viên chức đối với ngạch GV, NCV chưa được rà soát, điều chỉnh để đảm bảo phù hợp với Kế hoạch chiến lược giai đoạn mới. Kết quả phản hồi hàng kỳ từ phía người học về hoạt động giảng dạy của GV chưa được phản hồi kịp thời tới GV. Các hoạt động phát triển năng lực NCKH cho đội ngũ GV, NCV còn ít. Hệ thống tiêu chí giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của GV đang ở giai đoạn triển khai thử, chưa được ban hành chính thức. Việc giám sát, đối sánh hoạt động NCKH của GV và NCV của Khoa, Bộ môn Địa lý mới chỉ dừng ở phạm vi nội bộ, chưa có sự tham chiếu với các đơn vị khác trong Trường và đặt trong bức tranh tổng thể của Trường.

Đánh giá chung tiêu chuẩn 6:

+ Điểm trung bình đạt được 4,71
+ Số tiêu chí đạt 7/7

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng đào tạo phụ thuộc phần lớn vào đội ngũ giảng viên, tuy nhiên chất lượng giảng dạy của giảng viên cũng như chất lượng học tập của sinh viên không thể đạt được kết quả cao nếu thiếu đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Quy hoạch đội ngũ nhân viên là một phần quan trọng giúp tạo ra một môi trường học tập tích cực và hỗ trợ cho sự phát triển toàn diện của sinh viên. Để đáp ứng được nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, việc quy hoạch này cần được thực hiện một cách tổ chức và chiến lược. Trường ĐHTB nói chung cũng như Khoa Khoa học xã hội, Bộ môn Địa lý nói riêng đã đưa ra những chủ trương, chính sách để quy hoạch đội ngũ nhân viên nhằm tư vấn, hỗ trợ người học đạt kết quả tốt nhất.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường ĐHTB đã được thể hiện rõ trong chiến lược tầm nhìn, đề án vị trí việc làm và bản mô tả công việc của nhà trường. Việc quy hoạch nhằm đảm bảo sự phát triển đồng bộ giữa nhân sự và các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, cũng như phục vụ cộng đồng. Trong chiến lược tầm nhìn, nhà trường đã xác định rõ định hướng phát triển đội ngũ nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhấn mạnh vai trò của họ trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Các văn bản này đề ra lộ trình tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự theo từng giai đoạn, gắn với mục tiêu hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ vào giảng dạy [H7.07.01.01].

Bên cạnh đó, đề án vị trí việc làm của trường đã phân bổ hợp lý số lượng nhân viên theo từng bộ phận, xác định cụ thể tiêu chuẩn tuyển dụng, trình độ chuyên môn và trách nhiệm của mỗi vị trí. Văn bản này cũng quy định rõ cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển và đào tạo nhân sự để đảm bảo đội ngũ có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường. Trong bản mô tả công việc, trách nhiệm của từng vị trí nhân viên được xác định chi tiết, từ công việc hàng ngày đến các nhiệm vụ hỗ trợ giảng viên, sinh viên và quản lý hệ thống. Các tiêu chí đánh giá hiệu suất làm việc, cơ chế khen thưởng, đào tạo nâng cao năng lực cũng được quy định rõ nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Nhờ sự thể hiện cụ thể trong các văn bản quan trọng này, Trường ĐHTB đã triển khai quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách bài bản, góp phần xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả [H7.07.01.02], [H7.07.01.03].

Với vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng Tây Bắc, Trường Đại học Tây Bắc rất coi trọng nhiệm vụ kết nối và phục vụ cộng đồng. Nhiệm vụ này được cụ thể hóa thông qua các kế hoạch hàng năm. Trong các kế hoạch, nhà trường triển khai các chương trình hỗ trợ giáo dục cho học sinh vùng sâu, vùng xa, tổ chức hoạt động nghiên cứu ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đồng thời hợp tác với chính quyền và doanh nghiệp để thúc đẩy các dự án phát triển bền vững. Những kế hoạch xác định nhiệm vụ của từng phòng ban và từng công việc được phân công theo từng năm cụ thể [H7.07.01.03]

Trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện rất tốt công tác lưu trữ và quản lý hồ sơ nhân sự thông qua phần mềm quản lý và cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thống kê, cập nhật danh sách đội ngũ nhân viên hỗ trợ hằng năm theo chu kỳ đánh giá. Hệ thống này giúp lưu trữ đầy đủ thông tin về họ tên, vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, bằng cấp, chứng chỉ, thâm niên công tác và các thành tích đạt được của từng nhân viên tại các bộ phận như thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ. Đặc biệt, việc theo dõi các khóa đào tạo, bồi dưỡng mà nhân viên tham gia giúp nhà trường đánh giá chính xác năng lực, định hướng phát triển và có kế hoạch quy hoạch nhân sự phù hợp. Nhờ ứng dụng công nghệ trong quản lý, nhà trường có thể dễ dàng tra cứu, đánh giá hiệu suất làm việc, từ đó đưa ra các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, đào tạo và khen thưởng một cách minh bạch, khoa học. Việc cập nhật dữ liệu thường xuyên không chỉ giúp tối ưu hóa công tác quản lý nhân sự mà còn đảm bảo đội ngũ nhân viên hỗ trợ luôn đáp ứng tốt yêu cầu phát triển, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. [H7.07.01.04], [H7.07.01.05]

Là một trường đại học vùng, có sứ mệnh quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực, đặc biệt là hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số trong quá trình học tập và nghiên cứu. Vì vậy, đánh giá và phản hồi của các bên liên quan, nhất là thông qua các cuộc khảo sát và đối thoại với sinh viên, không chỉ giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, mà còn là cơ sở để nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo mọi sinh viên, đặc biệt là sinh viên dân tộc thiểu số, đều nhận được sự hỗ trợ tốt nhất. Những ý kiến thu thập được giúp nhà trường nhận diện điểm mạnh của đội ngũ nhân viên để tiếp tục phát huy, đồng thời xác định các khó khăn và hạn chế trong việc hỗ trợ sinh viên, từ đó có giải pháp cải thiện kịp thời. Đặc biệt, đối với sinh viên dân tộc thiểu số - những em có thể gặp rào cản về ngôn ngữ, kỹ năng học tập và tiếp cận công nghệ - việc khảo sát phản hồi giúp đánh giá tính phù hợp của các dịch vụ hỗ trợ, từ đó điều chỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ, đào tạo nhân viên có kỹ năng tư vấn, hướng dẫn phù hợp với đối tượng sinh viên đặc thù. Việc này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả học tập và sự hài lòng của sinh viên, mà còn góp phần thực hiện sứ mệnh giáo dục vùng, thu hẹp khoảng cách tiếp cận tri thức và tạo điều kiện phát triển công bằng cho mọi sinh viên trong nhà trường

[H7.07.01.06].

Để tạo cơ sở tuyển dụng đội ngũ nhân viên, nhà trường đã phân tích và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên trong kế hoạch tuyển dụng, kết luận công tác cán bộ và kết luận các cuộc họp về công tác nhân sự, nhằm đảm bảo đội ngũ nhân viên đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, đặc biệt là hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số. Trong kế hoạch tuyển dụng, bảng phân tích này đóng vai trò quan trọng trong việc xác định số lượng, vị trí cần bổ sung và tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng bộ phận như thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ. Qua đó, giúp nhà trường không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn có chiến lược dài hạn trong phát triển đội ngũ nhân sự. Trong công tác cán bộ, bảng phân tích cung cấp cơ sở khoa học để đánh giá chất lượng nhân sự hiện có, năng lực chuyên môn, nhu cầu đào tạo và lộ trình phát triển. Quy trình này đã giúp nhà trường có các quyết định bổ nhiệm, luân chuyển và bồi dưỡng nhân viên một cách hợp lý, đảm bảo sự phù hợp giữa năng lực nhân sự và yêu cầu công việc. Trong các cuộc họp về công tác nhân sự, bảng phân tích được sử dụng để đưa ra các kết luận quan trọng về tình hình nhân sự, những khó khăn, thách thức và giải pháp khắc phục. Các quyết định về điều chỉnh nhân sự, đào tạo nâng cao trình độ và chính sách hỗ trợ nhân viên đều dựa trên những số liệu và dự báo này. Việc áp dụng bảng phân tích vào công tác nhân sự giúp nhà trường quản lý hiệu quả đội ngũ, đảm bảo tính minh bạch trong quy hoạch nhân lực, đáp ứng tốt nhiệm vụ đào tạo và phát triển bền vững của nhà trường. [H7.07.01.07].

Các kế hoạch tuyển dụng của Trường ĐHTB qua các năm thể hiện chiến lược quy hoạch đội ngũ nhân viên một cách bài bản, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, đặc biệt là hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số. Kế hoạch này dựa trên phân tích thực tế về quy mô sinh viên, chương trình đào tạo, yêu cầu nghiên cứu và dịch vụ hỗ trợ, giúp bổ sung, điều chỉnh nhân sự cho các bộ phận như thư viện, phòng thí nghiệm và công nghệ thông tin. Đồng thời, nhà trường không chỉ tuyển chọn nhân viên có chuyên môn phù hợp mà còn có lộ trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao, đảm bảo đội ngũ luôn đáp ứng tốt các yêu cầu đổi mới giáo dục. Qua đó, ĐHTB thể hiện tầm nhìn dài hạn, vừa nâng cao chất lượng nhân sự, vừa đảm bảo sự công bằng và phát triển bền vững trong công tác quản lý nhân lực [H7.07.01.08].

Xét từ góc độ khoa và bộ môn, để tạo cầu nối cho các em sinh viên với nhà trường, ngay từ đầu năm học nhà trường luôn cử đội ngũ cố vấn học tập để đón và hỗ trợ các tân sinh viên. Cố vấn học tập (CVHT) đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sinh viên (SV) trong quá trình học tập và phát triển nghề nghiệp. Cố vấn học tập có vai trò quan trọng vì tư vấn, định hướng SV lựa chọn môn học phù hợp, theo dõi tiến độ học tập và hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh. Ngoài ra, CVHT còn giúp SV rèn luyện kỹ năng mềm, tham

gia hoạt động xã hội và định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp [H7.07.01.02].

2. Điểm mạnh

- Trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên tương đối tốt đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường;

- Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm, từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có được chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên chuyên trách để hỗ trợ tốt cho CTĐT Địa lý và Lịch sử. Thiếu đội ngũ quản lý các thiết bị và hướng dẫn thực hành (bản đồ, máy thực hành đo đạc, hệ thống tài liệu lịch sử).

Cần tuyển dụng trợ lý khoa chuyên trách để giảng viên được tập trung vào chuyên môn, không phải kiêm nhiệm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	- Nghiên cứu dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên và trợ lý nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV và SV của Khoa.	Phòng TCHC; Khoa KHXH	Từ năm học 2027
2	Phát huy điểm mạnh	- Rà soát lại các kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên và trợ lý, chính sách thu hút tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên và trợ lý.	Phòng TCHC Khoa KHXH	Từ năm học 2027

5. Tự đánh giá 4/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Để tuyển dụng được các vị trí quy của nhà trường đã dựa trên nghị định số 115 về quy định tuyển dụng sử dụng viên chức của chính phủ, từ đó biến thành nghị quyết về quy

định tuyển dụng viên chức của trường. Ngày 7/4/2021 nhà trường đã ban hành nghị quyết kèm theo quyết định số 23 về tuyển dụng viên chức của nhà trường. Nghị quyết này cho thấy công tác tuyển dụng nhân viên của nhà trường đảm bảo tính minh bạch, hợp pháp và phù hợp với chiến lược phát triển nhân lực. Quy trình tuyển dụng của nhà trường gồm 5 bước chính: Nhà trường gửi Thông báo yêu cầu các đơn vị rà soát, xây dựng kế hoạch nhân sự cho đơn vị mình; Tổng hợp nhu cầu tuyển dụng; Báo cáo Đảng ủy Trường ĐHTB phê duyết chỉ tiêu và vị trí việc làm cần tuyển dụng; Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng; Mười bước chi tiết như sau: (1) Xây dựng và ban hành kế hoạch tuyển viên chức; (2) Thông báo tuyển dụng (được đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: báo in hoặc báo điện tử/ đồng thời được đăng tải trên các trang thông tin điện tử của Trường ĐHTB và niêm yết trên bản tin của Nhà trường); (3) Tiếp nhận hồ sơ; Thành lập hội đồng tuyển dụng, các ban giúp việc hội đồng; (4) Kiểm tra phiếu dự tuyển và thông báo đến người dự tuyển không đủ điều kiện, đồng thời lập thông báo công khai, niêm yết trên bản tin Nhà Trường danh sách những người đủ điều kiện dự tuyển; (5) Họp các ứng viên dự thi, phổ biến quy chế; (6) Tổ chức thi và tổng hợp kết quả; (7) Trình kết quả dự thi lên hiệu trường xem xét và công nhận; (8)Thông báo công khai kết quả trúng tuyển trên trang thông tin điện tử Nhà trường và thông báo kết quả bằng văn bản tời người trúng tuyển; (9) Người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng; (10) Trình hiệu trường ra Quyết định tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và nhận việc [H7.07.02.01]

Để tạo căn cứ để hỗ trợ tuyển dụng, đánh giá hiệu suất nhân sự nhà trường đã đưa ra bản mô tả công việc của nhân viên. Thông qua bản mô tả cũng giúp đội ngũ nhân viên hiểu rõ vai trò của mình, đảm bảo công việc được thực hiện đúng mục tiêu và kế hoạch [H7.07.02.02]

Bộ môn Địa lý là một bộ phận của Khoa Khoa học Xã hội chính thức ngày 8/8/2019. Công tác đào tạo cử nhân Địa lý được vận hành chung trong hoạt động của khoa (bao gồm bộ môn Địa lý, Ngữ Văn, Lịch Sử). CTĐT cử nhân sư phạm Địa lý được hỗ trợ đắc lực bởi đội ngũ nhân viên nhiều phòng ban khác nhau:

Bảng 7.2.1. Bảng mô tả đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo cử nhân sư phạm Địa Lý

Phòng/Ban khoa	**Nội dung hỗ trợ**	**Số nhân viên hỗ trợ và trình độ**
Trung tâm thông tin - Thư viện	Cung cấp giáo trình, tài liệu học tập và thông tin cho học tập và nghiên cứu khoa học.	**12** CVC: 1 CV: 11

Ban Quản lý Khu nội trú	Giám sát ký túc xá, đảm bảo an ninh và trật tự; Quản lý sinh hoạt, cơ sở vật chất và hỗ trợ sinh viên nội trú. Ngoài ra, ban tổ chức hoạt động ngoại khóa và tiếp nhận phản ánh để cải thiện môi trường sống	**13** GV:1 CV:8 NV:4
Phòng Công tác chính trị - Quản lý người học	Đảm bảo công tác chính trị, tư tưởng; công tác học sinh, sinh viên và học viên; công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm; kết nối và phục vụ cộng đồng của Nhà trường.	**7** CVC: 2 CV:2
Phòng kế toán tài chính	Quản lý ngân sách, thu chi và tài chính của trường. Họ đảm bảo minh bạch trong các khoản thu học phí, chi lương và đầu tư cơ sở vật chất. Ngoài ra, phòng còn lập báo cáo tài chính, kiểm soát chi tiêu và hỗ trợ sinh viên về học phí, học bổng.	**5** CVC:1 CV:5
Phòng Đào tạo	Tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo, bao gồm kế hoạch, chương trình, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo của Bộ và quy định của Trường đã ban hành.	**10** CVC:2 CV:8
Phòng Quản trị cơ sở vật chất	Quản lý và sử dụng cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, giảng dạy, học tập, vui chơi, giải trí của cán bộ, công chức, viên chức và người học trong Trường.	**22** CVC: 4 Cán sự: 5 Nhân viên: 13
Phòng Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế	Thực hiện quản lý các lĩnh vực liên quan đến nghiên cứu khoa học, công nghệ của giảng viên, sinh viên và hợp tác quốc tế.	**9** GVCC: 1 GVC: 1; GV: 3 CV: 4

Phòng đảm bảo chất lượng và thanh tra pháp chế	Tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác đào tạo, liên kết đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng và công tác bồi dưỡng; tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường.	**7** GVC: 2 CV: 5
Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh	Có chức năng tổ chức giáo dục quốc phòng, an ninh sinh viên theo quy định hiện hành cho sinh viên của Trường và sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc	**19** GVC: 2; GV: 14 CV:2, Cán sự: 1
Trường TH, THCS, THPT Chu Văn An	Hỗ trợ rèn nghề cho sinh viên sư phạm Địa lý nói riêng và sinh viên các ngành nói chung.	22
Hội sinh viên	Tập hợp, đoàn kết, khuyến khích, giúp đỡ hội viên, sinh viên trong học tập và rèn luyện. - Giáo dục lý tưởng, truyền thống đạo đức, lối sống và ý thức pháp luật cho hội viên, sinh viên. - Phản ánh nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên; tham gia phản biện, đề xuất các chủ trương, chính sách liên quan đến sinh viên, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ các quyền lợi hợp pháp, chính đáng của hội viên, sinh viên và tổ chức Hội.	3

Dựa vào bảng có thể thấy công tác đào tạo cử nhân sư phạm Địa lý được hỗ trợ chủ yếu bởi 11/24 phòng ban và trung tâm của trường với 129 nhân viên. Mỗi đơn vị đảm bảo và hỗ trợ những nội dung khác nhau. Về cơ bản đội ngũ nhân viên đã thực hiện rất tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo công tác đào tạo diễn ra thuận lợi. Đặc biệt, trung tâm thư viện, phòng đào tạo là những đơn vị thường xuyên hỗ trợ các em như cung cấp tài liệu, sách, giáo trình để học tập từng học phần. Phòng đào tạo của nhà trường vừa tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lý, tổ chức triển khai thực hiện công tác đào tạo, vừa là bộ phận công nghệ thông tin và truyền thông của nhà trường. Chính vì vậy công việc đôi khi quá tải. Đặc biệt trong giai đoạn 2020 - 2021 do ảnh hưởng của đại dịch covid, việc học chuyển từ trực tiếp sang trực tuyến đội ngũ nhân viên phòng đào tạo đã tích cực hỗ trợ việc học

trực tuyến của nhà trường từ đường truyền, mở các lớp học, tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá. Ở cấp khoa, bảng mô tả của đội ngũ nhân viên phục vụ được cụ thể hóa trong bảng 3 minh họa cho số lượng nhiệm vụ và các năng lực cần có của đội ngũ hỗ trợ đào tạo thuộc quản lý của Khoa [H7.07.01.02].

Bảng 7.2.2. Số lượng nhiệm vụ và các năng lực cần có của đội ngũ hỗ trợ đào tạo

Vị trí việc làm	Số lượng nhiệm vụ và Năng lực cần có
Trợ lý khoa	1. Nắm vững các văn bản quy định về đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường ĐHTB
	2. Có khả năng trong việc triển khai nội dung liên quan đến công tác đào tạo của Khoa và Trường đến các cố vấn học tập và Ban cán sự các lớp.
	3. Có năng lực giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong công việc
	4. Có khả năng lập kế hoạch, triển khai kế hoạch đào tạo các hệ đào tạo
	5. Có kỹ năng giao tiếp tốt
	6. Biết tiếng Anh và sử dụng thành thạo một số phần mềm tin học như word, excel, powerpoint…
	7. Nắm vững các văn bản quy định về học sinh sinh viên của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường ĐHTB.
	8. Có khả năng phân tích, tổng hợp, báo cáo, giải quyết vấn đề phát sinh trong công tác quản lý sinh viên
	9. Có khả năng hoàn thành và hoàn thành tốt công việc quản lý sinh viên
	10. Có khả năng quản lý, lưu trữ hồ sơ điện tử và hồ sơ gốc và hoàn thành tốt các công việc văn thư, lưu trữ hồ sơ sinh viên
Cố vấn	1. Nắm vững các văn bản quy định về học sinh sinh viên, về công tác Đào tạo của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường ĐHTB.
	2. Có năng lực quản lý lớp tốt

học tập	3. Có khả năng giải quyết tốt mọi vấn đề phát sinh của sinh viên trong quá trình quản lý lớp
	4. Có năng lực điều hành và giám sát mọi hoạt động của lớp
	5. Có khả năng giao tiếp tốt và cố vấn học tập tốt nhất của sinh viên

Ngoài bản mô tả công việc chi tiết cho nhân viên, nhà trường con ban hành sổ tay nhân viên giúp cung cấp thông tin về quy định, quyền lợi và trách nhiệm của nhân viên trong quá trình công tác. Thông qua các văn bản của sổ tay còn giúp nhân viên hiểu rõ văn hóa, chính sách, tạo sự thống nhất, minh bạch trong môi trường làm việc của trường ĐHTB. Thông qua số tay nhân viên cũng giúp người tuyển dụng hiểu những yêu cầu, năng lực mà mình cần có khi tham gia ứng tuyển [H7.07.02.03]

Hồ sơ về điều chuyển, tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên của nhà trường luôn được công khai trên cổng thông tin điện tử để đảm bảo minh bạch, công bằng và tránh tiêu cực trong quản lý nhân sự. Việc này cũng giúp các nhân viên hiểu rõ quy trình, tiêu chí đánh giá và quyết định nhân sự. Đồng thời, công khai hồ sơ cũng tạo sự tin tưởng, giám sát từ tập thể và nâng cao trách nhiệm giải trình của tổ chức. [H7.07.02.04].

Kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của nhà trường luôn được phổ biến, công khai với kế hoạch rõ ràng. Trước khi ban hành các thông báo, nhà trường tiến hành phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm giúp xác định chính xác nhu cầu nhân sự. Qua đây nhà trường nắm bắt nhu cầu nhu cầu thực tiễn của các đơn vị trực thuộc nhằm bổ sung nhân lực ở một số vị trí việc làm do nhân viên nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng, thôi việc và chuyển công tác điều chỉnh, hoàn thiện kế hoạch nhân sự. Những kết quả này còn hỗ trợ xây dựng chính sách tuyển dụng, đào tạo và đãi ngộ phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].

Bộ môn Địa lý là một bộ phận của Khoa Khoa học Xã hội chính thức ngày 8/8/2019. Công tác đào tạo cử nhân Địa lý được vận hành chung trong hoạt động của khoa (bao gồm bộ môn Địa lý, Ngữ Văn, Lịch Sử). Nhân viên phục vụ riêng của bộ môn chưa có, chỉ có 1 nhân viên hỗ trợ công tác giáo vụ khoa từ năm 2011. Năm 2023, do đồng chí trợ lý thay đổi công tác nên không còn trợ lý khoa chuyên trách, nhà trường đã cử 2 giảng viên kiêm nhiệm trợ lý khoa và công tác đào tạo. Đây là một khó khăn với khoa nói chung và bộ môn nói riêng vì các giảng viên kiêm nhiệm không thể dành toàn bộ quỹ thời gian cho công việc trợ lý, cũng như nghiệp vụ trợ lý không hiệu quả như chuyên viên. Nắm bắt được những khó khăn này của khoa,

nhà trường đã ban hành kế hoạch và thực hiện các bước tuyển dụng. Từ tháng 2 năm 2025 Khoa Khoa học xã hội đã có trợ lý để hỗ trợ công việc của khoa. Đây cũng thể hiện sự quan tâm và nỗ lực của nhà trường đề giúp khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ người học. Các kế hoạch, quy trình tuyển dụng, quyết định tuyển dụng luôn được công khai trên hệ thống i-office để tất cả các đơn vị và bên liên quan nắm được [H7.07.02.05], [H7.07.02.06]

Mặt khác, để nâng cao chất lượng nhân sự và đảm bảo sự phát triển bền vững cho nhà trường, thông tin tuyển dụng viên chức của Trường ĐHTB luôn được công khai bằng nhiều kênh, nhất là các trang thông tin điện tử của nhà trường. Điều này đảm bảo tính minh bạch, công bằng và thu hút nhân tài của trường, giúp mọi cá nhân có đủ điều kiện đều có cơ hội tiếp cận, tham gia tuyển dụng một cách bình đẳng. Tính công khai còn hạn chế tiêu cực và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về tuyển dụng viên chức. Hơn nữa, công khai tuyển dụng không chỉ giúp trường tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao mà còn nâng cao uy tín, tạo niềm tin trong xã hội, góp phần xây dựng môi trường giáo dục công khai, dân chủ và chuyên nghiệp. Về phía các ứng cử viên, khi nắm được thông tin tuyển dụng họ sẽ có sự chuẩn bị tốt hơn, nắm rõ yêu cầu và tiêu chí tuyển dụng để có sự chuẩn bị phù hợp [H7.07.02.07].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên được quy định rõ ràng. Việc tuyển dụng và bổ nhiệm nhân viên được thông báo công khai. Những nhân viên có đủ năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị bổ nhiệm theo đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Trường.

3. Điểm tồn tại: Chưa phát huy được hết vai trò GVTH trong công tác đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao vai trò của giáo viên thực hành trong công tác đào tạo.	Phòng TCHC Khoa KHXH	Từ năm học 2027
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát lại đội ngũ nhân viên để đánh giá và bổ nhiệm lại nhân viên.	Phòng TCHC Khoa KHXHi	Từ năm học 2027

5. Tự đánh giá 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTB rất coi trọng công tác đánh giá và phân loại đội ngũ viên chức, coi đây là yếu tố cốt lõi để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các văn bản quy định về quy trình, phương pháp và công cụ đánh giá được xây dựng rõ ràng, chi tiết và được cập nhật hàng năm, đảm bảo tính khách quan, minh bạch và phù hợp với thực tiễn. Hệ thống quy chế xếp loại, đánh giá này giúp nhà trường đo lường hiệu suất làm việc, trình độ chuyên môn và khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong quy hoạch, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ viên chức. Nhờ đó, đội ngũ viên chức không ngừng được nâng cao năng lực, thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục, góp phần thực hiện hiệu quả sứ mệnh của một trường đại học vùng, phục vụ tốt nhất cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên dân tộc thiểu số (bao gồm viên chức không giữ chức vụ quản lý và viên chức quản lý) [H7.07.03.01].

Hiện tại, Trường ĐHTB đang quy định sử dụng 02 phương thức cơ bản để đánh giá đội ngũ hỗ trợ đào tạo: (1) Bình xét xếp loại lao động hàng tháng: Vào tuần cuối hàng tháng, trưởng đơn vị và chủ tịch công đoàn bộ phận thực hiện đánh giá viên chức dựa trên ba tiêu chí: (1) Kết quả công tác, (2) Chấp hành pháp luật, chính sách, nội quy, quy chế của Nhà nước và Nhà trường, (3) Tư cách, đạo đức và lối sống. Căn cứ vào các tiêu chí trên, viên chức sẽ được xếp vào một trong bốn loại: A (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ), B (Hoàn thành tốt nhiệm vụ), C (Hoàn thành nhiệm vụ), D (Không hoàn thành nhiệm vụ). Tiêu chuẩn xếp loại cụ thể áp dụng cho đội ngũ hỗ trợ đào tạo như bảng 1 [H7.07.03.01].

Bảng 7.3.1. Bảng tiêu chuẩn xếp loại thi đua theo tháng của giảng viên

Loại	**Tiêu chuẩn**
A	Đối với khối hành chính phải đạt tất cả các tiêu chuẩn sau: - Có phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. - Hoàn thành xuất sắc công việc/nhiệm vụ được phân công theo đăng ký - Chấp hành tốt kỷ luật lao động theo quy định, tuân thủ nghiêm túc sự phân công của đơn vị, Nhà trường. - Đảm bảo đủ ngày công theo quy định - Tham gia hội họp, sinh hoạt đầy đủ, đúng giờ. - Có đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn

	mực đạo đức xã hội, được đồng nghiệp và người học tín nhiệm. - Tác phong, thái độ làm việc đúng mực - Chấp hành tốt nội quy của đơn vị, quy chế, quy định của Nhà trường.
B	Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và những nội dung trên nhưng nghỉ có lý do cá nhân từ 02 đến 04 ngày (không tính ngày nghỉ phép theo quy định)
C	Hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng có đúng 04 vi phạm các quy định nêu trên
D	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc có từ 07 vi phạm các quy định nêu trên

Vào cuối năm học, toàn thể đội ngũ hỗ trợ đào tạo được đánh giá, xếp loại theo quy chế đánh giá chất lượng của nhà trường. Bộ quy chế này được xây dựng căn cứ vào phân loại theo Luật Viên chức, Nghị định của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí để đánh giá năng lực của đội ngũ hỗ trợ sớm được Trường ĐHTB cụ thể hóa và đang tiếp tục được điều chỉnh, hoàn thiện. Mỗi viên chức được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể, riêng tiêu chí đánh giá viên chức quản lý có thêm các tiêu chí đặc thù cho năng lực quản lý (Bảng 2). Kết quả đánh giá mỗi viên chức được phân loại theo một trong 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ. Hoạt động đánh giá được thực hiện theo quy trình 3 bước: cá nhân tự đánh giá; Đồng nghiệp đánh giá; Cấp trên đánh giá (bao gồm cả chính quyền và Đảng) [H7.07.03.01].

Bảng 7.3 2. Tiêu chí đánh giá và phân loại viên chức cuối năm

Nội dung đánh giá	**Loại viên chức**	
	Quản lý	**Khác**
1. Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã đăng ký	x	x
2. Việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp	x	x
3. Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức	x	x
4. Việc thực hiện các nghĩa vụ khác của viên chức	x	x

Nội dung đánh giá	Loại viên chức	
	Quản lý	Khác
5. Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ	x	
6. Kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách	x	

Các phương thức đánh giá đội ngũ hỗ trợ đào tạo được Nhà trường và Khoa triển khai nghiêm túc, đầy đủ, theo đúng quy định. Hàng tuần, Ban kiểm tra nền nếp làm việc của Nhà trường thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện nề nếp giảng dạy, nề nếp làm việc [H7.07.03.02].

Cuối mỗi năm học, phòng TC-HC triển khai kế hoạch đánh giá, phân loại toàn thể viên chức, trong đó có đội ngũ hỗ trợ đào tạo. Các viên chức tự đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân; tự đánh giá ưu, nhược điểm và xếp loại bản thân. Sau khi hoàn thành tự đánh giá, viên chức trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả công tác tại cuộc họp của đơn vị để tập thể nơi viên chức công tác đóng góp ý kiến. Các ý kiến được ghi vào biên bản và thông qua tại cuộc họp. Lãnh đạo trực tiếp quản lý viên chức tham khảo ý kiến của tập thể viên chức đơn vị, quyết định đánh giá, phân loại viên chức (bao gồm cả cấp phó đơn vị). Kết quả đánh giá được tổng hợp hàng năm từ đơn vị lên trường [H7.07.03.03]. Các kết quả xếp loại của đội ngũ hỗ trợ cần được cập nhật vào hồ sơ vì đây là cơ sở quan trọng để đánh giá năng lực, hiệu suất làm việc và mức độ đáp ứng yêu cầu công tác của viên chức. Việc cập nhật thường xuyên giúp nhà trường theo dõi quá trình phát triển của từng cá nhân, từ đó có các quyết định về đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và bổ nhiệm phù hợp [H7.07.03.04]

Bảng 7.3.4. Kết quả xếp loại của đội ngũ hỗ trợ trường ĐH Tây Bắc năm 2019 - 2024

STT	Kết quả đánh giá/Danh hiệu	Năm học				
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
1.	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	6	5	8	10	
2.	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	22	28	24	20	

3.	Hoàn thành nhiệm vụ	05	01	0	0	
4.	Không hoàn thành nhiệm vụ	0	0	0	0	
5.	Lao động tiên tiến	27	30	26	0	
6.	Chiến sĩ thi đua cơ sở	6	4	6	6	
7.	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	0	0	0	0	
8.	Cá nhân được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng	1	1	1	1	
9.	Cá nhân được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo tặng Bằng khen	1	0	0	1	
10.	Kỉ niệm chương vì Sự nghiệp Giáo dục	2	3	4	3	
11.	Đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	6	5	6	6	

Bên cạnh các đánh giá chính thức, Nhà trường cũng triển khai các đánh giá phi chính thức đối với các hoạt động của đội ngũ hỗ trợ đào tạo thông qua nhiều hình thức khác để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp, như: Phản hồi từ người học qua các buổi Hiệu trưởng tiếp xúc đại diện người học thông qua các cuộc khảo sát, thông qua việc đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo nhà trường. [H7.07.01.06].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ hỗ trợ được đánh giá qua nhiều kênh khác nhau. Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát và có cuộc đối thoại hàng năm với người học để lắng nghe phản hồi. Các quy định đánh giá nhân viên rõ ràng, các nhân viên được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể từng tháng, từng năm.

3. Điểm tồn tại

Một số năng lực của đội ngũ hỗ trợ được xác định còn mang tính chung chung, chưa được cụ thể rõ theo vị trí việc làm

4. Kế hoạch hành động

TT	**Mục tiêu**	**Nội dung**	**Đơn vị thực hiện**	**Thời gian thực hiện** **Bắt đầu** **Kết thúc**

1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, điều chỉnh lại việc xác lập các năng lực gắn với đặc thù của mỗi vị trí việc làm.	P. TCHC; Khoa	Từ năm 2027
2	Phát huy điểm mạnh	Nghiên cứu và triển khai giải pháp sử dụng thông tin tích hợp từ các kênh khác nhau trong đánh giá năng lực đội ngũ hỗ trợ hàng năm	P. TCHC	Từ năm 2027

5. *Tự đánh giá: Đạt 4/7*

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên phân tích, đánh giá bối cảnh và thực trạng của Trường, Trường ĐHTB đã xác định được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hỗ trợ phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường cũng như thông qua các báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược của nhà trường. Kế hoạch đào tạo đội ngũ được tích hợp chặt chẽ trong kế hoạch chiến lược của Trường ĐHTB, nhằm chuẩn hóa trình độ, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý của viên chức. Nhà trường xây dựng lộ trình đào tạo dựa trên phân tích thực trạng nhân sự, nhu cầu đào tạo và xu hướng đổi mới giáo dục, từ đó triển khai các chương trình bồi dưỡng, hỗ trợ học tập, nghiên cứu trong nước và quốc tế. Đồng thời, kế hoạch này gắn với quy hoạch nhân sự, đảm bảo đội ngũ viên chức phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng Giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn 2030, Nhà trường xác định mục tiêu "Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự" với các chỉ tiêu cụ thể, rõ ràng và tập trung trọng tâm vào công tác bồi dưỡng; Giai đoạn 2023 -2030 đội ngũ nhân viên và giảng viên được coi là "chủ thể" và "trọng tâm" để đảm bảo sự phát triển bền vững [H7.07.04.01].

Bên cạnh đó, kế hoạch đào tạo về đội ngũ còn được thể hiện trong tổng hợp kinh phí dành cho đào tạo, phát triển đội ngũ viên chức được quy định rõ ràng trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHTB. Quy chế này được ban hành hàng năm, xác định các nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và nguyên tắc chi tiêu nhằm đảm bảo hiệu quả, minh bạch và phù hợp với chiến lược phát triển nhân sự. Nhờ đó, nhà trường có thể triển khai các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý và ứng dụng công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và hỗ trợ sinh viên [H7.07.04.02]

Để triển khai kế hoạch đào tạo, nhà trường triển khai đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức thông qua việc thông báo và tạo điều

kiện để viên chức đăng ký tham gia. Thông tin về các chương trình đào tạo, khóa bồi dưỡng trong nước và quốc tế được công khai minh bạch, giúp viên chức chủ động lựa chọn chương trình phù hợp với chuyên môn và vị trí công tác. Cách làm này không chỉ nâng cao chất lượng đội ngũ, mà còn góp phần thực hiện chiến lược phát triển nhân sự dài hạn [H7.07.04.03]. Các hoạt động tiêu biểu gần đây trong bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ hỗ trợ của Trường được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 7.4.1. Các hoạt động tiêu biểu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ hỗ trợ

TT	Nội dung	Thời gian
1.	Tập huấn "Tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2020"	T5/2020
2.	Tập huấn "Xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển chương trình đào tạo"	T7/2020
3.	Tập huấn kỹ năng nâng cao năng lực về lãnh đạo cho nữ cán bộ giáo viên và sinh viên	T7/2020
4.	Tập huấn bảo đảm an ninh chính trị, bảo vệ bí mật nhà nước trong công tác hợp tác và đào tạo LHC nước CHDCND Lào năm học 2020 - 2021	T12/2020
5.	Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ, giảng viên giai đoạn 2021 - 2025	T3/2021
6.	Tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra cho cán bộ, giảng viên tham gia kiểm tra công tác coi thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT	T6/2021-2023
7.	Tập huấn chủ đề "Thầy cô thay đổi – học trò hạnh phúc"	T8/2021
8.	Tập huấn kỹ thuật tổ chức thi và tham gia thi kết thúc học phần trực tuyến cho giảng viên và sinh viên	8/2021
9.	Tập huấn phổ biến và sử dụng "Sổ tay phát triển cộng đồng" giữa trường ĐHTB với cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tại Việt Nam.	6/2022
10.	Tập huấn trực tuyến nâng cao năng lực quản trị đại học	T11/2021
11.	Tập huấn - Bồi dưỡng nghiệp vụ Phòng cháy chữa cháy - Cứu nạn cứu hộ và thực tập phương án chữa cháy năm 2021	T11/2021
12.	Tập huấn trực tuyến về chuyển đổi số, chính phủ điện tử và ứng dụng CNTT	T11/2021

13.	Tập huấn trực tuyến công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ	T11/2021
14.	Bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương	T1/2023
15.	Hội thảo - Tập huấn hướng dẫn sử dụng, góp ý hoàn thiện phần mềm Quản lý Hệ thống bảo đảm và KĐCLGD đại học	T12/2021
16.	Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác tuyên giáo dành cho cán bộ làm công tác tuyên giáo ở các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc	T11/2021
17.	Tập huấn nghiệp vụ công tác Tuyên giáo năm 2021	T12/2021
18.	Khóa tập huấn giảng viên khu vực miền Bắc năm 2020 với chủ đề "Thống kế hiện đại với phần mềm thống kê R"	8/2020
19.	Tập huấn công tác bình đẳng giới	10/2020
20.	Tập huấn nâng cao năng lực quản trị cơ sở giáo dục đại học	10/2021

Sau khi thông báo về các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, Trường ĐHTB sẽ ban hành quyết định cử viên chức đi học theo đúng quy định, đảm bảo phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và vị trí công tác. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm được tổng hợp chi tiết trong bản kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và báo cáo tổng kết năm học theo nhiều hình thức khác nhau. Việc thống kê này giúp nhà trường đánh giá hiệu quả công tác bồi dưỡng, theo dõi quá trình phát triển chuyên môn của đội ngũ viên chức và làm cơ sở cho kế hoạch đào tạo trong những năm tiếp theo. Đồng thời, đây cũng là minh chứng cho sự đầu tư của nhà trường trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ, đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu và phục vụ sinh viên, [H7.07.04.04], [H7.07.04.05].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động phát triển chuyên môn về giảng dạy, bồi dưỡng cho đội ngũ hỗ trợ là GV (cố vấn học tập) được triển khai thường xuyên và đa dạng.

3. Điểm tồn tại

Phản hồi từ đội ngũ hỗ trợ về hiệu quả hoạt động bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ chưa được thu thập thường xuyên để kịp thời cải tiến công tác bồi dưỡng.

4. Kế hoạch hành động

TT	**Mục tiêu**	**Nội dung**	**Đơn vị thực hiện**	**Thời gian thực hiện**	
				Bắt đầu	**Kết thúc**

1	Khắc phục tồn tại	Triển khai thu thập phản hồi từ đội ngũ hỗ trợ về hiệu quả hoạt động phát triển chuyên môn, nghiệp vụ	Phòng ĐBCL; TCHC; Các đơn vị	2027	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng phát triển năng lực cho đội ngũ hỗ trợ hàng năm.	P. TCHC; Các đơn vị	2027	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTB có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Cụ thể, Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên thông qua: quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị, công chức, viên chức người lao động Trường ĐHTB năm 2021 [H07.07.05.01].

Để đánh giá xếp loại nhân viên, nhà trường đã triển khai hệ thống đánh giá đồng cấp và cơ chế thi đua khen thưởng một cách hiệu quả, minh bạch và công bằng, góp phần quan trọng trong quản trị và phát triển đội ngũ viên chức. Thông qua quy chế đánh giá rõ ràng, nhà trường không chỉ đảm bảo việc ghi nhận thành tích chính xác, mà còn tạo động lực để viên chức không ngừng nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp làm việc. Đồng thời, cơ chế thi đua khen thưởng được thực hiện khách quan, giúp phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khuyến khích viên chức tích cực tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc và phân loại ĐNNV sẽ là cơ sở để đề xuất xét Thi đua, Khen thưởng theo quy định của Nhà trường. Các danh hiệu thi đua của cá nhân bao gồm: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp toàn quốc. Các hình thức khen thưởng như Kỉ niệm chương, Giấy khen, Bằng khen cấp Bộ, Bằng khen của Thủ tướng, vv. Hàng năm Nhà trường đều ban hành quy chế và có bình xét Thi đua, Khen thưởng, các đơn vị theo hướng dẫn và làm đúng quy trình quy định [H7.07.05.02].

Việc quản trị theo kết quả công việc của viên chức, bao gồm khen thưởng và công nhận, được Trường triển khai nhằm tạo động lực làm việc, nâng cao chất lượng đào tạo,

nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Quy trình này được xây dựng dựa trên bản mô tả công việc của từng vị trí, trong đó quy định trách nhiệm, chỉ tiêu đánh giá và yêu cầu năng lực. Nhờ đó, nhà trường có cơ sở để theo dõi, đánh giá chính xác hiệu quả làm việc của viên chức [H7.07.05.03]. Chính sách nhân sự của nhà trường cũng quy định rõ ràng các tiêu chí đánh giá, quy trình khen thưởng và công nhận thành tích, đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong việc quản lý và phát triển đội ngũ. Kết quả công việc của viên chức không chỉ được sử dụng làm căn cứ để xếp loại, bổ nhiệm, quy hoạch nhân sự, mà còn là cơ sở để xây dựng các chương trình đào tạo bồi dưỡng, hỗ trợ nâng cao chuyên môn [H07.07.05.04].

Quy trình đăng ký nhiệm vụ và báo cáo kết quả tại Trường ĐHTB được thực hiện một cách khoa học, có hệ thống, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý đội ngũ viên chức. Các thành tích của nhân viên được thể hiện trong các bản báo cáo tổng kết năm học chi tiết Gần đây, mỗi viên chức đăng ký nhiệm vụ công tác ngay từ đầu năm học, trong đó xác định rõ mục tiêu trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kèm theo khối lượng công việc, số tiết giảng dạy, số giờ nghiên cứu và các hoạt động hỗ trợ xã hội. Quá trình thực hiện nhiệm vụ này được theo dõi, giám sát chặt chẽ, và vào cuối năm học, viên chức phải báo cáo kết quả thực hiện thông qua các bản báo cáo chi tiết. Các báo cáo này không chỉ phản ánh mức độ hoàn thành công việc, mà còn là căn cứ quan trọng để đánh giá, xếp loại, khen thưởng và quy hoạch nhân sự [H7.07.05.05].

Để đảm bảo tính khách quan, chặt chẽ trong công tác thi đua, khen thưởng, trước khi ra ban hành Quy định về đánh giá, Nhà trường thành lập hội đồng thi đua khen thưởng để tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác thi đua khen thưởng. Dân chủ hơn, Nhà trường sẽ xây dựng bản dự thảo, sau đó có công văn yêu cầu các công chức viên chức tại các đơn vị góp ý cho Dự thảo. Tất cả các cán bộ GV và nhân viên của Nhà trường được tham gia góp ý một cách dân chủ. Biên bản góp ý của Bộ môn được gửi lên Khoa, Khoa tập hợp gửi lên Trường. Nhà trường căn cứ vào các ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, GV [H07.07.05.06].

Hàng năm nhà trường luôn dựa vào kết quả hoàn thành nhiệm vụ của nhân viên để xét và công bố danh sách khen thưởng. Đặc biệt các cá nhân có thành tích sẽ được khen thưởng đột xuất hoặc xem xét đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn hoặc sẽ được xét khen thưởng đột xuất hàng năm. Ngày 9/12/2022 nhà trường đã ban hành quy định 1410 quy định về việc nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động trường ĐHTB. Đây là căn cứ pháp lý để hàng năm nhà trường sẽ có hai đợt xem xét nâng lương cho viên chức và người lao động. Việc công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm, được hưởng lương tăng thêm cũng như được tăng lương trước thời hạn theo quy định của Nhà nước đã là những động lực quan trọng để đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ

[H07.07.05.06].

Quy trình đăng ký nhiệm vụ và báo cáo kết quả tại Trường ĐHTB được thực hiện một cách khoa học, có hệ thống, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý đội ngũ viên chức. Các thành tích của nhân viên được thể hiện trong các bản báo cáo tổng kết năm học chi tiết Gần đây, mỗi viên chức đăng ký nhiệm vụ công tác ngay từ đầu năm học, trong đó xác định rõ mục tiêu trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kèm theo khối lượng công việc, số tiết giảng dạy, số giờ nghiên cứu và các hoạt động hỗ trợ xã hội. Quá trình thực hiện nhiệm vụ này được theo dõi, giám sát chặt chẽ, và vào cuối năm học, viên chức phải báo cáo kết quả thực hiện thông qua các bản báo cáo chi tiết. Các báo cáo này không chỉ phản ánh mức độ hoàn thành công việc, mà còn là căn cứ quan trọng để đánh giá, xếp loại, khen thưởng và quy hoạch nhân sự [H7.07.05.06].

Hàng năm, bộ môn Địa lý thống kê kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động phục vụ cộng đồng được Bộ môn Địa lý thực hiện đảm bảo tính khoa học và minh bạch. Cuối mỗi năm, nhà trường tổng hợp các số liệu này và đối chiếu với đăng ký hằng năm của giảng viên cùng đội ngũ phục vụ, nhằm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, điều chỉnh kế hoạch và nâng cao chất lượng hoạt động. Quá trình này giúp đảm bảo sự chính xác, khách quan và phù hợp với định hướng phát triển chung của nhà trường [H7.07.05.07].

Bộ môn Địa lý cùng bộ môn Ngữ văn và Lịch sử trong giai đoạn 2019 - 2023 luôn tích cực, hoàn thành tốt các công việc được giao. Sự động viên khen thưởng kịp thời của Trường thúc đẩy các cán bộ nhân viên Nhà trường luôn hăng say làm việc và cống hiến hết mình để thực hiện sứ mệnh của Nhà trường[H07.07.03.03]. Kết quả phân loại đội ngũ nhân viên của Khoa giai đoạn 2019 – 2023 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 7.5.1. Phân loại đánh giá đội ngũ nhân viên Khoa Khoa học Xã hội

Năm học	Tổng số nhân viên	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2020 - 2021	**34**	4	11,7	27	79	3	8.8	0	0
2021 - 2022	**30**	6	20	24	80	0	0	0	0
2022 - 2023	**28**	8	28,5	20	71	0	0	0	0

2023 - 2024	**28**	8	28,5	20	71	0	0	0	0

Trong giai đoạn 2019 - 2023 tỷ lệ nhân viên, người lao động của khoa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ luôn chiếm tỷ lệ cao (trên 90%). Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc.Trong giai đoạn 2019 - 2023, đội ngũ nhân viên của Khoa không có bất kỳ khiếu nại nào về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá phân loại viên chức bởi vì các quy định là rất rõ ràng và cụ thể, đánh giá đúng mức năng lực và hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng bản mô tả vị trí việc làm cho từng nhân viên, có thành lập bộ phận theo dõi, giám sát hiệu quả công việc của nhân viên, việc đánh giá phân loại nhân viên được thực hiện hàng năm theo quy định của nhà nước và bản mô tả vị trí việc làm cho từng nhân viên. Các nhân viên hài lòng với kết quả thi đua khen thưởng hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Các nhân viên chưa xây dựng được kế hoạch công tác cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng tiến độ, thời gian hoàn thành và các nguồn lực cho việc thực hiện các hoạt động.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng chỉ số KPIs cho nhân viên để thuận lợi, khách quan, công bằng trong đánh giá, phân loại nhân viên.	Phòng TCHC Khoa KHXH	Từ năm học 2027
2	Phát huy điểm mạnh	- Rà soát lại hoạt động của bộ phận theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động của nhân viên để đảm bảo tính khác quan, công bằng trong đánh giá nhân viên.	Phòng TCH Khoa KHXH	Từ năm học 2027

5. Tự đánh giá: 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT hệ Cử nhân sư phạm Địa lý nói riêng đã tương đối đảm bảo về chất lượng nhưng số lượng chưa đảm bảo. Bộ môn Địa lý cũng nhưng khoa Khoa học Xã hội cần có 1 nhân viên chuyên phụ trách về tài

liệu, hệ thống bản đồ và hỗ trợ thực hành. Đội ngũ nhân viên hiện tại của nhà trường về cơ bản được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Ngoài ra, việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Do đặc thù của khoa nên đội ngũ nhân viên của khoa khá ít so với các khoa khác trong trường.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,4
+ Số tiêu chí đạt: 5/5

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, Trường ĐHTB luôn xác định người học là "đối tượng trung tâm" của Nhà trường. Vì vậy, các hoạt động liên quan đến người học luôn được Trường ĐHTB, Khoa KHXH, Bộ môn Địa lý quan tâm, chú trọng và được triển khai tổ chức một cách có hệ thống, đảm bảo đúng quy trình, đúng tiêu chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Trong 5 năm học qua (từ 2019 đến 2023), Nhà trường và Ngành SPĐL có chính sách tuyển sinh cụ thể, rõ ràng và phương pháp xét tuyển công khai, được cập nhật trên trang https://utb.edu.vn. Để hỗ trợ người học, Bộ môn và Nhà trường đã tổ chức hệ thống giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện cũng như học tập của SV để các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Ngoài ra, nhằm mục đích giúp đỡ người học trong quá trình học tập, Nhà trường, Khoa và Bộ môn đã tạo môi trường cũng như điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ, giúp đỡ người học; tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa SV với các trường phổ thông, các nhà tuyển dụng, gửi SV đi thực tập sư phạm trực tiếp tại các trường phổ thông. SV của Bộ môn Địa lý được tham gia các hoạt động NCKH thông qua các hội nghị học tập, hội thảo khoa học, các nhóm nghiên cứu. Trong quá trình học tập và rèn luyện, người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao,…

Bên cạnh đó, Nhà trường và Bộ môn Địa lý còn tạo môi trường tâm lý xã hội thân thiện, thuận lợi giúp SV tham gia các hoạt động ngoại khóa, hướng dẫn SV đi thực tế chuyên môn, thăm quan, thực địa, viết báo cáo theo môn học và trau dồi kỹ năng sống. Không gian xung quanh giảng đường của Nhà trường xanh - sạch - đẹp, tiện ích, thân thiện, an toàn. Các hoạt động hỗ trợ người học đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng học tập, đào tạo toàn diện cho SV.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (đặc biệt là Thông tư Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy; Thông tư sửa đổi, bổ sung Quy chế 2017; Công văn Hướng dẫn công tác tuyển sinh 2021), Nhà trường đã xây dựng Chính sách và quy định tuyển sinh thể hiện rõ trong đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh. Các văn bản này được xác định rõ ràng, đúng quy định hiện hành, được cập nhật hàng năm, bao gồm: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh (trên cả nước), phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu

tuyển sinh dự kiến, tổ hợp môn xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện đăng ký xét tuyển cùng các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào CTĐT [H8.08.01.01].

Từ năm 2019 cũng như các CTĐT khác trong Trường, CTĐT SPĐL lấy ý kiến của các bên đăng ký các tổ hợp xét tuyển và thực hiện tuyển sinh hệ chính quy với các đối tượng là những người đã hoàn thành chương trình học phổ thông, có điểm thi tuyển 3 môn: Toán - Địa lý - Tiếng Anh (D10), Ngữ văn - Địa lý - Tiếng Anh (D15), Ngữ văn - Địa lý - Lịch sử (C00), Ngữ văn - Địa lý - GDCD (C20) tương đối cao. Đặc biệt, năm 2024, tổ hợp C00 có điểm trung bình đạt trên 9,0 điểm/môn. Hàng năm, Nhà trường đề nghị các Bộ môn nghiên cứu thông báo tuyển sinh, quy chế tuyển sinh của các năm trước và dựa trên thực tế tuyển sinh của những năm qua đề xuất phương án, tổ hợp xét tuyển, tiêu chí tuyển thẳng,... Bộ môn Địa lý lấy ý kiến từ các cán bộ chủ chốt gửi các quy định xét tuyển sinh lên phòng Đào tạo để Ban tuyển sinh xây dựng Đề án tuyển sinh [H8.08.01.03].

Chính sách và quy định tuyển sinh của Trường nêu rõ phạm vi tuyển sinh [H8.08.01.01]. Do vậy, Nhà trường và CTĐT đã công bố công khai các thông tin tuyển sinh thông qua các kênh và sử dụng nhiều hình thức khác nhau. Đó là thông qua website chính thức của trường (https://utb.edu.vn/tuyen-sinh) và trang mạng xã hội của trường có thông tin tuyển sinh (https://www.facebook.com/utb.edu.vn). Cùng với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường, Khoa KHXH cùng các khoa khác trong toàn trường đều cử đại diện của các bộ môn để tư vấn, thu hút người học cho CTĐT của bộ môn mình. Đặc biệt, Nhà trường, Bộ môn Địa lý đã tư vấn tuyển sinh trực tuyến nhằm giải đáp trực tiếp các thắc mắc về tuyển sinh cho phụ huynh và các em học sinh [H8.08.01.03].

Song song với việc quảng bá tuyển sinh trên kênh tư vấn tuyển sinh của trường, Khoa KHXH và Bộ môn Địa lý cũng có những trang thông tin quảng bá riêng trên trang mạng xã hội facebook (https://www.facebook.com/FSS.UTB) [H8.08.01.03], [H8.08.04.07]. Kênh quảng bá này thu hút được sự tham gia tích cực của các GV, cựu SV, SV trong Bộ môn thông qua việc quảng bá chỉ tiêu, tổ hợp tuyển sinh của ngành. Đặc biệt, để việc thông báo được cụ thể và rõ ràng hơn, từ năm 2019, Nhà trường đã có xây dựng riêng trang web về thông tin tuyển sinh (https://utb.edu.vn/tuyen-sinh.html) [H8.08.01.03], [H8.08.04.07]. Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh của Trường trong các năm cũng được công khai trên các trang thông tin tuyển sinh điện tử, báo điện tử khác để người quan tâm có thể tìm đọc như Vietnamnet, laodong,...

Bên cạnh đó, Nhà trường đã thiết kế các tờ rơi tuyển sinh có các thông tin tuyển sinh để gửi trực tiếp đến những người quan tâm trong các buổi Tư vấn tuyển sinh và Ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp của Nhà trường. Các buổi tư vấn này được tổ chức ở

các tỉnh thành, các huyện để phụ huynh và học sinh ở các địa phương xa được tiếp cận thông tin tuyển sinh [H8.08.01.03], [H8.08.04.01].

Năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học, Nhà trường đã sử dụng kết quả thi THPT quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy cho CTĐT. Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt theo đúng quy định. Chính sách này được công bố công khai, rõ ràng từ năm 2019 đến nay [H8.08.01.01], [H8.08.01.03].

Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh gồm các danh sách thí sinh trúng tuyển được Nhà trường công bố công khai, cập nhật trên cổng thông tuyển sinh và các trang mạng xã hội. Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh được thống kê chi tiết, đầy đủ thể hiện sự minh bạch, rõ ràng trong chính sách tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.02]. Số lượng người học lựa chọn học tại Bộ môn Địa lý ngày càng đông do dự báo nhân lực được cập nhật hàng năm. Tỷ lệ người học sau khi tốt nghiệp có việc làm từ 62% đến 100%. Trong đó, tỷ lệ làm đúng ngành đào tạo dao động qua các năm: năm 2019: 79%; năm 2020: 50%; năm 2021: 69%; năm 2022: 72%; năm 2023: 90% [H8.08.01.01].

Hàng năm, Nhà trường còn phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực thông qua các Báo cáo tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, Báo cáo tình hình hỗ trợ hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế,… Các công văn giao chỉ tiêu đào tạo của Bộ GD&ĐT và các quyết định công bố chỉ tiêu tuyển sinh đại học cũng được công khai, cập nhật hàng năm [H8.08.01.04]. Nhà trường còn thường xuyên xin ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh [H8.08.01.05].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường đối với Bộ môn Địa lý được thực hiện đảm bảo rõ ràng và được công bố công khai trong toàn xã hội, được cập nhật theo các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như xu thế nghề nghiệp và dựa trên kết quả tuyển sinh của các năm trước. Nhà trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên,...). Đặc biệt, chính sách tuyển sinh của Trường trong những năm gần đây thể hiện sự đa dạng hóa trong tổ hợp môn thi và mở rộng phạm vi xét tuyển để tăng số lượng và chất lượng đầu vào; thông tin tuyển sinh cung cấp chi tiết nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính và đội ngũ cán bộ có chất lượng cao của đơn vị, qua đó tạo sự thu hút đối với người học. Chính sách tuyển sinh còn phân tích chi tiết, dự báo nhu cầu nhân lực và được cập nhật hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Chính sách tuyển sinh chưa có sự góp ý nhiều và đầy đủ của các bên liên quan.

Bộ môn chưa chú trọng nhiều đến việc in tờ rơi phát tại các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp của Trường. Hình ảnh tuyển sinh trên trang fanpage của Khoa KHXH và Bộ môn Địa lý còn đơn giản.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
Tiếp tục xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng hơn, cập nhật hơn.	Phòng Đào tạo Bộ môn Địa lý	Liên tục
Khắc phục hạn chế		
1. Tăng cường thu thập góp ý của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh.	Phòng Đào tạo Bộ môn Địa lý	Hàng năm
2. Khoa KHXH giao cho Bộ môn Địa lý, Liên chi đoàn SV chọn các SV có kỹ năng công nghệ tốt tham gia hỗ trợ thiết kế poster và tư vấn tuyển sinh.	Phòng Đào tạo Khoa KHXH Bộ môn Địa lý	Thực hiện từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Bộ môn và Nhà trường xác định rõ ràng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT và theo Đề án tuyển sinh của Trường ĐHTB. Hàng năm, dựa trên Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và nhu cầu nhân lực từ các địa phương cũng như năng lực của Nhà trường, Bộ GD&ĐT giao chỉ tiêu cho trường ĐHTB. Các CTĐT cũng được điều chỉnh, cập nhật các tiêu chí và phương thức tuyển sinh: xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập tại trường THPT, xét tuyển căn cứ kết quả thi THPT quốc gia. Tiêu chí xét tuyển chính: xét điểm tổng từ cao xuống thấp đến đủ chỉ tiêu theo điểm của từng tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy SPĐL được xác định rõ ràng và được công bố công khai hàng năm trên website của Nhà trường [H8.08.01.03], [H8.08.04.07]. Cụ thể, từ năm 2019, trong Đề án tuyển sinh, Nhà trường công bố phương thức tuyển sinh, điểm trúng tuyển, chỉ tiêu trúng tuyển của hai năm gần nhất của các tổ hợp. Những năm gần đây, tiêu

chí về điểm được định hướng rất rõ ràng.

Bảng 8.2.1. Phương thức tuyển sinh của trường ĐHTB (2019 - 2024)

Năm	Phương thức tuyển sinh						Chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học (SV)
	Xét tuyển		Xét tuyển kết hợp với điểm thi môn năng khiếu *(áp dụng với ngành giáo dục Mầm non và giáo dục Thể chất)*		Tuyển thẳng (Mã phương thức xét tuyển: 301)	Xét tuyển đối với học sinh dự bị đại học của các Trường dự bị đại học	
	Căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (Mã phương thức xét tuyển: 100)	Căn cứ vào kết quả học tập cấp THPT (Mã phương thức xét tuyển: 200)	Căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp với điểm thi môn năng khiếu (Mã phương thức xét tuyển: 405)	Căn cứ vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp với điểm thi môn năng khiếu (Mã phương thức xét tuyển: 406)			
2019	+	+	+	+	-	-	1.122
2020	+	+	+	+	-	-	2100
2021	+	+	+	+	-	-	712
2022	+	+	+	+	+	+	1.200
2023	+	+	+	+	+	+	1.350
2024	+	+	+	+	+	+	1.410

(+ là phương thức tuyển sinh đã có; - là phương thức tuyển sinh chưa có)

Bắt đầu từ năm 2019, phương thức tuyển chọn người học được thực hiện theo hai phương thức là xét tuyển và xét tuyển kết hợp thi tuyển môn năng khiếu [H8.08.02.01].

Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên xét tuyển trình độ đại học dựa trên tổ hợp các môn học ở THPT: học sinh đã tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

Từ năm 2022, đề án tuyển sinh của Trường ĐHTB bổ sung thêm phương thức tuyển sinh Tuyển thẳng với Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định; Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển

thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải.

Cũng từ năm 2022 có thêm phương thức Xét tuyển đối với học sinh dự bị đại học của các Trường dự bị đại học trên toàn quốc thực hiện theo thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 và phải đủ các điều kiện như: Kết quả xếp loại rèn luyện: từ loại Đạt trở lên. Kết quả học tập: tổng điểm tổng kết của ba môn học từ 18,0 điểm trở lên, riêng đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên thì tổng điểm tổng kết của ba môn học trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 21,0 điểm trở lên (trong đó điểm tổng kết của môn Ngữ văn hoặc Toán đạt từ 8,0 trở lên và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển có điểm dưới 6,5). Chỉ tiêu: Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên không vượt quá 10% chỉ tiêu của ngành đăng ký xét tuyển.

Với phương thức xét tuyển, tiêu chí tuyển chọn người học của CTĐT được cập nhật theo từng năm. Các tổ hợp xét tuyển được công khai theo từng năm trong thông báo tuyển sinh và đề án tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.03], [H8.08.02.01].

Trong đề án tuyển sinh của Nhà trường còn nêu rõ những chính sách ưu tiên đối với SV trúng tuyển vào học như chế độ miễn, giảm học phí; học bổng khuyến khích học tập. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển và học phí dự kiến đối với SV khối ngành ngoài sư phạm được công bố rõ ràng, công khai. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển cũng được thông báo đầy đủ. Đề án tuyển sinh còn cung cấp thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng như: cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu (với 34,8ha; 3700 chỗ ở KTX; 55 PTH, thí nghiệm; 5 hội trường; 157 phòng học,…), danh sách GV hữu cơ, tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp,… Đề án tuyển sinh năm 2024 còn bổ sung thêm quy mô đào tạo chính quy của từng trình độ, lĩnh vực, ngành đào tạo của trường.

Các cơ sở dữ liệu thống kê kết quả tuyển sinh gồm Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh, Danh sách thí sinh trúng tuyển hàng năm thể hiện rõ kết quả của phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá [H8.08.02.02].

Căn cứ vào thông báo của Bộ GD&ĐT, Trường quyết định điểm sàn xét tuyển đại học vào các nhóm ngành. Căn cứ vào các tiêu chí tuyển chọn SV cho CTĐT, thí sinh đăng ký xét tuyển. Căn cứ vào chỉ tiêu, số lượng thí sinh đăng ký cũng như thí sinh đăng ký tuyển thẳng, Trường thông báo điểm chuẩn, điểm xét tuyển cho các ngành, trong đó có ngành CTĐT. Sau đó, Trường ra thông báo danh sách trúng tuyển, công nhận kết quả và nhập học cho SV vào ngành CTĐT [H8.08.02.02].

Bảng 8.2.2. Kết quả tuyển sinh ngành sư phạm Địa lý từ 2019 - 2024

Năm học	Chỉ tiêu	Số lượng SV nhập học	Điểm trúng tuyển
2019-2020	10	4	18,0
2020-2021	20	13	18,5
2021-2022	21	22	24,5
2022-2023	14	15	26,1
2023-2024	19	16	26,3

Điểm trúng tuyển ngày càng tăng, sĩ số lớp tăng và duy trì ổn định là kết quả của nhiều yếu tố trong đó phương pháp tuyển chọn người học có vai trò quan trọng. Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học được Trường, Bộ môn Địa lý rà soát, đánh giá hàng năm sau các kỳ tuyển sinh và chuẩn bị cho các kỳ tuyển sinh tiếp theo. Trước kỳ tuyển sinh, trong các cuộc họp giao ban ở Khoa, lãnh đạo các bộ môn, Hội đồng khoa học được bàn bạc, trao đổi và sau đó xin ý kiến để đề xuất với Nhà trường chỉ tiêu, phương pháp tuyển sinh phù hợp, kế hoạch tuyển sinh năm sau [H8.08.02.01]. Kết quả tuyển sinh ngày càng khởi sắc thể hiện thành công của sự điều chỉnh, thay đổi chỉ tiêu, các tổ hợp môn thi và phương thức tuyển sinh của Nhà trường.

Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thực hiện trong các đợt khảo sát nhà tuyển dụng, cơ quan, doanh nghiệp, chuyên gia hàng năm; được lồng ghép trong các lần khảo sát của Nhà trường và Bộ môn Địa lý như khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học và GV hàng năm [H8.08.02.03].

Để đánh giá công tác tuyển chọn người học, hàng năm, Nhà trường đều xây dựng chi tiết Báo cáo kết quả công tác tuyển sinh. Các báo cáo đã mô tả sinh động, đầy đủ kết quả tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.02.04].

2. *Điểm mạnh*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của CTĐT rõ ràng theo quy chế của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào Trường cũng như vào CTĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được cập nhật, mở rộng đặc biệt với đối tượng tuyển thẳng để có thể tuyển chọn người học có năng lực học tập tốt vào Trường, Khoa, Bộ môn. Các quá trình này được thực hiện chính xác, công khai, rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình rà soát, đánh giá chính sách tuyển sinh, sự tham gia của người sử dụng lao động, cựu SV chưa được chủ động nên lượng thông tin thu thập chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
1. Tiếp tục hoàn thiện phương thức tuyển chọn người học có chất lượng từ đầu vào đến đầu ra.	Phòng Đào tạo Bộ môn Địa lý	Hàng năm
2. Hoàn thiện đa kênh phương tiện tuyển sinh.	Phòng Đào tạo Bộ môn Địa lý	Hàng năm
Khắc phục hạn chế		
Tăng cường sự tham gia đánh giá của người sử dụng lao động và cựu người học đối với dự báo nhu cầu nhân lực để làm căn cứ hoàn thiện chỉ tiêu tuyển sinh.	Phòng Đào tạo Bộ môn Địa lý	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường phân công Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&QLNH cùng Đoàn thanh niên phối hợp với Bộ môn Địa lý giám sát sự tiến bộ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học tập [H8.08.03.01, H8.08.03.02]. Cụ thể: Phòng Đào tạo tham mưu, xây dựng các quy định, quy trình hoạt động của CVHT; Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho CVHT để hướng dẫn SV. Phòng CTCT&QLNH theo dõi, giám sát SV qua các hoạt động tập thể, lớp học đoàn viên ưu tú; Phối hợp với Khoa xét khen thưởng hàng năm cho SV giỏi và xuất sắc trong học tập và rèn luyện. Đoàn thanh niên giám sát, hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn, tạo môi trường đưa SV vào các hoạt động giúp SV rèn luyện và phát triển nhân cách, học tập. Bộ môn Địa lý trực tiếp theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát và đôn đốc đội ngũ CVHT thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao; Phối hợp với phòng Đào tạo nhận xét, đánh giá hoạt động của CVHT.

Các quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, quy chế đào tạo của Trường ĐHTB, quy định

tổ chức quản lý dạy học trực tuyến của Trường ĐHTB,… được cập nhật hàng năm và được phổ biến cụ thể tới đội ngũ GV, toàn thể SV [H8.08.03.01]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo và gửi về cho các đơn vị trong toàn trường, lấy ý kiến góp ý, sau đó ban hành cho cán bộ và toàn thể người học Kế hoạch đào tạo được dán công khai ở các khu vực giảng đường, rất thuận lợi cho GV, SV theo dõi và thực hiện.

Song hành với hoạt động học tập, rèn luyện là các hoạt động thi đua khen thưởng. Trường ban hành Quy chế khen thưởng để động viên, khuyến khích SV có kết quả học tập và rèn luyện tốt [H8.08.03.01]. Quy chế đánh giá điểm rèn luyện cũng được ban hành rõ ràng, khoa học (gồm: nguyên tắc đánh giá, nội dung đánh giá, thang điểm, phân loại để đánh giá, quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, sử dụng kết quả rèn luyện, quyền khiếu nại, chức năng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo và các Khoa,...). Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện được trình bày rõ ràng trong Quy định này và được thực hiện công khai, công bằng [H8.08.03.01].

Nhà trường cũng ban hành nhiều văn bản quy định về CTĐT được phê duyệt, trong đó quy định rõ khối lượng học tập của người học như: quyết định ban hành CĐR CTĐT đại học hệ chính quy; quyết định về việc ban hành CTĐT trình độ đại học, cao đẳng,… [H8.08.03.02].

Hệ thống quản lý theo học chế TC của Nhà trường cũng đảm bảo yêu cầu chặt chẽ, logic, tiện lợi trong quá trình theo dõi, giám sát người học. Nhà trường ban hành nhiều văn bản và đưa vào thực hiện rất hiệu quả trong thực tiễn như: quy định công tác CVHT trong đào tạo theo hệ thống TC; quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC,… Phòng CTCT&QLNH còn tạo bộ nhớ dùng chung để CVHT có thể theo dõi, cập nhật và báo cáo tình trạng SV ở diện cảnh báo học tập, thôi học, tạm dừng, xóa tên hay những SV được khen thưởng hoặc bị kỷ luật. CVHT sẽ quản lý SV trên cổng thông tin đào tạo, giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học để kịp thời có những biện pháp điều chỉnh hợp lí [H8.08.03.03].

Dữ liệu về kết quả học tập của người học hàng năm được thông báo công khai và cập nhật trên cổng thông tin đào tạo, qua các Báo cáo phân tích dữ liệu điểm đánh giá kết quả học tập của SV. Biên bản xét công nhận tốt nghiệp và các quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cũng được công bố công khai [H8.08.03.04], [H8.08.04.07].

Các Báo cáo tình hình dạy và học ngoại ngữ, Báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học được Nhà trường và Khoa KHXH phân tích chi tiết, cập nhật hàng năm, thể hiện sự sát sao trong công tác giám sát người học. Kết quả rèn luyện hàng kỳ và toàn khóa được Phòng CTCT&QLNH và các khoa đào tạo thực hiện bài bản, kịp thời, xuyên suốt. Bộ môn Địa lý còn thực hiện Báo cáo đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của cử nhân ngành sư phạm Địa lý giữa Trường ĐHTB với Trường Đại

học sư phạm Huế, Đại học sư phạm Thái Nguyên, Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh cũng như với các ngành tương đương trên thế giới. Thông qua đối sánh, bộ môn có những phân tích nhiều chiều để đưa ra những cập nhật thích hợp trong đào tạo SPĐL tại Trường ĐHTB [H8.08.03.05].

Dựa trên các quy định, quy chế được Nhà trường ban hành, Bộ môn đã chọn lựa, phân công đội ngũ CVHT nhiệt huyết, chuyên trách và hiểu rõ về CTĐT trình Nhà trường ra quyết định phân công CVHT cho các lớp. Danh sách cán bộ GV được phân công giám sát tiến bộ trong học tập của người học được thể hiện rõ trong các quyết định phân công CVHT và điều chỉnh CVHT hàng năm [H8.08.03.06]. Đội ngũ CVHT của Bộ môn Địa lý luôn giám sát, tư vấn đăng ký khối lượng học tập cho từng người học hợp lý, hỗ trợ người học trong các thủ tục hành chính. SV ở các lớp được CVHT tư vấn về học tập: số TC SV phải tích lũy đủ để tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp,... Khung chương trình của CTĐT cũng được thông báo công khai trên trang web:https://utb.edu.vn/dao-tao.html [H8.08.01.03].

Công tác giám sát, nhận xét sự tiến bộ học tập và rèn luyện của SV được chú trọng quan tâm, là nhiệm vụ có sự kết hợp giữa CVHT, Trợ lý khoa, Liên chi đoàn và BCN Khoa. CVHT thường xuyên bám sát, hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện. Kết thúc mỗi kỳ học Khoa triển khai cho Trợ lý khoa và Liên chi đoàn tiến hành đánh giá tình hình học tập và rèn luyện của SV. Cụ thể: Điểm rèn luyện của SV đều được đánh giá qua các mốc phân loại: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém. Quy trình được triển khai: SV tự đánh giá, CVHT chủ trì họp xét với lớp, phân tích chấm điểm cho từng cá nhân, kết quả được tổng hợp gửi lên Khoa. Sau đó, chuyển kết quả điểm rèn luyện của SV để thống kê. BCN Khoa tiến hành họp cấp Khoa gồm các bên tham gia (Đại diện BCN, CVHT, Bí thư liên chi, Trợ lý, Cán bộ các lớp).

Để khuyến khích SV học tập và nghiên cứu, hàng kỳ Nhà trường có các chính sách học bổng, trợ cấp xã hội và học tập khuyến khích học tập, khen thưởng động viên kịp thời [H8.08.03.01].

Điểm học tập, số lượng và tỷ lệ SV thôi học, buộc thôi học, SV bị cảnh báo kết quả học tập, SV đạt điểm học tập xuất sắc, giỏi, khá, trung bình, yếu và những lưu ý về SV được thống kê trong biên bản xét từng học kỳ của Khoa. Kết quả cảnh báo học tập được Khoa gửi lên Trường sau đó Hội đồng Trường gồm: Ban Giám hiệu, đại diện các khoa, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&QLNH tiếp tục họp xét đánh giá và ra quyết định cảnh báo học tập, xóa tên [H11.11.02.02]. Từ các kết quả trên, CVHT thông báo, nhắc nhở đến từng SV và đội ngũ cán bộ chi đoàn - lớp. CVHT hàng kỳ họp với lớp thông báo kết quả học tập, khối lượng học tập được thể hiện qua từng kỳ như sau: số TC tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy, điểm trung bình của từng kỳ, số TC tích lũy của kỳ của từng SV để điều

chỉnh, cải thiện tình hình học tập kì tiếp theo cho kịp tiến độ CTĐT. Khoa và Nhà trường có cơ sở dữ liệu theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp theo hàng năm rất rõ ràng [H8.08.03.04]. Các báo cáo kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện được lưu trữ tại các phòng ban chức năng như phòng Đào tạo, Phòng CTCT&QLNH và Văn phòng khoa, ngoài ra còn được lưu trực tiếp trong tài khoản cá nhân của mỗi SV trong hệ thống quản lý phần mềm [H8.08.03.03]. Kết quả học tập và rèn luyện của SV được thống kê hàng năm giúp CVHT và Bộ môn nắm bắt được để có kế hoạch hỗ trợ người học kịp thời, hiệu quả.

2. *Điểm mạnh*

Bộ môn có đội ngũ CVHT nhiệt tình, giỏi chuyên môn, am hiểu về đào tạo TC. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa CVHT, Trợ lý khoa, Liên chi đoàn và cán bộ lớp để nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của SV. Có quy trình, quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Có cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học. Bên cạnh đó, hiện nay Bộ môn Địa lý đã được hỗ trợ để có công cụ theo dõi người học trên trang https://daotao.utb.edu.vn và sử dụng phần mềm quản lý điểm học tập và rèn luyện [H8.08.04.07].

3. Điểm tồn tại

Sự phối hợp giữa các bộ phận giám sát sự tiến bộ của người học đôi khi chưa đồng bộ nên chưa hỗ trợ tốt nhất cho người học trong quá trình học tập.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
Tiếp tục phối hợp chặt chẽ giữa CVHT, trợ lý khoa, quản lý SV, liên chi đoàn, cán bộ lớp để hỗ trợ người học.	Phòng Đào tạo, Khoa, Bộ môn, trợ lý khoa, CVHT	Hàng kỳ
Khắc phục hạn chế		
1. Kịp thời báo cáo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình người học để cùng hỗ trợ nâng cao đào tạo người học.	Phòng Đào tạo, Khoa, Bộ môn, trợ lý khoa, CVHT	Hàng năm

2. Đồng bộ sự phối hợp giữa các bộ phận giám sát sự tiến bộ của người học.	Phòng Đào tạo, Khoa, Bộ môn, trợ lý khoa, CVHT	Hàng năm

5 Tự đánh giá: Đạt 6/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống TC của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHTB; Quy định tổ chức quản lý dạy học trực tuyến 2021; CĐR cho ngành [H8.08.03.01], Bộ môn Địa lý đã thực hiện các nhiệm vụ đào tạo theo hệ thống TC đối với SV ngành SPĐL, trong đó đã xác định các nhiệm vụ đào tạo, hỗ trợ đào tạo cho người học rất cụ thể. Bộ môn đã giao nhiệm vụ cho một số GV làm công tác CVHT trong khoa phối hợp với Liên chi đoàn - Hội SV cùng các đơn vị trong Trường [H8.08.03.06]. Các CVHT thực hiện các nhiệm vụ đã được giao trong quy chế đào tạo, hỗ trợ SV trong quá trình học tập. CVHT cũng thường xuyên báo cáo tình hình quản lý, hỗ trợ SV cho Khoa và Nhà trường theo định kỳ.

Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản thành lập, giao nhiệm vụ cho đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. Cụ thể như: Quy định quy tắc quản lý học sinh sinh viên ngoại trú chính quy; Quy trình tổ chức đánh giá SV; Kế hoạch tư vấn hướng nghiệp, quảng bá tuyển sinh; Kế hoạch đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường và người học; Quy chế tổ chức hoạt động của Trường; Quy chế hoạt động của Ban hỗ trợ người học; Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trung tâm thúc đẩy khởi sự, khởi nghiệp kinh doanh và thu hút đầu tư vùng dân tộc thiểu số; Quy định về tư vấn học tập, việc làm, hoạt động hỗ trợ người học,… Hàng năm, Nhà trường còn thành lập Ban chỉ đạo, báo cáo viên, tổ giúp việc tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - học sinh sinh viên"; tổ chức Đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV; kiện toàn Ban chỉ đạo triển khai ứng dụng CNTT trường ĐHTB [H8.08.04.01].

Khoa sẽ thay mặt Trường quản lý các hoạt động học tập và rèn luyện của SV trong suốt quá trình học tập. Phòng Đào tạo: tổ chức cho SV đăng ký học qua phần mềm Edusoft; phối hợp cùng với Phòng BĐCL&TTPC và các khoa để tổ chức thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của SV; hướng dẫn trợ lý đào tạo các khoa thực hiện quản lý kết quả học tập của SV theo quy trình đảm bảo tính chính xác và khoa học; lưu trữ, quản lý điểm của người học. Phòng CTCT&QLNH ngoài các nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng cho SV

thì còn: tổ chức tiếp nhận SV trúng tuyển, sắp xếp, bố trí người học vào các lớp và bố trí ban cán sự lớp tạm thời (đối với năm thứ nhất); thống kê, tổng hợp dữ liệu và quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến người học; tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - học sinh sinh viên" cho người học mỗi năm, vào đầu khóa học và cuối khóa học; tham gia xét tiến độ học tập của người học; đánh giá kết quả rèn luyện của người học và đề xuất các danh hiệu thi đua hoặc xử lý kỷ luật SV vi phạm quy chế đào tạo [H8.08.04.01].

Nhà trường quy định rõ về công tác tư vấn học tập, việc làm, hoạt động hỗ trợ người học thông qua: Quy định công tác CVHT; Chính sách hỗ trợ người học; Hướng dẫn hỗ trợ người học; Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho SV sư phạm; Hướng dẫn quy trình thực hiện chế độ hỗ trợ SV dân tộc thiểu số rất ít người; Quy chế công tác SV hệ chính quy,… Hàng năm, Trường còn ban hành kế hoạch "Tuần sinh hoạt công dân - học sinh sinh viên" và thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả giáo dục cao [H8.08.04.02]. Đặc biệt, chức năng, nhiệm vụ của CVHT được quy định như sau: Hướng dẫn và giúp đỡ SV tìm hiểu và thực hiện tốt các quy chế, quy định hiện hành liên quan đến SV; định kỳ nắm bắt tình hình diễn biến tư tưởng, nguyện vọng của SV, trực tiếp giải quyết hoặc kịp thời phản ánh với Khoa và Trường để giải quyết các vấn đề liên quan đến SV, chế độ chính sách, những vướng mắc trong học tập và cuộc sống [H8.08.04.02].

Việc quản lý hoạt động các Câu lạc bộ tại Trường ĐHTB được quy định rõ. SV được tham gia vào nhiều các câu lạc bộ, các nhóm nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi của Đoàn thanh niên, Hội SV các cấp tổ chức [H8.08.04.03].

Hiện tại, Nhà trường có 10 Câu lạc bộ, hội nhóm lớn - là những nơi ươm mầm phát triển các kỹ năng sống và học tập toàn diện cho người học. Bao gồm: Đội Cờ đỏ, Câu lạc bộ bóng chuyền, Câu lạc bộ bóng đá, Câu lạc bộ gia sư, Câu lạc bộ hỗ trợ Lưu học sinh Lào, Câu lạc bộ khiêu vũ, Câu lạc bộ nữ sinh, Câu lạc bộ nhảy hiện đại, Câu lạc bộ thanh niên sống đẹp, Câu lạc bộ yêu văn hóa Thái [H8.08.04.04].

Hàng năm, Đoàn thanh niên, Hội SV của trường, Khoa KHXH, Bộ môn Địa lý luôn có kế hoạch cụ thể, chi tiết về các hoạt động ngoại khóa thiết thực, đặc thù, phù hợp cho người học [H8.08.04.03], [H8.08.04.05].

Các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp, tổ chức phối hợp, liên kết với Nhà trường trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng ngày càng được mở rộng và đa dạng. Nội dung hợp tác là phối hợp và tổ chức cho SV thực hành, thực tập; tuyển dụng SV tốt nghiệp nếu đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp; tham gia ý kiến về CTĐT, về tổ chức thực hành thực tập [H8.08.04.06].

Bảng 8.4.1. Một số cơ sở, doanh nghiệp, tổ chức phối hợp, liên kết với trường ĐHTB trong hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng

STT	Tên cơ sở hợp tác với Nhà trường trong công tác đào tạo
1	Các trường THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non thuộc Sở GD&ĐT tỉnh Sơn La
2	Các trường THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non thuộc Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên
3	Các trường THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non thuộc Sở GD&ĐT tỉnh Hòa Bình
4	Công ty cổ phần Du lịch khách sạn Sơn La
5	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Lâm Huy
6	Công ty cổ phần Thương mại và Du lịch Ân Vân
7	Công ty Du lịch Quỳnh Nhai Travel
8	Công ty TNHH Thương mại và phát triển du lịch Phương Đông
9	Công ty cổ phần Du lịch Công đoàn Sơn La
10	Công ty cổ phần Du lịch Pha Luông
11	Công ty cổ phần Du lịch và Truyền thông Mộc Châu GO
12	Công ty TNHH Phát triển công nghệ Quốc Anh
13	Chi nhánh Viettel Sơn La
13	Chi nhánh Viettel Điện Biên
14	Chi nhánh Mobifone Sơn La
15	Chi nhánh VNPT Sơn La
16	Công ty Cổ phần Công nghệ Thành Nam Tây Bắc
17	Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ máy tính Phúc Thịnh
18	Công ty TNHH Thế giới số Đạt Gia
19	Bộ phận CNTT - Bệnh viện Đa khoa cuộc sống

20	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tân Thái Hà
21	Công ty TNHH Tin học Tuấn Hằng
22	Trung tâm CNTT và Truyền thông - Sở TT&TT Sơn La

Các Báo tổng kết thực tập sư phạm 1, thực tập sư phạm 2 thể hiện chi tiết, sinh động sự hợp tác trong đào tạo, hỗ trợ người học của Nhà trường và các sở sở ngoài trường. Các hoạt động thực địa, thực tế chuyên môn cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành kĩ năng cho SV ngành SPĐL. Đặc biệt, các cuộc thi Học sinh SV với ý tưởng khởi nghiệp đã thu hút sự quan tâm của đông đảo SV và đạt được nhiều kết quả tích cực [H8.08.04.06].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức khảo sát và tiếp nhận phản hồi của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm thông qua các kênh khảo sát online hoặc đối thoại trực tiếp [H8.08.04.07].

Tình trạng có việc làm của người học tốt nghiệp hàng năm được cập nhật chi tiết đầy đủ trong Đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.01] và các Báo cáo chuyên sâu về việc làm của SV tốt nghiệp, Báo cáo đối sánh, Báo cáo tình hình hỗ trợ hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế [H8.08.04.08].

Nhà trường đặc biệt quan tâm tới việc trang bị những kiến thức, thông tin cơ bản cho sinh vào đầu mỗi khóa học và đầu năm học. Người học được hiểu rõ nhiệm vụ quyền hạn của người học qua Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường. Tại tuần sinh hoạt công dân, tại các buổi giao lưu, đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường và SV, người học được nâng cao năng lực, kỹ năng và có hiểu biết sâu sắc hơn về quyền - nghĩa vụ của mình. Người học thường xuyên được lên tiếng, trao đổi những tâm tư, mong muốn của mình trong quá trình học tập tại Trường [H8.08.04.02], [H8.08.04.07], [H8.08.04.08].

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Bộ môn Địa lý hàng năm đều tổ chức cho SV các khóa thực hiện các đề tài NCKH dưới sự hướng dẫn của các GV trong Bộ môn. Các kết quả nghiên cứu được hội đồng chấm và công bố điểm, hỗ trợ điểm thưởng cho những SV đạt kết quả tốt. Danh sách SV tham gia NCKH hàng năm được thể hiện rất rõ trong [H11.11.04.04]. Những nghiên cứu có kết quả tốt được tham gia trình bày tại hội thảo SV NCKH và gửi đi dự thi các cấp [H8.08.04.05].

Trang facebook của Khoa KHXH https://www.facebook.com/FSS.UTB đã thường xuyên đăng các tin tuyển dụng để hỗ trợ cho SV năm cuối và những SV đã tốt nghiệp có thể tiếp cận được với các thông báo tuyển dụng từ các trường phổ thông ở các địa phương.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của Trường, Liên chi đoàn Khoa chỉ đạo và triển khai tổ chức các hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ giúp cải thiện việc học

tập của SV. Bộ môn Địa lý chủ động đề xuất BCN Khoa về các hoạt động và thực hiện rất hiệu quả [H8.08.04.05]. Hàng năm, các hoạt động chào tân SV nhập trường luôn được Liên chi đoàn Khoa - Hội SV của Bộ môn kết hợp với BCN Khoa tổ chức trang trọng, hướng dẫn SV mới làm quen với các hoạt động học tập và phong trào đoàn thể tại Trường ĐHTB [H8.08.04.05]. Trong 2 năm đại dịch Covid, 2020 - 2021, Khoa - Bộ môn vẫn duy trì tổ chức chào Tân SV bằng hình thức trực tuyến nhưng đảm bảo các nội dung như hàng năm làm trực tiếp.

Với đặc thù ngành sư phạm, hàng năm Trường và Bộ môn tổ chức cho SV đến trường phổ thông để thực tập [H8.08.04.06]. Hàng năm, Bộ môn cử từ 1 - 2 GV để hỗ trợ SV của Bộ môn Địa lý nói riêng và SV các bộ môn trong Trường nói chung thực hiện hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Đây là những hoạt động bổ trợ rất hữu ích đáp ứng nhu cầu công việc sau này của người học và các hoạt động này đều có kế hoạch cụ thể.

Để đánh giá chất lượng GV, Trường ĐHTB kết hợp với Bộ môn Địa lý từ năm 2017 đến nay đã thực hiện phiếu lấy ý kiến của người học đối với GV của Bộ môn [H8.08.04.08]. Các ý kiến phản hồi của SV đối với GV về một số nội dung như: Thực hiện nội quy lên lớp; Thái độ quan tâm đến SV; PPGD; Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp học; Các hoạt động kiểm tra đánh giá; Sự hài lòng của SV đối với việc giảng dạy; Năng lực đầu ra. Các kết quả đánh giá từ phiếu khảo sát sẽ giúp Bộ môn đánh giá tốt hơn hiệu quả của việc đào tạo, từ đó khẳng định thương hiệu, chất lượng đào tạo của Bộ môn, giúp SV sau khi tốt nghiệp dễ tìm kiếm việc làm hơn.

Sau khi SV tốt nghiệp, Trường và Bộ môn trong những năm gần đây đã khảo sát tình hình việc làm [H8.08.01.05]. Từ 2019 đến 2023 cho thấy tỷ lệ SV tốt nghiệp tìm kiếm được việc làm ở mức khá so với một số ngành khác. Do nhu cầu của thị trường lao động có nhiều biến động, số trường học khối tư nhân đang thiếu giáo viên, vì thế tỷ lệ SV tốt nghiệp tìm kiếm được việc làm đã cải thiện rõ rệt.

Năm 2023, Nhà trường đã đánh giá về hoạt động hỗ trợ học tập của Bộ môn đối với SV. Sự hỗ trợ đó thể hiện qua sự đáp ứng về các tài liệu học tập, hỗ trợ SV học tập và nghiên cứu cũng như các điều kiện cơ sở vật chất khác để đảm bảo quá trình học tập của SV được diễn ra thuận lợi.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Bộ môn đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Nhà trường, Bộ môn có đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện

việc học tập của người học. Nhà trường, Bộ môn còn có đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho người học. Hàng năm, Nhà trường, Bộ môn có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học. Đặc biệt, Bộ môn có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học (liên hệ thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động; tăng cường kỹ năng mềm,...). Bộ môn đạt 85% trở lên số người học, người học tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát được đầy đủ ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm.

Một số hoạt động tư vấn cho SV chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng, còn có những hoạt động chồng chéo giữa các đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
Tăng cường các hoạt động hợp tác, các hoạt động cộng đồng, trải nghiệm	Bộ môn, Đoàn thanh niên, Hội SV, CVHT	Hàng năm
Khắc phục hạn chế		
1. Có biện pháp để thu thập đầy đủ ý kiến của người học về các hoạt động ngoại khoá, dịch vụ hỗ trợ việc làm.	Phòng CTCT&QLNH, Khoa, Bộ môn, CVHT	Hàng năm
2. Nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn cho SV; kiểm tra, giám sát, sắp xếp để tránh sự chồng chéo hoạt động giữa các đơn vị.	Phòng CTCT&QLNH, Khoa, Bộ môn, CVHT	Hàng năm

Tự đánh giá: Đạt 6/7

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Với phương châm tạo mọi điều kiện tốt nhất để có môi trường cảnh quan, môi trường tâm lý, xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của

người học, Nhà trường đã có cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH tương đối đầy đủ được thể hiện rõ ràng trong Đề án tuyển sinh các năm [H8.08.01.01].

Trường và Bộ môn Địa lý có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường có đầy đủ cơ sở vật chất để phục vụ việc dạy và học ở trong trường như khu Hiệu bộ, khu giảng đường, khu KTX, khu thể dục thể thao, được thể hiện rõ ở sơ đồ của Trường [H8.08.05.01]. Nhà trường và Bộ môn luôn quán triệt tư tưởng, hành động để tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, tạo tâm lý thoải mái cho GV và SV trong Bộ môn. Bên cạnh đó, quyền và nghĩa vụ của SV cũng được quy định trong Sổ tay SV. Các dịch vụ hỗ trợ cho người học đều công khai, chi tiết trong Sổ tay SV giúp người học tại Bộ môn, tại Trường luôn yên tâm khi cần tìm sự hỗ trợ cho việc học tập và rèn luyện trong suốt quá trình học của mình.

Cảnh quan của Nhà trường sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn cơ sở giáo dục. Khuôn viên Trường được chia thành các khu chuyên biệt: Khu Hiệu bộ, khu giảng đường, khu KTX, sân vận động, các hội trường và trung tâm Thông tin - Thư viện. Các khu này được bố trí một cách khá khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Trung tâm Thông tin - Thư viện có tòa nhà tách biệt, hiện đại với nhiều đầu sách luôn được cập nhật [H8.08.05.05]. Các khu vực này đều được lắp đặt hệ thống Wifi kết nối Internet do đó tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học [H8.08.05.05].

Khu KTX không quá xa với khu giảng đường nên tạo thuận lợi trong việc di chuyển của SV. Ngay cạnh khu KTX có sân vận động phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tập thể và nâng cao sức khỏe SV. Các phòng ở KTX khép kín với đầy đủ giường, bàn ghế học tập, quạt mát, điện chiếu sáng, hòm đựng đồ. Tại các nhà mỗi tầng của các nhà KTX đều có một phòng phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của SV nội trú. Có một nhà ăn tập thể đảm bảo vệ sinh phục vụ SV. Nhà trường lắp camera giám sát an ninh, hệ thống mạng internet Wifi tại các phòng khách và SV. Khuôn viên của KTX đã được Nhà trường đầu tư xây dựng thảm cỏ, thảm hoa, cây bóng mát và được cắt tỉa thường xuyên. Hệ thống đường giao thông đi lại trong KTX, sang giảng đường và từ cổng Trường vào các khối nhà đều được trải nhựa, hai bên có hệ thống chiếu sáng bằng đèn cao áp. KTX thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao định kỳ được người học hưởng ứng. Trong khuôn viên làm việc tại nhà A, Văn phòng của Bộ môn Địa lý luôn tạo được cảnh quan làm việc trong lành, nhiều cây xanh, bố trí không gian hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu và đào tạo.

Trường ngày càng phát triển cả về quy mô và số lượng SV, nhu cầu khám chữa bệnh cho học sinh, SV cũng vì thế tăng lên. Nhà trường có Trạm Y tế, các điều kiện về đội ngũ

y bác sỹ và cơ sở vật chất đảm bảo khám, chữa bệnh ban đầu trước khi chuyển tuyến [H8.08.05.02]. Nhà trường còn tổ chức khám sức khỏe cho tất cả SV sau khi nhập học, trước khi tốt nghiệp và khám sức khỏe định kỳ cho SV [H8.08.05.02]. Thông tin về hoạt động của Trạm y tế, các kế hoạch khám bệnh khi nhập học, trong quá trình học và trước khi tốt nghiệp được công khai, rõ ràng. Trong giai đoạn đại dịch Covid 19, Trạm Y tế đã phát huy vai trò hỗ trợ y tế học đường, hỗ trợ điều trị, thăm khám ban đầu cho SV trước khi chuyển tuyến đến bệnh viện.

Quy tắc ứng xử trong nhà trường của công chức, viên chức và người lao động được thực hiện theo quyết định số 23/QĐ-ĐHTB ký ngày 09/01/2017 cho thấy Nhà trường đã quan tâm đến môi trường làm việc thân thiện, chia sẻ và hiểu biết [H8.08.05.03]. Trên bản quy tắc ứng xử, cán bộ nhà giáo người lao động trong toàn Trường có căn cứ để thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ đối với môi trường làm việc sư phạm chuẩn mực, tiên phong. Các nội quy, quy tắc ứng xử trong Nhà trường như: Nội quy Trường ĐHTB; Nội quy an toàn phòng tránh cháy nổ; Nội quy PTN, thực hành; Nội quy của TT-TTTV; Quy chế công tác SV hệ chính quy; Quy chế quản lý, vận hành Khu Nội trú; Quy tắc ứng xử trong Trường ĐHTB; Quy định về việc đón và tiếp khách,… được phổ biến rộng rãi qua nhiều kênh thông tin [H8.08.05.03]. Mỗi ngày thứ 2 và thứ 5 hàng tuần, các SV trong toàn trường thực hiện mặc đồng phục áo đoàn, áo dài, trang phục dân tộc. Tại các phòng học, Nhà trường treo biển nội quy đối với GV và SV, tạo nên trật tự, kỷ cương trong môi trường học đường.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao, như các giải bóng đá, bóng chuyền SV toàn Trường chào mừng Ngày nhà giáo Việt Nam. Các SV Địa lý tham gia đội tuyển của Khoa KHXH đều thi đấu tích cực, để lại ấn tượng tốt đẹp và cũng thường đạt các giải cao. Những hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ trên đã thu hút được đông đảo SV Khoa KHXH tham gia góp phần vào rèn luyện sức khỏe, tăng tinh thần đoàn kết cũng như tạo sân chơi bổ ích cho người học. Hàng năm, Khoa cũng thường xuyên tổ chức tổng kết và khen thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên; từ đó động viên, khuyến khích SV tham gia các hoạt động tập thể [H8.08.04.03], [H8.08.04.04].

Có thể nói, Liên chi đoàn Khoa KHXH luôn có nhiều ý tưởng sáng tạo tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi chào mừng các sự kiện lớn của Đoàn và Nhà trường. Các hoạt động này luôn nhận được sự hưởng ứng của SV, tạo môi trường thân thiện, giao lưu, cởi mở và đã hỗ trợ tích cực cho các hoạt động học tập, NCKH [H8.08.04.05].

Đối với SV nội trú, Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt nhất cho SV ăn ở, sinh hoạt, học tập tại KTX theo quy định của Quy chế công tác Học sinh, SV nội trú của Bộ GD&ĐT [H8.08.05.03], [H8.08.05.06].

Vấn đề Phòng cháy, chữa cháy luôn được Nhà trường chú ý. Trường đã thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy hàng năm. Hệ thống báo cháy, thiết bị chữa cháy được trang bị đầy đủ cho các khu giảng đường, phòng làm việc trong Nhà trường. Trường đã tổ chức diễn tập cho SV về công tác phòng cháy, chữa cháy. Công tác kiểm tra, đánh giá được cơ quan chức năng thực hiện thường xuyên [H8.08.05.03], H8.08.05.04]. Công tác này tạo môi trường an toàn cho người học trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện.

Hàng năm, Trường còn tổ chức đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường, Đoàn thanh niên với đại diện học sinh, SV. Bộ môn khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong cơ sở giáo dục. Những hoạt động tích cực này thể hiện rõ Nhà trường và Bộ môn rất tích cực, cầu thị trong việc nâng cao chất lượng đào tạo [H8.08.05.05].

Nhà trường luôn tạo trường tâm lý, xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái của người học thông qua các hoạt động thực địa, thực tế chuyên môn, các Cuộc thi học sinh SV với ý tưởng khởi nghiệp, các Tuần sinh hoạt công dân – học sinh SV, các đợt thực tập sư phạm [H8.08.05.07]. Đoàn trường ĐHTB, Hội SV trường ĐHTB thông qua các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ cho người học có một tinh thần thoải mái, thể chất tốt để tiếp tục rèn luyện, học tập [H8.08.04.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Bộ môn có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn trường. Nhà trường thường xuyên thực hiện khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong trường.

SV thuộc CTĐT SPĐL nói riêng và toàn trường nói chung được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện, thoải mái, đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT. Hầu hết SV luôn có ý thức giữ gìn cơ sở vật chất; tuân thủ các quy định về ứng xử trong cơ sở giáo dục; có ý thức bảo vệ môi trường, Phòng cháy chữa cháy; tuân thủ mọi quy định của Pháp luật.

3. *Điểm tồn tại*:

Trường chưa tổ chức diễn tập thường xuyên cho SV về công tác phòng cháy, chữa cháy.

Hệ thống biển báo, chỉ dẫn cho người học trong khuôn viên của Trường chưa thật thuận lợi cho SV mới nhập học và khách khi đến làm việc tại Trường do khuôn viên Nhà trường tương đối rộng.

4. Kế hoạch hành động

Hành động	Thực hiện	Thời gian
Phát huy điểm mạnh		
Tiếp tục duy trì, làm mới cảnh quan, môi trường làm việc an toàn, xanh - sạch - đẹp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo của Nhà trường.	Phòng Quản trị Cơ sở vật chất, Khoa KHXH	Hàng năm
Khắc phục hạn chế		
1. Tăng cường tập huấn cho SV về phòng cháy chữa cháy.	Phòng CTCT&QLNH Khoa KHXH	1 lần/năm
2. Bổ sung hệ thống biển báo, chỉ dẫn.	Phòng Quản trị Cơ sở vật chất	Từ năm học 2025 - 2026

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Người học và hoạt động hỗ trợ người học là vấn đề được Trường ĐHTB đặc biệt quan tâm.

Về chính sách tuyển sinh: Chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và được cập nhật hàng năm. Nhà trường công bố công khai trong toàn xã hội chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình xét tuyển, đánh giá đầu vào, đối tượng thi tuyển - xét tuyển; đối tượng ưu tiên,...). Chính sách tuyển sinh của trường có sự góp ý của các bên liên quan, phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và được cập nhật hằng năm. Chính sách tuyển sinh linh hoạt, được điều chỉnh phù hợp với những tình huống đặc biệt như trong bối cảnh Covid-19.

Về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của CTĐT rõ ràng và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những người học có đủ năng lực và trình độ đáp ứng được yêu cầu CTĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được cập nhật, mở rộng.

Về hệ thống giám sát: Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ được giám sát kỹ lưỡng, được thực hiện đồng bộ, rõ ràng, kịp thời và có hiệu quả cao. Có quy trình, quy định rõ ràng về việc giám sát. Có cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học. Người học được tiếp cận các thông tin về học tập, rèn luyện từ nhiều kênh khác nhau và theo hệ thống, dễ thực hiện và đã hoàn thành tốt CTĐT.

Về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác: Để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học, Nhà trường, Khoa, Bộ môn đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp. Công tác này đã giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Các hoạt động hợp tác với các đơn vị ngoài trường mở ra nhiều cơ hội cho SV bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan: Người học được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, tạo không khí thoải mái. Cảnh quan Trường ĐHTB sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, xanh - sạch - đẹp tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn trường.

Tuy nhiên, chưa có nhiều ý kiến của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh. Sự tham gia của các bên liên quan chưa được chủ động. SV chưa chủ động trong phối hợp công tác thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình. Sự hợp tác của SV khi lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm còn hạn chế. Một số hoạt động ngoại khóa, tư vấn cho SV còn chồng chéo, hiệu quả chưa cao. Việc trang bị một số kĩ năng an toàn cho SV như phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn, cần được thường xuyên tổ chức hơn.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 8

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 5,2
+ Số tiêu chí đạt: 5/5

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Cơ sở vật chất và trang thiết bị đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) tại các cơ sở giáo dục đại học. Trường ĐHTB, với nguồn lực hiện có, đã đầu tư xây dựng hệ thống giảng đường, phòng học khang trang, thoáng mát, được trang bị đầy đủ các phương tiện giảng dạy và học tập nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên (GV) và người học.

Bên cạnh đó, nhà trường và Khoa Khoa học Xã hội không ngừng nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH, bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, cùng với kho tài liệu và tư liệu khoa học chuyên ngành phong phú. Hệ thống thư viện được duy trì và phát triển, cung cấp nguồn tài liệu tham khảo đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu. Ngoài ra, nhà trường cũng chú trọng đến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn, đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt cho người khuyết tật, góp phần xây dựng môi trường giáo dục toàn diện và bền vững.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả tả hiện trạng

Hệ thống cơ sở vật chất là yếu tố then chốt đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) ở trường ĐHTB. Với định hướng phát triển bền vững và để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của giáo dục hiện nay, Nhà trường đã và đang đầu tư và xây dựng hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên cũng như nhu cầu hợp tác khoa học với các đối tác trong và ngoài nước. Trường ĐHTB có hệ thống cơ sở vật chất bao gồm:

Hệ thống giảng đường với các khu nhà A, B, C, D với tổng số hơn 100 phòng học. Các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng viết, hệ thống chiếu sáng. Nhiều phòng học lớn, phòng học chuyên dụng có thiết bị nghe nhìn hỗ trợ giảng dạy như máy chiếu, hệ thống âm thanh. Khu giảng đường khang trang, hiện đại với hàng trăm phòng học; 05 phòng học ngoại ngữ, 08 phòng học tin học với 400 máy tính, 28 phòng thực hành thực tập chuyên môn; 05 hội trường 200 chỗ ngồi, 01 hội trường 1.000 chỗ ngồi. Hệ thống nhà lưới, nhà vòm, nhà kính phục vụ thực hành, thí nghiệm diện tích trên 10.000 m^2 đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của các ngành thuộc khối Nông, Lâm, Sinh học. Thư viện có tổng diện tích 5.885 m^2 với 150 máy tính sử dụng phần mềm quản lý thư viện; số đầu sách, giáo trình và tài liệu tham khảo, tài liệu chuyên khảo phục vụ nghiên cứu; báo, tạp chí khoa học lên đến hàng trăm nghìn bản; sách, giáo trình điện tử 1.300 đầu sách. Ký túc xá đủ chỗ cho 3.500

sinh viên. Nhà ăn Sinh viên có tổng diện tích trên 26.000 m^2, phục vụ đồng thời cho 5.000 sinh viên. [H9.09.01.01]; [H9.09.01.05].

Riêng hệ thống giảng đường, Trường ĐH Tây Bắc đang sở hữu hệ thống giảng đường rộng lớn với nhà A với 52 phòng học, nhà B với 43 phòng học, nhà C với 27 phòng học, nhà D với 16 phòng học [H9.09.01.01]. Hệ thống giảng đường, phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng viết, đèn chiếu sáng. Các phòng học lớn và phòng học chuyên dụng còn có các thiết bị nghe nhìn chuyên dụng và hỗ trợ người học. Các phòng làm việc, giảng đường, phòng học, hội trường, phòng thực hành có nội quy làm việc, biển chỉ dẫn và biển tên rõ ràng. Nhà trường đảm bảo sinh viên học 2 ca, Nhà trường có 38 phòng thí nghiệm, thực hành, các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thí nghiệm được thiết kế bảo đảm thực hiện đầy đủ CTĐT [H9.09.01.01].

Các trang thiết bị trong phòng làm việc, phòng chức năng cũng như phòng học đều có nhân sự được phân công phụ trách theo dõi tình hình sử dụng hàng năm [H9.09.01.02]; [H9.09.04.05]. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường đã và đang được đầu tư bài bản và đã phát triển thành một hệ thống chuyên nghiệp, phục vụ tốt cho công tác đào tạo và NCKH. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường được kiểm kê hàng năm để đảm bảo kiểm soát tốt chất lượng của các trang thiết bị [H9.09.01.02].

Các trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ công tác thực hành rất được Nhà trường chú trọng đầu tư. Hệ thống các dụng cụ, thiết bị phục vụ thực hành và phục vụ NCKH và đào tạo của trường đã và đang được nâng cấp bổ sung hàng năm, cùng với đó là sự vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các trang thiết bị nhằm đảm bảo chúng luôn trong tình trạng tốt nhất. Cụ thể, bộ môn Địa lý hiện có: 02 Máy tính, 1 máy in màu, 02 máy chiếu. Các máy móc, đo lượng phục vụ các học phần Địa lý tự nhiên (Máy định vị, máy đo năng lượng mặt trời, thiết bị đo bức xạ phản chiếu Kipp, bộ vi khí hậu PCEFWS20, máy đo PH và độ ẩm của đất, thiết bị đo nhiệt độ cầm tay, thiết bị đo tốc độ gió KIMOLV117, thiết bị đo lưu lượng nước cầm tay [H9.09.01.02]. Chất lượng của các trang thiết bị của bộ môn Địa lý đều được theo dõi giám sát hàng năm thông qua hệ thống các sổ sách theo dõi tình trạng thiết bị để kịp thời thay mới, sửa chữa và bổ sung nếu cần thiết [H9.09.01.02]. Với hệ thống các trang thiết bị như trên, bộ môn Địa lý đã được hỗ trợ tốt để thực hiện các hoạt động đào tạo và hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đặc biệt là đối với các học phần liên quan tới Địa lý tự nhiên (thổ nhưỡng, khí quyển, thủy quyển), Bản đồ - Viễn thám và GIS (thực hành đo vẽ bản đồ ngoài thực địa).

Để đảm bảo việc liên tục bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH, hàng năm, các đơn vị trực thuộc Trường đều có những đề xuất để báo cáo lãnh đạo Trường về nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH [H9.09.01.03]. Căn cứ nhu cầu thực tế và nguồn kinh phí của năm tài chính, Ban

Giám hiệu Nhà trường sẽ tiến hành phân bổ kinh phí cho các đơn vị, trong đó có kinh phí duyệt cho kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản [H9.09.01.03].

Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch thay mới, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hoặc thay mới các trang thiết bị của các phòng học, giảng đường, phòng thực hành – thí nghiệm khi có hư hỏng xảy ra hoặc hết hạn bảo hành [H9.09.01.03]. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường đã và đang được đầu tư bài bản và đã phát triển thành một hệ thống chuyên nghiệp, phục vụ tốt cho công tác đào tạo và NCKH. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường được kiểm kê hàng năm để đảm bảo kiểm soát tốt chất lượng của các trang thiết bị [H9.09.01.03]. [H9.09.03.06].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHTB và bộ Địa lý có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của bộ môn Địa lý. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được duy trì, bảo trì thường xuyên, có bộ phận chuyên trách quản lý CSVC-TTB có chức năng giải quyết, phối hợp giải quyết và có những đề xuất thiết thực giúp cho việc vận hành hoạt động đào tạo và triển khai chương trình được thuận lợi và đạt hiệu quả cao.

3. Điểm tồn tại

Do trường được xây dựng đã 20 năm nên nhiều hạng mục công trình đã bắt đầu xuống cấp cần đầu tư sửa chữa nâng cấp. Trong những năm qua việc đầu tư trang thiết bị cho việc dạy và học với nguồn kinh phí hạn hẹp nên chưa đáp ứng được thực tiễn nhu cầu đổi mới trong giảng dạy và học tập, chẳng hạn như chưa có đường truyền internet đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy và học tập trực tuyến. Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu ở một số lĩnh vực còn hạn chế, chưa đồng bộ giữa các ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	- Sắp xếp bố trí nguồn vốn để chống xuống cấp và đầu tư đường truyền internet tại khu vực giảng đường để phục vụ công việc giảng dạy. - Triển khai thêm các phòng học thông minh và tăng cường ứng dụng công nghệ số vào trong giảng dạy	Phòng QTCSVC Bộ phận CNTT	Liên tục trong các năm tiếp theo với lộ trình 2025-2030

2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì bộ phận chuyên trách quản lý trang thiết bị, thường xuyên rà soát kiểm tra chất lượng	Phòng QTCSVC Bộ phận CNTT	Trong các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTB có TT TT-TV với đầy đủ phòng đọc, trang thiết bị, nguồn học liệu phù hợp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho SV hệ CNSP Địa lý. TT TT- TV thuộc Trường ĐHTB được thành lập năm 1960. Trung tâm TTTV được sử dụng một tòa nhà 3 tầng có diện tích sử dụng gần 5.885m^2 bao gồm: 03 phòng đọc, 01 phòng hội thảo, 02 phòng máy tính, 01 kho sách, [H9.09.02.01]. Trung tâm TTTV được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Hiện nay, đội ngũ cán bộ chuyên môn của TT TT-TV gồm 11 người với cơ cấu tổ chức gồm có ban giám đốc (02 người) và 02 tổ chuyên môn (tổ nghiệp vụ tin học, tổ phục vụ bạn đọc); Về trình độ, 100% cán bộ chuyên môn có trình độ cử nhân trở lên trong đó có 03 Ths chiếm 27,2%. Hàng năm, Trung tâm thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học do Nhà trường và các cơ quan thông tin thư viện tổ chức.

Trung tâm Thông tin – Thư viện có đầy đủ trang thiết bị, tài liệu bắt buộc được quy định trong đề cương chi tiết của các học phần như: sách giáo trình, tài liệu tham khảo và các học liệu khác phù hợp để phục vụ cho việc đào tạo, tự học, tự nghiên cứu của cán bộ giảng viên, sinh viên trong Khoa và Nhà trường [H9.09.02.02]. Hiện tại, trung tâm TTTV có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Tính đến tháng 8/2024, về tài liệu truyền thống, Trung tâm TTTV có khoảng 26.000 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 200.000 bản, 129 loại báo và tạp chí, 16.500 luận án và luận văn. [H9.09.02.02].

Thư viện, phòng đọc có nội quy, quy định, hướng dẫn, hệ thống theo dõi mượn sách, tài liệu và được trang bị các trang thiết bị như: bàn, ghế, hệ thống chiếu sáng, điều hòa, máy tính, phần mềm tra cứu đáp ứng được nhu cầu cơ bản về hoạt động đào tạo, nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên trong Trường [H9.09.02.04].

Những năm gần đây, TT TT-TV đã có nhiều cải tiến trong công tác tổ chức hoạt động, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thông tin tài liệu, học tập, giảng dạy, nghiên cứu

của đông đảo cán bộ, GV và SV toàn trường. Trung tâm có đầy đủ các các văn bản thông báo công khai thời gian phục vụ bạn đọc, nội quy, quy định cũng như các thông báo hướng dẫn tra cứu tài liệu và sử dụng thiết bị tại TT TT-TV hàng năm. Đặc biệt, trong nhiều năm qua, trung tâm TTTV mở cửa phục vụ hai buổi/ngày trong năm học. Số lượng học sinh, sinh viên đến thư viện học và mượn sách tăng hàng năm. [H9.09.02.04].

Hàng năm, TT TT-TV luôn có những thông báo công khai gửi đến các đơn vị trong toàn Trường về việc bổ sung tài liệu để cán bộ, SV, học sinh trong toàn Trường biết và tham khảo [H9.09.02.05]. Nhà trường cũng luôn dành một khoản kinh phí thường xuyên để đầu tư mua tài liệu bổ sung (sách, báo, tạp chí) cho Trung tâm theo đề nghị bổ sung tài liệu thực tế của các Khoa hàng năm [H9.09.02.05]. Điều này, giúp cho tư liệu của thư viện ngày càng trở lên phong phú, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, GV và người học.

Nguồn tài liệu của Trung tâm TTTV được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Ilib) [H9.09.02.04]. Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường [H9.09.02.04]. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Trung tâm TTTV đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu theo 3 cổng thông tin điện tử: *http://tvs.lib.Tây Bắcuni.edu.vn; http://thuvien.Tây Bắcuni.edu.vn; http://tailieu.Tây Bắcuni.edu.vn*. Bên cạnh đó, Trung tâm TTTV đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ Để phát huy hiệu quả hoạt động thông tin thư viện, hàng năm Trung tâm TTTV tổ chức các lớp bồi dưỡng "*Kĩ năng khai thác và sử dụng thư viện*" cho cán bộ và học sinh, sinh viên đầu khóa và chủ động biên soạn cẩm nang "*Hướng dẫn sử dụng thư viện*" gửi đến bạn đọc từng khoa và đưa lên website trung tâm để thông báo rộng rãi đến các đối tượng bạn đọc trong và ngoài trường [H9.09.02.04].

Hiện nay, toàn bộ sinh viên, học viên, cán bộ GV của bộ môn Địa lý tiếp cận các nguồn tài nguyên sách báo, giáo trình thông qua TT TT-TV của trường. Việc khảo sát ý kiến bạn đọc được tiến hành thường xuyên hàng năm giúp đánh giá được mức độ hài lòng cũng như nhu cầu thực sự của bạn đọc để từ đó cải tiến phương thức, thái độ phục vụ giúp hoạt động của TT TT-TV ngày càng hiệu quả hơn [H9.09.02.06]. Theo báo cáo khảo sát nhu cầu về các hoạt động thư viện năm học 2022-2023 của sinh viên, học sinh, GV, học viên Trường Tây Bắc (trong đó có ý kiến khảo sát của sinh viên, GV Bộ môn Địa lý), …% người dùng tin cho biết nguồn lực thông tin tại TT TT-TV thuộc Trường ĐH Tây Bắc với

kết quả như sau: Rất hài lòng chiếm 30,2%; hài lòng 65,3%, không hài lòng 4,5% [H9.09.02.06].

Như vậy, TT TT-TV thuộc Trường ĐH Tây Bắc có đủ nguồn lực thông tin, nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của SV ngành CNSP Địa lý. Tuy vậy, trong bối cảnh hiện nay việc hội nhập toàn cầu khiến tốc độ cập nhập học liệu của TT TT-TV Nhà trường đôi lúc còn chưa theo kịp, nhiều sách ngoại văn không có đủ để đáp ứng yêu cầu của người học vì liên quan đến vấn đề bản quyền. Vì thế, thư viện điện tử cần được đầu tư và đẩy mạnh hơn nữa để liên kết và chia sẻ dữ liệu với các thư viện uy tín của các nước trong khu vực và quốc tế.

2. Điểm mạnh

TT TT-TV đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng phần mềm Ilib trong các khâu xử lý tư liệu và quản lý bạn đọc. Nguồn tài liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV, SV và học sinh trong toàn trường. Một số điểm mạnh cụ thể:

- Có diện tích rộng, không gian thoáng đãng, đủ tiện ích, cơ sở vật chất phù hợp với môi trường học tập, nghiên cứu

- Có đa dạng các loại hình tài liệu và sản phẩm thông tin phù hợp với với nhiều đối tượng người sử dụng

- Các hoạt động của Thư viện được tổ chức quy củ: Đào tạo người dùng tin, Điều tra nhu cầu tin, hàng năm lấy ý kiến bổ sung tài liệu; có hướng dẫn, chỉ dẫn, sơ đồ, nội quy và các thông báo đầy đủ các thông tin tới bạn đọc trên nhiều kênh thông tin.

- Đã tạo lập các kênh truyền thông phù hợp với thị hiếu người sử dụng, thường xuyên giới thiệu tài liệu mới, tuyên truyền các ngày lễ lớn.

- Đã xây dựng được tiện ích tra cứu và đọc tài liệu số qua app trên điện thoại và máy tính thuận tiện cho người sử dụng tài liệu mọi lúc, mọi nơi.

- Việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ người dùng (kỹ năng tả cứu, cung cấp cẩm nang hướng dẫn sử dụng thư viện) giúp nâng cao hiệu quả khai thác tài liệu.

3. Điểm tồn tại

- Một số ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng. Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế.

- Số lượng Tài liệu số chưa nhiều, do còn cản trở các luật bản quyền

- Các tài liệu điện tử chưa được bổ sung đều đặn do hạn chế về nguồn kinh phí

- Các kết nối, chia sẻ tài liệu chưa có hệ thống đo kỹ thuật và yêu cầu của phần mềm chưa tương thích.

- Một số nguồn học liệu thuộc chuyên ngành Địa lý chưa được cung cấp do Trung tâm thông tin- Thư viện chưa hợp tác chuyên sâu với các Thư viện của các trường Đại học khác để chia sẻ nguồn học liệu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	- Nâng cấp phần mềm, phát triển thư viện điện tử - Xây dựng hệ thống liên kết dữ liệu số với các thư viện đại học lớn trong nước nhằm mở rộng nguồn học liệu tham khảo. - Áp dụng công nghệ AI trong đề xuất tài liệu phù hợp với từng đối tượng người dùng, giúp tối ưu hóa trải nghiệm tra cứu. - Xây dựng cơ chế khuyến khích giảng viên đóng góp bài giảng, tài liệu nghiên cứu và hệ thống thư viện số.	TT TT-TV Phòng KH-TC	Từ năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh	Số hóa thêm các dạng tài liệu như tạp chí, đề tài KHCN. Thư viện xây dựng cơ chế khuyến khích giảng viên đóng góp bài giảng điện tử, tài liệu nghiên cứu vào hệ thống thư viện số.	TT TT-TV trường ĐHTB	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTB đã ra quyết định thành lập Trung tâm thực hành thí nghiệm, ban hành quy chế hoạt động, quy chế phối hợp của Trung tâm với các đơn vị trong toàn trường, hệ thống các phòng thực hành, thí nghiệm đã được sơ đồ hóa [H9.09.03.01]. Nhà trường cũng đã có những quyết định liên quan đến việc quy hoạch phòng thực hành, thí nghiệm, quy định quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị; quản lý có hiệu quả cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.03.03].

Đối với các môn chuyên ngành dành cho SV từ năm thứ 2 đến năm thứ 4 ngành CNSP Địa lý, Nhà trường cũng đã đầu tư cho Bộ môn Địa lý có đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu cho CTĐT CNSP Địa lý tại bộ môn Địa lý. Cụ thể là: Bộ môn Địa lý hiện có: 02 Máy tính, 1 máy in màu, 02 máy chiếu. Các máy móc, đo lượng phục vụ các học phần Địa lý tự nhiên (Máy định vị, máy đo năng lượng mặt trời, thiết bị đo bức xạ phản chiếu Kipp, bộ vi khí hậu PCEFWS20, máy đo PH và độ ẩm của đất, thiết bị đo nhiệt độ cầm tay, thiết bị đo tốc độ gió KIMOLV117, thiết bị đo lưu lượng nước cầm tay [H9.09.01.02].

Các thiết bị máy tính, máy in, máy quét được đặt tại các phòng bộ môn phục vụ mục đích chuyên môn của GV. Các thiết bị phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên như máy móc đo lường thí nghiệm, máy thủy bình, la bàn được sử dụng đối với sinh viên năm thứ 2 và 3 trong các kì thực địa Địa lý tự nhiên và Đo vẽ bản đồ địa hình (mỗi năm 1 lần). Nhìn chung, các máy móc trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu dạy học và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo CNSP Địa lý. [H9.09.01.02].

Hằng năm, Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm đều có báo cáo tổng hợp về việc sử dụng các trang thiết bị (bao gồm tần suất, số giờ sử dụng và mục đích sử dụng) [H9.09.03.04] đồng thời Nhà trường và Trung tâm đều có kế hoạch định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị của các phòng thực hành dựa trên kinh phí được phê duyệt theo năm học [H9.09.03.06].

Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động xây dựng cơ bản hàng năm và công khai dự toán kinh phí đến cấp khoa cho từng năm [H9.09.03.06]. Các trang thiết bị của bộ môn Địa lý được mua sắm, bổ sung hàng năm để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu cho CTĐT CNSP Địa lý tại Khoa. [H9.09.03.08].

Mặc dù có đầy đủ hệ thống trang bị thiết bị đầy đủ và được cập nhật, nâng cấp thường xuyên, nhưng Nhà trường luôn coi trọng các ý kiến đánh giá của người học [H9.09.03.07] về mức độ hài lòng đối với hệ thống thiết bị thực hành và các trang thiết bị phục vụ đào tạo. Theo thang đánh giá 5 bậc từ hoàn toàn không đồng ý (mức 0) đến hoàn toàn đồng ý (mức 4), 35% người học chọn mức 3 (đồng ý về cơ bản) v; 45% mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) với đánh giá "Cơ sở vật chất/trang thiết bị của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học [H9.09.03.07]. Kết quả khảo sát lấy ý kiến về cơ sở vật chất,

hệ thống CNTT năm 2022 cho thấy SV tốt nghiệp đánh giá tích cực về nội dung này, mức độ hài lòng trung bình là trên 90% [H9.09.03.07].

2. Điểm mạnh

Trung tâm thực hành thí nghiệm của Trường ĐH Tây bắc đã được tổ chức vận hành theo các quy định cụ thể, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của sinh viên và giảng viên. Hệ thống trang thiết bị thực hành phục vụ chương trình CNSP Địa lý đã được đầu tư, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu thực địa. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch, ngân sách cho nâng cấp cơ sở hạ tầng và kinh phí đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, kinh phí sửa chữa thường xuyên. Do vậy, hệ thống các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành CNSP Địa lý hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo giáo viên Địa lý theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã được đầu tư trang thiết bị mới, song số lượng còn chưa đi kèm với nhu cầu đào tạo. Các phòng thực hành nghề nghiệp còn khá nhỏ, cơ sở vật chất đôi khi hỏng hóc chưa kịp thời sửa chữa để phục vụ sinh viên. Chưa có cơ chế hợp lý để xử lý chất thải từ các phòng thí nghiệm, tránh gây ô nhiễm môi trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	- Đề nghị có nguồn kinh phí đầu tư và bảo trì cho các thiết bị hiện đại như máy móc phục vụ thực hành bản đồ và GIS. - Trang bị thêm máy tính cấu hình cao để xử lý dữ liệu địa lý và mô phỏng các hiện tượng tự nhiên. - Thành lập nhóm chuyên trách về kỹ thuật để hỗ trợ sử dụng và bảo trì thiết bị định kỳ. - Nhà trường chủ động huy động nguồn kinh phí phù hợp để chi kịp thời cho hoạt động	Trung tâm thí nghiệm - Thực hành; Phòng Kế hoạch– tài chính, Trường ĐH Tây Bắc	Trong năm học 2024- 2025 và các năm tiếp theo

		bảo trì, duy tu sửa chữa các trang thiết bị hỏng hóc của phòng thực hành. - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào phân tichs dữ liệu thực địa, hỗ trợ sinh viên và giảng viên trong nghiên cứu Địa lý. - Ban hành qui chế thu gom và xử lý chất thải từ các phòng thí nghiệm.		
2	Phát huy điểm mạnh	- Nhà trường tiếp tục duy trì và tăng cường nguồn kinh phí sửa chữa thường xuyên và đột xuất cho các trang thiết bị thực hành thí nghiệm để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên.	Phòng KHCN, Phòng Kế hoạch– tài chính, Khoa Địa lý, Trường ĐHSPHN	Quý 4 hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTB có hệ thống công nghệ thông tin bao gồm: Hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm của Khoa và các đơn vị trực thuộc. Hệ thống công nghệ thông tin này đảm bảo được các yêu cầu cơ bản để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, sinh viên của Trường, cụ thể: Nhà trường có phần mềm Quản lý đào tạo EDUSOFT (Hợp đồng số 807/HĐKT-ĐHTB-AQ ngày 29/12/2009 trị giá 500 triệu đồng) với các phân hệ quản lý sinh viên, quản lý điểm; xếp thời khóa biểu, quản lý giảng đường; quản lý học bổng và miễn giảm học phí; thu học phí; quản lý công tác đào tạo, tính khối lượng giảng dạy; đăng ký học phần; quản lý cán bộ; quản lý tuyển sinh; thông tin phục vụ lãnh đạo; Ngoài ra, Nhà trường còn có một số phần mềm khác như phần mềm kế toán, phần mềm quản lý Thư viện... mạng Internet, trang thông tin điện tử của Trường, nhà trường chưa có Trung tâm công nghệ thông tin nhưng có bộ phận công nghệ thông tin có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng

dụng công nghệ thông tin của Trường ĐHTB. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng v.v. đều do bộ phận công nghệ thông tin đảm nhiệm [H9.09.04.05].

Trường ĐHTB được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hiện nay, Trường có 884 bộ máy vi tính và 48 máy chiếu [H9.09.04.01]. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong Trung tâm Thư viện để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Thư viện trường có hơn 117 máy tính được nối mạng Internet, đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học [H9.09.04.01]. Cán bộ, giảng viên toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng … @Tây Bắcuni.edu.vn. Hệ thống wifi được phủ sóng tại các khu Nhà Điều hành, các Khoa, Trung tâm.

Hằng năm hệ thống công nghệ thông tin của Trường đều được cập nhật, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Trường còn có kế hoạch mua sắm mới, hệ thống máy tính trang bị phần cứng, phần mềm, cải thiện hệ thống mạng [H9.09.04.02], [H9.09.04.04].

Trường ĐHTB có trang thông tin điện tử chính thức là: https://www.utb.edu.vn, Khoa Khoa học Xã hội có trang thông tin điện tử chính thức là: https://fss.utb.edu.vn. Ngoài ra còn có các trang web của các trung tâm, phòng, ban trong trường và trang web cổng thông tin đào tạo có địa chỉ: https://daotao.utb.edu.vn. Các trang thông tin điện tử này được triển khai trên hệ thống máy chủ đặt tại Trường và được quản lý bởi phòng Cơ sở vật chất và Bộ phận Công nghệ thông tin chuyên trách của Trường [H9.09.04.01]. Toàn bộ hệ thống CNTT của nhà trường hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ cho các hoạt động học tập và nghiên cứu của GV, NV và SV. Trường cung cấp cho GV, NV và SV Khoa Khoa học Xã hội email nội bộ dùng trong việc liên hệ các thông tin về công tác đào tạo, học tập và NCKH. Việc đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống công nghệ thông tin được Nhà trường cụ thể hóa qua các Quyết định: Quyết định Số 862/QĐ-ĐHTB ngày 18/09/2020 V/v ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin Trường ĐHTB và Quyết định Số 529/QĐ-ĐHTB ngày 07/07/2020 V/v ban hành Quy chế cung cấp, sử dụng và thu hồi địa chỉ thư điện tử [H9.09.04.01], [H9.09.04.01].

Nhà trường rất coi trọng công tác tin học hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lý. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý của CMC để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Công tác quản lý của Trường thực hiện thông qua hệ thống iOffice, CMC [H9.09.04.01]. Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ

chức thường xuyên [H9.09.04.05]. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập và internet bị chậm, thông tin không được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu của quản lý mới cũng gây nên một số khó khăn cho giảng viên và sinh viên trong quá trình sử dụng.

Trường cũng đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của GV, NV và SV về mức độ đáp ứng nhu cầu cầu phù hợp của hệ thống CNTT trong hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, là tiền đề để Trường từng bước có những cải tiến và cập nhật hệ thống CNTT [H9.09.04.03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, KH-TC, quản lý nhân sự, học sinh, SV, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Đặc biệt, trong đại dịch covid-19, Nhà trường đã có những bước cải cách lớn, nhằm thích ứng với tình hình mới, để đạt được mục đích giáo dục và đào tạo một cách hiệu quả nhất. Cụ thể, Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi học trực tiếp sang học online để thích ứng với điều kiện dịch bệnh và cách giãn xã hội. Toàn thể cán bộ, GV đã sử dụng thành thạo các phần mềm phục vụ dạy học, quản lý giờ dạy và phục vụ học tập cho sinh viên. Hệ thống công nghệ thông tin qua các năm được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo chương trình ngành sư phạm Địa lý.

3. Điểm tồn tại

Các phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Trang LMS hỗ trợ hoạt động dạy học còn ít chức năng, chưa tải được các học liệu dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm. Chưa có hệ thống wifi miễn phí trong hệ thống toàn trường.

Do số lượng người dùng lớn, khuôn viên trường rộng và chưa có nguồn lực đầu tư nên hiện tại tại mạng Internet trong Trường chưa bao phủ hết được toàn bộ, một số phòng học còn chưa có đủ hệ thống mạng Internet.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng mà cụ thể là nâng cấp đường truyền internet, dùng 1 mật khẩu duy nhất. Từ năm học 2024- 2025 Nhà trường cần thường xuyên nâng cấp hệ thống CNTT,	TT CNTT, Phòng KHCN, Phòng KH-	Năm học 2024- 2025 và trong các năm học tiếp theo

		nang cao hơn nữa tốc độ đường truyền giúp cho việc tìm kiếm thông tin và phục vụ hoạt động giảng dạy hiệu quả hớn	TC, Trường ĐHTB	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục nâng cấp thiết bị dạy học, tin học để luôn dẫn đầu trong các trường đại học ở Việt Nam về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong trường học. - Tăng cường tập huấn cho cán bộ, GV và người học sử dụng các thiết bị CNTT hiện đại.	Trường ĐHTB	Trong các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTB đã ban hành các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn theo các quy định hiện hành nhằm đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe và môi trường trong quá trình đào tạo, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học, cụ thể như sau:

- Nhà trường luôn tiếp nhận và triển khai hiệu quả các văn bản chính sách của nhà nước, các bộ ngành nhằm bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại các giảng đường, PTN, phòng nghiên cứu, các khu làm việc cũng như tại KTX [H9.09.05.01]. Trên cơ sở tiếp thu tinh thần chỉ đạo của các cấp, Nhà trường đã ban hành các nội quy, quy định về an toàn sức khỏe và môi trường làm việc cho cán bộ, GV, người học và các bên liên quan. Bên cạnh các quy định chung, Nhà trường cũng ban hành quy định các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn vệ sinh lao động. Bộ môn Địa lý luôn thực hiện tốt các quy định về an toàn, vệ sinh lao động [H9.09.05.01].

- Về đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong khuôn viên của Trường: Trường đã ban hành Nội quy Trường ĐHTB, Nội quy ký túc xá. Nhà trường cũng có Tổ bảo vệ an ninh trật tự được thành lập [H9.09.05.01]. Hằng năm Tổ bảo vệ, anh ninh trật tự đều có kế hoạch và báo cáo về công tác an ninh trật tự trong Trường. Trường có hệ thống tường rào bao quanh, có camera giám sát một số khu vực và điện chiếu sáng đảm bảo được an ninh trong khuôn viên [H9.09.05.01].

- An toàn trong công tác phòng cháy, chữa cháy (PCCC): Nhà trường đã thành lập đội PCCC và cứu nạn, cứu hộ [H9.09.05.03] và hằng năm đều có phương án, kế hoạch về tập huấn PCCC, cứu nạn cứu hộ [H9.09.05.03]. Hoạt động PCCC của Trường thường xuyên được kiểm tra, giám sát và có báo cáo, biên bản kiểm tra an toàn PCCC của cảnh sát PCCC hằng năm [H9.09.05.01], [H9.09.05.03].

Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài

Về môi trường, Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học. Bên cạnh đó, Nhà trường ký hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn trường. Các ngày "*Chủ nhật xanh*" thường được phát động để cho môi Trường ĐHTB thực sự "xanh, sạch, đẹp". Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường [H9.09.05.03].

Các phòng học của Khoa tại khu giảng đường nhà A, và khu phòng làm việc của Khoa luôn được giữ gìn sạch sẽ, thoáng mát với đầy đủ ánh sáng và được bố trí một cách khoa học, điều này đã tạo điều kiện thuận lợi và an toàn cho người học trong thời gian học tập tại Khoa cũng như khách đến làm việc.

Đảm bảo môi trường sức khỏe học đường là yếu tố quan trọng, Trường có một Trạm y tế ở nhà KTX 2 với chức năng chẩn đoán và xử lý kịp thời những trường hợp cơ bản, để chuyển đi các tuyến trên kịp thời nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho cán bộ GV và người học. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe đầu năm cũng như đăng ký bảo hiểm y tế và tai nạn cho SV. Công tác vệ sinh, thu gom rác thải tại khu vực làm việc cũng như khu KTX luôn được quan tâm, đảm bảo đúng các tiêu chuẩn. Định kỳ hàng năm tổ chức các đợt phun thuốc phòng chống dịch bệnh và được giám sát bởi những cán bộ có chuyên môn. Nhà ăn, căng tin của Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thực phẩm, chế độ dinh dưỡng phục vụ thường xuyên cho CB, GV và người học.

- Bên cạnh đó, nhà trường quan tâm đến những đối tượng đặc biệt người khuyết tật như thiết kế cơ sở vật chất nhà trường về việc miễn, giảm học phí cho SV hệ chính quy tại Trường. Qua đó, SV là người khuyết tật sẽ được xem xét hỗ trợ tùy theo mức độ như: miễn, giảm học phí; miễn gt có khu vực dành riêng cho người khuyết tật (lối đi riêng, khu vực vệ sinh…). Nhằm tạo môi trường, điều kiện học tập tốt hơn đối với NH là người khuyết tật, P. CTSV đã ban hành phiếu tiếp nhận phản hồi riêng với nội dung đến các nhu cầu của người khuyết tật trong học tập và đã có những đề xuất kịp thời để hỗ trợ NH. Thực hiện theo quy định của một số HP mà SV không đủ năng lực để tham gia học tập [H9.09.05.04].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lý KTX, Ban quản lý giảng đường, cán bộ Trạm y tế được phân công nhiệm vụ cụ thể, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe người dạy và người học được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

3. Điểm tồn tại

Chưa có quy định cụ thể về thu gom và xử lý hóa chất độc hại sau khi thí nghiệm và thực hành. Những tiện ích đặc thù cho người khuyết tật đã được chú ý nhưng còn ít, việc hỗ trợ cho SV khuyết tật mới chỉ dừng lại ở sự bố trí các phòng học ở tầng 1, bước đầu có hệ thống đường dành riêng cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	- Đầu tư kinh phí để đầu tư thiết bị phân loại chất thải đảm bảo môi trường. - Nhà trường quan tâm hơn tới điều kiện cơ sở vật chất dành cho người khuyết tật, trang bị thêm đèn chiếu sáng ở các khu vực thiếu sáng, có kế hoạch thay thế, sửa chữa các trang thiết bị đảm bảo an ninh, an toàn PCCC khi cần thiết. - Lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật trong các hoạt động của Nhà trường	Phòng quản trị, Phòng KH-TC	Trong các năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi trường, cải tạo cảnh quan giảng dạy và đào tạo	Phòng quản trị, Phòng KH-TC	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường ĐH Tây Bắc và Bộ môn Địa lý có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của bộ môn Địa lý. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thường xuyên được

theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp. Trung tâm thư viện với nguồn tài liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV, SV và học sinh trong toàn trường. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch, ngân sách cho nâng cấp cơ sở hạ tầng các PTN, PTH và kinh phí đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, kinh phí sửa chữa thường xuyên cho các PTN, PTH. Do vậy, hệ thống PTN, PTH và các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành CNSP Địa lý hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo giáo viên Địa lý theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, KH-TC, quản lý nhân sự, học sinh, SV, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Toàn thể cán bộ, GV và người học có thể được truy cập internet tại các giảng đường, PTN, PTH và trong khu nội trú. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lý KTX, Ban quản lý giảng đường, cán bộ Trạm chương trình đào tạo được phân công nhiệm vụ cụ thể, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe người dạy và người học được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

Điểm tồn tại cơ bản: Một số điểm hạn chế của cơ sở vật chất và trang thiết bị là ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng. Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế.

Kinh phí đầu tư các trang thiết bị mới còn chưa đi kèm kinh phí bảo trì cho các trang thiết bị này dẫn đến kinh phí sửa chữa thường xuyên tăng cao khi các thiết bị này sử dụng quá 5 năm. Do kinh phí đầu tư của Trường hạn hẹp nên chưa có hệ thống máy tính chuyên dụng có cấu hình cao và đồng bộ để phục vụ giảng dạy và đặc biệt là NCKH. Trường chưa có chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9:

+ Điểm trung bình đạt: 4,6

+ Số tiêu chỉ đạt: 5/5

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Trường ĐHTB là một cơ sở tạo đội ngũ tri thức cho vùng Tây Bắc. Trong những năm qua nhà trường đã rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo ngay từ khi bắt đầu mở mã ngành đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng, chuyên gia) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc thường xuyên rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT để đảm bảo chất lượng quá trình dạy - học phù hợp với chuẩn đầu ra. Khoa và Bộ môn cũng đẩy mạnh việc áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học, đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như phòng thực hành, thư viện, trung tâm CNTT, vv. cũng như tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Thông tin phản hồi của các bên liên quan đóng một vai trò quan trọng trong việc thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng CĐR CTĐT và nhu cầu xã hội. Do đó hoạt động thu thập, phân tích thông tin phản hồi là một phần nội dung quan trọng của công tác nâng cao CLĐT. Việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thực hiện theo các thông tư hướng dẫn của BGDĐT (Số 07/2015/TT BGDĐT ngày 16/04/2015) và Trường ĐHTB**.** Để đáp ứng được tiêu chí này nhà trường và Khoa đã xây dựng một hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NCV, nhân viên, NH, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp…) để làm cơ sở tham mưu cho nhà trường và Khoa trong công tác đảm bảo chất lượng. Nhà trường giao cho phòng BĐCL & TTPC là đầu mối chịu trách nhiệm chính đối với việc tổ chức thực hiện hoạt động này. Nhà trường có Quy định và kế hoạch về bảo đảm chất lượng nội bộ, xây dựng chiến lược tầm nhìn đến năm 2030. Nhà trường đã ban hành các quy định khảo sát (QĐ1406/ ĐHTB ngày 19/12/2019; QĐ1407/ĐHTB ngày 19/12/2019; QĐ1408/ĐHTB ngày 19/12/2019) và các kế hoạch hướng dẫn quy trình, công cụ, phương pháp thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.01.01].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Nhà trường và Khoa thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế, phát triển CTDH. Định kỳ hàng năm, BĐCL&TTPC tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV cuối mỗi học kỳ về công tác giảng dạy các học phần nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng dạy và học; lấy ý kiến của SV khi tốt nghiệp và sau tốt nghiệp về ngành, khóa đào tạo và CTĐT; lấy ý kiến của GV về CTĐT và mức độ hài lòng

của các cơ quan sử dụng lao động... để làm căn cứ đánh giá lại quá trình đào tạo, cải tiến điều chỉnh CTDH sao cho phù hợp nhằm giúp người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết trước khi tốt nghiệp. [H10.10.01.02].

Khoa và Bộ môn Địa lý cũng tổ chức hội nghị chuyên môn với sự tham gia của GV Địa lý, nhà khoa học của Khoa và của Trường để trao đổi, thảo luận, xin ý kiến góp ý về việc thiết kế và phát triển CTDH. Sau khi hoàn thiện bản thảo CTDH đầu tiên, Khoa tiếp tục tổ chức họp xin ý kiến của GV, nhà khoa học của Khoa, của Trường để đi đến bản thảo CTDH cuối cùng, thẩm định và ban hành CTDH. Nhà trường cũng đã thống kê kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan làm cơ sở để chỉnh sửa bổ sung CTĐT. Thông qua các báo cáo, biên bản và kết luận thu được từ thảo luận, trao đổi nhóm, đối thoại, điều tra theo dấu vết,… để tiến hành việc điều chỉnh CTĐT cho phù hợp [H10.10.01.03].

Các nội dung phản hồi về CTDH của các bên liên quan được nhà trường thống kê thông qua quá trình khảo sát. Nhà trường đưa ra các quy định Tổ chức HĐ khảo sát ý kiến phản hồi của người học và giảng viên về CTĐT (Số 1407/QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2019) và các kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT (Số 549/KH-ĐHTB, ngày 29/6/2020; Số 429/KH-ĐHTB, ngày 11/5/2021; Số 490/KH-ĐHTB, ngày 10/5/2022; Số 439/KH-ĐHTB, ngày 10/5/2023; Số 557/KH-ĐHTB, ngày 14/5/2024). Trên cơ sở đó Khoa và Bộ môn Địa lý xây dựng phiếu khảo sát và thống kê kết quả khảo sát cho các bên liên quan về CTĐT [H10.10.01.04].

Trên cơ sở kết quả của điều tra khảo sát, nhà trường đã ban hành các văn bản, tài liệu về điều chỉnh, thẩm định kèm theo các phiên bản cũ và mới của CTĐT, CTDH trong chu kỳ đánh giá (Số 91/QĐ-ĐHTB, ngày 7/2/2018; Số 133/QĐ-ĐHTB, ngày 8/3/2018; Số 596/QĐ-ĐHTB, ngày 27/7/2018). Ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học phù hợp cho các ngành (Số 596/QĐ-ĐHTB, ngày 27/7/2018; Số 376/QĐ-ĐHTB, ngày 19/5/2022; CV số 288/CV-ĐHTB ngày 31/3/2022). Đánh giá lại quá trình đào tạo, cải tiến điều chỉnh CTDH sao cho phù hợp nhằm giúp người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết trước khi tốt nghiệp. Việc rà soát và điều chỉnh CĐR, CTĐT và CTDH trong CTĐT của Khoa được thực hiện theo quy trình chặt chẽ theo các kế hoạch và các buổi tập huấn (Số 304/KH-ĐHTB ngày 17/04/2020; Số 558/KH-ĐHTB ngày 02/07/2020; Số 307/KH-ĐHTB, ngày 2/4/2021). Thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, sửa đổi, cập nhật và thẩm định chương trình đào tạo (Số 237/QĐ-ĐHTB, ngày 7/4/2021; Số 376/QĐ-ĐHTB ngày 23/03/2023; Kèm theo QĐ Số 376/QĐ-ĐHTB ngày 23/03/2023). Các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử dụng làm căn cứ để Khoa rà soát, điều chỉnh và phát triển CTDH trong CTĐT theo qui định 2 năm một lần. Năm 2022, Khoa thực hiện việc rà soát và điều chỉnh đề cương các học phần (GV giảng dạy, giáo trình và tài liệu học tập, mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần,

ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung giảng dạy, ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung kiểm tra, đánh giá) [H10.10.01.05].

Khoa và Bộ môn Địa lý cũng tổ chức hội nghị chuyên môn với sự tham gia của GV Địa lý, nhà khoa học của Khoa và của Trường để trao đổi, thảo luận, xin ý kiến góp ý về việc thiết kế và phát triển CTDH. Sau khi hoàn thiện bản thảo CTDH đầu tiên, Khoa tiếp tục tổ chức họp xin ý kiến của GV, nhà khoa học của Khoa, của Trường để đi đến bản thảo CTDH cuối cùng, thẩm định và ban hành CTDH. Nhà trường cũng đã đưa ra các báo cáo kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan làm cơ sở để chỉnh sửa bổ sung CTĐT [H10.10.01.02; H10.10.01.04; H10.10.01.06].

2. Điểm mạnh

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan được tiến hành theo đúng đối tượng, hình thức đa dạng, phương pháp lấy ý kiến khoa học, tin cậy; sự phối hợp để cung cấp thông tin của các bên liên quan khá tích cực, hiệu quả cho việc thiết kế CTĐT.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử dụng hiệu quả để cải tiến CTĐT và nâng cao chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tổ chức được các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của CTDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của CTDH.	Phòng BĐCL& TTPC, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV. - Rà soát, chỉnh sửa CTDH hằng năm và định kỳ.	Phòng ĐCL& TTPC, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.

5. *Tự đánh giá: Đạt 5/7*

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Địa lý được thiết kế và phát triển theo một quy trình chặt chẽ, từ khâu thiết kế và phát triển đến khâu rà soát, đánh giá và cải tiến, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và nhiệm vụ của Nhà trường cũng như yêu cầu của Bộ GD&ĐT (theo thông tư 08 của Bộ GDĐT ngày 17/2/2011). Nhà trường, Khoa và Bộ môn thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTDH theo quy định của BGDĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CĐR cần đạt được của người học. Mặc dù các quy định về quy trình có sự thay đổi theo từng giai đoạn, tuy nhiên về cơ bản quy trình thiết kế và phát triển chương trình được áp dụng để phát triển CTĐT ngành GDCT bao gồm các bước cơ bản như mô tả (CV298/ĐHTB ngày 31/3/2022; Số 235 QĐ-ĐHTB ngày 15/3/2022). Thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, Căn cứ vào mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo, quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và khung chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo (QĐ08/ĐHTB ngày 06/01/2021). Từ những căn cứ trên nhà trường và Khoa đã xây dựng CTĐT chi tiết Cử nhân ngành Sư phạm Địa lý được rà soát, bổ sung sửa đổi theo định kỳ [H10.10.02.01].

Trong quá trình thực hiện xây dựng CTĐT, Nhà trường đưa ra quy định (Số 1407 QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2019) và kế hoạch khảo sát ý kiến SV về chất lượng hoạt động dạy học, ý kiến của GV về chất lượng CTĐT làm cơ sở để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội (KH307/ĐHTB ngày 02/4/2021; KH235/ĐHTB ngày 15/3/2022; KH1763/ĐHTB ngày 04/12/2023). Nhà trường giao cho phòng BĐCL&TTPC xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi (Số 549 KH-ĐHTB, ngày 29/6/2020; Số 429; Số 490; Số 439; Số 557), lập phiếu khảo sát, thu thập dữ liệu, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi để đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTĐT, hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.04; H10.10.02.02].

Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo hướng dẫn. Ban hành các quy định sửa đổi và quyết định thành lập Quyết định về việc thành lập Hội đồng và các Tiểu ban thực hiện sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. Trên cơ sở đó, Bộ môn Địa lý tiến hành họp để xây dựng và chỉnh sửa CTĐT ngành SPĐL (BC/BMĐL ngày 30/6/2021). [H10.10.02.03].

Khoa và Bộ môn đã tiến hành đánh giá, rà soát lại việc cải tiến và thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTDH thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, lập báo cáo tính hiệu quả và dự kiến chỉnh sửa CTĐT (Biên bản họp góp ý của các bên liên quan về rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH). Bộ môn tiến hành tổ chức sinh hoạt đánh giá và điều chỉnh chương trình đào tạo từ đó xây dựng bộ chương trình chi tiết hoàn chỉnh (Biên bản sinh hoạt bộ môn về điều chỉnh chương trình đào tạo ngành SPĐL) [H10.10.02.04]

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT được thiết lập, được đánh giá và cải tiến theo quy trình chặt chẽ, hợp lý và đúng quy định. Việc rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH được thực hiện dựa trên thông tin phản hồi từ các bên liên quan với sự tham gia của GV và cán bộ quản lý. Vì vậy, CTĐT được cập nhật, điều chỉnh để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Trường và Khoa chưa nhận được nhiều ý kiến của các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để cải tiến CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu của xã hội.	BĐCL& TTPC, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo.
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. - Trường và Khoa thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến định kỳ quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	BĐCL& TTPC, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Trong quy chế đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHTB, việc giám sát, đánh giá quá trình dạy; giám sát việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể đảm bảo tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra, đúng theo quy định đào tạo của Bộ GD&ĐT và quy định đào tạo hiện hành của Trường ĐH Tây Bắc [H10.10.02.01]. Quá trình dạy và đánh giá kết quả học tập của người học ở bộ môn Địa lý đã thực hiện theo những quy định trên nên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo thực hiện được CĐR đã công bố. Căn cứ vào quy chế đào tạo của Trường (Số 298/CV-ĐHTB ngày 31/3/2022 - Quyết định V/v ban hành CTĐT trình độ đại học, cao đẳng năm 2022, có kèm theo CTĐT), quá trình dạy và học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương chi tiết các học phần mà GV phải thực hiện [H10.10.03.01].

Quá trình dạy - học được khoa rà soát thường xuyên thông qua quy định cụ thể với từng đối tượng GV trong khoa: BCN khoa, GV giảng dạy các học phần, giáo vụ, cố vấn học tập, bộ phận quản lý sinh viên. Quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo được CĐR thông qua các hoạt động: dự giờ, góp ý kiến về các giờ dạy trong toàn khoa. Khoa đã lập kế hoạch kiểm tra chuyên môn, quy định về hồ sơ GV, dự giờ, đánh giá GV trong việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy. Các bộ môn chủ động tổ chức các buổi dự giờ các học phần thuộc bộ môn quản lý. Sau những buổi dự giờ đó, bộ môn tổ chức họp nhằm đóng góp ý kiến để GV có thể điều chỉnh về nội dung bài dạy, cách thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Hoạt động này cũng giúp bộ môn Địa lý chủ động trong việc điều chỉnh chương trình đào tạo để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Bên cạnh đó, Phòng TTPC và BĐCL của Trường cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát việc dạy và học theo thời khóa biểu của các GV trong khoa cũng như giám sát công tác tổ chức thi ở tất cả các học phần do Khoa đảm nhiệm. Hàng năm đều có quy định và thành lập tổ chuyên môn kiểm tra Hồ sơ giảng viên [H10.10.03.02].

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần và quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Trường (Số 298/CV-ĐHTB ngày 31/3/2022). Trong đó chỉ rõ hình thức, thời điểm và trọng số của từng lần kiểm tra, đánh giá. Đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10%, điểm giữa kỳ là 30% và điểm thi kết thúc học phần là 60% tổng số điểm. Quy trình kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ gồm: đánh giá thường xuyên thông qua các bài thực hành, bài tập nhỏ; đánh giá giữa kì thông qua bài điều kiện và đánh giá cuối kỳ thông qua bài thi. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hóa theo từng bối cảnh nhưng GV vẫn chủ động và đáp ứng mục tiêu học phần và đảm bảo CĐR. Để tăng tính tự học và tự nghiên cứu của SV, GV trong khoa đã thay đổi PPGD, GV đã tiến hành kiểm tra đánh giá sinh viên thông qua một số hình thức

mới như chấm bài tập dự án, bài tập lớn bên cạnh các hình thức thi tự luận, thi trắc nghiệm; vv... Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR. Dựa trên kết quả học tập hàng năm của sinh viên, căn cứ vào CĐR trong chương trình đào tạo, PĐT đã ban hành các quyết định chỉnh sửa, trên cơ sở đó Bộ môn tiến hành rà soát mức độ phù hợp của CTĐT ngành Địa lý với CĐR (BC kết quả học tập của sinh viên, số 154-ĐHTB ngày 24 tháng 2 năm 2021). Học phần tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của các môn chuyên đề tốt nghiệp. Đối với khóa luận tốt nghiệp thực hiện theo quy định riêng về chấm khóa luận tốt nghiệp phù hợp với yêu cầu của CĐR theo quy định của BGD & ĐT và nhà trường. Do đặc thù môn học nên khoa có thêm một số quy định riêng nhằm chủ động trong kiểm tra, đánh giá. Thực tập sư phạm là học phần rất quan trọng và bắt buộc đối với SV hệ Sư phạm Địa lý và được quy định cụ thể trong Quy chế thực tập sư phạm của Trường Trong thời gian đi thực tập sư phạm, SV sẽ được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho công việc trong tương lai khi SV tốt nghiệp… Sau mỗi đợt thực tập sư phạm thì phòng Đào tạo trường đều tổ chức họp tổng kết báo cáo công tác thực tập sư phạm (BC tổng kết TTSP) với các khoa/bộ môn thuộc trường để các khoa nắm bắt kịp thời kết quả thực tập về công tác chủ nhiệm, công tác chuyên môn của sv, từ đó chủ động điều chỉnh quá trình dạy và học [H10.10.03.02].

Nhà trường, khoa và bộ môn Địa lý đã tiến hành thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập với CĐR. Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập HĐ thẩm định CTĐT trình độ đại học và cao đẳng (QĐ 819-ĐHTB ngày 26/7/2022) và ban hành một loạt các kế hoạch rà soát CTĐT theo CĐR (KH 235-ĐHTB ngày 15/3/2022; KH 307-ĐHTB ngày 2/4/2021). Trên cơ sở đó bộ môn Địa lý tiến hành khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát (BC 1432-ĐHTB ngày 18/11/2021) và nghiệm thu CTDH, đề cương chi tiết các học phần CTĐT ngành SPĐL [H10.10.03.03].

Dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học và kết quả học tập được nhà trường chú trọng tiến hành thường xuyên. Nhà trường đã ban hành Quy định tổ chức HĐ khảo sát ý kiến phản hồi của NH và GV về CTĐT (Số 1407/QĐ- ĐHTB, ngày 19/12/2019) và Quy định về khảo sát chất lượng giảng dạy của giảng viên (QĐ 1406 ngày 14/12/2019). Các kế hoạch khảo sát (Số 549/KH-ĐHTB, ngày 29/6/2020; Số 429/KH-ĐHTB ngày11/5/2021; Số 439/KH-ĐHTB ngày10/5/2022; Số 557/KH-ĐHTB ngày14/5/2024; Số 1860.KH-ĐHTB ngày 21/1/2024) và báo cáo kết quả khảo sát được qui định rõ ràng (BC khảo sát ý kiến phản hồi người học về hoạt động giảng dạy của các năm học; áo cáo khảo sát phòng ban và thư viện). Kết thúc mỗi học kỳ, phòng TTPC & KĐCL đều phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy chất lượng đào tạo của GV khoa Địa lý được SV đánh giá khá cao. Các ý kiến phản hồi là căn

cứ để khoa điều chỉnh quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Từ năm 2018 đến năm 2024 Phòng TTPC&ĐBCL đã tiến hành khảo sát hiệu quả, chất lượng đào tạo đối với sinh viên vừa tốt nghiệp nhằm thu thập thông tin về thực trạng SV ra trường đáp ứng thế nào với mục tiêu đào tạo, với CĐR để từ đó làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. Kết quả cho thấy, phần lớn SV tốt nghiệp từ khoa Địa lý có nhận xét tích cực về chất lượng đào tạo ngành học, về PPGD, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả môn học hiệu quả. Điểm đánh giá về các tiêu chí của sinh viên Địa lý đều ở mức "khá" và "cao" [H10.10.03.04].

Bên cạnh đó, để đảm bảo quá trình dạy và học đạt kết quả cao phù hợp với CĐR, nhà trường còn chú trọng tới việc đổi mới phương pháp dạy và học thông qua việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, xemina… [H10.10.03.05].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy học được Trường, khoa và các bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức dự giờ, góp ý các giờ giảng vẫn chưa đạt được hiệu quả cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	GV trong khoa tăng cường tham gia dự giờ của các đồng nghiệp không chỉ trong bộ môn mà còn dự giờ các đồng nghiệp ở bộ môn khác	Phòng Đào tạo, TTPC& ĐBCL	Từ năm học 2023 - 2024 và Các năm học tiếp theo.
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV để cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy.	Phòng Đào tạo, Khoa KHXH Bộ Môn Địa lý	Từ năm học 2023 - 2024 và Các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHTB đã quy định rõ GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (1760 giờ) để làm nhiệm vụ NCKH *(Số 918 QĐ/ĐHTB năm 2014)*. Quy định này thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với sự phát triển của Trường và xã hội. Theo quy định này, các GV Địa lý luôn thực hiện song hành nhiệm vụ đào tạo gắn với NCKH. Hàng năm có rất nhiều đề tài NCKH của GV và SV được bảo vệ với chất lượng tốt. Trong những năm gần đây, số lượng các công trình NCKH của GV đã có sự tăng lên đáng kể không chỉ về số lượng mà còn cả về chất lượng khi số lượng sách giáo trình, sách chuyên khảo và bài báo quốc tế tăng đều qua các năm *(Danh sách đề tài NCKH của GV từ năm 2014-2020)*. Hoạt động NCKH của GV Địa lý đã gắn với việc đổi mới PPGD, nâng cao chất lượng giảng dạy và năng lực NCKH của GV cũng như hỗ trợ rất hiệu quả cho việc phát triển năng lực học tập và NCKH của SV. Các kết quả NCKH được phổ biến và vận dụng trong việc hướng dẫn SV làm khóa luận tốt nghiệp *(Danh sách sinh viên làm KLTN và GV hướng dẫn từ năm 2015-2022)*. Mỗi năm, Bộ môn Địa lý đều có SV tham gia làm khóa luận tốt nghiệp được triển khai theo các hướng nghiên cứu của GV hướng dẫn như: Biến đổi khí hậu, Đánh giá tài nguyên thiên nhiên, Dân cư, Nông nghiệp, Du lịch, Công nghiệp, Đô thị hóa, Dạy học theo hướng phát triển năng lực, vv [H10.10.04.01].

Các đề tài NCKH xuất sắc của SV được đề xuất chuyển lên cấp Trường, một số SV đã đạt giải NCKH cấp Khoa, cấp Trường trong những năm gần đây. Các đề tài được giải thưởng đều có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, kết quả nghiên cứu, sản phẩm của các đề tài NCKH đều được sử dụng để cải tiến việc dạy và học [H10.10.04.02].

Nhà trường đã ban hành kế hoạch hoạt động KHCN (Số 611 KH/ĐHTB ngày 10/6/2019; Số 1104 KH/ĐHTB ngày 24/11/2017; Số 494 KH/ĐHTB ngày 24/6/2015; Số 621 KH/KHCN ngày 18/7/2019). Theo kế hoạch các GV Địa lý luôn thực hiện song hành nhiệm vụ đào tạo gắn với NCKH. Bộ môn Địa lý xác định hoạt động NCKH góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng dạy học nên hàng năm các hoạt động NCKH được triển khai dưới nhiều hình thức, gồm: hướng dẫn SV tham gia NCKH SV, GV tham gia đề tài NCKH các cấp, khoa tổ chức hoặc tham gia các hội thảo, hội nghị chuyên ngành; viết bài báo khoa học; tập huấn nâng cao năng lực NCKH. Các thống kê hàng năm đã thể hiện kết quả NCKH của bộ môn. Hoạt động NCKH của sinh viên vừa là điều kiện, vừa là cơ hội để thực hiện gắn kết NCKH với giảng dạy nên SV Địa lý được tạo điều kiện tham gia

vào các hoạt động NCKH thường xuyên như các seminar khoa học, các Hội nghị SV - NCKH ở khoa và các hoạt động NCKH của Trường [H10.10.04.01; H10.10.04.03].

Hàng năm, Hội nghị SV NCKH được tổ chức vào tháng 4 ghi nhận các SV đạt giải NCKH các cấp. Các kết quả NCKH mới nhất là những bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành, tạp chí quốc tế được đưa ra thảo luận trong các seminar hoặc trong hội thảo KH. Các kết quả này ngoài việc góp phần nâng cao năng lực NCKH cho GV và SV mà còn đóng góp vào việc điều chỉnh, cập nhật và cải tiến việc dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.04.03].

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của cán bộ, GV Bộ môn Địa lý luôn gắn kết với việc điều chỉnh hoạt động dạy và học theo hướng nâng cao chất lượng dạy học. Các kết quả NCKH không chỉ nâng cao trình độ của GV mà còn góp phần điều chỉnh nội dung dạy học, đổi mới phương pháp dạy học của GV, đổi mới cách thức kiểm tra đánh giá và định hướng hoạt động NCKH của SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các công trình NCKH và nhóm NCKH còn hạn chế và số lượng sinh viên tham gia NCKH còn chưa đồng đều ở các khóa. Hiện nay, phần lớn SV tham gia NCKH là SV năm thứ 3 và năm thứ 4. Số lượng SV Địa lý làm khóa luận còn hạn chế so với các chuyên ngành khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	- Khuyến khích SV tham gia NCKH ngay từ năm thứ 2 - Khuyến khích GV tham gia các hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh trong và ngoài nước.	Bộ môn Địa lý, Phòng KHCN,	Từ năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục phát huy thế mạnh NCKH của các GV trong khoa.	Phòng KHCN	Từ năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTB luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đó là thái độ phục vụ và chất lượng phục vụ. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của GV và SV. Vì vậy, nhà trường luôn giám sát và đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ này.

Nhằm không ngừng cải tiến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, đáp ứng điều kiện tốt nhất cho người dạy và người học, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển tài chính và cơ sở vật chất giai đoạn 2018-2030 và tầm nhìn đến năm 2030 cùng Quyết định ban hành chiến lược phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất giai đoạn 2018-2023 trong đó có định kỳ thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích**.** Trên cơ sở đó, nhà trường có quy định về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích như trang bị thêm nhiều tư liệu từ điện tử cho đến các đầu sách, liên kết với nhiều cơ sở dữ liệu điện tử hỗ trợ tìm kiếm tài liệu chuyên ngành, hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp phục vụ cho học online [H10.10.05.01].

Để đánh giá, kết quả khảo sát, đánh giá các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan về các mặt hoạt động của Trường. Trong đó nội dung ý kiến phản hồi tập trung vào các vấn đề như mức độ đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị; chất lượng các dịch vụ tiện ích, các hoạt động hỗ trợ người học. Hoạt động Thu thập lấy ý kiến phản hồi về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được thực hiện dưới hình thức điều tra bằng phiếu hỏi, thông qua Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học sắp tốt nghiệp về CTĐT, Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về môi trường giáo dục và Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động tư vấn hỗ trợ, nhằm đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác. Cùng với hoạt động thu thập ý kiến phản hồi, Nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản theo định kỳ (Số 394/BC/ĐHTB ngày 22/04/2019; Số 423/BC/ĐHTB ngày 27/05/2020; Số 289/BC/ĐHTB ngày 31/03/2021; Số 1693/BC/ĐHTB ngày 30/12/2021; Số 165/BC/ĐHTB ngày 27/02/2023) để rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng cơ sở vật chất, hệ thống máy tính, máy chiếu, thiết bị công nghệ thông tin, thư viện,... qua đó có kế hoạch để thay thế, cải tiến chất lượng phục vụ nhu cầu dạy học (BC thực trạng CSVC TB đào tạo, kèm phiếu khảo sát PL01) [H10.10.05.02]. Nhà trường bố trí viên chức trực và thường xuyên kiểm tra, rà soát tình trạng hoạt động của các trang thiết bị; nhận phản ánh

từ người học thông qua Hội nghị Hiệu trưởng tiếp xúc với đại diện sinh viên, hội nghị Trưởng khoa tiếp xúc với đại diện sinh viên… Ngoài các hoạt động kể trên, Nhà trường còn thực hiện nhiều hoạt động khác nhằm đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như: Khảo sát CTĐT ngành sư phạm Địa lý năm 2022. Khảo sát phục vụ thực hành, thí nghiệm năm học 2022-2023; Học kỳ I năm học 2023-2024. Khảo sát nhu cầu bạn đọc sử dụng thư viện năm học 2019-2020; Năm học 2022 – 2023… [H10.10.03.04].

Nhà trường đã thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Cụ thể nhà trường đã đưa ra đề án tăng cường CSHT (Số ố 584/ĐA-ĐHTB ngày 21/06/2021; Số 01/ĐHTB – ĐA ngày 12/03/2020). Xây dựng dự án Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập cho Trường ĐHTB (Số 1754/TTr-ĐHTB ngày 01/12/2022). Hàng năm nhà trường đều lập kế hoạch mua sắm đầu tư trang thiết bị CSVC phục vụ quá trình dạy và học (Số 1448/KH-ĐHTB ngày 22/11/2021). [H10.10.05.03].

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được cải tiến. Cụ thể như sau:

- Nhà trường tiến hành thay thế và lắp đặt các trang thiết bị hỗ trợ dạy học mới cho Trung tâm TH-TN; Mua mới, mua bổ sung các trang thiết bị cho các khu giảng đường A1, A2, D trong các năm học; Sửa chữa cải tạo, thay thế thiết bị mạng internet. Mua bổ sung sách, tài liệu, giáo trình, văn phòng phẩm cho Trung tâm thông tin thư viện và mua mẫu vật, hoá chất, vật tư tiêu hao cho Trung tâm thực hành thí nghiệm [H10.10.05.04].

- Về việc cải tiến chất lượng thư viện: Trung tâm Thông tin - Thư viện được thành lập và chuyển từ khu nhà A về tòa nhà Trung tâm Thông tin – Thư viện nhằm tạo thuận lợi cho hơn việc học tập, tra cứu tài liệu cho người học giai đoạn 2012 – 2017. Nhà trường ban hành quy chế và nội quy hướng dẫn tra cứu tài liệu số (Ban hành kèm QĐ 806 ngày 08/11/2012). Hệ thống thư viện điện tử giúp cho việc tiếp cận các dịch vụ thuộc về Thư viện trở nên dễ dàng hơn. Hàng năm, Nhà trường bổ sung sách mới vào Thư viện dựa trên ý kiến phản hồi của chính các GV phụ trách môn học (Bảng10.5.1) [H10.10.05.04].

Bảng 10.5.1. Thống kê số lượng và kinh phí bổ sung học liệu của Thư viện

Thời gian	Tên học liệu được bổ sung	Số lượng	Kinh phí bổ sung
2019-2020	Giáo trình, sách tham khảo	131 đầu (1455 bản)	**98.295.000**
	Ấn phẩm định kỳ		**20.000.000**
	Cơ sở dữ liệu điện tử		

2020-2021	Giáo trình, sách tham khảo	12 đầu (1310 bản)	**99.680.000**
	Ấn phẩm định kỳ		**16.000.000**
	Cơ sở dữ liệu điện tử		
2021-2022	Giáo trình, sách tham khảo	109 đầu (1604 bản)	**97.862.000đ**
	Ấn phẩm định kỳ		**15.000.000**
	Cơ sở dữ liệu điện tử		
2022-2023	Giáo trình, sách tham khảo	49 đầu (770 bản)	**47.475.000đ**
	Ấn phẩm định kỳ		**10.000.000**
	Cơ sở dữ liệu điện tử		
	Tài liệu điện tử		**Nguồn lưu chiểu**
2023-2024	Giáo trình, sách tham khảo	5 đầu (520 bản)	**39.000.000đ**
	Ấn phẩm định kỳ		**5.000.000**
	Cơ sở dữ liệu điện tử		
	Tài liệu điện tử		**Nguồn lưu chiểu**

- Phòng học trực tiếp: Hệ thống phòng học không ngừng được sửa chữa và trang bị mới. Năm học 2020-2021; 2021-2022 Nhà trường tiến hành lắp đặt hệ thống Tivi thông minh các phòng học tại giảng đường A của khoa Ngoại ngữ và các phòng dạy dạy Tiếng Việt cho sinh viên Lào tại giảng đường D. Tính đến năm 2021, Nhà trường đã đầu tư mua máy chiếu thiết bị loa đài và hệ thống, bóng led chiếu sáng với tổng giá trị 435.000.000 đồng. Nhà trường cũng đã đầu tư mua sắm thêm bảng viết tại các phòng học giảng đường D làm tăng số lượng phòng học lên 191 phòng học với quy mô khác nhau từ dưới 50 chỗ đến trên 200 chỗ trong đó có 38 phòng học đa phương tiện và 1 thư viện (202KH lắp đặt trang thiết bị hỗ trợ DH, Số 1448/KH-ĐHTB ngày 22/11) [H10.10.05.04].

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Để đảm bảo an toàn cho người học Nhà trường đã quyết định chi gần 400.000.000 đồng hàng năm cho việc bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy trong toàn trường (Gồm Bảo hiểm cháy nổ, sửa chữa bảo dưỡng đường dây điện, hệ thống điện, các công tác tập huấn và kiểm tra phòng cháy chữa cháy định kỳ…) (Danh mục cập nhật thiết bị hàng năm từ 2018-2022, Số 1396/BC-ĐHTB ngày 10/11/2021**).** Đến năm 2023, Nhà trường tiếp tục chi hơn 200.000.000đ cho dịch vụ bảo

trì, sửa chữa, thay thế hệ thống phòng cháy chữa cháy (Kinh phí năm học, số 1089/QĐ-ĐHTB ngày 17/10/2019) ([H10.10.05.04].

Bên cạnh đó, nhiều vấn đề thuộc về công tác tổ chức và hành chính cũng không ngừng được cải tiến, như: Ban hành Quy tắc ứng xử trong trường ĐHTB; thay đổi phương thức tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng tiếp xúc đại diện sinh viên [H10.10.06.03];… Kết quả đánh giá hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ tiện ích của sinh viên Khoa là rất tốt được thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học [H10.10.05.03].

2. Điểm mạnh

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan được tiến hành theo đúng đối tượng, hình thức đa dạng, phương pháp lấy ý kiến khoa học, tin cậy; sự phối hợp để cung cấp thông tin của các bên liên quan khá tích cực và hiệu quả.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến với các thông tin khá rõ ràng…

3. Điểm tồn tại

Một số hóa đơn chứng từ liên quan đến cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích còn chưa đầy đủ

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục thu thập thêm hóa đơn, chứng từ. liên quan đến cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích	PQT CSVC	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thu thập thêm hóa đơn, chứng từ.	PQT CSVC	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Để có thể điều chỉnh chương trình đào tạo và việc giảng dạy của giảng viên, Trường ĐH Tây Bắc, Phòng ĐBCL&TTPC đã thiết lập cơ chế đánh giá, phản hồi của các bên liên quan.

Cơ chế phản hồi các bên liên quan có tính hệ thống thông qua các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, bộ phận thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan. Phòng ĐBCL&TTPC có nhiệm vụ "chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng hệ thống công cụ đánh giá về CTĐT, việc giảng dạy của giảng viên, việc phục vụ của viên chức, việc học tập của người học, việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp,..." (Số 1281/QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2018). Hàng năm, Phòng triển khai nghiêm túc, bài bản và hệ thống các hoạt động thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan thông qua kế hoạch bảo đảm chất lượng hàng năm cùng các quy định khảo sát các bên liên quan (Số 976/KH-ĐHTB ngày 14/10/2020; Số 919/KH- ĐHTB ngày 13/09/2021; Số 1532/KH-ĐHTB ngày 25/10/2022; Số 68/KH-ĐHTB ngày 12/01/2024) [H10.10.06.01], [H10.10.06.02].

Quy trình thực hiện thống nhất cho tất cả các hoạt động khảo sát: Lập và phổ biến kế hoạch khảo sát (Số 1448/KH-ĐHTB ngày 31/12/2020; Số 1706/KH-ĐHTB ngày 31/12/2021; Số 1911/KH-ĐHTB ngày 30/12/2023; Số 439/KH-ĐHTB ngày 10/5/2022); Xây dựng công cụ khảo sát; Ra quyết định khảo sát; Thu thập phản hồi; Xử lý dữ liệu; Báo cáo kết quả tổng hợp cho lãnh đạo trường, các đơn vị và cá nhân liên quan; Các đơn vị, cá nhân sử dụng kết quả để xây dựng kế hoạch khắc phục và cải tiến chất lượng; Lưu trữ thông tin dữ liệu theo quy định [H10.10.06.02].

Bảng 10.6.1. Các hoạt động được thực hiện trong thu thập ý kiến phản hồi người học sắp tốt nghiệp về CTĐT

TT	Nội dung công việc	Kết quả công việc
1	Xây dựng kế hoạch và lập dự toán kinh phí.	Kế hoạch và dự toán kinh phí được phê duyệt.
2	Xây dựng công cụ khảo sát.	Phiếu thu thập phản hồi từ sinh viên về chương trình đào tạo được xây dựng.
3	Phổ biến Kế hoạch khảo sát tới các đơn vị.	Kế hoạch khảo sát được triển khai tới các đơn vị có liên quan.
4	Tổng hợp danh sách viên chức hỗ trợ hoạt động thu thập phản hồi.	Danh sách viên chức hỗ trợ phản hồi được tổng hợp có đầy đủ thông tin liên hệ: số điện thoại, email...
5	Thống kê số lượng đối tượng khảo sát.	Số lượng sinh viên được tổng hợp.
6	Phổ biến Kế hoạch khảo sát tới toàn thể sinh viên.	Kế hoạch khảo sát được triển khai tới toàn thể sinh viên.
7	Tổ chức thực hiện khảo sát.	Dữ liệu phản hồi từ sinh viên được thu thập.

8	Hỗ trợ, nhắc nhở, hướng dẫn sinh viên thực hiện phản hồi theo Kế hoạch.	Toàn thể sinh viên được hướng dẫn và thực hiện phản hồi đảm bảo Kế hoạch.
9	Giám sát việc triển khai hoạt động khảo sát tại các đơn vị.	Hoạt động khảo sát diễn ra đúng Kế hoạch.
10	Mã hóa, nhập dữ liệu, rà soát tổng hợp dữ liệu và sàng lọc thông tin.	Tập hợp dữ liệu khảo sát đã được mã hóa, sàng lọc thông tin.
11	Phân tích dữ liệu và viết báo cáo.	Báo cáo thu thập phản hồi từ sinh viên về chương trình đào tạo được hoàn thành.
12	Báo cáo kết quả khảo sát lên lãnh đạo Trường.	Kết quả khảo sát được báo cáo lên lãnh đạo Trường.
13	Gửi báo cáo tới các đơn vị và cá nhân liên quan.	Báo cáo khảo sát được gửi tới các đơn vị/cá nhân liên quan.
14	Lưu trữ minh chứng hoạt động khảo sát, bảo mật kết quả.	Minh chứng được lưu trữ tại Phòng BĐCL&TTPC theo quy định.
15	Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện Kế hoạch Thu thập ý kiến phản hồi từ sinh viên về chương trình đào tạo.	Việc thực Kế hoạch Thu thập ý kiến phản hồi từ sinh viên về chương trình đào tạo diễn ra đúng tiến độ.

Cơ chế phản hồi các bên liên quan được đánh giá và cải tiến: Để nâng cao hiệu quả của cơ chế phản hồi từ các bên liên quan, Trường ĐHTB thường xuyên có những đánh giá về phương thức tổ chức. Phòng BĐCL&TTPC đã thực hiện rà soát đánh giá lại tổng thể hệ thống thu thập thông tin phản hồi của Nhà trường, xây dựng tài liệu hướng dẫn chi tiết quy trình khảo sát (Số 1392/KH-ĐHTB ngày 10/12/2019; Số 1406/QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2019; Số 1407/QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2019; Số 1408/QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2019; Số 385/KH-ĐHTB ngày 06/05/2020; Số 756/QĐ-ĐHTB ngày 26/08/2020) [H10.10.06.02]. Việc đánh giá thông tin phản hồi của các bên liên quan được thể hiện rõ trong các quyết(Số 1406; 1407; 1408 QĐ/ĐHTB) [H10.10.06.03].

Cơ chế phản hồi các bên liên quan được cải tiến như thường xuyên cải tiến phương thức triển khai hoạt động khảo sát, hình thức tổ chức khảo sát bằng các hành động cụ thể như: điều chỉnh quy trình thực hiện, cải tiến cơ chế phối hợp giữa Trung tâm và các đơn vị đào tạo trong triển khai khảo sát, xây dựng thiết kế thư mời khảo sát, điều chỉnh phù hợp các phiếu khảo sát, Sự cải tiến trong cơ chế phản hồi còn được biểu hiện ở chỗ chuyển từ hình thức sử dụng phiếu điều tra trực tiếp sang hình thức lấy phiếu ý kiến qua email. Bên cạnh đó, với một số hoạt động, Nhà trường vẫn áp dụng các hình thức hỏi đáp trực tiếp. Hình thức hiệu trưởng tiếp xúc sinh viên thường kỳ, trưởng khoa tiếp xúc đại diện sinh viên các khối lớp và cố vấn học tập gặp gỡ lớp được phân công làm cố vấn cũng được điều chỉnh theo hướng trực tiếp hơn, minh bạch hơn, nhanh chóng hơn để kịp thời tháo gỡ những

vướng mắc cho các em (TB gặp gỡ đối thoại giữa Hiệu trưởng với SV, TB số 229-ĐHTB ngày 28/02/2024**).** Sau mỗi đợt thực tập sư phạm hàng năm cũng là dịp để Nhà trường và sinh viên rút kinh nghiệm về quá trình các em đi thực tập ở các trường phổ thông (Hội nghị tổng kết kiến thực tập, Số 41/BC-TTSP ngày 24/6/2020). Đối với đội ngũ cán bộ, GV, Nhà trường cũng có một số hình thức thu thập thông tin phản hồi trong đó quan trọng nhất là việc tổ chức hội nghị viên chức hàng năm (Hội nghị CCVC Số 1329/NQ-ĐHTB ngày 4/12/2020; Số 1213/NQ-ĐHTB ngày 15/10/2021; Số 1559/KL-ĐHTB ngày 2/11/2022; Số 1707/NQ-ĐHTB ngày 24/11/2023) H10.10.06.03].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi từ người học được thực hiện đa dạng, bài bản.

3. Điểm tồn tại

Chưa tận dụng nhiều được sức mạnh của các mạng xã hội để sự phản hồi đa dạng hơn và thực chất hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến cơ chế phản hồi từ các bên liên quan, đặc biệt là từ các Trường phổ thông.	P. CTCT- HSSV; TTKT&Đ BCLGD; Khoa	2023	2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tạo thêm các diễn đàn chung thông qua mạng xã hội giữa nhà tuyển dụng, giữa GV và sinh viên.	P. CTCT- HSSV; Khoa	2023	2024

1. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Để đảm bảo chất lượng của CTĐT, Bộ môn Địa lý cũng đã đảm bảo được việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để làm căn cứ phát triển chương trình. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở góp phần giúp Trường, Khoa và các bộ môn rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT của ngành cũng như chất lượng CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR; các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được

đánh giá và cải tiến; cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến; Việc đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Khoa và bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV; Các đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Khoa và bộ môn sử dụng để rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác đánh giá, cải tiến CTĐT, CTDH và các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tuy nhiên, Bộ môn (1) chưa tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá nhu cầu thực tế của CTĐT theo CĐR; (2) cần chủ động hơn trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có cả các nhà tuyển dụng, chuyên gia (đặc biệt các chuyên gia đang giảng dạy ngành Sư phạm Địa lý ở các nước tiên tiến) và các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích cho quá trình dạy - học; (3) việc tổ chức dự giờ vẫn chưa huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong khoa; (4) việc đăng bài báo về giáo dục trên các tạp chí quốc tế của các GV trong Bộ môn còn hạn chế. Khoa cần tổ chức seminar tập huấn cho GV các phương pháp dạy học tích cực; các GV đăng ký thực tập, kiến tập phương pháp dạy học mới; tổ chức họp rút kinh nghiệm và lấy ý kiến phản hồi của SV; lấy ý kiến khảo sát của các nhà tuyển dụng về CTĐT thường xuyên hơn.

Những điểm mạnh và điểm tồn tại trên là cơ sở để Bộ môn tiếp tục quan tâm cải tiến nhằm đáp ứng được nhu cầu học tập của người học và yêu cầu của chương trình học, nhu cầu xã hội. Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 10: 5/6 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7 và 1/6 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 4/7.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 10:

+ Điểm trung bình tiêu chuẩn: 4,83

+ Số tiêu chí đạt: 6/6

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Tiêu chuẩn 11 về kết quả đầu ra đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá và nâng cao chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục. Việc xác lập, giám sát và đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp giúp cải thiện hiệu quả đào tạo, đảm bảo sinh viên hoàn thành chương trình đúng tiến độ. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp phản ánh sự phù hợp của chương trình với thị trường lao động. Đồng thời, hoạt động nghiên cứu và mức độ hài lòng của các bên liên quan là cơ sở để điều chỉnh, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Đơn vị có trách nhiệm trực tiếp giám sát tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của người học là phòng Đào tạo, cùng với đó là sự hỗ trợ của Trợ lý khoa và các bộ phận chức năng quản lý SV về chế độ chính sách, điểm rèn luyện... Hiện nay, Trường ĐHTB đang sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Edusoft để quản lý quá trình học tập của SV, theo dõi và cập nhật danh sách SV khi có sự biến động như: SV tốt nghiệp, SV thôi học hay bảo lưu. Bên cạnh công cụ này, các quy định chung về đào tạo cũng như quy trình xét tốt nghiệp hay thôi học đã được quy định rõ trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHTB [H8.08.03.03].

Ngoài ra, để tăng cường cho công tác quản lý và tư vấn học tập cho SV, Nhà trường đã ban hành quyết định phân công và giao nhiệm vụ cho cán bộ làm công tác CVHT. Theo đó, chức năng và nhiệm vụ của CVHT được quy định rõ ràng, thầy cô là CVHT có trách nhiệm theo dõi quá trình học tập của SV từ khi vào Trường đến khi tốt nghiệp, qua đó có các biện pháp tư vấn, hỗ trợ kịp thời giúp SV xây dựng kế hoạch học tập hợp lý, hạn chế tình trạng thôi học và chậm tốt nghiệp [H8.08.03.03].

Về tỷ lệ tốt nghiệp của SV, khi SV hoàn thành CTĐT, đủ điều kiện tốt nghiệp, SV đăng kí và viết đơn xin xét tốt nghiệp, khoa lập danh sách và gửi lên trường. Trường sẽ thành lập hội đồng họp xét tốt nghiệp, ra quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp kèm theo danh sách SV tốt nghiệp. Quyết định này được công bố công khai và gửi về Khoa để lưu trữ. Hàng năm, Nhà trường tiến hành xét tốt nghiệp theo 2 đợt. Sau mỗi học kì, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách những SV đủ điều kiện tốt nghiệp. Như vậy, đợt 1 thường được tiến hành vào tháng 1 dành cho các bạn hoàn thành CTĐT trước hạn và các bạn chưa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 và đợt 2 năm trước đó và đợt 2 được thực hiện vào khoảng tháng cuối tháng 5, dành cho các SV

tốt nghiệp sau 4 năm khi tích lũy đủ TC của CTĐT. Dựa trên quyết định này, Bộ môn tiến hành lập danh sách và theo dõi tỷ lệ SV tốt nghiệp của từng khóa học (Bảng 11.1.1).

Số liệu thống kê trong Bảng 11.1.1 cho thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số SV tuyển vào của ngành CN SPĐL dao động từ 50 đến 85%. Trong đó, tỷ lệ SV tốt nghiệp cao nhất nằm ở khóa 57 và thấp nhất ở khóa 58 và 60. Tỉ lệ SV tốt nghiệp được so sánh với số SV nhập học, do đó khi số lượng SV thôi học cao thì kéo theo tỷ lệ SV tốt nghiệp giảm. Số lượng SV tốt nghiệp được CVHT các lớp theo dõi, giám sát và đưa ra các biện pháp hỗ trợ kịp thời nhằm hạn chế tỷ lệ SV chậm hay không tốt nghiệp được.

Bảng 11.1.1. Tỉ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp

TT	Năm nhập học	Tổng số SV nhập học (1)	Tổng số SV thôi học (2)	Tổng số SV tốt nghiệp		SVTN đúng hạn		SVTN năm 5		SVTN năm 6		Thời gian TN trung bình (7)
				Số lượng (3a)	Tỷ lệ (3b)	Số lượng (4a)	Tỷ lệ (4b)	Số lượng (5a)	Tỷ lệ (5b)	Số lượng (6a)	Tỷ lệ (6b)	
1	2016	26	4	22	84,6	22	100	0	0	0	0	4
2	2017	4	2	2	50	2	100	0	0	0	0	4
3	2018	7	2	5	71,4	5	100	0	0	0	0	4
4	2019	2	0	1	50	1	50	1	50	0	0	4,5
5	2020	15	5	9	60	9	90	1	10	0	0	4,5
Tổng/trung bình		54	13	39	72,2	39	95,1	2	4,9	0	0	4,2

Bộ môn Địa lý đã tiến hành đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp đối với một số ngành cử nhân sư phạm, kết quả đối sánh được tổng hợp trong bảng 11.1.2.

Bảng 11.1.2. Bảng đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp

Khóa học	Tỉ lệ % SV tốt nghiệp		
	CTĐT Sư phạm Địa lý	CTĐT Sư phạm Ngữ văn	CTĐT Sư phạm Lịch sử
K57	84,6	100	71,4
K58	50	100	92,3

K59	71,4	92,3	100
K60	50	100	40
K61	90	95,3	75

Về việc thôi học của SV, CVHT chủ động nắm bắt thông tin từ SV, tìm hiểu cụ thể nguyên nhân khiến SV có nguyện vọng dừng học. Dựa trên thông tin thu thập được, CVHT sẽ phối hợp cùng lớp, gia đình để đưa ra các tư vấn phù hợp nhằm hỗ trợ, động viên và khuyến khích SV tiếp tục học tập [H11.11.01.02]. Trong trường hợp SV muốn bảo lưu kết quả học tập hay thôi học, căn cứ trên quy trình đã quy định trong quy chế đào tạo, Khoa sẽ tiếp nhận và chuyển đơn của người học lên trường, căn cứ vào đó Nhà trường sẽ ra các quyết định bảo lưu, thôi học cho từng SV [H11.11.01.01]. Dựa trên các quyết định này, các CVHT, cán bộ quản lý SV theo dõi được biến động số lượng SV từng lớp/khóa, thống kê được tỷ lệ thôi học của SV (Bảng 11.1.3) [H11.11.01.01].

Bảng 11.1.3. Tình hình sinh viên thôi học

TT	Năm học	Tổng số SV Địa (1)	Số SV thôi học toàn bộ môn		Năm 1		Năm 2	
			Số lượng (2)	Tỉ lệ (%) (3)	Số lượng (4)	Tỉ lệ (%) (5)	Số lượng (6)	Tỉ lệ (%) (6)
1	2019 - 2020	38 Thực tế học: 32 K60 vào	6		2 K58		4 K57	
2	2020 - 2021	25 Thực tế học: 23 K61 vào	2				2 K59	
3	2021 - 2022	73 Thực tế học: 68 K62 vào (30 SV VLVH)	5		5 K61			
4	2022 - 2023	49 Thực tế học: 46 K63 vào	3		3 K62			
5	2023 - 2024	62 Thực tế học: 60	2		1 K64			

		K64 vào						
Trung bình		**247** **Thực tế học: 229**	**18**	**7,3**	**11**	**4,5**	**6**	**2,4**

Số liệu thống kê cho thấy, tỷ lệ SV thôi học của ngành CN SPĐL trong giai đoạn 2019-2024 là tương đối cao, nghỉ 18 trong tổng số 247 sinh viên (chiếm 7,3%). Trong đó, tỷ lệ SV thôi học tập trung vào năm thứ nhất đến năm thứ hai, với nguyên nhân chính là do tâm lý ngành nghề của SV chưa ổn định, SV lo lắng về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, hay do áp lực về định hướng nghề nghiệp của gia đình. Các trường hợp thôi học ở năm 2 thường do SV bảo lưu kết quả sau khi học xong năm thứ nhất để thi lại đại học sau đó chuyển trường hoặc chuyển ngành học trong cùng trường (sang bên khoa Tiểu học - Mầm non). Bên cạnh đó giai đoạn 2019 - 2024, số lượng tỷ lệ sinh viên giảm mạnh so với giai đoạn trước đó, có lớp chỉ có 2 sinh viên theo học, cộng thêm việc sinh viên bị tác động bởi việc học online do đại dịch Covid, việc học tập gặp khó khăn và do tác động của kinh tế thị trường dẫn đến kết quả học tập không đạt như mong đợi [H11.11.01.02].

Căn cứ vào kết quả đối sánh cũng như việc trao đổi, thảo luận tìm hiểu nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV tại các cuộc họp, Khoa, Bộ môn thảo luận và đề xuất các giải pháp để giảm tỷ lệ SV thôi học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành Sư phạm Địa lý. Phân tích cho thấy, băn khoăn về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, dao động trong việc chọn trường, chọn nghề là những nguyên nhân chính dẫn đến việc thôi học của SV. Để giảm tỷ lệ thôi học của ngành CN SPĐL, BCN Khoa và Bộ môn đưa ra các giải pháp như: Tăng cường vai trò của CVHT trong việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của SV, giúp các em ổn định tinh thần và yên tâm học tập; Liên chi đoàn cần tổ chức thêm các buổi ngoại khóa, tọa đàm về phương pháp học tập, cơ hội nghề nghiệp hay kỹ năng sống để tân SV có thể hòa đồng và nhận thêm sự giúp đỡ của các SV khóa trên. Biên bản các cuộc họp cũng chỉ ra những lý do khiến SV chậm tốt nghiệp như sức khỏe chưa đảm bảo cho việc học; kết quả học tập thấp nên có nhu cầu học lại để cải thiện... Một số giải pháp đã được Khoa đưa ra nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp như: Trợ lý Khoa phối hợp cùng các CVHT thường xuyên theo dõi việc tích lũy TC của SV để đưa ra các cảnh báo sớm cũng như những tư vấn về kế hoạch học tập cho SV… [H11.11.01.03]. Nhờ vậy, không có sinh viên thôi học trong giai đoạn 2019 – 2024 với các khóa từ năm thứ ba đến năm thứ tư.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có công cụ và hệ thống quản lý, giám sát tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của SV một cách chặt chẽ, qua các bước đi từ cấp Khoa với đội ngũ CVHT, Cán bộ quản lý SV, Trợ lý Khoa đến cấp Trường với đơn vị chịu trách nhiệm chính là Phòng Đào tạo thông qua công cụ giám sát là phần mềm Edusoft. Từ đây, số SV thôi học, tốt nghiệp được

cập nhật chính xác. Mặt khác, việc phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng hạn, giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học cũng đã được triển khai khá hiệu quả thông qua đội ngũ CVHT.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV thôi học còn khá cao, tỷ lệ tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo so với số SV nhập học chưa thật sự cao và có xu hướng sinh viên tốt nghiệp không đúng hạn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Giảm tỷ lệ thôi học thông qua việc thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, ngoại khóa tìm hiểu, hướng dẫn sinh viên các khóa mới về phương pháp học tập ở đại học, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.	Phòng CTCT-QLNH, Đoàn trường, LCĐ Khoa KHXH.	Thực hiện hàng kỳ, hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường vai trò của CVHT trong hoạt động tư vấn, giám sát kế hoạch học tập của SV. Duy trì và nâng cấp chất lượng của phần mềm quản lý đào tạo.	CVHT, Phòng Đào tạo	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình học tập của SV, thông qua phần mềm quản lý đào tạo, Phòng Đào tạo phối hợp cùng Trợ lý và CVHT của Khoa KHXH chịu trách nhiệm trong việc theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Ngay từ khi SV vào trường, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo trong đó xác lập được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tham gia CTĐT. Theo đó, người học ngành CN SPĐL sẽ phải hoàn thành 136 TC theo chương trình đại học thường là trong 4 năm (8 học kỳ chính) với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 7 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [H1.01.01.02].

Trên hệ thống quản lý đào tạo Edusoft, mỗi SV được cấp một mã và mật khẩu để truy cập hệ thống và quản lý, theo dõi kết quả học tập của mình. Trên trang cá nhân này,

SV sẽ biết được số TC mình đã tích lũy, điểm tích lũy được, các môn học đã hoàn thành, từ đó có thể lập kế hoạch học tập và tốt nghiệp cho bản thân [H8.08.03.03]. Ngoài Phòng Đào tạo, các CVHT cũng theo dõi được kết quả học tập của SV mình quản lý. Việc này sẽ giúp cho các CVHT tư vấn, hỗ trợ người học, đặc biệt là các SV có thành tích học tập chưa cao thường do nợ môn hay hoàn cảnh gia đình hoặc cá nhân. Dựa trên việc tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến nguy cơ chậm tốt nghiệp của người học, các CVHT sẽ tiến hành tư vấn, đưa ra các giải pháp hỗ trợ các bạn SV tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.03].

Bên cạnh đó, Nhà trường phối hợp cùng Khoa đưa ra Cảnh báo học tập cho SV khi họ không hoàn thành kế hoạch học tập như chưa tích lũy đủ số tín chỉ; điểm trung bình chung tích lũy thấp [H11.11.12.02]. Cảnh báo học tập được thông báo trên trang cá nhân của SV, gửi tới các CVHT, cán bộ quản lý SV, Trợ lý Khoa thông qua iOffice, từ đó các bộ phận chuyên trách nắm được thông tin và có giải pháp hỗ trợ người học kịp thời.

Để hỗ trợ cho các SV thuộc nhóm cảnh báo cải thiện kết quả học tập, hoàn thành CTĐT đúng hạn, Nhà trường đã tổ chức học kỳ 3 (học kỳ phụ) vào khoảng tháng 7 đến tháng 8 hàng năm, ngoài 2 học kỳ chính. Học kỳ 3 cũng là cơ hội cho các SV muốn nâng cao kết quả học tập hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Việc đăng ký các môn học trong học kỳ 3 được thông báo trên phần mềm quản lý đào tạo cũng như được quy định rõ trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường [H11.11.01.03]. Các môn học được bố trí trong học kỳ 3 thường là các môn thuộc khối kiến thức chung, chỉ có 1 số ít môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, do quy định về số lượng SV của lớp tín chỉ.

Bảng 11.2.4. Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành Sư phạm Địa lý

Khóa học	Số SV tốt nghiệp sau thời gian		Thời gian tốt nghiệp trung bình *(năm)*
	4 năm	Trên 4 năm	
2016 - 2010	22	0	4
2017 - 2021	2	0	4
2018 -2022	5	0	4
2019 - 2023	1	1	4,5
2023 - 2024	9	1	4,5

Thông qua việc theo dõi thời gian nhập học đối chiếu với thời gian tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CN SPĐL được xác lập như chỉ ra trong Bảng 11.1.4 [H11.11.02.04]. Số liệu thu được cho thấy, giai đoạn năm 2019 - 2024, hầu hết SV

tốt nghiệp đúng hạn (hoàn thành chương trình học trong 4 năm), tỷ lệ SV tốt nghiệp chậm (sau 1 năm) so với đúng hạn trung bình là 4,9%. Trong đó, năm 2023 có 01 SV K60 tốt nghiệp không đúng hạn do còn nợ học phần Thể chất 1, năm 2024 còn 1 SV K61 chưa tốt nghiệp do trước đó bị tai nạn dẫn tới không hoàn thiện kịp học phần thực tập sư phạm, còn lại các SV đều có thời gian tốt nghiệp chỉ 4,0 năm.

Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CN SPĐL với một số ngành đào tạo khác trong Trường cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CNSPĐL đều tương đương với thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm) của sinh viên các môn sư phạm Ngữ văn, sư phạm Lịch sử. (Bảng 11.2.5) (H11.11.02.04; H11.11.02.05).

Bảng 11.2.5. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm)

CTĐT	Thời gian tốt nghiệp trung bình vào năm				
	2020	2021	2022	2023	2024
Sư phạm Địa lý	4	4	4	4,5	4,5
Sư phạm Ngữ Văn	4	4	4	4	4,5
Sư phạm Lịch sử	4	4	4	4,5	4,5

Như vậy có thể thấy, mặc dù không có SV tốt nghiệp sớm nhưng đa số SV tốt nghiệp đúng hạn nên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CN SPĐL khá tốt, kết quả này cho thấy sự hiệu quả trong công tác hỗ trợ của CVHT, ưu điểm của phần mềm quản lý đào tạo - hệ thống giúp SV kiểm soát được kế hoạch học tập. Kết quả về tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp được thống kê, phân tích trong các báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa Địa lý hay các cuộc họp thường kỳ nhằm thảo luận các giải pháp để SV tốt nghiệp đúng hạn hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp của SV. Theo đó, để tốt nghiệp được SV cần hoàn thành đầy đủ số lượng TC của chương trình CN SPĐL theo quy định trong quy chế đào tạo, trong khi việc sắp xếp các môn học thường theo các kỳ học, môn học sau cần có điều kiện tiên quyết là môn học trước, số lượng các học phần được tổ chức học trong học kì 3 của chuyên ngành còn hạn chế; đặc biệt việc thực tập sư phạm của SV được tiến hành tập trung vào kì 2 của năm cuối cùng khiến việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp của SV gặp khó khăn. Do đó, các giải pháp được Khoa đưa ra tập trung vào việc đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn như: Tư vấn để SV tăng cường và bổ sung số lượng TC cần tích lũy thông qua việc đăng ký học học kỳ 3; Giám sát chặt chẽ tiến trình học tập của SV đặc biệt là SV bị cảnh báo học tập; Tạo nhóm trong lớp để hỗ trợ nhau về phương pháp học tập... [H11.11.01.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ kế hoạch học tập của SV, do đó thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành CN SPĐL được xác lập và giám sát. Khoa có hệ thống CVHT sát sao và luôn sẵn sàng hỗ trợ cho SV trong việc lên kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cá nhân giúp giảm số lượng SV tốt nghiệp muộn từ đó giảm thời gian tốt nghiệp trung bình.

3. Điểm tồn tại

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV có xu hướng tăng trong năm học gần nhất là 2023 - 2024.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thiết kế CTĐT hợp lý; Tăng số lượng các môn học chuyên ngành trong học kì 3 để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thực hiện thêm việc đối sánh về thời gian tốt nghiệp để phục vụ việc cải tiến CTĐT.	Bộ môn Địa lý; P. Đào tạo,	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát kế hoạch học tập của SV thông qua việc liên hệ chặt chẽ giữa CVHT, Trợ lý Khoa và SV.	P. Đào tạo	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Công tác chính trị và Quản lý người học có nhiệm vụ điều tra tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Việc khảo sát tình hình việc làm của SV được Nhà trường thực hiện từ năm 2016 theo công văn số 4806/BGDĐT-GDĐH của Bộ GD&ĐT. Cụ thể, Nhà trường đã tổ chức khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp 23 ngành đào tạo của trường tính từ năm 2012 đến 2016. Từ năm 2017, việc khảo sát được Phòng Công tác chính trị và Quản lý người học tiến hành thường niên theo quy trình gồm 8 bước: (1) Lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc; (2) Xây dựng phiếu điều tra, chọn mẫu khảo sát; (3) Thực hiện điều tra; (4) Nhập, tổng hợp và xử lý dữ liệu; (5) Phân tích dữ liệu, lập đồ thị, biểu bảng số liệu; (6) Viết báo cáo; (7) Thẩm định và duyệt báo cáo; (8) Báo cáo Bộ GD&ĐT

và đăng trên website của Trường. Trong đó, ở bước 3, việc thực hiện điều tra có sự kết hợp và hỗ trợ của cán bộ trợ lý và các CVHT ở Khoa. Dựa trên các phiếu phản hồi của người học sau tốt nghiệp, Khoa sẽ tập hợp và gửi Phòng Công tác chính trị và Quản lý người học để phân tích kết quả [H11.11.03.01].

Căn cứ trên kết quả tổng hợp được, Phòng Công tác chính trị và Quản lý người học sẽ lập báo cáo tình hình việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp [H11.11.03.02]. Báo cáo này là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành, để các Khoa cải tiến CTĐT và có các biện pháp hỗ trợ SV tìm việc làm. Các mẫu phiếu khảo sát được điều chỉnh theo các năm nhằm nâng cao hiệu quả của việc điều tra [H11.11.03.01]. Cụ thể, Phiếu khảo sát thực hiện năm 2016 và 2017 ở mục "Tình trạng việc làm" chỉ điều tra việc người tốt nghiệp có việc làm; chưa có việc làm và đang đi học nâng cao hay chưa có việc làm. Tuy nhiên, từ năm 2018, "Tình hình việc làm của SV" đã được cụ thể hóa thành 3 nội dung: (1) Đang đi làm gồm: Đúng ngành, Liên quan đến ngành đào tạo và Không liên quan đến ngành đào tạo; (2) Tiếp tục học và (3) Chưa có việc làm. Việc thay đổi này giúp Khoa và Bộ môn có cái nhìn chính xác hơn về tình hình việc làm của SV ngành nghề mình đào tạo.

Bảng 11.3.1. Thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành CN SPĐL giai đoạn 2019 - 2024

Khoá học	Số SV tốt nghiệp	Số SV phản hồi	Tình hình việc làm					Tỉ lệ SV có việc làm/tổng số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV có việc làm liên quan đến CTĐT/tổng số SV tốt nghiệp
			Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo	Tiếp tục học	Chưa có việc làm		
2015-2019	48	47	8	1	38	0	0	97,92	18,75
2016-2020	19	19	6	0	13	0	0	100	31,58
2017-2021	7	7	2	4	1	0	0	100	85,71
2018-2022	5	5	4	0	1	0	0	100	80,00
2019-2023	2	2	1	1	1	0	0	100	50,00
Tổng	**81**	**80**	**21**	**6**	**54**	**0**	**0**	**Trung bình 99,58**	**Trung bình 53,21**

Bảng 11.3.2. Thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành CN SPĐL theo khu vực việc làm giai đoạn 2019 - 2024

Khoá học	Số SV tốt nghiệp	Số SV phản hồi	Khu vực việc làm				Tỉ lệ SV có việc làm khu vực Nhà nước/tổng số SV tốt nghiệp
			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
2015-2019	48	47	9	37	0	1	18,75
2016-2020	19	19	6	11	2	0	31,58
2017-2021	7	7	3	3	1	0	42,86
2018-2022	5	5	5	0	0	0	100
2019 - 2023	2	2	1	0	1	0	50
Tổng	**81**	**80**	**24**	**51**	**4**	**1**	**Trung bình 48,64**

Kết quả tổng hợp cho thấy tỷ lệ sinh viên ngành sư phạm Địa lý ra trường có việc làm rất cao, gần 99,6 % số sinh viên tốt nghiệp. Tỉ lệ sinh viên ra trường làm đúng ngành chiếm khoảng 53% trong nhóm những sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, tỷ lệ số sinh viên chưa có việc làm rất thấp và gần như không có. Tuy nhiên, số lượng sinh viên có việc làm nhưng không làm việc liên quan đến ngành đào tạo còn cao, đặc biệt với những sinh viên Địa lý khoá tốt nghiệp năm 2019 (trên 80%) và khoá tốt nghiệp năm 2020 (gần 70%), tỷ lệ này có xu hướng giảm mạnh vào năm 2021 và 2022.

Theo khu vực làm việc thì tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp làm việc trong các cơ quan Nhà nước trung bình là 48,6%. Tỉ lệ này đạt cao nhất, 100% với khoá tốt nghiệp năm 2022 và thấp nhất là 18,75% với khoá tốt nghiệp năm 2019. Sinh viên tốt nghiệp năm 2019 phần lớn sau khi học xong chủ yếu lựa chọn làm việc trong các khu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng, chỉ có số ít làm việc trong khu vực Nhà nước liên quan đến ngành được đào tạo.

Một điều thuận lợi là trong quá trình điều tra, số lượng SV tốt nghiệp phản hồi khi nhận được phiếu điều tra rất cao, điều này thuận lợi cho việc thống kê, lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp. Các khóa đều có tỷ lệ sinh viên phản hồi là 100%, chỉ có duy nhất 01 sinh viên tốt nghiệp năm 2019 không phản hồi [H11.11.03.01].

Bên cạnh đó, hàng năm dựa trên Báo cáo tổng kết về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp của Phòng Công tác chính trị và Quản lý người học, Bộ môn đã tiến hành đối sánh với kết quả điều tra của các ngành đào tạo khác trong Khoa nhằm đưa ra các biện pháp nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.46] (Bảng 11.3.3).

Bảng 11.3.3. Đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành CN SPĐL với các CTĐT khác trong giai đoạn 2019 - 2023

Khóa học	Tỉ lệ % SV có việc làm/tổng SV tốt nghiệp		
	CTĐT đào tạo được đánh giá	**CTĐT ngành Sư phạm Ngữ văn**	**CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử**
2015 - 2019	97,92	71,15	82,46
2016 - 2020	100	57,14	100
2017 - 2021	100	78,26	100
2018 - 2022	100	55,56	66,67
Trung bình	99,48	65,53	87,28

Kết quả đối sánh tổng hợp ở bảng 11.3.3 cho thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành CN SPĐL có việc làm luôn cao hơn ngành Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Ngữ văn ở các năm trong giai đoạn 2019 - 2023. Tỉ lệ % SV có việc làm/tổng SV tốt nghiệp của ngành Sư phạm Địa lý trung bình là 99,48%, trong khi của Sư phạm Lịch sử là 87,28%, Sư phạm Ngữ văn 65,53%.

Để tạo cơ hội cho SV năm cuối tìm kiếm việc làm cũng như tăng tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, hàng năm Nhà trường tiến hành tổ chức Ngày hội việc làm với sự tham gia phối hợp của nhiều phòng ban (như Phòng Công tác chính trị - Quản lý người học, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế toán - Tài chính, Phòng Đào tạo, Phòng Quản trị cơ sở vật chất), các Khoa, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên [H11.11.03.05].

Về phía Khoa, dựa trên kết quả điều tra về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp và đối sánh giữa các ngành đào tạo trong Khoa, Khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ SV có việc làm trong các cuộc họp Khoa với các CVHT và cán bộ quản lý SV. Kết quả tìm hiểu cho thấy nguyên nhân SV chưa tìm được việc làm thường là: địa phương không có đợt tuyển dụng giáo viên hoặc có đợt tuyển dụng nhưng chỉ tiêu rất ít; không có, không biết thông tin tuyển dụng; người học đã đi dạy hợp đồng nhưng lương thấp nên nghỉ để tìm kiếm công việc khác,... [H11.11.03.03]. Dựa trên các nguyên nhân này, Khoa đã đưa ra và thực hiện một số giải pháp như: Xin ý kiến

các trường phổ thông về chất lượng nhân lực được đào tạo từ khoa để từ đó nâng cao chất lượng đào tạo; Giới thiệu đến người học các đơn vị đang có nhu cầu tuyển dụng thông qua các kênh thông tin trực tuyến như Website của khoa, Fanpage của khoa, kênh thông tin của Liên chi đoàn, hay trực tiếp qua điện thoại và kênh của cựu sinh viên trường và của khoa (https://www.facebook.com/groups/311874549873082) và (https://www.facebook.com/groups/2109656142612259). Bên cạnh đó, các CVHT và cán bộ quản lý SV được yêu cầu giữ liên lạc thường xuyên với SV tốt nghiệp nhằm tìm hiểu về tình trạng việc làm, vị trí việc làm cũng như nguyên nhân của chưa có việc làm của SV sau tốt nghiệp để có thể hỗ trợ cho người học một cách kịp thời.

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp cùng Khoa liên hệ thường xuyên với người tốt nghiệp, hoạt động điều tra tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện hàng năm, với số lượng SV phản hồi đông đảo. Thông tin giới thiệu việc làm được cập nhật thường xuyên trên các phương tiện như Websites của Khoa, của Trường hay các kênh thông tin của Liên chi đoàn nhằm hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV có việc làm còn chưa ổn định, vẫn còn một tỷ lệ khá cao SV làm việc không liên quan đến ngành được đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hoạt động tư vấn tìm kiếm việc làm, tập huấn các kỹ năng mềm cho SV năm cuối trong hoạt động phỏng vấn, viết đơn xin việc; đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động Ngày hội việc làm. Phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ quản lý SV và CVHT trong việc khảo sát tình hình việc làm của SV.	Phòng CTCT-QLNH, Khoa KHXH, CVHT.	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động liên kết các các nhà tuyển dụng (các trường phổ thông, viện nghiên cứu, …) để đưa thông tin tuyển dụng đến SV nhanh và hiệu quả hơn. Duy trì việc kết nối với SV sau tốt nghiệp.	Phòng CTCT-QLNH, Khoa KHXH, CVHT.	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển KHCN trong đó có hoạt động NCKH cho người học; có bộ phận theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, có quy định về NCKH SV cũng như nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của người học. Trường cũng đã có những quy định cụ thể về tài chính và khen thưởng nhằm hỗ trợ, động viên, khuyến khích SV tham gia và có thành tích cao trong hoạt động NCKH [H11.11.04.01].

Để trang bị kỹ năng NCKH cho SV, từ những học kỳ đầu trong, SV Địa lý đã được trang bị kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng tìm kiếm tài liệu, thiết kế báo cáo, vận dụng trí tuệ nhân tạo… trong học tập và nghiên cứu môn học thông qua học phần Công nghệ số. Bên cạnh đó, SV còn được tham gia học phần phương pháp NCKH, Phương pháp nghiên cứu Khoa học Địa lý, các học phần chuyên ngành cũng góp phần thúc đẩy SV NCKH bằng cách áp dụng các phương pháp đánh giá qua bài tập lớn, tiểu luận, đồ án với yêu cầu thực hiện một hay một phần của nghiên cứu giúp người học hình thành và rèn luyện kĩ năng NCKH.

Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế là đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch và triển khai hoạt động SV NCKH. Dựa trên kế hoạch được phê duyệt, Khoa gửi thông báo đến các Bộ môn, từ đó các Bộ môn triển khai nội dung NCKH cụ thể cho người học, phù hợp với hướng nghiên cứu của Bộ môn. Bộ môn cũng chỉ ra các lĩnh vực, nội dung nghiên cứu được ưu tiên hỗ trợ về tài liệu, cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như kinh phí thực hiện. Bộ môn Địa lý thường khuyến khích gắn đề tài cấp cơ sở của giảng viên với đề tài NCKH của SV hoặc kết hợp đề tài NCKH của SV với các chuyến thực địa. Các hướng nghiên cứu của sinh viên thường tập trung vào là khoa học xã hội và khoa học giáo dục. Những SV đam mê NCKH và đủ điều kiện về kết quả học tập sẽ lựa chọn và đăng ký vào các Bộ môn tương ứng với hướng nghiên cứu theo nguyện vọng [H11.11.04.02]. Thống kê ở Bảng 11.4.1 cho thấy, SV Địa lý chủ yếu tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp trường, không tham gia các hình thức khác như khởi nghiệp, Olympic…

Bảng 11.4.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

CTĐT ngành CNSPĐL giai đoạn 2019 - 2023

TT	Nội dung	Năm học				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số đề tài NCKH	0	1	3	2	1
2	Tổng số SV tham gia làm đề tài	0	1	10	6	3
3	Tỷ lệ SV tham gia NCKH/tổng số SV *(%)*	0	4,3	26,3	13,0	5,1
4	Kinh phí hoạt động TB/năm *(triệu đồng)*	0,0	1,5	4,5	3,0	1,5

Hoạt động NCKH của SV được quản lý trực tiếp bởi GV hướng dẫn, Bộ môn nơi SV thực hiện đề tài, Khoa và Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế thông qua các buổi báo cáo tiến độ nghiên cứu [H11.11.04.04]. Dựa trên báo cáo, các bên quản lý sẽ nắm bắt được tiến độ thực hiện đề tài của sinh viên; những khó khăn, vướng mắc sinh viên đang gặp phải để kịp thời hỗ trợ và xử lý. Đồng thời, hàng năm Bộ môn sẽ lựa chọn các SV có kết quả nghiên cứu tốt để gửi báo cáo tham gia Hội nghị NCKH cấp Trường [H11.11.04.04]. Hội nghị SV NCKH được tổ chức thường niên nhằm tổng kết hiệu quả của hoạt động NCKH đồng thời tuyển chọn các đề tài có chất lượng gửi đi tham dự các Hội nghị hoặc cuộc thi trong nước như giải thưởng SV NCKH Eureka. Khi tham gia Hội nghị, SV đồng thời được rèn luyện khả năng báo cáo và viết bài báo khoa học. Các đề tài NCKH của SV sau khi chỉnh sửa hoàn thiện theo các góp ý của Hội đồng nghiệm thu sẽ gửi báo cáo tổng kết và các sản phẩm khác về thư viện trường. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích cho các SV có đam mê nghiên cứu, đồng thời cũng là động lực thúc đẩy các bạn SV tìm tòi, nghiên cứu để hướng đến việc công bố kết quả nghiên cứu của mình. Kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H11.11.04.03].

Trong 5 năm gần đây, tỷ lệ SV ngành Sư phạm Địa lý tham gia vào hoạt động NCKH ở cấp Khoa tương đối thấp. Năm học 2019 - 2020, một phần do ảnh hưởng của đại dịch Covid, một phần do số lượng SV quá ít nên bộ môn không có SV nào đăng ký làm đề tài NCKH, các năm học sau dao động từ 1-3 đề tài/năm học với số SV tham gia trong 1 đề tài từ 1 - 4 SV. (Bảng 11.4.1) [H11.11.04.02]. So sánh với 2 ngành đào tạo khác trong khoa thì số lượng đề tài và số lượng SV thực hiện đề tài NCKH cấp trường cũng nhỉnh hơn một chút, nhất là 2 năm học gần đây (Bảng 11.4.2) [H11.11.04.05]. Tuy nhiên, kết quả thống

kê cho thấy tỷ lệ SV được giải thưởng rất thấp, trong 5 năm học gần đây đều không có đề tài SV đạt giải thưởng trong Hội nghị NCKH cấp Trường và các cấp cao hơn.

Bảng 11.4.2. Đối sánh số lượng đề tài và số lượng SV làm đề tài NCKH cấp trường của ngành CN SPĐL với các CTĐT khác trong giai đoạn 2019 - 2024

Năm học	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023- 2024
Số đề tài NCKH					
Sư phạm Địa lý	0	1	3	2	1
Sư phạm Lịch sử	2	1	1	0	2
Sư phạm Ngữ văn	4	1	1	1	9
Tổng số SV tham gia làm đề tài					
Sư phạm Địa lý	0	1	10	6	3
Sư phạm Lịch sử	6	1	1	0	5
Sư phạm Ngữ văn	7	1	1	1	34

Ngoài tham gia Hội nghị NCKH cấp Trường và giải thưởng SV NCKH Eureka, tính hiệu quả trong hoạt động NCKH của SV ngành CN SPĐL cũng như hoạt động đầu tư cho NCKH của Khoa và Nhà trường còn được minh chứng rõ ràng trong việc tham gia của SV vào các công bố khoa học cùng thầy cô hướng dẫn. Kết quả thống kê cho thấy, từ năm 2019 đến nay, đã có 5 SV có tên trong 2 bài báo được công bố trên các tạp chí Khoa học uy tín ở trong nước. Kết quả này cho thấy sự nỗ lực của SV và sự hướng dẫn nhiệt tình của các thầy cô trong Bộ môn Địa lý.

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên nâng cao cả về chất lượng và số lượng, Bộ môn vẫn tiếp tục khuyến khích gắn đề tài cấp cơ sở của giảng viên với đề tài NCKH của SV hoặc kết hợp đề tài NCKH của SV với các chuyến thực địa. Còn trong các kế hoạch chiến lược của Nhà trường trong trong các năm tiếp theo, Nhà trường vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp khuyến khích phong trào SV NCKH như khen thưởng, cộng điểm vào tổng điểm cuối khoá, tăng kinh phí hỗ trợ đề tài NCKH của SV từ 500.000đ/đề tài trước năm 2019 lên 1.500.000đ/đề tài hiện nay...

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Số đề tài và tỷ lệ SV tham gia hoạt động NCKH những năm gần đây có xu hướng tăng dần lên.

3. *Điểm tồn tại*

Không có SV nhận được giải thưởng khoa học cấp Trường, cấp Bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Cần tăng cường chất lượng nghiên cứu của SV dựa trên việc tăng thời gian thực hiện, tăng kinh phí và các hoạt động hỗ trợ từ Khoa và Nhà trường	Phòng KHCN&HTQT, Khoa KHXH	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục khuyến khích gắn đề tài cấp cơ sở của giảng viên với đề tài NCKH của SV hoặc kết hợp đề tài NCKH của SV với các chuyến thực địa. - Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH như các Hội nghị, giải thưởng…	Phòng KHCN&HTQT, Khoa KHXH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Mức độ hài lòng của tất cả các đối tượng có liên quan là thước đo vô cùng quan trọng với chất lượng đào tạo. Với mục tiêu xây dựng và điều chỉnh CTDH theo hướng đáp ứng yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động, Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra pháp chế được thành lập theo quyết định số 56/QĐ- ĐHTB ngày 20/01/2020 trên cơ sở hợp nhất Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục và Phòng Thanh tra - Pháp chế. Nhiệm vụ Quản lý chất lượng và Thanh tra - Pháp chế là chức năng chính của đơn vị, trong đó nhiệm vụ thường trực, điều phối Hệ thống Bảo đảm chất lượng nội bộ và quản lý Hệ thống thông tin Đảm bảo chất lượng nội bộ là nhiệm vụ trọng tâm. Trung tâm có nhiệm vụ khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, cựu người học, nhà tuyển dụng. Đồng thời, Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra pháp chế cũng được giao chủ trì và làm nòng cốt trong việc xây dựng các công cụ và tổ chức thực

hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường. Theo đó, Phòng đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.01]. Hàng năm, bằng cách sử dụng các công cụ khảo sát là phỏng vấn, bảng hỏi và phiếu khảo sát (online/offline), Phòng đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi về các vấn đề: (1) Ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; (2) Ý kiến phản hồi của người học và giảng viên về chương trình đào tạo; (3) Ý kiến phản hồi của cán bộ giảng viên và người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ của các phòng, ban, trung tâm thuộc Trường; (4) Ý kiến phản hồi của cựu người học về tình hình việc làm và nhu cầu bậc học cao hơn; (5) Ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cơ quan, doanh nghiệp, chuyên gia. Các ý kiến sau khi thu thập sẽ được Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra pháp chế xử lý, phân tích kết quả, báo cáo tổng hợp và cuối cùng là phổ biến đến các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng [H11.11.05.02].

Ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên: Theo báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong học phần học kỳ II năm 2023-2024, kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy trong 21 tiêu chuẩn giữa các giảng viên của các Khoa, các ngành không có sự khác biệt lớn, giảng viên được khảo sát có kết quả phản hồi tốt. Trong đó, Khoa Khoa học Xã hội có ý kiến phản hồi tốt nhất, các tiêu chuẩn giảng viên đạt được tương đối đều [H11.11.05.02]. Kết luận chung cho thấy, lĩnh vực nội dung dạy học và phương pháp dạy học là 2 nội dung có tỷ lệ SV hài lòng thấp nhất. Kết quả này chỉ ra rằng, các thầy cô cần nỗ lực cải thiện, cập nhật về nội dung dạy học và đổi mới hình thức và phương pháp dạy học để cải tiến chương trình và chất lượng đào tạo.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của việc cải tiến chất lượng CTĐT, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động, cũng như đánh giá chính xác mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT; đồng thời phục vụ cho hoạt động điều chỉnh, cập nhật CTĐT, năm 2020, Bộ môn Địa lý đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về nội dung CTĐT Cử nhân Sư phạm Địa lý, với số lượng thu được là 34 Giảng viên/Cán bộ quản lý, 30 Nhà sử dụng lao động/Cựu sinh viên và 29 sinh viên đang học tập tại Khoa. Kết quả thu được từ các bên liên quan cho thấy, hầu hết các nội dung về CĐR và cấu trúc CTĐT đều được đánh giá đồng ý với tỷ lệ trên 70%. Tuy nhiên, nội dung về CĐR và đào tạo ngoại ngữ và CNTT tại Trường chưa được sự đồng ý cao từ các bên liên quan. Vì vậy, Bộ môn cần xem xét và có những điều chỉnh hợp lý đối với nội dung này. Khảo sát cũng đã thu được 66 ý kiến (Giảng viên/Cán bộ quản lý: 34 ý kiến; Nhà sử dụng lao động/Cựu sinh viên: 9 ý kiến; Sinh viên: 23 ý kiến) đóng góp thêm của các bên liên quan về những nội dung đào tạo mà Bộ môn cần bổ sung, điều chỉnh để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.05.02].

Nhà trường cũng tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ của các phòng, ban, trung tâm thuộc Trường nhằm mục đích cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của Nhà trường về: các điều kiện hỗ trợ học tập, sinh hoạt, các công tác đảm bảo chế độ chính sách - xã hội, kí túc xá, chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện trong học tập, phong trào Đoàn, Hội, thể dục thể thao, đảm bảo an toàn trong khuôn viên Nhà trường… Theo báo cáo sơ bộ kết quả khảo sát hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học năm học 2019 - 2020 thì trên 85% SV đều phản hồi ở mức độ hài lòng và rất hài lòng về chất lượng dịch vụ hỗ trợ của các phòng, ban, trung tâm thuộc Trường… [H11.11.05.03].

Ngoài việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại, gặp mặt để trực tiếp lắng nghe ý kiến của người học và cán bộ, GV trong Trường. Cụ thể, hoạt động giao lưu giữa Lãnh đạo Nhà trường với đại biểu SV, học viên được tổ chức thường niên với những nội dung đối thoại bám sát với nhu cầu được trao đổi của người học như: Công tác đào tạo, công tác NCKH, công tác học sinh-SV, cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt của SV,… [H11.11.05.01]. Bên cạnh đó, đầu năm học, hội nghị đại biểu cán bộ, công chức, viên chức cũng được tổ chức từ cấp Khoa đến cấp Trường nhằm tổng kết các hoạt động của năm học trước, thông qua nhiệm vụ của năm học mới và lắng nghe, trao đổi nguyện vọng của cán bộ, viên chức với Lãnh đạo hướng đến việc xây dựng, phát triển Khoa và Trường.

Dựa trên việc khai thác, xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh thông qua các báo cáo kết quả lấy ý kiến hàng năm, Nhà trường đã nỗ lực tiến hành cải tiến chất lượng CTĐT thông qua điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình dạy học và NCKH trên cơ sở đầu tư trang thiết bị máy móc, tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy và NCKH. Việc kiểm kê tài sản cũng được thực hiện hàng năm nhằm kịp thời bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị.

Bên cạnh đó, Khoa đã đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, thông qua việc giao cho các Bộ môn, tổ chức Đoàn thanh niên thiết kế các nội dung tọa đàm, seminar hay một số cuộc thi liên quan đến việc nâng cao kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng ứng dụng CNTT hay kỹ năng mềm cho sinh viên. Ví dụ các cuộc thi về nâng cao kĩ năng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm như hội thi nghiệp vụ sư phạm và các cuộc thi nâng cao hiểu biết như: Olympic Địa lý [H3.03.01.02]. Các hoạt động này được xây dựng và đổi mới hàng năm dựa trên phản hồi của SV nhằm rèn luyện và ứng dụng tốt các kỹ năng nghề nghiệp trên nền tảng các kiến thức chuyên môn đã được tiếp cận trong CTĐT.

2. *Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống các đơn vị chuyên trách, có quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Vì vậy mức độ hài lòng của các bên liên

quan được xác lập, giám sát và đối sánh. Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ cải tiến CTĐT và NCKH được thực hiện thường niên, có cải tiến dựa trên phản hồi của SV, GV.

3. Điểm tồn tại

Các báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan còn hạn chế, không kịp thời và đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Kịp thời hoàn thiện các báo cáo khảo sát sau khi nhận được kết quả phản hồi của các bên liên quan.	Phòng BĐCL & TTPC	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, CĐR của SV, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV, nhà tuyển dụng về các vấn đề liên quan đến CTĐT; hoàn thiện phiếu lấy ý kiến, mở rộng hình thức lấy ý kiến.	Phòng BĐCL & TTPC	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý học tập cùng các CVHT, trợ lý Khoa Khoa học Xã hội và hoạt động giám sát chung của Nhà trường, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV được giám sát chặt chẽ. Sau khi tốt nghiệp, Khoa và Nhà trường vẫn giữ liên lạc thường xuyên với người học nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm, đồng thời có các hình thức hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp. Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Qua đó, thu hút được đông đảo SV tham gia NCKH. Song song với các hoạt động này, Nhà trường đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, nhà tuyển dụng. Thông qua các Báo cáo phản hồi, Nhà trường, Khoa và Bộ môn đưa ra các kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, tỷ lệ SV thôi học vẫn còn cao, không có SV tốt nghiệp trước hạn, tỷ lệ SV tham gia NCKH và số lượng SV được giải thưởng cấp cao còn thấp. Việc thu thập thông tin về tình hình việc làm cho thấy, đa số các năm điều tra, tỷ lệ SV có việc làm khá cao (trên 84%) nhưng tỷ lệ SV làm các công việc không liên quan đến chuyên ngành đào

tạo cũng còn lớn. Ngoài ra, chất lượng SV sau tốt nghiệp đã được phản hồi bởi các nhà tuyển dụng, tuy nhiên, việc thu thập ý kiến này mới được tiến hành trong năm gần đây.

Đánh giá tiêu chuẩn 11:

+ Điểm trung bình đạt được: 4,4

+ Số tiêu chí đạt: 5/5

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Điểm mạnh và điểm cần phát huy (theo từng tiêu chuẩn):

Tiêu chuẩn 1 (Mục tiêu và chuẩn đầu ra): CTĐT xác định mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của Trường ĐH Tây Bắc, chú trọng phát triển toàn diện sinh viên. CĐR đầy đủ, có thể đo lường. Tuy nhiên, cần phân định rõ hơn mức độ yêu cầu của một số tiêu chí, bổ sung chuẩn đầu ra về kỹ năng công nghệ số, GIS và tinh thần khởi nghiệp.

Tiêu chuẩn 2 (Bản mô tả CTĐT): Bản mô tả chi tiết, cập nhật, thể hiện rõ sự liên kết giữa lý thuyết và thực hành. Cần bổ sung chi tiết hơn về các hoạt động thực hành, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp và làm rõ các kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng số.

Tiêu chuẩn 3 (Cấu trúc và nội dung): Cấu trúc hợp lý, nội dung đảm bảo tính liên kết giữa các môn học. Cần tăng cường hoạt động thực hành, nghiên cứu thực tế và chú trọng hơn đến các môn địa lý ứng dụng, nghiên cứu môi trường.

Tiêu chuẩn 4 (Phương pháp dạy và học): CTĐT áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, phát triển năng lực tự học và tư duy phản biện. Cần mở rộng ứng dụng GIS, phần mềm mô phỏng, công cụ học trực tuyến và tăng cường hợp tác giữa sinh viên - giảng viên.

Tiêu chuẩn 5 (Đánh giá kết quả học tập): Hệ thống đánh giá rõ ràng, kết hợp đánh giá quá trình và cuối kỳ. Cần làm rõ hơn các chỉ số đánh giá (PI), đặc biệt là các kỹ năng mềm, kỹ năng nghiên cứu và làm việc nhóm. Bổ sung công cụ đánh giá toàn diện.

Tiêu chuẩn 6 (Đội ngũ giảng viên): Giảng viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm. Cần bồi dưỡng thêm về phương pháp giảng dạy hiện đại, đặc biệt trong lĩnh vực học trực tuyến, công nghệ giáo dục, GIS và ứng dụng công nghệ.

Tiêu chuẩn 7 (Đội ngũ nhân viên): Nhân viên có chuyên môn tốt. Cần tăng cường đào tạo về kỹ năng hỗ trợ học tập, quản lý sinh viên và tư vấn nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 8 (Người học và hỗ trợ): Hoạt động hỗ trợ đa dạng, giúp sinh viên phát triển toàn diện. Cần mở rộng các chương trình phát triển kỹ năng mềm, khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học và hoạt động ngoại khóa.

Tiêu chuẩn 9 (Cơ sở vật chất): Cơ sở vật chất hiện đại. Cần tiếp tục đầu tư phần mềm chuyên ngành, hệ thống máy tính cấu hình cao và công nghệ mới.

Tiêu chuẩn 10 (Nâng cao chất lượng): Trường có hệ thống đánh giá và cải tiến chất lượng. Cần xây dựng chương trình phát triển nghề nghiệp, khởi nghiệp, hướng nghiệp và cải tiến công cụ đánh giá chất lượng.

Tiêu chuẩn 11 (Kết quả đầu ra): Kết quả đầu ra được theo dõi chặt chẽ, tỷ lệ việc làm cao. Cần phát triển mạng lưới kết nối nghề nghiệp.

2. Tồn tại và vấn đề cần cải tiến (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn):

Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 5: Một số tiêu chí chuẩn đầu ra, nội dung thực hành, nghiên cứu và chỉ số đánh giá còn chung chung, thiếu cụ thể.

Tiêu chuẩn 4, 6, 7, 9: Ứng dụng công nghệ, phương pháp giảng dạy hiện đại và kỹ năng hỗ trợ người học cần được tăng cường.

Tiêu chuẩn 8, 10, 11: Các hoạt động hỗ trợ, chương trình phát triển nghề nghiệp và mạng lưới kết nối cần được mở rộng và phát triển.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng (theo từng tiêu chuẩn):

Tiêu chuẩn 1: Rà soát, điều chỉnh tiêu chí đo lường chuẩn đầu ra; bổ sung chuẩn đầu ra về kỹ năng số, GIS, khởi nghiệp; lấy ý kiến các bên liên quan.

Tiêu chuẩn 2: Cập nhật, bổ sung chi tiết hoạt động thực hành, nghiên cứu, khởi nghiệp; làm rõ kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng số.

Tiêu chuẩn 3: Tăng cường hoạt động thực hành, nghiên cứu thực tế; phát triển môn địa lý ứng dụng, nghiên cứu môi trường; mở rộng học phần tự chọn.

Tiêu chuẩn 4: Mở rộng ứng dụng GIS, phần mềm mô phỏng, công cụ trực tuyến; khuyến khích hợp tác giảng viên - sinh viên.

Tiêu chuẩn 5: Cải tiến chỉ số đánh giá (PI); tích hợp công cụ đánh giá kỹ năng mềm, kỹ năng số.

Tiêu chuẩn 6: Đào tạo giảng viên về phương pháp hiện đại, GIS, công nghệ giáo dục; khuyến khích tham gia nghiên cứu, trao đổi học thuật.

Tiêu chuẩn 7: Đào tạo nhân viên về kỹ năng hỗ trợ học tập, quản lý, tư vấn.

Tiêu chuẩn 8: Mở rộng hoạt động hỗ trợ, phát triển kỹ năng mềm, khởi nghiệp, nghiên cứu; tăng cường hoạt động ngoại khóa.

Tiêu chuẩn 9: Đầu tư phần mềm chuyên ngành, máy tính cấu hình cao, công nghệ mới.

Tiêu chuẩn 10: Xây dựng chương trình phát triển nghề nghiệp, khởi nghiệp, hướng nghiệp; cải tiến công cụ đánh giá.

Tiêu chuẩn 11: Phát triển mạng lưới kết nối nghề nghiệp; tạo cơ hội thực tập.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

4.1. Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: **Trường ĐHTB**

Mã: **TTB**

Tên CTĐT: **Sư phạm Địa lý**

Mã CTĐT:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	**Thang đánh giá**							**Tổng hợp theo tiêu chuẩn**		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4,00	3	100%
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								4,00	3	100%
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						

Tiêu chuẩn 5								4,60	5	100%
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6								4,30	7	100%
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4,40	5	100%
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8								4,60	5	100%
Tiêu chí 8.1						6				
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,60	5	100%

Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								4,30	6	100%
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11								4,60	5	100%
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								**4,90**	**50**	**100%**

Ghi chú: Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí. Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

4.2. Phụ lục 6b. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(theo Thông tư số 23/2011/TT-BGDĐT, Thông tư số 49/2012/TT-BGDĐT, Thông tư số 33/2014/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: **Trường ĐHTB**

Mã: **TTB**

Tên CTĐT: **Sư phạm Địa lý**

Mã CTĐT:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	**Kết quả đánh giá**		**Tổng hợp theo tiêu chuẩn**	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1			3	100%
Tiêu chí 1.1	Đ			
Tiêu chí 1.2	Đ			
Tiêu chí 1.3	Đ			
Tiêu chuẩn 2			3	100%
Tiêu chí 2.1	Đ			
Tiêu chí 2.2	Đ			
Tiêu chí 2.3	Đ			
Tiêu chuẩn 3			3	100%
Tiêu chí 3.1	Đ			
Tiêu chí 3.3	Đ			
Tiêu chí 3.3	Đ			
Tiêu chuẩn 4			3	100%
Tiêu chí 4.1	Đ			
Tiêu chí 4.2	Đ			
Tiêu chí 4.3	Đ			
Tiêu chuẩn 5			5	100%
Tiêu chí 5.1	Đ			

Tiêu chí 5.2	Đ			
Tiêu chí 5.3	Đ			
Tiêu chí 5.4	Đ			
Tiêu chí 5.5	Đ			
Tiêu chuẩn 6			7	100%
Tiêu chí 6.1	Đ			
Tiêu chí 6.2	Đ			
Tiêu chí 6.3	Đ			
Tiêu chí 6.4	Đ			
Tiêu chí 6.5	Đ			
Tiêu chí 6.6	Đ			
Tiêu chí 6.7	Đ			
Tiêu chuẩn 7			5	100%
Tiêu chí 7.1	Đ			
Tiêu chí 7.2	Đ			
Tiêu chí 7.3	Đ			
Tiêu chí 7.4	Đ			
Tiêu chí 7.5	Đ			

Tiêu chuẩn 8			5	100%
Tiêu chí 8.1	Đ			
Tiêu chí 8.2	Đ			
Tiêu chí 8.3	Đ			
Tiêu chí 8.4	Đ			
Tiêu chí 8.5	Đ			
Tiêu chuẩn 9			5	100%
Tiêu chí 9.1	Đ			
Tiêu chí 9.2	Đ			
Tiêu chí 9.3	Đ			
Tiêu chí 9.4	Đ			
Tiêu chí 9.5	Đ			
Tiêu chuẩn 10			6	100%
Tiêu chí 10.1	Đ			
Tiêu chí 10.2	Đ			
Tiêu chí 10.3	Đ			
Tiêu chí 10.4	Đ			
Tiêu chí 10.5	Đ			
Tiêu chí 10.6	Đ			
Tiêu chuẩn 11			5	100%
Tiêu chí 11.1	Đ			
Tiêu chí 11.2	Đ			
Tiêu chí 11.3	Đ			
Tiêu chí 11.4	Đ			
Tiêu chí 11.5	Đ			
Đánh giá chung CTĐT: Đ			50	100%

Ghi chú:

- Ghi mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt;
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Sơn La, ngày 23 tháng 12 năm 2024

KT.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đỗ Hồng Đức

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (theo Phụ lục 7 CV số 2085)

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/7/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường ĐHTB

Tiếng Anh: Tay Bac University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHTB

Tiếng Anh: TBU

3. Tên trước đây (nếu có): Không

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Đường Chu Văn An, tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (+08) 2123751700; Fax: 02123751701

E-mail: contact@utb.edu.vn; Website: https://utb.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): năm 2001 theo Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ban hành ngày 23/3/2001.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2002

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2006

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Khoa học Xã hội

Tiếng Anh: Faculty of Social Science

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa KHXH

Tiếng Anh: FSS

14. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt: Khoa Sử - Địa

Tiếng Anh: Không

15. Mã CTĐT: 7140218

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không.

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phòng 506, nhà A, Trường ĐHTB, đường Chu Văn An, tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

18. Số điện thoại liên hệ: 02123751700; Email: k.khxh@utb.edu.vn; Website: https://fss.utb.edu.vn

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): năm 2019 theo Quyết định số 597/QĐ-ĐHTB ngày 08/8/2019

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2003

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2007

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về Địa lý phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

2.2.1. Về Khoa KHXH

Khoa KHXH chính thức được thành lập vào ngày 8 tháng 8 năm 2019 bởi Quyết định số 597/QĐ-ĐHTB trên cơ sở sáp nhập Khoa Ngữ văn và Khoa Sử - Địa. Khoa KHXH gồm có 03 Bộ môn là: Bộ môn Ngữ văn; Bộ môn Địa lý; Bộ môn Địa lý.

Về tổng số ngành đào tạo và chương trình đào tạo, tính đến tháng 7 năm 2024, các ngành đào tạo của Khoa gồm:

- Sư phạm Ngữ văn (Mã ngành:7140213), đào tạo từ 2002 đến nay.

- Sư phạm Lịch sử (Mã ngành: 7140218), đào tạo từ 2003 đến nay.

- Sư phạm Địa lý (Mã ngành: 7140219), đào tạo từ 2004 đến nay.

- Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam (Mã ngành: 8220102), đào tạo từ 2013 đến nay.

Bên cạnh đó, Khoa KHXH còn thực hiện các chương trình đào tạo liên thông đại học, cao đẳng hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học, đào tạo Tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào của toàn Trường và tham gia giảng dạy các môn Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý cho Trường TH, THCS&THPT Chu Văn An của Trường ĐHTB. Hiện nay, Khoa KHXH đang xúc tiến xây dựng đề án mở ngành đào tạo sư phạm trình độ đại học chuyên ngành Lịch sử - Địa lý và đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ Sư phạm Địa lý.

Về cơ cấu tổ chức, Khoa KHXH có cơ cấu tổ chức gồm: Chi bộ Khoa (01 Bí thư, 01 Phó Bí thư và 01 Ủy viên); Ban Chủ nhiệm Khoa (01 Trưởng khoa và 02 Phó Trưởng khoa), Hội đồng Khoa KHXH (01 Chủ tịch và 08 Ủy viên); 03 Bộ môn là Bộ môn Ngữ Văn, Bộ môn Lịch sử, Bộ môn Địa lý; Công đoàn Bộ phận Khoa; Liên chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khoa KHXH.

Về đội ngũ, tính đến tháng 7 năm 2024, Khoa KHXH có 28 giảng viên cơ hữu (gồm 02 Giảng viên cao cấp, 14 Giảng viên chính và 12 giảng viên) đều có trình độ cao, cụ thể: 02 Phó Giáo sư, 15 Tiến sĩ, 10 Thạc sĩ và 01 Nghiên cứu sinh (NCS) đang làm luận án tiến sĩ tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Khoa KHXH còn có 06 giảng viên kiêm nhiệm (05 Tiến sĩ và 01 Thạc sĩ) tham gia công tác giảng dạy các học phần chuyên ngành SPĐL, SP Ngữ văn và SP Địa lý.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, đội ngũ các giảng viên của Khoa KHXH đã triển khai nhiều đề tài cấp cơ sở, cấp tỉnh và cấp Bộ, biên soạn hàng chục đầu giáo trình nội bộ, xuất bản hàng chục đầu giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, các giảng viên còn nghiên cứu và công bố hàng trăm bài báo khoa học trên tạp chí khoa học của Trường ĐHTB và các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước, tham gia viết bài cho các hội thảo quốc gia và quốc tế.

Về hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng, Khoa KHXH là một trong những khoa đi đầu của Trường ĐHTB thực hiện mạnh mẽ hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Khoa đều cử giảng viên tham gia hỗ trợ, bồi dưỡng kiến thức cho giáo viên phổ thông trên địa bàn tỉnh Sơn La, kết nối và hỗ trợ Bảo tàng tỉnh Sơn La trong các hoạt động quảng bá, trải nghiệm thực tế.

Trải qua bề dày 64 năm xây dựng và phát triển, đặc biệt 23 năm thực hiện đào tạo cử nhân trình độ đại học, đến nay, Khoa KHHX đã cung cấp hàng nghìn cử nhân sư phạm trình độ đại học cho khu vực Tây Bắc và cả nước.

2.2.2. Về Bộ môn Địa lý và CTĐT ngành SPĐL

a. Về Bộ môn Địa lý

Bộ môn Địa lý của Khoa KHXH được thành lập theo Quyết định số 786/QĐ-ĐHTB, ngày 4/9/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB. Hiện nay, Bộ môn Địa lý có tổng số 8 giảng viên cơ hữu (02 giảng viên kiêm nhiệm). Bộ môn có 01 PGS.TS; 06 TS; 03 ThS.

b. Về CTĐT ngành SPĐL

CTĐT ngành SPĐL trình độ đại học đang được thực hiện của Trường ĐHTB được ban hành theo Quyết định số 989/QĐ-ĐHTB ngày 12/9/2022 trên cơ sở tổng rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của CTGDPT môn Địa lý do Bộ GD&ĐT ban hành năm 2018.

CTĐT ngành SPĐL hiện hành gồm những phần nội dung cụ thể sau: Thông tin tổng quát về CTĐT ngành SPĐL; Triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng; Mục tiêu và CĐR của CTĐT; Cấu trúc và Nội dung của CTĐT; Quy trình đào tạo và cách thức, công cụ đánh giá; Đội ngũ giảng dạy và cơ sở vật chất; Mô tả tóm tắt các học phần của CTĐT; Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT; Hướng dẫn thực hiện CTĐT; Đánh giá, cập nhật và cải tiến CTĐT. CTĐT ngành SPĐL được tổ chức đào tạo trong 04 năm với 08 học kỳ. Sự mềm dẻo và độ mở của CTĐT ngành SPĐL thể hiện ở việc cho phép người học sau khi học và thi xong đạt yêu cầu được phép đăng ký tham gia học kỳ phụ để giảm hoặc rút gọn quá trình học tập.

Để hoàn thành CTĐT và được xét tốt nghiệp, người học cần đảm bảo đủ các điều kiện: Hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của CTĐT với tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 136 tín chỉ và điểm trung bình tích lũy từ 2,00 trở lên tính theo hệ 4; Hoàn thành chứng chỉ của các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh và đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.

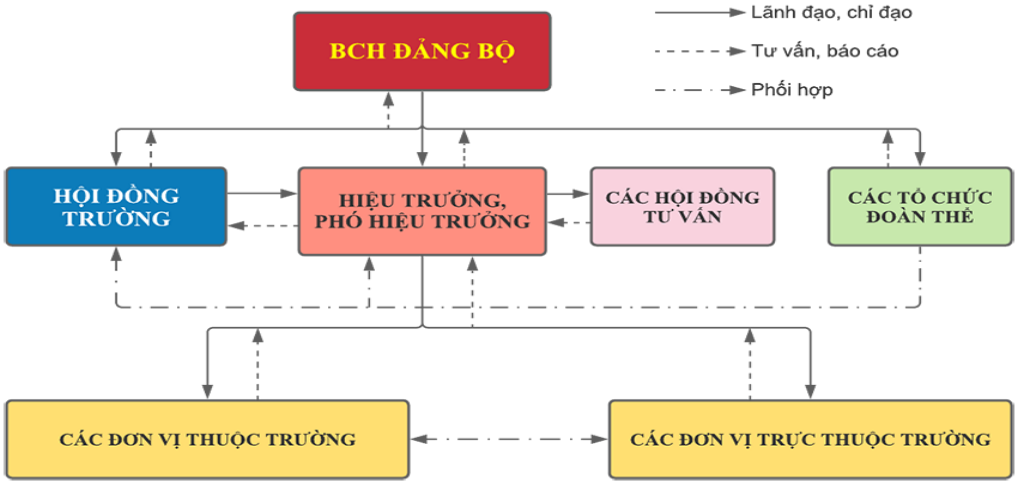

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	**Các bộ phận**	**Họ và tên**	**Năm sinh**	**Học vị, chức danh, chức vụ**	**Điện thoại**	**Email**
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
	Đảng bộ Trường ĐHTB	Nguyễn Thị Lan Anh	TS	1981	0912714472	lananhnt @utb.edu.vn
1	Hội đồng Trường ĐHTB	Nguyễn Tú Anh				
2	Ban Giám hiệu Trường ĐHTB	Đỗ Hồng Đức	1967	TS	0982143838	Ducdh @utb.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	***Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị***					
1	Trưởng Khoa	Đặng Thị Hồng Liên	1980	TS	0986386150	Danghonglien @utb.edu.vn
2	Phó Trưởng khoa	Bùi Mạnh Thắng	1983	TS	0972784010	buithang @utb.edu.vn
3	Phó Trưởng khoa	Phạm Anh Tuân	1980	PGS.TS	0912869751	phamtuan@utb.edu.vn
II.	***Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội***					
1	Chi Bộ Khoa KHXH	Đặng Thị Hồng Liên	1980	TS	0986386150	Danghonglien @utb.edu.vn
2	Công đoàn Khoa KHXH	Hoàng Thị Thanh Giang	1985	TS	0985259786	hoangthanhgiang @utb.edu.vn
3	Đoàn TNCS HCM Khoa KHXH	Dương Thị Vân Anh	1985	ThS		
III.	***Các phòng, ban***					

1	Phòng Đào tạo	Vũ Việt Hùng	PGS.TS			
2	Phòng Tổ chức – Hành chính	Vũ Mạnh Cường	TS	1979	0917000345	cuongvm @utb.edu.vn
3	Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra pháp chế	Nguyễn Duy Hiếu	TS	1983	0972782203	hieund @utb.edu.vn
4	Phòng Công tác chính trị - Quản lý người học	Dương Văn Mạnh	TS	1977	0912711650	manhdv @utb.edu.vn
5	Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Thị Lan Anh	TS	1981	0912714472	lananhnt @utb.edu.vn
6	Phòng Kế toán – Tài chính	Đoàn Thanh Hải	TS	1982	0774379299	doanthanhhaikt @utb.edu.vn
7	Phòng Quản trị Cơ sở vật chất	Hà Văn Niệm	ThS	1981	0868668838	niemha82 @utb.edu.vn
8	Ban Quản lý Khu nội trú	Vũ Tiến Thuận	ThS	1986	0977320210	thuanvt @utb.edu.vn
9	Trung tâm Thông tin – Thư viện	Trần Anh Dũng	ThS	1967	0977314167	dungta @utb.edu.vn
10	Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm	Vì Xuân Thủy	TS	1984	0983484171	xuanthuy @utb.edu.vn
11	Trung tâm Nghiên cứu văn hóa các dân tộc Tây Bắc	Lường Hoài Thanh	TS	1981	0989883078	hoaithanhtbt @utb.edu.vn
12	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Dương Xuân Lượng	TS	1977	0966733334	luongqpan @utb.edu.vn
13	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ	Phạm Đức Viễn	TS	1977	0917518688	vienpd @utb.edu.vn
14	Trạm Y tế	Tạ Văn Phương	ThS	1990	0919866838	phuongtv @utb.edu.vn

IV.	***Các bộ môn***					
1	Trưởng Bộ môn Ngữ Văn	Trần Thị Lan Anh	TS	1979	0868668698	lananhtt @utb.edu.vn
2	Trưởng Bộ môn Lịch sử	Dương Hà Hiếu	TS	1979	0915513031	duonghahieu @utb.edu.vn
3	Trưởng Bộ môn Địa lý	Phạm Anh Tuân	PGS.TS	1980	0912869751	phamtuan @utb.edu.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01.

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0.

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☒	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☒	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03 ngành trình độ đại học, 01 ngành trình độ thạc sĩ.

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Đội ngũ cơ hữu**[1] *Trong đó:*	**2**	**8**	**10**
I.1	Đội ngũ trong biên chế	1	9	10
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	**Các đối tượng khác** Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng[2])	0	0	0
	Tổng số	1	9	**10**

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn[3] trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		

1 Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

2Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khóa học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

3Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	1	1				
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	6	6	0	1	0	0
5	Thạc sĩ	3	3	0	1	0	0
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	**10**	**9**	**0**	**2**	**0**	**0**

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 10 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 90%.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)*.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	0,0
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2,0	7	6	0	1	0	0	12,6
5	Thạc sĩ	1,0	3	3	0	0	0	0	3,0
6	Đại học	0,3							
	Tổng		**10**	**9**	**0**	**1**	**0**	**0**	**15,6**

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60

1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0,00							
2	Phó Giáo sư	0	0,00							
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00							
4	Tiến sĩ	7	70,00	2	5	0	2	5	0	0
5	Thạc sĩ	3	30,00	0	3	0	2	1	0	0
6	Đại học	0	0,00							
	Tổng	**10**	**100%**	**2**	**8**	**0**	**4**	**6**	**0**	**0**

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 7 tiến sĩ /10 giáo viên cơ hữu = 70%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 3 thạc sĩ /10 giáo viên cơ hữu = 30%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	**Tần suất sử dụng**	**Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học**	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	5%	90%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	55%	10%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	30%	0%

4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10%	0%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0%	0%
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020		10		4	18/30		0
2020-2021		20		7	18,5/30		0
2021-2022		20		18	19/30		0
2022-2023		15		12	26,3/30		0
2023-2024		20		17	27,4/30		0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
3. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	4 (K60)	7 (K61)	20 (K62)	12 (K63)	17 (K64)
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác …	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0%	0%	0%	0%	0%

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m^2)	24.992	24.992	24.992	24.992	24.992
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m^2/người)					

42. Số lượng và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học:

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên					

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					03

Trong đó:					
Hệ chính quy	5 (K57)	12 (K58)	03 (K59)	02 (K60)	03 (K61)
Hệ không chính quy	0	0	0	0	
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác…	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	**Năm tốt nghiệp**				
	2019-2020	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**	**2023-2024**
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	5 (K57)	12 (K58)	03 (K59)	02 (K60)	02 (K61)
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).					
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					

A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này □ chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này □ điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời *không* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này □ chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này □ điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					

4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này □ chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này □ điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	**Phân loại đề tài**		**Số lượng**

		Hệ số**	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0,0
2	Đề tài cấp Bộ/ Tỉnh*	1,0	2	0	0	0	1	3,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	4	2	1	6	3	8,0
	Tổng		**6**	**2**	**1**	**6**	**3**	**11,0**

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.*

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số đề tài quy đổi: 11,0 điểm/19 đề tài.

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1,1 điểm (11,0 điểm/10 cán bộ cơ hữu).

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2019 - 2020	600	0	60
2	2020 - 2021	0	0	0
3	2021 - 2022	7	0	7
4	2022 - 2023	27	0	2.7
5	2023 - 2024	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	4	11	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	**0**	**11**	**19**	

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	1	1	1	0	6,0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	1	12	19,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	2	1	1	4,0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0,0
	Tổng		**0**	**1**	**3**	**3**	**13**	**29,5**

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 29,5 điểm.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,95 điểm (29,5 điểm/10 cán bộ cơ hữu)

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	**Sách giáo trình**	**Sách tham khảo**	**Sách hướng dẫn**
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	7	7	0
Tổng số cán bộ tham gia	**1**	**10**	**3**	**0**

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2019-2020	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**	**2023-2024**	**Tổng (đã quy đổi)**
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5		1	1		1	4,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	4	7	4	7	9	31,0
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	0,5	6	2	8	4	4	12,0
	Tổng		**10**	**10**	**13**	**11**	**14**	**47,5**

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 47,5 điểm.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,75 điểm (47,5 điểm/ 10 cán bộ cơ hữu).

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	**Nơi đăng**		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,…)	**Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước**	**Tạp chí/ tập san cấp trường**
Từ 1 đến 5 bài báo	5	0	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	24	17
Tổng số cán bộ tham gia	**7**	**10**	**6**

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	**Phân loại hội thảo**	**Hệ số****	**Số lượng**					
			2019-2020	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**	**2023-2024**	**Tổng (đã quy đổi)**
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	0	0	0	1	3,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	7	12	6	12	24	30,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	0	0	0	1	0,5
	Tổng		**10**	**12**	**6**	**12**	**26**	**34,0**

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 34,0 điểm.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,4 điểm (34,0 điểm/ 10 cán bộ cơ hữu)

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	**Cấp hội thảo**		
	Hội thảo quốc tế	**Hội thảo trong nước**	**Hội thảo ở trường**
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	0	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	64	0
Tổng số cán bộ tham gia	**2**	**22**	**0**

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	**Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)**
2019 - 2020	0
2020 - 2021	0
2021 - 2022	0
2022 - 2023	0
2023 - 2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	6	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	**0**	**0**	**9**	

***** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	1	1	0	2

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m^2): 343.847

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m^2): 233.524

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m^2):

Nơi làm việc: ..... Nơi học: .....Nơi vui chơi giải trí: .....

59. Diện tích phòng học (tính bằng m^2)

- Tổng diện tích phòng học: 10.269

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện:

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng:

- Dùng cho người học học tập:

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy:

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 10

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 90%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 70%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 30%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người):

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên:

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,1 điểm (11,0 điểm/10 cán bộ cơ hữu).

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 6,97 triệu/ cán bộ cơ hữu (69,7 triệu/ 10 cán bộ cơ hữu).

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,95 điểm (29,5 điểm/10 cán bộ cơ hữu).

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,75 điểm (47,5 điểm/ 10 cán bộ cơ hữu).

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,4 điểm (34,0 điểm/ 10 cán bộ cơ hữu)

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy:

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan

Phụ lục 1. Quyết định về việc thành lập Hội đồng TĐG CTĐT ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1499/QĐ-ĐHTB

Sơn La, ngày 19 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/06/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23/03/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các phòng, ban, khoa; giám đốc các trung tâm thuộc và trực thuộc; Chủ tịch Công đoàn cơ sở; Bí thư Đoàn trường; Chủ tịch Hội sinh viên và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: BĐCL&TTPC.

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đỗ Hồng Đức

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ

(Kèm theo Quyết định số 1101/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2023)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Đỗ Hồng Đức	Phó Hiệu trưởng, Phụ trách Trường	Chủ tịch
2	TS. Hoàng Ngọc Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	TS. Đặng Thị Hồng Liên	Trưởng khoa KHXH	Phó Chủ tịch
4	PGS. TS. Phạm Anh Tuân	Trưởng Bộ môn Địa lý, Khoa KHXH	Thư ký
5	TS. Khổng Cát Cương	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	TS. Vũ Mạnh Cường	Trưởng phòng TC-HC, Thư ký Hội đồng Trường, Chủ tịch CĐCS	Thành viên
7	TS. Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng KHCN&HTQT	Thành viên
8	TS. Nguyễn Duy Hiếu	Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
9	ThS. Lê Thị Bích Hảo	Phó Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thành viên
10	TS. Dương Văn Mạnh	Trưởng phòng CTCT-QLNH	Thành viên
11	ThS. Hà Văn Niệm	Trưởng phòng QTCSVC	Thành viên
12	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng Bộ môn Địa lý, Khoa KHXH	Thành viên
13	Nguyễn Thị Phương Thảo	Sinh viên lớp K64 Đại học Sư phạm Địa lý, Khoa KHXH	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 1409/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2023)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS. TS. Phạm Anh Tuân	Trưởng Bộ môn Địa lý	Trưởng Ban thư ký
2	TS. Đào Thị Bích Ngọc	Phó Trưởng phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
3	TS. Hoàng Thị Thanh Giang	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
4	TS. Trần Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
5	TS. Đặng Thị Nhuần	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
6	TS. Lê Thị Thu Hòa	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Thị Huệ	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
8	ThS. Tòng Thị Quỳnh Hương	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
9	ThS. Bùi Thị Hoa Mận	Giảng viên, Phòng KHCN&HTQT	Thành viên
10	ThS. Nguyễn Thị Mỹ	Chuyên viên phòng TC-HC	Thành viên
11	ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
12	ThS. Trịnh Thị Hoàn	Chuyên viên Trung tâm TT-TV	Thành viên
13	ThS. Dương Thị Ngọc Hà	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
14	ThS. Hà Anh Tuấn	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
15	ThS. Hoàng Thị Mão	Chuyên viên phòng KHCN&HTQT	Thành viên
16	ThS. Hoàng Thị Huế	Chuyên viên phòng QTCSVC	Thành viên
17	ThS. Giàng A Tụa	Chuyên viên phòng CTCT&QLNH	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 1828/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2023)

TT	Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	PGS. TS. Phạm Anh Tuấn	Trưởng Bộ môn Địa lý	Nhóm trưởng
		TS. Khổng Cát Cương	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
		TS. Hoàng Thị Thanh Giang	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		TS. Đào Thị Bích Ngọc	Phó Trưởng phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
		ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 2	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	PGS. TS. Phạm Anh Tuấn	Trưởng Bộ môn Địa lý	Nhóm trưởng
		TS. Khổng Cát Cương	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
		TS. Hoàng Thị Thanh Giang	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		TS. Trần Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 3	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng Bộ môn Địa lý	Nhóm trưởng
		TS. Đào Thị Bích Ngọc	Phó Trưởng phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
		TS. Trần Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Giàng A Tụa	Chuyên viên phòng CTCT&QLNH	Thành viên
		Nguyễn Thị Phương Thảo	Sinh viên	Thành viên
Nhóm 4	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	TS. Đặng Thị Hồng Liên	Trưởng khoa KHXH	Nhóm trưởng
		TS. Lê Thị Thu Hòa	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Bùi Thị Hoa Mận	Giảng viên, Phòng KHCN&HTQT	Thành viên
		ThS. Hoàng Thị Mão	Chuyên viên phòng KHCN&HTQT	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Mỹ	Chuyên viên phòng TC-HC	Thành viên
Nhóm 5	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng Bộ môn Địa lý	Nhóm trưởng

	trang thiết bị	TS. Đặng Thị Nhuần	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Tòng Thị Quỳnh Hương	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Trịnh Thị Hoàn	Chuyên viên Trung tâm TT-TV	Thành viên
		ThS. Hoàng Thị Huế	Chuyên viên phòng QTCSVC	Thành viên
Nhóm 6	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	TS. Đặng Thị Hồng Liên	Trưởng khoa KHXH	Nhóm trưởng
		ThS. Tòng Thị Quỳnh Hương	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Huệ	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Dương Thị Ngọc Hà	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
		ThS. Hà Anh Tuấn	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên

Phụ lục 2: Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Số: 149 /KH-ĐHTB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 29 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, GIAI ĐOẠN 2019-2024

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm Địa lý và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016, trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2024.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu sau đây:

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

- Kế hoạch 1763/KH-ĐHTB ngày 04/12/2023 về triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo năm học 2023-2024 của Trường Đại học Tây Bắc.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá (TĐG) chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học được thành lập theo Quyết định số 1319/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc, Hội đồng gồm có 13 thành viên.

Danh sách hội đồng tự đánh giá:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Đỗ Hồng Đức	Phó Hiệu trưởng, Phụ trách Trường	Chủ tịch
2	TS. Hoàng Ngọc Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	TS. Đặng Thị Hồng Liên	Trưởng khoa KHXH	Phó Chủ tịch
4	PGS. TS. Phạm Anh Tuân	Trưởng Bộ môn Địa lý, Khoa KHXH	Thư ký
5	TS. Khổng Cát Cương	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	TS. Vũ Mạnh Cường	Trưởng phòng TC-HC, Thư ký Hội đồng Trường, Chủ tịch CĐCS	Thành viên
7	TS. Nguyễn Thị Lan Anh	Trưởng phòng KHCN&HTQT	Thành viên
8	TS. Nguyễn Duy Hiếu	Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
9	ThS. Lê Thị Bích Hảo	Phó Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thành viên
10	TS. Dương Văn Mạnh	Trưởng phòng CTCT-QLNH	Thành viên
11	ThS. Hà Văn Niệm	Trưởng phòng QTCSVC	Thành viên
12	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng Bộ môn Địa lý, Khoa KHXH	Thành viên
13	Nguyễn Thị Phương Thảo	Sinh viên lớp K64 Đại học Sư phạm Địa lý, Khoa KHXH	Thành viên

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

a. Ban thư ký

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS. TS. Phạm Anh Tuân	Trưởng Bộ môn Địa lý	Trưởng Ban thư ký
2	TS. Đào Thị Bích Ngọc	Phó Trưởng phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
3	TS. Hoàng Thị Thanh Giang	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
4	TS. Trần Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
5	TS. Đặng Thị Nhuần	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
6	TS. Lê Thị Thu Hòa	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Thị Huệ	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
8	ThS. Tòng Thị Quỳnh Hương	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS. TS. Phạm Anh Tuân	Trưởng Bộ môn Địa lý	Trưởng Ban thư ký
2	TS. Đào Thị Bích Ngọc	Phó Trưởng phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
3	TS. Hoàng Thị Thanh Giang	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
4	TS. Trần Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
5	TS. Đặng Thị Nhuần	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
6	TS. Lê Thị Thu Hòa	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
9	ThS. Bùi Thị Hoa Mận	Giảng viên, Phòng KHCN&HTQT	Thành viên
10	ThS. Nguyễn Thị Mỹ	Chuyên viên phòng TC-HC	Thành viên
11	ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
12	ThS. Trịnh Thị Hoàn	Chuyên viên Trung tâm TT-TV	Thành viên
13	ThS. Dương Thị Ngọc Hà	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
14	ThS. Hà Anh Tuấn	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
15	ThS. Hoàng Thị Mão	Chuyên viên phòng KHCN&HTQT	Thành viên
16	ThS. Hoàng Thị Huế	Chuyên viên phòng QTCSVC	Thành viên
17	ThS. Giàng A Tụa	Chuyên viên phòng CTCT&QLNH	Thành viên

b. Các nhóm công tác chuyên trách

TT	Tiêu chuẩn phụ trách	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	PGS. TS. Phạm Anh Tuân	Trưởng Bộ môn Địa lý	Nhóm trưởng
		TS. Khổng Cát Cương	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
		TS. Hoàng Thị Thanh Giang	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		TS. Đào Thị Bích Ngọc	Phó Trưởng phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
		ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 2	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học Tiêu chuẩn 4: Phương pháp	PGS. TS. Phạm Anh Tuân	Trưởng Bộ môn Địa lý	Nhóm trưởng
		TS. Khổng Cát Cương	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
		TS. Hoàng Thị Thanh Giang	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên

	tiếp cận trong dạy và học	TS. Trần Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Nguyễn Tây Sơn	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
Nhóm 3	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng Bộ môn Địa lý	Nhóm trưởng
		TS. Đào Thị Bích Ngọc	Phó Trưởng phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
		TS. Trần Thị Thanh Hà	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Giàng A Tụa	Chuyên viên phòng CTCT&QLNH	Thành viên
		Nguyễn Thị Phương Thảo	Sinh viên	Thành viên
Nhóm 4	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	TS. Đặng Thị Hồng Liên	Trưởng khoa KHXH	Nhóm trưởng
		TS. Lê Thị Thu Hòa	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Bùi Thị Hoa Mận	Giảng viên, Phòng KHCN&HTQT	Thành viên
		ThS. Hoàng Thị Mão	Chuyên viên phòng KHCN&HTQT	Thành viên
		ThS. Nguyễn Thị Mỹ	Chuyên viên phòng TC-HC	Thành viên
Nhóm 5	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phó Trưởng Bộ môn Địa lý	Nhóm trưởng
		TS. Đặng Thị Nhuần	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Tòng Thị Quỳnh Hương	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Trịnh Thị Hoàn	Chuyên viên Trung tâm TT-TV	Thành viên
		ThS. Hoàng Thị Huế	Chuyên viên phòng QTCSVC	Thành viên
Nhóm 6	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng Tiêu chuẩn 11:	TS. Đặng Thị Hồng Liên	Trưởng khoa KHXH	Nhóm trưởng
		ThS. Tòng Thị Quỳnh Hương	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên

	Kết quả đầu ra	ThS. Nguyễn Thị Huệ	Giảng viên Bộ môn Địa lý	Thành viên
		ThS. Dương Thị Ngọc Hà	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên
		ThS. Hà Anh Tuấn	Chuyên viên phòng BĐCL&TTPC	Thành viên

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký:

- Trưởng Ban thư ký:

+ Viết phần "Khái quát" và "Kết luận" của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học, giai đoạn 2019-2024.

+ Chịu trách nhiệm biên tập, tổng hợp các báo cáo từ các Trưởng nhóm công tác chuyên trách về các tiêu chuẩn thành bản dự thảo Báo cáo và chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo.

+ Lập Kế hoạch hoạt động của Hội đồng theo phân công của Chủ tịch hội đồng, thay mặt Chủ tịch Hội đồng giám sát toàn bộ quá trình thực hiện Kế hoạch của các thành viên trong Hội đồng và trong các Nhóm công tác chuyên trách.

- Thư ký thành viên là thành viên trong các nhóm công tác chuyên trách:

+ Chịu trách nhiệm viết Biên bản các cuộc họp của Nhóm công tác chuyên trách triển khai các nội dung công việc trong quá trình diễn ra hoạt động tự đánh giá tiêu chuẩn, tiêu chí.

+ Thực hiện các nội dung công việc do Trưởng nhóm phân công.

+ Phối hợp với Trưởng Ban thư ký triển khai các nội dung công việc tới các Nhóm công tác chuyên trách.

b) Các nhóm công tác, cá nhân (Có thể bao gồm: các thành viên trong Hội đồng TĐG, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, ...)

- Nhóm trưởng trong các Nhóm công tác chuyên trách:

+ Lên kế hoạch điều hành, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong nhóm tìm kiếm, sưu tầm và tập hợp các minh chứng phục vụ cho công tác viết báo cáo về các tiêu chuẩn, tiêu chí nhóm phụ trách.

+ Chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra minh chứng đầy đủ phục vụ đánh giá tiêu chuẩn, tiêu chí mà nhóm phụ trách. Tổng hợp, biên tập các báo cáo tiêu chí và viết báo cáo tiêu chuẩn nhóm phụ trách.

+ Báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng hoặc Thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Địa lý trình độ đại học những khó khăn Nhóm công tác chuyên trách gặp phải để Hội đồng kịp thời tìm cách giải quyết, khắc phục.

- Thành viên nhóm công tác chuyên trách:

+ Thực hiện sự lãnh đạo điều hành, phân công công việc của Trưởng nhóm trong quá trình tìm kiếm, sưu tầm và tập hợp các minh chứng phục vụ cho công tác viết báo cáo về các tiêu chuẩn, tiêu chí nhóm phụ trách.

+ Chịu trách nhiệm viết báo cáo các tiêu chí của tiêu chuẩn do Trưởng nhóm công tác chuyên trách phân công.

+ Báo cáo Trưởng nhóm những khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công để nhanh chóng tìm cách giải quyết, khắc phục.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	**Phần I. KHÁI QUÁT**	Trưởng Ban Thư ký HĐ		
2	1. Đặt vấn đề	Trưởng Ban Thư ký HĐ	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
3	2. Tổng quan chung	Trưởng Ban Thư ký HĐ	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
4	**Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**	Các nhóm CTCT		
5	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Nhóm CTCT 1	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
6	Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	Nhóm CTCT 1	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
7	Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm CTCT 2	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
8	Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Nhóm CTCT 2	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
9	Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm CTCT 3	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
10	Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm CTCT 4	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
11	Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	Nhóm CTCT 4	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
12	Tiêu chuẩn 8. Người học	Nhóm CTCT 3	Thực hiện và hoàn	

	và hoạt động hỗ trợ người học		thành trước ngày 7/7/2024.	
13	Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm CTCT 5	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
14	Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	Nhóm CTCT 6	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
15	Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	Nhóm CTCT 6	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
16	**Phần III. KẾT LUẬN**	Trưởng Ban Thư ký HĐ	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	
17	**Phần IV. PHỤ LỤC**	Các nhóm CTCT	Thực hiện và hoàn thành trước ngày 7/7/2024.	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Đối với Bộ môn Địa lý

- Thời gian: ít nhất 1 lần/ 1 tuần.

- Nội dung: thảo luận về phương pháp thu thập, lưu trữ và sử dụng minh chứng; phương pháp phân tích yêu cầu tiêu chí, viết báo cáo tự đánh giá.

- Thành phần: giảng viên thuộc Bộ môn, khách mời (nếu có).

- Chế độ báo cáo: báo cáo bằng văn bản tới Trưởng khoa kèm theo đầy đủ minh chứng bao gồm kế hoạch, báo cáo tổng hợp, các báo cáo tập huấn, hình ảnh của buổi tập huấn.

2. Đối với Khoa KHXH

- Thời gian: ít nhất 1 lần/ 1 tháng.

- Nội dung: thảo luận về các tiêu chuẩn theo hướng dẫn tự đánh giá CTĐT; phương pháp thu thập, xử lý, lưu trữ minh chứng; phương pháp viết báo cáo tự đánh giá.

- Thành phần: giảng viên thuộc Khoa (thuộc các hội đồng tự đánh giá, ban thư ký), khách mời (nếu có).

- Chế độ báo cáo: báo cáo bằng văn bản tới Hiệu trưởng qua Phòng BĐCL&TTPC kèm theo đầy đủ minh chứng bao gồm kế hoạch, báo cáo tổng hợp, các báo cáo tập huấn, hình ảnh của buổi tập huấn (bao gồm cả các báo cáo của các bộ môn trực thuộc).

3. Đối với Trường Đại học Tây Bắc

- Tập huấn chung về nghiệp vụ tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Thời gian: đã thực hiện ngày 23/12/2023, có thể tập huấn bổ sung dựa trên

nhu cầu thực tế (có kế hoạch tập huấn cụ thể).

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

1. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực chính thực hiện quá trình tự đánh giá bao gồm các thành viên hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách. Tùy theo tình hình và yêu cầu thực tế khi triển khai, HĐTĐG lập phương án huy động nguồn nhân sự từ các đơn vị (Phòng, Ban, Khoa, Trung tâm) trong Trường.

Các nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá CTĐT chịu trách nhiệm chính về thu thập thông tin, minh chứng; tiến hành tự đánh giá các tiêu chí và tiêu chuẩn theo quy trình nghiệp vụ; xây dựng báo cáo tự đánh giá đối với CTĐT được phân công theo đúng tiến độ thời gian của Kế hoạch này.

Các đơn vị trong toàn Trường, cán bộ, chuyên viên, giảng viên, nhân viên và sinh viên của Trường có trách nhiệm cung cấp minh chứng và các thông tin đầy đủ, trung thực theo yêu cầu của các nhóm CTCT trong quá trình tự đánh giá đối với các thông tin, minh chứng thuộc lĩnh vực hoạt động do đơn vị phụ trách.

Toàn bộ nhân sự của Trường có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo Báo cáo tự đánh giá và các nội dung khác theo quy định.

Phòng Tổ chức - Hành chính là đầu mối thực hiện huy động nhân sự theo đề xuất của Hội đồng tự đánh giá.

Phòng BĐCL&TTPC phối hợp với phòng KT-TC tham mưu, tư vấn Hiệu trưởng xây dựng dự toán kinh phí và thực hiện công tác thanh, quyết toán công tác tự đánh giá CTĐT theo quy định.

2. Cơ sở vật chất

Huy động cơ sở vật chất hiện có của Nhà trường phục vụ quá trình tự đánh giá. Nếu thấy cần thiết Hội đồng tự đánh giá lập phương án huy động thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc tập trung, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Tài chính

Các hoạt động cần phải huy động kinh phí bao gồm: Kinh phí khoán chi để bồi dưỡng thù lao cho công tác tự đánh giá của Hội đồng và Ban thư kí; kinh phí mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ in ấn, thu thập, lưu trữ, số hóa và bảo quản minh chứng; tổ chức tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá CTĐT... thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

4. Chế độ hỗ trợ

Giảng viên thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT được hỗ trợ giờ chuẩn tính vào nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 theo quy định của Nhà trường.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài Nhà trường

- Các nguồn thông tin cần nghiên cứu, rà soát để hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá. Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên

trách xây dựng chi tiết kế hoạch thu thập thông tin từ bên ngoài (nếu cần). Kế hoạch phải thể hiện rõ loại thông tin cần thu thập, nguồn cung cấp thông tin, thời gian thực hiện.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

- Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá nếu có nhu cầu và được Hiệu trưởng nhất trí thì xây dựng kế hoạch thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá. Kế hoạch phải xác định rõ những lĩnh vực, hoạt động cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian cần thuê chuyên gia.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 - 2 (từ 08/01/2024 đến 21/01/2024)	1. Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 3 - 4 (từ 22/01/2024 đến 25/02/2024)	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 5 - 8 (từ 26/02/2024 đến 24/3/2024)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.

Thời gian	Nội dung hoạt động
	4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 15 **Tuần 5 - 8** **(từ 25/3/2024 đến 12/5/2024)**	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 **(từ 13/5/2024 đến 19/5/2024)**	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17-18 **(từ 20/5/2024 đến 02/6/2024)**	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, … để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 **(từ 03/6/2024 đến 23/6/2024)**	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, …) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, …. đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 22-23 **(từ 24/6/2024 đến 07/7/2024)**	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 24 **(từ 08/7/2024 đến 14/7/2024)**	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ GDĐT. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

***Nơi nhận*:**
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị (để th/h);
- Lưu: VT, BĐCL&TTPC.

KT. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đỗ Hồng Đức